

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA

<NGÀNH KẾ TOÁN>

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KẾ TOÁN TỔNG HỢP VIỆT - ANH

<KHOA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ>

2023

MỤC LỤC

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TIÊU CHUẨN AUN-QA.....	1
PHẦN I: GIỚI THIỆU	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá.....	1
1.2. Giới thiệu về Trường Đại học Giao thông Vận tải.....	5
1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải.....	5
1.2.2. Các thành tích đã đạt được.....	6
1.3. Giới thiệu về Khoa Vận tải Kinh tế và Khoa Đào tạo Quốc tế	9
1.3.1 Khoa Đào tạo quốc tế (Khoa Quản lý và Tổ chức đào tạo)	9
1.3.2 Khoa Vận tải Kinh tế (Khoa chuyên môn).....	11
1.4. Giới thiệu về Bộ môn Kế toán- Kiểm toán	12
1.5. Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo	13
PHẦN 2: MÔ TẢ.....	19
2.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi	19
2.1.1. Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo được xây dựng theo thang đo tư duy được lựa chọn, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của CSĐT được phổ biến đến các bên liên quan	19
2.1.2. Kết quả học tập mong đợi của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo	25
2.1.3. Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo bao gồm các chuẩn tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm) và chuẩn chuyên ngành (liên quan đến chuẩn kiến thức của chuyên ngành đào tạo)	26
2.1.4. Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi.....	31
2.1.5. Chương trình đào tạo thể hiện người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp .	32
2.2 Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.....	33
2.2.1. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đầy đủ thông tin, cập nhật được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận	33
2.2.2. Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với kết quả học tập mong đợi	36
2.2.3 Thông tin phản hồi của các bên liên quan đặc biệt là các đối tượng bên ngoài được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học	39
2.2.4. Mức độ đóng góp của các HP trong việc đạt được kết quả học tập mong muốn được xác định rõ ràng.	40
2.2.5. Chương trình dạy học có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các HP được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp.....	42
2.2.7. Chương trình dạy học được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động	45
2.3. Tiêu chuẩn 3: Phương thức dạy và học	47
2.3.1. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.	47
2.3.2. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.	49
2.3.3. Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.	51
2.3.4. Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời (VD: tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới). [SEP].....	53
2.3.5. Các hoạt động dạy và học giúp người học thẩm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.	54

2.3.6. Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.	56
2.4. Tiêu chuẩn 4 - Đánh giá kết quả học tập của người học.....	59
2.4.1. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu đào tạo.....	59
2.4.2. Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.	65
2.4.3. Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.	70
2.4.4. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.	76
2.4.5. Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT và mỗi học phần.	82
2.4.6. Thông tin phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập được gửi kịp thời.	88
2.4.7. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.....	91
2.5 Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên.....	94
2.5.1 Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên	94
2.5.2 Tải trọng công việc của GV được đo lường và giám sát để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.....	97
2.5.3 Năng lực của GV được xác định, được đánh giá và được phổ biến thông tin.	99
2.5.4 Giảng viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng	100
2.5.5 Có hệ thống đánh giá để khen thưởng GV, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng.....	101
2.5.6. Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, mối quan hệ và trách nhiệm giải trình của GV được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp	103
2.5.7. Có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của GV và các hoạt động đào tạo, tập huấn phù hợp được triển khai để đáp ứng những nhu cầu này.....	104
2.5.8. Việc quản lý hiệu quả công việc của GV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV.....	105
2.6 Tiêu chuẩn 6 – Các dịch vụ hỗ trợ người học	107
2.6.1 Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật.....	107
2.6.2 Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng.	110
2.6.3 Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần.....	114
2.6.4 Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác được triển khai nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm cho người học	117
2.6.5. Năng lực của cán bộ hỗ trợ triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ. Các năng lực này được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Vai trò và mối liên hệ được xác định rõ để đảm bảo các dịch vụ được triển khai nhịp nhàng.	121
2.6.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng.....	123

2.7 Tiêu chuẩn 7 – Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.....	124
2.7.1 Có đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin để vận hành chương trình	124
2.7.2 Các phòng thực hành và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.	127
2.7.3. Có thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông.	128
2.7.4. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của cán bộ GV và người học.	132
2.7.5. Cán bộ, GV và người học dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên của trường để có thể khai thác tối đa công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.	133
2.7.6. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến các nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	134
2.7.7. Cơ sở giáo dục cung cấp môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học.....	136
2.7.8. Năng lực của cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định rõ và đánh giá nhằm đảm bảo những kỹ năng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.	139
2.7.9. Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến.....	140
2.8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được.....	141
2.8.1 Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng	141
2.8.2. Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.....	145
2.8.3. Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng	147
2.8.4. Có dữ liệu về mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi CTĐT của người học. Dữ liệu này được thiết lập và theo dõi.	150
2.8.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan cần được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng	152
PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN VÀ KẾ HOẠCH CHẤT LƯỢNG.....	154
3.1. Phân tích điểm mạnh, điểm cần cải thiện và kế hoạch chất lượng	154
3.1.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi.....	154
3.1.2 Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	156
3.1.3 Tiêu chuẩn 3. Phương thức dạy và học.....	157
3.1.4 Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập của người học.....	160
3.1.5 Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên	161
3.1.6 Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học.....	162
3.1.7 Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị.....	162
3.1.8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được.....	163
3.2. Tự đánh giá	164
Chương trình đào tạo thể hiện người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp	165
PHẦN 4: PHỤ LỤC	169
1. Danh mục từ viết tắt – Từ chuyên môn	169
2. Danh mục bảng	170
3. Danh mục hình.....	171
4. Danh mục sơ đồ.....	172
5. Danh mục minh chứng.....	173

PHẦN I: GIỚI THIỆU

Phần 1: Tóm tắt báo cáo tự đánh giá, quy trình tự đánh giá, mô tả tóm tắt về Trường Đại học Giao thông vận tải và Khoa Đào tạo quốc tế, hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường và Khoa.

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) là một trong những vấn đề quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của ngành Kế toán (KT) nói riêng và của nhà trường nói chung. Trong xu thế hội nhập và trước những đòi hỏi về việc cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, việc nâng cao chất lượng CTĐT càng trở nên bức thiết. Trong nhiều năm qua, trường Đại học Giao thông Vận tải (ĐH GTVT), khoa Vận tải Kinh tế (VTKT), khoa Đào tạo Quốc tế (ĐTQT) và bộ môn Kế toán Kiểm toán (KTKT) thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT. Chính vì vậy, trường ĐH GTVT đã đăng ký tự đánh giá CTĐT kế toán tổng hợp Việt – Anh trình độ đại học (ĐH) theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance ban hành vào tháng 10/2020 (Version 4.0)). Tên chương trình đăng ký đánh giá: Chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh.

Việc tự đánh giá CTĐT kế toán tổng hợp Việt – Anh là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Trường ĐH GTVT, giúp nhà trường, giúp Khoa VTKT, Khoa ĐTQT tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT, xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn, là điều kiện cần thiết để Trường ĐH GTVT đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường ĐH GTVT trong toàn bộ hoạt động đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai việc tự đánh giá CTĐT, Trường ĐH GTVT căn cứ vào các Bộ tiêu

chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance) ban hành vào tháng 10/2020 (Version 4.0) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục, từ đó lập kế hoạch hành động. Để làm tốt công tác đánh giá CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan: Khoa VTKT, Khoa ĐTQT, các phòng ban chức năng trong nhà trường, GV, cựu người học và người học, nhà tuyển dụng trong việc cung cấp số liệu, cung cấp thông tin, ý kiến phản hồi vừa đảm bảo độ tin cậy vừa mang tính khoa học phục vụ cho hoạt động đánh giá của ngành.

Tự đánh giá CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh thể hiện tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của ngành, nhà trường trong toàn bộ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH), dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Mục đích tự đánh giá:

- Đảm bảo chất lượng CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh của trường ĐH GTVT.
- Nâng cao chất lượng CTĐT ngành thông qua việc tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ở thời điểm tự đánh giá.
- Là cơ sở để đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT ngành Kế toán.
- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của trường ĐH GTVT trong hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội.

Phạm vi tự đánh giá: Hoạt động tự đánh giá của CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh được thực hiện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance) ban hành vào tháng 10/2020 (Version 4.0) cho CTĐT kế toán tổng hợp Việt –Anh từ năm 2018 đến năm 2022.

Ban chỉ đạo: được thành lập theo Quyết định số 1118/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng

6 năm 2021 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT. Hội đồng gồm có 8 thành viên [\[Exh.Intro.01\]](#).

Hội đồng tự đánh giá: được thành lập theo Quyết định số 2731/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT. Hội đồng gồm có 17 thành viên [\[Exh.Intro.02\]](#).

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá gồm có: Ban thư ký gồm 8 thành viên được thành lập theo Quyết định kiện toàn số 208/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT [\[Exh.Intro.03\]](#), và Nhóm công tác hỗ trợ minh chứng gồm 13 thành viên được thành lập theo Quyết định số 2732/QĐ-ĐHGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2022 và Quyết định số 208/QĐ-ĐHGTVT ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐH GTVT [\[Exh.Intro.04\]](#).

Phương pháp đánh giá:

Quá trình tự đánh giá CTĐT kế toán tổng hợp Việt –Anh, trường ĐH GTVT được dựa theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT theo chuẩn AUN-QA (ASEAN University Network - Quality Assurance ban hành vào tháng 10/2020 (Version 4.0).

Căn cứ vào từng tiêu chuẩn và tiêu chí, Trường ĐH GTVT tiến hành việc tự đánh giá CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh theo trình tự như sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quy trình tự đánh giá CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh được thực hiện theo Kế hoạch số 58/KH-ĐHGTVT về việc Kế hoạch tự đánh giá CTĐT kế toán tổng hợp Việt –Anh giai đoạn 2018-2022 [\[Exh.Intro.05\]](#) bao gồm các bước sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá.

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng (MC).

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được.

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Bước 6: Lưu trữ và sử dụng báo cáo tự đánh giá.

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá này gồm 4 phần chính:

- Phần 1: Giới thiệu chung;
- Phần 2: Tự đánh giá CTĐT;
- Phần 3: Phân tích những điểm mạnh và điểm tồn tại của CTĐT;
- Phần 4: Phụ lục.

Quy ước cách đặt mã minh chứng trong báo cáo tự đánh giá và trên minh chứng như sau:

Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau:

Đối với phần I: Giới thiệu	Đối với phần II: Mô tả
<i>Exh.Intro.Số thứ tự minh chứng</i>	<i>Exh.Số tiêu chuẩn.Số tiêu chí.Số thứ tự minh chứng</i>

Giải thích:

- Exh: viết tắt của “Exhibit”;
- Intro: viết tắt của “Introduction”;
- Số thứ tự tiêu chuẩn: có giá trị từ 01 đến 11;
- Số thứ tự tiêu chí: có giá trị từ 01 đến hết
- Số thứ tự minh chứng: Số thứ tự của minh chứng trong phần giới Giới thiệu hoặc của tiêu chuẩn, có giá trị liên tục từ 01 đến hết số minh chứng của phần đó

(sang tiêu chuẩn mới thì bắt đầu lại từ 01).

Ví dụ:

- **Exh.Intro.01**: minh chứng thứ 01 của phần giới thiệu;

- **Exh.02.01.01**: minh chứng thứ 01 của tiêu chí số 01 trong tiêu chuẩn số 02;

1.2. Giới thiệu về Trường Đại học Giao thông Vận tải

1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Trường Đại học Giao thông Vận tải

Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) có tiền thân là trường Cao đẳng Công chính Việt Nam được khai giảng lại dưới chính quyền Cách mạng vào ngày 15 tháng 11 năm 1945 theo Sắc lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường là một trong những trường có truyền thống trong hệ thống các trường đại học của Việt Nam.

Ngày 24/3/1962, Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) đã có nghị định 42/CP về việc thành lập trường ĐH GTVT nhằm đáp ứng cho yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Ngày 27/4/1990, Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đã có quyết định về việc thành lập cơ sở 2 của Trường tại Quận 9 – TP. Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học về giao thông vận tải của các tỉnh phía Nam. Ngày 15/7/2016, thành lập Phân hiệu Trường ĐH GTVT tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2419/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT trên nền Cơ sở II.

+ Sứ mạng [\[Exh.Intro.06\]](#)

Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập, có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.

+ Tầm nhìn đến năm 2030

Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á.

+ Giá trị cốt lõi

Tiên phong - Chất lượng - Trách nhiệm - Thích ứng

Tiên phong: Luôn đi trước, đón đầu các xu thế phát triển trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động nắm bắt và giải quyết những thách thức của xã hội,

Chất lượng: Tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm khoa học công nghệ có uy tín,

Trách nhiệm: Đối với cán bộ, GV, người học, cộng đồng, xã hội và quốc tế,

Thích ứng: Đổi mới theo điều kiện, thời gian, hoàn cảnh để ngày một phát triển.

+ Triết lý giáo dục

Trường Đại học GTVT hướng tới đào tạo người học trở thành công dân toàn cầu, có tinh thần dân tộc và trách nhiệm quốc tế.

Hoạt động đào tạo giúp người học phát triển toàn diện cả về đức-trí-thể-mỹ, trang bị kiến thức nền tảng cốt lõi và chuyên sâu cho mỗi cá nhân. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành, kiến tạo môi trường giúp người học xây dựng và rèn luyện ý thức tự học suốt đời, khả năng thích ứng với mọi hoàn cảnh nhằm phát huy tốt nhất tiềm năng và khả năng sáng tạo. Nhà trường xác định người học là trung tâm, người thầy truyền cảm hứng

1.2.2. Các thành tích đã đạt được

Nhà trường là một trong những đơn vị đi đầu trong các hoạt động xã hội, tích cực hưởng ứng các cuộc vận động lớn của Đảng, Nhà nước và của ngành Giáo dục Đào tạo, đóng góp quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Ghi nhận những đóng góp của trường ĐH GTVT đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Đảng và nhà nước đã trao tặng Nhà trường nhiều phần thưởng cao quý như:

* Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang Nhân dân (2011)

* Danh hiệu Anh hùng Lao động (2007)

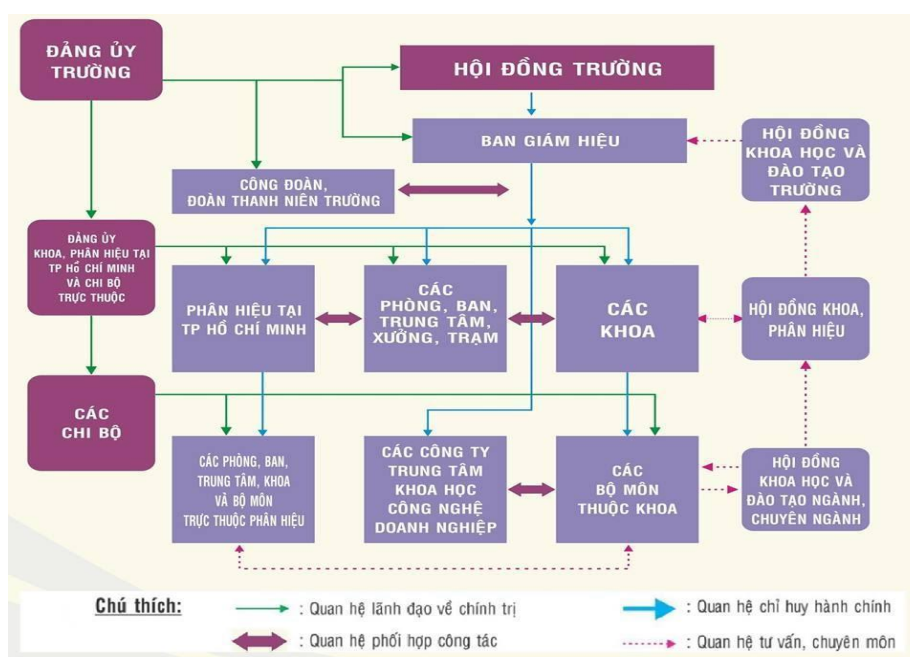
* Huân chương Hồ Chí Minh (2005)

- * 03 Huân chương Độc lập Hạng Nhất (2000, 2015 và 2020)
- * Huân chương Độc lập Hạng Nhì (1995)
- * Huân chương Độc lập Hạng Ba (1986)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Nhất (1982 và 1990)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì (1977 và 2004)
- * 02 Huân chương Lao động Hạng Ba (1966 và 1999)
- * Huân chương Kháng chiến Hạng Nhì (1973)

1.2.3. Cơ cấu tổ chức

Căn cứ vào Luật giáo dục 2005 và Điều lệ trường đại học Việt Nam, trường ĐH GTVT là trường đại học công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT nước CHXHCN Việt Nam. Trường có nhiệm vụ đào tạo các cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ đại học và trên đại học, nghiên cứu khoa học về các ngành kỹ thuật, công nghệ cũng như kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong ngành giao thông vận tải và các lĩnh vực có liên quan.

Bộ máy tổ chức của trường ĐH GTVT hiện nay bao gồm Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các đơn vị trực thuộc, như sơ đồ dưới đây:



Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT

Trường ĐH GTVT có các đơn vị, bao gồm:

- 12 khoa: Khoa Công trình, Khoa Cơ khí, Khoa Vận tải - Kinh tế, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện - Điện tử, Khoa Khoa học cơ bản, Khoa Lý luận chính trị, Khoa Giáo dục quốc phòng, Khoa Môi trường & An toàn giao thông, Khoa Kỹ thuật xây dựng, Khoa Đào tạo quốc tế, Khoa Quản lý xây dựng.

- 23 đơn vị chức năng: Phòng Hành chính tổng hợp, phòng Tổ chức cán bộ (TCCB), phòng Đào tạo đại học (ĐTĐH), phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo (KT&ĐB CLĐT), phòng Khoa học công nghệ (KHCN), phòng Công tác chính trị và sinh viên (CTCT&SV), phòng tài chính kế toán (TCKT), phòng Thiết bị quản trị, phòng Hợp tác quốc tế và nghiên cứu phát triển, phòng Bảo vệ, phòng Thanh tra - pháp chế (TT-PC), ban Quản lý Ký túc xá (QL KTX), ban Quản lý giảng đường, xưởng in, trạm Y tế, trung tâm Đào tạo thực hành và chuyển giao công nghệ GTVT (ĐTTH & CGCN GTVT), trung tâm Khoa học công nghệ (KHCN) GTVT, trung tâm Thông tin thư viện (TTTTV), trung tâm Dịch vụ, trung tâm Đào tạo trực tuyến UTC, Phòng Phát triển dự án.

- Tại phân hiệu TP.HCM có 14 phòng ban, trung tâm, khoa trực thuộc: phòng Tổ chức hành chính, phòng KHCN & Đối ngoại, phòng Đào tạo đại học, phòng CTCT & SV, phòng Tài chính – Kế toán, phòng Thiết bị quản trị, phòng Khảo thí và ĐBCL, trung tâm ĐTTH & CGCN GTVT, trung tâm Thông tin thư viện, Ban Quản lý Ký túc xá, ban Thanh tra, Khoa Công trình, Khoa Vận tải – Kinh tế, Khoa Khoa học cơ bản.

1.2.4. Cơ sở vật chất và nhân sự của Trường

Về cơ sở vật chất, trong giai đoạn 2018 -2022, Nhà trường đã không ngừng nâng cấp, mở rộng diện tích phòng học, phòng thí nghiệm và các cơ sở vật chất khác phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, Nhà trường có tổng số trên 300 phòng học các loại, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị hiện đại như hệ thống bảng thông minh, kết nối internet tốc độ cao, với các quy mô chỗ ngồi khác nhau nhằm đáp ứng các nhu cầu về học tập và nghiên cứu. Ngoài ra, hệ thống các phòng làm việc của các khối hành chính và các Khoa, bộ môn, các phòng thí nghiệm, thực hành cũng được đầu tư, nâng cấp hiện đại.

Về đội ngũ, với trên 70 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học, tuyển dụng giảng viên, đảm bảo tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ. Tính đến

31/12/2022, Trường ĐHGTVT có 1067 cán bộ, giảng viên, chuyên viên và nhân viên trong danh sách. Trong đó có 805 giảng viên cơ hữu (gồm 99 giáo sư và phó giáo sư, 344 tiến sĩ, 436 thạc sĩ).

1.2.5. Quy mô đào tạo và nghiên cứu khoa học

Tính đến tháng 12 năm 2022, Trường đại học GTVT có 31 ngành đào tạo trình độ đại học, 23 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ với quy mô đào tạo trên 27 nghìn người học. Cùng với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học là một trong các hoạt động quan trọng nhất của một trường đại học. Giai đoạn vừa qua, Trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) đã đạt được những thành tích đáng khích lệ trong việc triển khai thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN). Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ (CGCN) góp phần quan trọng trong việc nâng cao trình độ khoa học của giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khẳng định vị trí và uy tín của nhà trường trước xã hội. Trong giai đoạn 2018 -2022, trung bình mỗi năm trường thực hiện trên 150 nhiệm vụ KH-CN các cấp với kinh phí thực hiện khoảng 20 tỷ VNĐ, số lượng các công bố khoa học cũng không ngừng tăng lên hàng năm với khoảng 450 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín.

1.2.6. Hoạt động đảm bảo chất lượng

Chiến lược đảm bảo chất lượng

Trong giai đoạn 2021 đến 2025 và định hướng đến 2030, Nhà Trường đã xác định mục tiêu chiến lược phát triển, bao gồm: Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu; Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế. Để thực hiện mục tiêu đó, Nhà trường đã xác định 8 nhóm giải pháp chính, tập trung vào nâng cao chất lượng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ và cơ sở vật chất...

Cam kết chất lượng

Trong mọi hoạt động theo chức năng và nhiệm vụ, Trường Đại học GTVT cam kết: Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của thị trường lao động, với sự tham gia của các bên liên quan trong suốt quá trình đào tạo; Mang lợi ích cao nhất cho người học dựa trên sự quan tâm, tôn trọng và thấu hiểu các nguyện vọng người học; Người học là đối tượng trung tâm của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, được tạo mọi điều kiện để phát triển bản thân; Không ngừng

đào tạo, phát triển đội ngũ lãnh đạo, giảng viên, nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có tinh thần trách nhiệm với Nhà trường, người học và cộng đồng, có tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp. Duy trì và phát triển môi trường làm việc công khai, minh bạch, bảo đảm mọi thành viên của nhà trường được phát huy tối đa năng lực của mình;

Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng, các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và các lĩnh vực khác; Duy trì và liên tục cải tiến hệ thống đảm bảo chất lượng phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường và các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của quốc gia và quốc tế.

Nguyên tắc Đảm bảo chất lượng

Trong hoạt động đảm bảo chất lượng, mọi hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường thực hiện nguyên tắc: Cá nhân, đơn vị trong toàn Trường có trách nhiệm chính về chất lượng của hoạt động, lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao; cùng tham gia tích cực vào hoạt động ĐBCL của Trường; Hoạt động của Trường đảm bảo phù hợp tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của Trường trong từng giai đoạn; hướng tới đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và nhu cầu của các bên liên quan; Hoạt động của các cá nhân, đơn vị trong toàn Trường phải đảm bảo tuân thủ quy trình: Lập kế hoạch – Tổ chức thực hiện - Đánh giá – Cải tiến; Đảm bảo hoạt động ĐBCL theo 2 cấp độ, cụ thể:

a) ĐBCL Trường: là cấp ĐBCL toàn diện, tổng thể, có tính hệ thống với mọi hoạt động của Trường: ĐBCL về tổ chức quản lý; ĐBCL về đào tạo, ĐBCL về nghiên cứu khoa học, ĐBCL về tài chính, ĐBCL về cơ sở vật chất, ĐBCL về nguồn lực và ĐBCL về kết nối và phục vụ cộng đồng.

b) ĐBCL chương trình đào tạo: là cấp ĐBCL cụ thể, trực tiếp, tương thích có định hướng mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra của CTĐT.

Kiểm định chất lượng

Đối với kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, năm 2008, Trường đại học GTVT đã tự đánh giá/ đánh giá ngoài và được công nhận chất lượng bởi Hội đồng Kiểm định chất lượng quốc gia, Bộ GD&ĐT. Năm 2016, Trường tiếp tục thực hiện tự đánh giá cấp trường/ kiểm định và được cấp giấy chứng nhận chất lượng bởi Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng

trường của Bộ GD&ĐT, Việt Nam. Năm 2021, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá/kiểm định cơ sở giáo dục chu kỳ 2 và đã được cấp giấy chứng nhận chất lượng cơ sở giáo dục. Đối với kiểm định chất lượng CTĐT, từ 2016 đến nay, Nhà trường đã tiến hành kiểm định 8 CTĐT (trong đó có 5 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và 03 CTĐT được kiểm định theo Bộ tiêu chuẩn của AUN-QA) và đã được cấp Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng.

1.3. Giới thiệu về Khoa Vận tải Kinh tế và Khoa Đào tạo Quốc tế

1.3.1 Khoa Đào tạo quốc tế (Khoa Quản lý và Tổ chức đào tạo)

Khoa Đào tạo Quốc tế tiền thân là Trung tâm Hợp tác Quốc tế về Đào tạo và Nghiên cứu được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-ĐHGTVT ngày 09/09/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải. Ngày 04/10/2013, Trung tâm Hợp tác Quốc tế về Đào tạo và Nghiên cứu được đổi tên thành Trung tâm Đào tạo Quốc tế theo Quyết định số 1803/QĐ-ĐHGTVT của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải. Trung tâm được chuyển đổi thành Khoa Đào tạo Quốc tế theo quyết định số 882/QĐ-ĐHGTVT ngày 14/04/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải [\[Exh.Intro.07\]](#). Sau gần 12 năm xây dựng và phát triển, 09/09/2010 – 09/09/2022, Khoa Đào tạo Quốc tế đã không ngừng phấn đấu và phát triển trở thành một đơn vị mạnh trong hệ thống đào tạo và nghiên cứu. nghiên cứu khoa học của Trường. Khoa Đào tạo Quốc tế đã đạt nhiều thành tích trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và lao động sản xuất, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục trên mọi mặt hoạt động [\[Exh.Intro.08\]](#). Giới thiệu Khoa Đào tạo Quốc tế được cụ thể trên website của Nhà trường: <https://ined.utc.edu.vn/>

Sứ mệnh của Khoa Đào tạo Quốc tế là “cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, cơ khí, công nghệ thông tin, kinh tế và quản lý xây dựng, quản trị kinh doanh; phát triển năng lực học tập và nghiên cứu của sinh viên; rèn luyện kỹ năng làm việc và lối sống trong môi trường hiện đại, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh toàn cầu”.

Trong năm học 2021-2022, Khoa Đào tạo Quốc tế đã triển khai quản lý đào tạo 10

chương trình chất lượng cao, 01 chương trình tiên tiến, 02 chương trình liên kết đào tạo quốc tế ngành Quản lý xây dựng với Nhà trường. Đại học Bedfordshire (Vương quốc Anh) và ngành Quản trị kinh doanh với Đại học EM Normandie (Pháp), 01 chương trình dự bị du học Pháp bậc đại học và 01 chương trình dự bị du học Pháp bậc thạc sĩ. Ngoài ra, để đáp ứng nhu cầu thị trường, năm học vừa qua, Khoa Đào tạo Quốc tế đã phối hợp với Khoa Quản lý Xây dựng xây dựng thêm 01 chương trình Quản lý Xây dựng Việt - Anh. Khoa đã rà soát, đổi mới giáo trình 10 chương trình chất lượng cao và 1 chương trình tiên tiến theo Nghị định 99 và CDIO, xây dựng Quy chế quản lý các chương trình liên kết quốc tế, điều chỉnh đề án đào tạo đáp ứng chuẩn ngoại ngữ trình độ cao cho sinh viên toàn ngành [\[Exh.Intro.09\]](#). Khoa Đào tạo Quốc tế đã triển khai 03 dự án đào tạo quốc tế gồm Dự án Fraction về đào tạo giảng dạy tiên tiến và 02 Dự án AUF về nâng cao đào tạo chương trình chất lượng cao Pháp ngữ. Hàng năm, Khoa tổ chức các hội thảo quốc tế bao gồm các hội thảo với các đối tác Pháp và Anh trong lĩnh vực Cơ khí - Vật liệu - Xây dựng cũng như lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, các giảng viên tham gia giảng dạy các chương trình của Khoa ĐTQT đã thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học dành cho giáo viên, nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên, các dự án, hội thảo nghiên cứu khoa học...

Năm học 2022-2023, Khoa có trên 1.500 sinh viên, ngoài ra còn có một số sinh viên quốc tế đến từ các nước Châu Âu đến học tập 1 học kỳ (chương trình trao đổi). Tổng số cán bộ viên chức là 12 người, trong đó Ban chủ nhiệm khoa có 3 người (một trưởng khoa và hai phó trưởng khoa), 6 người là cán bộ của khoa và 3 giảng viên làm công tác hỗ trợ. Trong tổng số 13 nhân sự của Khoa ĐTQT có 01 PGS, 05 TS, 05 Thạc sĩ và 01 Cử nhân [\[Exh.Intro.08\]](#). Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến, chất lượng cao đến từ tất cả các khoa chuyên môn trong Nhà trường với yêu cầu cao hơn về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và ngoại ngữ, đặc biệt đối với các môn giảng dạy bằng tiếng Anh/Pháp. Bộ phê duyệt triển khai chương trình chất lượng cao từ năm 2018 theo Quyết định 1005/BGDĐT-GDDH ngày 16/03/2018. Quyết định 13/NQ-HĐKĐCL ngày 20/02/2017 phê duyệt kiểm định chất lượng chương trình tiên tiến ngành kỹ thuật xây dựng.

Khoa Đào tạo Quốc tế xác định chương trình đào tạo là một trong 3 yếu tố quan

trọng quyết định chất lượng giáo dục của Khoa. Vì vậy, việc đổi mới, rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo là công việc thường xuyên, có kế hoạch trong từng giai đoạn. Khoa đã mời các giảng viên giỏi, các nhà khoa học có kinh nghiệm, các nhà quản lý trong và ngoài trường tham gia xây dựng chương trình đào tạo một cách bài bản. Các chương trình chất lượng cao bậc đại học tại Khoa được xây dựng theo quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước cũng như của một số nước trong khu vực và trên thế giới.

Khoa Đào tạo Quốc tế là đơn vị được Nhà trường giao chức năng tổ chức và quản lý đào tạo cho các chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và chương trình liên kết quốc tế, trong đó có chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt Anh để đảm bảo chương trình được vận hành trong điều kiện tốt nhất, đảm bảo yêu cầu chất lượng cao.

1.3.2 Khoa Vận tải Kinh tế (Khoa chuyên môn)

Khoa Vận tải (tiền thân của Khoa Vận tải – Kinh tế) chính thức được thành lập năm 1963. Năm 1969, Khoa Vận tải được đổi tên thành Khoa Vận tải và Kinh tế. Khoa Vận tải – Kinh tế là một khoa có truyền thống đào tạo và nghiên cứu khoa học. Số lượng sinh viên của khoa chiếm gần 30% tổng số sinh viên của toàn Trường. Khoa Vận tải – Kinh tế có 9 bộ môn và 01 văn phòng khoa [\[Exh.Intro.10\]](https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/khoa-van-tai-kinh-te) (<https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/khoa-van-tai-kinh-te>). Với bề dày hơn 50 năm, Khoa đảm nhiệm công tác đào tạo bậc Đại học và Sau đại học nhiều ngành, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực kinh tế, vận tải và kinh tế. Nhiều cán bộ khoa học của Khoa là chuyên gia hàng đầu trong ngành. Nhiều công trình NCKH của Khoa có ý nghĩa thực tiễn lớn và được áp dụng trong sản xuất kinh doanh.

Khoa VTKT, cụ thể là Bộ môn Kế toán – Kiểm toán phụ trách về chuyên môn cho Chương trình đào tạo chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh. Kế toán là một trong 8 ngành đào tạo đại học của Khoa VTKT hiện nay, được tổ chức đào tạo từ khóa 48 với các lớp đại trà và từ khóa 53 với các lớp Kế toán tổng hợp Việt Anh. CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh hiện nay của ngành KT bao gồm 140 tín chỉ và 53 học phần.

+ Số lượng giảng viên (GV): Tính đến tháng 09/2022 số lượng GV của Khoa là 110 GV và chuyên viên có trình độ từ ThS trở lên, trong đó số lượng biên chế tại Hà Nội là 82 (80 GV và 02 chuyên viên), chia thành 09 BM chuyên môn và tổ Văn phòng Khoa và tại Phân hiệu (PH) tại thành phố Hồ Chí Minh là 28 GV và 04 BM. Trong đó các GV tại Hà Nội, số lượng GV có trình độ ThS là 44 (đạt tỷ lệ 55,0%); GV có trình độ TS là 36 (chiếm 45,0%), trong đó có 13 phó giáo sư (PGS) (chiếm tỷ lệ 16,2%). Tại PH tại thành phố Hồ Chí Minh có có trình độ ThS là 20 (đạt tỷ lệ 71,5,0%); GV có trình độ TS là 6 (chiếm 21,4%), trong đó có 02 phó giáo sư (PGS) (chiếm tỷ lệ 7,1 %), 02 Kỹ sư (trợ giảng) (chiếm tỷ lệ 7,1%) [\[Exh.Intro.10\]](#).

1.4. Giới thiệu về Bộ môn Kế toán- Kiểm toán

Từ khi bắt đầu được tuyển sinh khóa đầu tiên năm 2007, đến tháng 02/2022 ngành Kế toán được phụ trách bởi bộ môn Kinh tế Vận tải với các GV thuộc ngành Kế toán và ngành Tài chính. Để chuyên môn hóa và tập trung chuyên sâu cho ngành Kế toán, tháng 02/2020, trường ĐH GTVT ra quyết định thành lập bộ môn Kế toán Kiểm toán phụ trách ngành Kế toán, với toàn bộ nhân sự là các GV chuyên môn về Kế toán đã có kinh nghiệm giảng dạy trong trường.

Hiện nay, BM KTKT được giao nhiệm vụ đào tạo và NCKH thuộc lĩnh vực Kế toán Kiểm toán. Về đào tạo, BM được giao phụ trách chuyên môn đào tạo bậc đại học: chuyên ngành Kế toán tổng hợp cho các lớp đại trà và các lớp chương trình chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh.

Về NCKH, BM KTKT có nhiều công trình NCKH được công bố trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước. Tham gia và chủ trì nhiều đề tài NCKH. Giới thiệu về BM KTKT trên website của Trường: <https://utc.edu.vn/doi-ngu-giang-vien/bo-mon/KKT>

Về đội ngũ: Tính đến tháng 12/2022, Bộ môn KTKT hiện có 8 GV giảng dạy tại Hà nội và 4 GV giảng dạy tại PH TP. Hồ Chí Minh. Đội ngũ GV có trình độ cao, gồm 1 PGS.TS, 3 TS. và 8 Thạc sĩ. Đội ngũ GV được đào tạo tại các trường đại học chất lượng cao trong nước và quốc tế. Cơ sở vật chất được trang bị tốt, đảm bảo khả năng đào tạo cử nhân Kế toán có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Bộ môn có nhiều hoạt động hợp tác với các doanh nghiệp trong nước như: Công ty

cổ phần P&C Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ACE Thái Bình Dương,...

Khoa VTKT, Khoa ĐTQT, BM KTKT xác định chất lượng CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh là một trong những yếu tố quan trọng nhất tác động đến chất lượng đào tạo của Khoa, nhà trường. Chính vì vậy, việc đánh giá chất lượng CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh là hết sức cần thiết để nâng cao chất lượng CTĐT cho phù hợp với nhu cầu đào tạo nguồn lực xã hội hiện nay.

1.5. Thông tin cơ bản về Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh), viết tắt là Kế toán tổng hợp Việt Anh.

- Tên chương trình đào tạo:	Chương trình đào tạo chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh
- Chức danh tốt nghiệp:	Cử nhân
- Năm mở ngành:	Năm 2007
- Năm bắt đầu thực hiện đào tạo Chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh	Khoá 53 (Năm 2015) [Exh.Intro.09]
- Hình thức đào tạo:	Chính quy
- Khối lượng kiến thức toàn khóa:	140-143 tín chỉ
- Thời gian đào tạo trung bình:	4 năm (8 học kỳ)
- Lần được kiểm định gần nhất:	
- Ngôn ngữ đào tạo:	Tiếng Anh/ Tiếng Việt
- Tên Khoa/Viện quản lý:	Khoa VTKT, Khoa ĐTQT
- Tên trường:	Trường ĐH GTVT

a. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT kế toán tổng hợp Việt –Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐH GTVT cũng như mục tiêu đào tạo của khoa VTKT, Khoa ĐTQT và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học [\[Exh.Intro.08\]](#). Mục tiêu của CTĐT kế toán tổng hợp Việt –Anh là đào tạo các đào tạo các cử nhân Kế toán có kiến thức nền tảng về kế toán kiểm toán, có năng lực

chuyên môn, năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán kiểm toán phù hợp với yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế. Có khả năng phát triển nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của ngành được đăng tải trên website của Trường (<https://www.utc.edu.vn/dao-tao/chuan-dau-ra>) và giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, trong đó có các nhà tuyển dụng.

Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là chuẩn đầu ra (CĐR). Chuẩn đầu ra của CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đó là có kiến thức chuyên môn về kế toán, tư duy hệ thống và phản biện, phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức chuyên môn đã tích lũy để giải quyết các vấn đề kinh tế và kế toán, khả năng chủ động trong công việc, tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn mới trong lĩnh vực kế toán để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế, có kỹ năng giao tiếp xã hội, làm việc theo nhóm, có thái độ và hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ pháp luật, thái độ làm việc chuyên nghiệp.

Chuẩn đầu ra của CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh phản ánh được yêu cầu của GV, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng thông qua việc lấy ý kiến phản hồi và được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai.

b. Bản mô tả CTĐT

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh đầy đủ thông tin, cập nhật theo quy định, được rà soát điều chỉnh để phù hợp với CTĐT, CĐR và công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận [\[Exh.Intro.11\]](#). Bản mô tả CTĐT giúp cho người học, nhà tuyển dụng, GV, cựu người học hiểu về CTĐT của ngành cũng như sự đóng góp của 53 học phần vào CĐR của ngành thông qua ma trận tích hợp CĐR của các học phần trong CTĐT.

c. Cấu trúc và nội dung chương trình học

Chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế dựa trên CĐR với phương pháp giảng dạy và đánh giá người học góp phần hỗ trợ việc đạt được các CĐR [\[Exh.Intro.12\]](#) Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh

là rõ ràng thể hiện trong ma trận tích hợp CDR của các học phần. Mỗi học phần đảm bảo cung cấp một lượng kiến thức nhất định cho người học có liên quan đến CT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh. Chương trình dạy học có cấu trúc rõ ràng, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp. Cấu trúc CTDH đảm bảo tỷ lệ cân đối giữa khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành và khối kiến thức chuyên ngành. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, bài tập, thực hành cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần.

d. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mục tiêu giáo dục CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan. Các hoạt động dạy và học các học phần của CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh được thiết kế phù hợp để đạt được CDR. Phương pháp giảng dạy được thay đổi từ đọc chép khiến SV thụ động trong quá trình học sang phương pháp lớp học đảo ngược, thuyết trình kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận hoặc làm việc nhóm góp phần thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng tư duy, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu, làm việc theo nhóm, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

e. Đánh giá kết quả học tập của người học

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh. Điểm học phần là tổng hợp của điểm quá trình (hệ số 0,5) và điểm thi kết thúc học phần (hệ số 0,5).

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua website, sổ tay người học...và người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng cho người học và kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập: quy định về thời gian chấm thi, thông báo kết quả cho người học...

f. Chất lượng đội ngũ giảng viên

Trường ĐH GTVT đã có kế hoạch chiến lược dài hạn về quy hoạch phát triển đội

ngũ GV. Đội ngũ này được tuyển dụng theo các tiêu chí rõ ràng, công khai và bổ nhiệm đúng quy trình, có phẩm chất đạo đức và năng lực chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công tác được phân công. Đội ngũ GV ngày càng tăng về số lượng, trẻ hóa về tuổi đời, năng động, sáng tạo, có trình độ ngoại ngữ và tin học tốt, thường xuyên được nhà trường tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, hỗ trợ về tài chính để bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Đội ngũ GV của CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH thể hiện ở tỷ lệ người học/GV đáp ứng tỷ lệ quy định của Bộ GD&ĐT và khối lượng công việc mà mỗi một GV đảm nhận hàng năm.

g. Chất lượng đội ngũ cán bộ hỗ trợ

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng máy, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), cán bộ văn phòng Khoa VTKT, Khoa ĐTQT và các dịch vụ hỗ trợ khác đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ này thường xuyên được nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

h. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh tuyển sinh theo ngành với chỉ tiêu được công bố công khai và được cập nhật. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá. Hoạt động tư vấn học tập, ngoại khóa được duy trì đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho người học.

i. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Phòng làm việc của BM KTKT, phòng học và các phòng chức năng có liên quan được trang bị đầy đủ các thiết bị phục vụ cho GV làm việc, NCKH và SV học tập, thực hành thí nghiệm, cập nhật thông tin đào tạo.

j. Nâng cao chất lượng

Thông qua thông tin phản hồi từ phía Nhà trường, SV, cựu SV và người tuyển dụng

để Khoa ĐTQT phối hợp với BM thiết kế lại, điều chỉnh và phát triển CTDH. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR của CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh. Các kết quả NCKH mang tính ứng dụng được đưa vào để cải tiến công tác dạy và học.

k. Kết quả đầu ra

Chương trình đào tạo Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh có tỷ lệ buộc thôi học thấp, tỷ lệ SV tốt nghiệp ra trường đúng thời gian thiết kế đào tạo rất cao và đa phần SV đều đi làm ngay khi ra trường ở những đơn vị đúng chuyên ngành được đào tạo. Mức độ hài lòng của người tuyển dụng, của người học, cựu SV, GV được thống kê hàng năm nhằm giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh.

1.6. Ban thư ký

Ban thư ký Tự đánh giá CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh năm 2021 được thành lập theo quyết định số 208/QĐ-ĐHGTVT, ngày 08/02/2023 [[Exh.Intro.03](#)], kiện toàn Ban thư ký Tự đánh giá gồm 08 viên chức, như sau:

Bảng 1.1. Danh sách Ban thư ký Tự đánh giá CTĐT

STT	Họ và tên	Chức danh/Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ
1	TS. Phạm Thị Lan Anh	Trưởng Bộ môn	KTKT	Trưởng ban
2	TS. Nguyễn Thị Vân Hà	Phó Trưởng Khoa	Khoa ĐTQT	Ủy viên
3	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Phó Trưởng Khoa	Khoa VTKT	Ủy viên
4	PGS.TS. Nguyễn Văn Điệp	Giảng viên	KTKT	Ủy viên
5	ThS. Phạm Thị Kim Ngân	Giảng viên	KTKT	Ủy viên
6	ThS. Đỗ Minh Ngọc	Giảng viên	KTKT	Ủy viên
7	ThS. Trần Thị Hồng Thúy	Chuyên viên	P.KT&ĐBCLĐ T	Ủy viên- Giúp việc ban TK
8	CN. Vũ Thị Hồng Hà	Chuyên viên	Khoa ĐTQT	Ủy viên- Giúp việc ban TK

PHẦN 2: MÔ TẢ

2.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

2.1.1. Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo được xây dựng theo thang đo tư duy được lựa chọn, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của CSĐT được phổ biến đến các bên liên quan

CTĐT xây dựng theo thang đo tư duy được lựa chọn là CTĐT mà các học phần sẽ được phân nhiệm một số kiến thức và kỹ năng cụ thể. Tất cả các kiến thức và kỹ năng yêu cầu của một CTĐT sẽ được phân nhiệm hết cho các học phần. Mặt khác, tùy theo vai trò quan trọng như thế nào trong chương trình để bố trí mỗi học phần ở mức độ Bloom bao nhiêu cho phù hợp, cách xây dựng CTĐT tiếp cận theo CDIO là rất khoa học, các trường đại học của các nước trên thế giới đã làm như vậy từ lâu, ở Việt Nam mấy năm trở lại đây, rất nhiều trường ĐH cũng tiến hành sửa đổi, xây dựng CTĐT theo cách đó.

Giai đoạn 2018 - 2021, khoa ĐTQT và bộ môn KTKT đào tạo sinh viên theo CTĐT Kế toán tổng hợp Việt – Anh 2018 (áp dụng cho các khóa 61 trở về trước) [Exh.01.01.01]. Năm 2021 Tiểu ban xây dựng CTĐT, Khoa và bộ môn KTKT đã tiến hành rà soát và điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi để có được CTĐT 2022 áp dụng cho khóa 62, 63 trở về sau [Exh.0101.02], Bản CTĐT năm 2022 chính có sự hoàn thiện hơn so với bản chương trình đào tạo năm 2018 trước đó.

Mỗi lần điều chỉnh chương trình đào tạo đều có sự khác biệt tương đối nhiều so với chương trình đào tạo trước đó. Lần điều chỉnh gần đây nhất, BM đã xây dựng chương trình đào tạo theo cách tiếp cận CDIO Ngoài sự cải tiến của CTĐT 2022 so với CTĐT 2018, CTĐT Kế toán tổng hợp Việt – Anh còn có sự cải tiến và có nhiều điểm khác biệt so với CTĐT chuẩn áp dụng cho SV cùng khóa [Exh.01.01.03]

Trong CTĐT 2022 được BM xây dựng trên cơ sở định hướng đổi mới theo CDIO của trường [Exh.01.01.04], Trong đó kết quả học tập mong đợi nhấn mạnh hơn về phần SV phải có được kiến thức và kỹ năng thích ứng với điều kiện mới của kinh tế Việt nam và không ngừng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Nhiều môn học được bổ sung các nội dung liên quan đến hướng hội nhập quốc tế, SV tốt nghiệp ra trường không bị giới hạn làm việc trong điều kiện kinh tế trong nước mà còn có yếu tố nước ngoài:

Bảng 1.1.1: Nội dung điều chỉnh mục tiêu của CTĐT 2022 so với CTĐT 2021

Mục tiêu của CTĐT 2018	Mục tiêu của CTĐT 2022	Nội dung điều chỉnh MT CTĐT 2022 so với CTĐT 2018
Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học ngành kế toán nhằm đào tạo các cử nhân kế toán có kiến thức nền tảng về kế toán, có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán phù hợp với yêu cầu xã hội. Có khả năng phát triển nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc mới. có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội và có khả năng quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động tại các đơn vị kinh doanh, cũng như tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực này.	Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đại học ngành kế toán nhằm đào tạo các cử nhân kế toán có kiến thức nền tảng về kế toán kiểm toán, có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán kiểm toán phù hợp với yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế. Có khả năng phát triển nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài.	Bổ sung nội dung: Đào tạo NH có khả năng NCKH, có trách nhiệm nghề nghiệp, có ý thức và khả năng tự học để thích ứng với sự phát triển không ngừng của khoa học và nghề nghiệp. Có khả năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài
Mục tiêu cụ thể: - Mục tiêu 01: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu	- Mục tiêu 01: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức	Về số lượng: mục tiêu được thay đổi từ 03

các kiến thức chuyên môn trong ngành kế toán - Mục tiêu 02: Có kiến thức tốt về kế toán, có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên môn; Có khả năng phân tích thông tin về hoạt động kinh doanh, trong các đơn vị kế toán phục vụ cho việc ra quyết định điều hành trong các tổ chức kinh tế, xã hội - Mục tiêu 03: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa	chuyên môn trong ngành kế toán và khả năng học tập ở trình độ cao hơn (MT1) - Mục tiêu 02: Có kiến thức vững chắc về kế toán, có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên môn; có khả năng ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc. Có khả năng phân tích thông tin về hoạt động kinh doanh, phân tích tài chính trong các đơn vị kế toán phục vụ cho việc ra quyết định điều hành trong các tổ chức kinh tế, xã hội trước xu thế hội nhập. - Mục tiêu 03: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia - Mục tiêu 04: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội	mục tiêu lên 04 mục tiêu. Về nội dung: Các mục tiêu đề cập đến kỹ năng sinh viên ra trường sẽ thích ứng với điều kiện làm việc trong môi trường hội nhập, làm việc tại các đơn vị kinh tế có yếu tố nước ngoài.
--	---	--

Mục tiêu của chương trình đào tạo cũng như kết quả học tập mong đợi được xác định rõ ràng theo các văn bản quy định về xây dựng chương trình đào tạo với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ ĐH. Tỷ lệ khối lượng kiến thức của CTĐT thể hiện trong bảng 1.1.2 dưới đây:

Bảng 1.1.2. Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT

TT	Khối kiến thức	Yêu cầu tỷ lệ tín chỉ theo Thông báo 314/CV-ĐHGTVT	Số tín chỉ	Mức độ tỷ lệ tín chỉ đạt được
1	Đại cương	30%-40%	43	30,7 %
2	Cơ sở ngành	30%-40%	48	34,3 %
3	Chuyên môn ngành	25%-35%	49	35,0 %
	Tổng		140	100 %

Số liệu trên đây đúng như quy định trong Nghị định 99/2019/NĐ-CP [Exh.01.01.05]

Mục tiêu đào tạo cử nhân Kế toán tổng hợp Việt - Anh của Trường ĐHGTVT hướng đến đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHGTVT theo định hướng lý thuyết luôn đi kèm với thực hành [Exh.01.01.06], tầm nhìn và sứ mạng của Khoa [Exh.01.01.07] tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước, phù hợp với Mục tiêu trong Luật Giáo dục ĐH 2012 [Exh.01.01.08] và năng lực theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thể hiện được tính kết nối như sau:

Bảng 1.1.3: Tính kết nối giữa Mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục ĐH với mục tiêu giáo dục và Tầm nhìn – Sứ mạng tại ĐHGTVT

Mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục ĐH và Khung trình độ quốc gia	Mục tiêu giáo dục thể hiện trong chiến lược 2008-2020 (bản điều chỉnh chiến lược 2020-2025 và định hướng 2030)	Tầm nhìn và Sứ mạng của ĐHGTVT
---	---	---------------------------------------

Mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục ĐH và Khung trình độ quốc gia là đào tạo trình độ ĐH để SV có: Kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên – xã hội; - Kỹ năng thực hành cơ bản; Khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.	Là một trường ĐH top đầu trong hệ thống các trường đại học, Trường ĐH GTVT hướng tới mục tiêu: - Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu; - Xây dựng, phát triển các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học mạnh, có uy tín và năng lực xuất khẩu tri thức, chuyển giao công nghệ, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông vận tải; - Đảm bảo chất lượng đào tạo theo chuẩn mực quốc tế; - Kiến tạo môi trường giáo dục chủ động và sáng tạo, hình thành ý thức học tập suốt đời, thích ứng với mọi điều kiện hoàn cảnh; Có trách nhiệm với cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước	Tầm nhìn: Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm Châu Á. Sứ mạng: Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.
--	---	--

Bảng 1.1.4: Tính kết nối giữa Sứ mạng của ĐHGTVT, Sứ mạng của Khoa và MTĐT của chương trình

Sứ mạng của ĐHGTVT	Sứ mạng của Khoa VT-KT và Khoa ĐTQT	MTĐT của chương trình
Trường ĐH GTVT có sứ mạng đào tạo, nghiên cứu	Sứ mạng của Khoa Vận tải – Kinh tế: Khoa Vận tải – Kinh tế, Trường Đại học Giao thông Vận tải có sứ mạng đào tạo cho ngành giao thông	- Mục tiêu 01: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn trong ngành kế toán và khả năng học tập ở

khoa học, chuyên giao công nghệ chất lượng cao theo xu thế hội nhập có trách nhiệm xã hội nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành giao thông vận tải và đất nước.	vận tải và cho đất nước những cán bộ khoa học kỹ thuật có năng lực và yêu nghề, có khả năng sáng tạo và tính nhân văn, có chuyên môn thuộc các ngành: Khai thác vận tải, Kinh tế vận tải, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, Tài chính-ngân hàng, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyên giao công nghệ và các hoạt động khác của Khoa Vận tải – Kinh tế nhằm mang lại những lợi ích với chất lượng tốt nhất cho cộng đồng và xã hội. - Sứ mạng của khoa ĐTQT: Hội nhập Quốc tế sâu rộng trong đào tạo; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo theo chuẩn Quốc tế	trình độ cao hơn (MT1) - Mục tiêu 02: Có kiến thức vững chắc về kế toán, có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên môn; có khả năng ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc. Có khả năng phân tích thông tin về hoạt động kinh doanh, phân tích tài chính trong các đơn vị kế toán phục vụ cho việc ra quyết định điều hành trong các tổ chức kinh tế, xã hội trước xu thế hội nhập. - Mục tiêu 03: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia - Mục tiêu 04: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội
---	---	--

Kết quả học tập mong đợi của CTĐT 2022 gồm nhiều nội dung, trong đó hàm chứa: SV có kiến thức chuyên môn thực tế, có các kỹ năng tối thiểu cần thiết (thể hiện trong ma trận CDIO cấp độ 3) để thực hiện tốt các công việc đảm nhận. Kết quả học tập mong đợi đó phản ánh được nhu cầu của các bên liên quan (nhà tuyển dụng, CSV, SV, GV). Điều này được khẳng định bởi vì trong quy trình xây dựng CĐR và CTĐT 2022 có bước thu thập ý kiến của các bên liên quan, chỉnh sửa theo góp ý của họ [Exh.01.01.09]. Đối với việc điều chỉnh chương trình đào tạo năm 2022, Bộ môn cũng đã tham khảo ý kiến người liên quan với tinh thần khách quan, các ý kiến rõ ràng, thực tế và cụ thể hơn

[Exh.01.01.10]

Kết quả học tập mong đợi của CTĐT 2022 nhằm đáp ứng định hướng phát triển của nhà trường, trong đó, tập trung nâng cao chất lượng đào tạo ra đội ngũ có trình độ kiến thức, kỹ năng quản lý điều hành, kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ cũng như phẩm chất, thái độ nghề nghiệp phù hợp và tham gia vào cộng đồng kinh tế khu vực.

2.1.2. Kết quả học tập mong đợi của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Trong CTĐT 2022 này CĐR được xác định dựa trên các nhóm kiến thức; kỹ năng nghề nghiệp. Các nhóm kiến thức và kỹ năng đó được phân nhiệm cho các học phần để các học phần đó cung cấp kiến thức, kỹ năng cho SV đạt được CĐR.

Mỗi học phần đều có chuẩn đầu ra, được trình bày trong bản đề cương của học phần đó. Đặc biệt là các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành, chuẩn đầu ra của các học phần này bao quát phần lớn CĐR của CTĐT, ma trận CĐR các học phần thể hiện trong bảng Ma trận CĐR các học phần [\[Exh.01.02.01\]](#), Ma trận CĐR này cũng tương thích với CĐR thể hiện trong ma trận CDIO của CTĐT

CĐR phản ánh được các yêu cầu chung và yêu cầu riêng biệt của ngành kế toán, được thể hiện qua bảng tương thích giữa CĐR với MTĐT [\[Exh.01.02.02\]](#)

CĐR của CTĐT được chi tiết thành 13 CĐR từ CĐR1 đến CĐR13 và xác định dựa trên 4 nhóm kiến thức và kỹ năng. Bốn nhóm kiến thức và kỹ năng này được phân bổ cho 53 học phần, được thiết kế một cách hài hòa, cân đối. Để làm được điều này BM KTKT đã thiết kế ma trận CDIO đúng theo các văn bản quy định của nhà trường [\[Exh.01.02.03\]](#), [\[Exh.01.02.04\]](#) các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được chọn ra một số học phần mang tính cốt lõi, bố trí mức độ Bloom 4 đến Bloom 5 (học phần Thực hành kế toán, Thực tập tốt nghiệp, Đồ án tốt nghiệp) [\[Exh.01.02.05\]](#).

Ngoài các CĐR của chương trình đào tạo giúp NH đạt được sau khi hoàn thành khóa học, các điều kiện tiên quyết mà người học cần đáp ứng như chứng chỉ Giáo dục Thể chất [\[Exh.01.02.06\]](#), chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh [\[Exh.01.02.07\]](#), [\[Exh.01.02.08\]](#), [\[Exh.01.02.09\]](#) chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định [\[Exh.01.02.10\]](#).

Ví dụ: Học phần “Thuế và kế toán thuế”, học phần này thiết kế 3 tín chỉ, giảng dạy ở học kỳ thứ 7, được phân nhiệm cho 3 kỹ năng: 2.5 (đạo đức công bằng và trách nhiệm), 3.2 (kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp) và 3.3 (giảng dạy bằng ngoại ngữ tiếng anh) **[Exh.01.02.05]**, như vậy học phần Thuế và kế toán thuế sẽ góp phần đạt được CĐR7, CĐR9 và CĐR10 trong bảng CĐR của CTĐT.

Học phần đồ án tốt nghiệp thiết kế 10 TC, mức độ Bloom5, phân nhiệm các kỹ năng 2.2, 2.5, 3.2, 4.1 và 4.2 **[Exh.01.02.05]**, học phần này góp phần đạt được CĐR6, CĐR9 và CĐR13

Các học phần khác của CTĐT được phân nhiệm cho các kỹ năng để đạt được các CĐR còn lại (CĐR1, CĐR2, CĐR3 CĐR4 ... CĐR13)

2.1.3. Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo bao gồm các chuẩn tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm) và chuẩn chuyên ngành (liên quan đến chuẩn kiến thức của chuyên ngành đào tạo)

Chuẩn đầu ra của CTĐT 2022 đảm bảo người học đạt được các kết quả về chuyên môn cũng như các chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng – an ninh, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định thì người học sau khi tốt nghiệp đại học ngành KTTH Việt – Anh phải đạt các yêu cầu cụ thể:

Về kiến thức:

- Vận dụng được các kiến thức về những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh để có được nhận thức và hành động đúng trong cuộc sống, trong học tập và lao động nghề nghiệp;

- Hiểu được nội dung cơ bản của đường lối đấu tranh cách mạng, các bài học về lý luận và thực tiễn của Đảng Cộng sản Việt Nam để có nhận thức và hành động đúng trong thực tiễn;

- Hiểu biết về Pháp luật Việt Nam và kiến thức Khoa học xã hội và Nhân văn;

- Hiểu và vận dụng được những kiến thức khoa học cơ bản về thể dục thể thao vào quá trình tập luyện, tự rèn luyện để củng cố và tăng cường sức khỏe thể chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng;

- Đánh giá và phân tích được các vấn đề an ninh, quốc phòng và có ý thức hành động phù hợp để bảo vệ tổ quốc;

- Có kiến thức cơ bản về Toán học, Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật cơ sở phù hợp với ngành được đào tạo, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành;

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành) để khai thác, ứng dụng các phần mềm chuyên ngành;

- Có trình độ ngoại ngữ đạt mức tương đương bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc do Bộ GD&ĐT ban hành.

- Có kiến thức chuyên môn và khả năng vận dụng để giải quyết các vấn đề thuộc ngành kế toán

Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề thuộc ngành kế toán, cụ thể:
- Kỹ năng thiết kế hệ thống chứng từ kế toán để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp;

- Kỹ năng ghi sổ kế toán từ các chứng từ đã thiết lập theo đúng quy trình ghi sổ
- Kỹ năng lập các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị
- Kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán;
- Kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ thuật; trình bày, giải đáp và phản biện các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo qua lời nói, hình ảnh, các bản vẽ và các phần mềm chuyên ngành.

- Kỹ năng làm việc theo nhóm, giao tiếp trong chuyên ngành, trình bày, thuyết trình, đàm phán, kỹ năng trình bày văn bản.

Về thái độ:

- Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp.

- Có khả năng tự tiếp thu kiến thức nghề nghiệp và học tập suốt đời; khả năng làm việc độc lập và hoạt động hiệu quả trong nhóm.

- Có phương pháp làm việc khoa học

CDR về chuyên môn, kỹ năng, thái độ còn được cụ thể hóa trong CDR của từng học phần, đã góp phần đạt được CDR của ngành KTTH, được thể hiện trong ma trận tích hợp CDR của các môn học trong CTĐT

CTĐT ngành kỹ KTTH Việt – Anh được xây dựng bao gồm các kiến thức và kỹ năng thể hiện đầy đủ và mô tả chi tiết thông qua 13 CDR đã được công bố và tổ chức hội thảo lấy ý kiến, cụ thể như Bảng 1.1.5 dưới đây:

Bảng số 1.1.5. Bảng mô tả chi tiết chuẩn đầu ra của CTĐT

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết
CDR1	Hiểu và vận dụng các kiến thức cần thiết về toán học và khoa học cơ bản.	A1: Có kiến thức toán học để tính toán, xác định giá nhập kho, xuất kho nguyên vật liệu, hàng hóa, thành phẩm. A2: Có kiến thức toán học tổng hợp để xác định được giá thành sản phẩm, lao vụ, v.v
CDR2	Hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng kiến thức cốt lõi về kinh tế và kế toán	B1: Hiểu được các quy luật kinh tế thị trường, sự biểu hiện của các quy luật trong hoạt động của doanh nghiệp. B2: Hiểu được các nội dung của các chuẩn mực kế toán, luật kế toán, các thông tư liên quan để hạch toán kế toán
CDR3	Nắm vững các kiến thức cơ sở kỹ thuật nâng cao về kế toán trong môi trường hội nhập kinh tế quốc tế.	C1: Hiểu được các nội dung về nguyên lý kế toán. C2: Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc kế toán C3: Hiểu và vận dụng được các phương pháp kế toán
CDR4	Có kỹ năng lập luận phân tích và giải quyết vấn đề liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp về lĩnh vực tài chính kế toán	D1: Hiểu và vận dụng được các hình thức ghi sổ kế toán, qua đó tổng hợp lên báo cáo tài chính. D2: Hiểu và phân tích được các số liệu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp
CDR5	Có kỹ năng tìm tòi và khám phá những luận điểm về tài chính và kế toán trong doanh nghiệp	E1: Có kỹ năng chi tiết và tổng hợp các số liệu để làm rõ hơn về thông tin kế toán, phục vụ người sử dụng thông tin E2: Có kỹ năng phán đoán tình hình tài chính của doanh nghiệp khi xem số liệu trên báo cáo tài chính

CDR6	Có khả năng tư duy hệ thống vào trong các vấn đề thuộc ngành Kế toán; trong đó trọng tâm ở tư duy hình thành và cụ thể hóa các ý tưởng phục vụ công tác quản lý doanh nghiệp.	F1: Hiểu và lên được các báo cáo kế toán quản trị, đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản trị doanh nghiệp F2: Có khả năng tư duy, phán đoán liên quan đến số liệu kế toán để đưa ra ý kiến góp ý cho lãnh đạo
CDR7	Có các kỹ năng nghề nghiệp chuyên nghiệp về kế toán, có tính chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh.	G1: Có kỹ năng xử lý tất cả các nghiệp vụ kinh tế đứng trên phương diện kế toán. G2: Có kỹ năng chẩn đoán những tình huống phát sinh ngoài những nghiệp vụ kinh tế truyền thống, qua đó để hạch toán nghiệp vụ đúng quy định
CDR8	Có các kỹ năng cần thiết trong các hoạt động và làm việc nhóm	I1: Có khả năng tham gia vào nhóm làm việc với tinh thần chủ động, gương mẫu để giải quyết vấn đề của nhóm I2: Có khả năng tổ chức và quản lý nhóm làm việc như xác định mục tiêu, lên kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc. I3: Có kỹ năng viết báo cáo kết quả làm việc của nhóm, đề xuất được những giải pháp cải thiện kết quả
CDR9	Có kỹ năng giao tiếp cơ bản và giao tiếp điện tử, đa phương tiện, đa truyền thông. Có kỹ năng tin học, thuyết trình, phản biện và giải quyết xung đột	K1: Có kỹ năng giao tiếp trực tiếp hiệu quả thông qua biết lựa chọn phương tiện và công cụ giao tiếp khoa học, hiểu được quy trình giao tiếp và ý nghĩa của công tác chuẩn bị trong giao tiếp. K2: Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin phục vụ giao tiếp như soạn thảo văn bản thành thạo, kỹ năng trình chiếu, thuyết trình trước hội nghị.
CDR10	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc và các hoạt động chuyên môn	Đạt được chuẩn ngoại ngữ khi ra trường theo quy định của cơ sở đào tạo, có khả năng vận dụng kiến thức ngoại ngữ phục vụ cho công việc
CDR11	Có khả năng tổ chức thực hiện các quá trình	M1: Có kỹ năng tổ chức công tác kế toán cho doanh nghiệp, M2: Có kỹ năng lựa chọn hình thức ghi sổ kế toán

	hoạt động và vận dụng các kiến thức tổng hợp để vận hành, triển khai quy trình công tác kế toán	phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp M3: Có kỹ năng tổng hợp số liệu kế toán để lên được báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị
C ĐR12	Có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội	N1: Có thái độ và tinh thần làm việc chuyên nghiệp. N2: Có trách nhiệm cao với công việc mình đảm nhận, bởi vì các phần hành kế toán trong doanh nghiệp luôn có kết nối và chia sẻ với nhau thì mới hoàn thành tốt được công việc kế toán N3: Có trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng
C ĐR13	Có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với hoàn cảnh của doanh nghiệp và nền kinh tế	O1: Có ý thức cầu thị, sai thì nhận sai để hoàn thiện bản thân, không đổ đốn gia trưởng. O2: Có ý thức và mong muốn học hỏi để nâng giá trị bản thân. O3: Có đạo đức, tư cách tốt phù hợp với những chuẩn mực và nội quy làm việc của doanh nghiệp

Mục tiêu và CDR của CTĐT được xây dựng dựa trên quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của Bộ GD&ĐT [**Exh.01.03.01**], bộ tiêu chuẩn CDIO [**Exh.01.03.02**], tầm nhìn – sứ mạng, chiến lược của Trường ĐH GTVT, quy định về quy trình, hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo [**Exh.01.03.03**], ý kiến phản hồi từ các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng, CSV, SV năm cuối và GV [**Exh.01.03.04**], Biên bản họp của hội đồng khoa học, CTĐT cũng đã được khoa VT-KT, khoa ĐTQT và nhà trường phê chuẩn và ra quyết định thực hiện [**Exh.01.03.05**], [**Exh.01.03.06**]

Kỹ năng giao tiếp mà người học sẽ có được bao gồm cả kỹ năng giao tiếp trực tiếp và kỹ năng giao tiếp qua các văn bản. Đặc điểm của công việc kế toán là qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, người làm kế toán phải phán đoán được nghiệp vụ đó sẽ phải thực hiện theo quy trình bắt đầu từ đâu và kết thúc ở đâu, các chứng từ phải có để minh chứng cho nghiệp vụ phát sinh và chúng phải phù hợp với các quy định của nhà nước (Bộ Tài

chính) **[Exh.01.03.07]** vì vậy người học phải có kỹ năng giao tiếp trực tiếp với các cá nhân có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giúp họ thực hiện nghiệp vụ kinh tế đúng như các chuẩn mực kế toán và các văn bản quy định hiện hành về kế toán, chứng từ.

Kỹ năng giao tiếp qua văn bản, nghĩa là người học nhìn vào chứng từ kế toán do bộ phận khác thiết lập, họ phải hiểu được bản chất của nghiệp vụ kinh tế mà chứng từ phản ánh là gì, sử dụng chứng từ đó để hạch toán ghi sổ kế toán như thế nào. Các môn học trong chương trình đào tạo đã được thiết kế sẽ cung cấp cho người học kỹ năng tổng quát của chương trình đào tạo cũng như các kỹ năng cụ thể liên quan đến từng phần hành kế toán diễn ra ở đơn vị mà người học sẽ đảm nhận công việc. **[Exh.01.03.08]**

Tuy nhiên, đây là CTĐT chất lượng cao, SV ra trường cần đạt yêu cầu rất quan trọng đó là trình độ ngoại ngữ theo đúng Đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc Đại học hệ chính quy Chương trình tiến tiến và Chất lượng cao của Trường ĐH GTVT **[Exh.01.03.09]**

2.1.4. Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi

Để có được một CTĐT phù hợp với mong muốn của các bên liên quan, Nhà trường, Khoa ĐTQT, BM tiến hành các bước sau đây:

Bước 1: Nhà trường thành lập các tiểu ban XDCT đào tạo CLC **[Exh.01.04.01]**

Bước 2: Tiểu ban xây dựng CTĐT nghiên cứu CDR và CTĐT Kế toán tổng hợp chuẩn để xây dựng bản thảo CDR, CTĐT và ma trận CDR của CTĐT chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt – Anh trình độ đại học **[Exh.01.04.02], [Exh.1.04.03]**

Bước 3: Tiểu ban kết hợp khoa ĐTQT gửi bản thảo về CDR và CTĐT đến các bên liên quan (DN, Cựu SV, Người học, GV) để góp ý. **[Exh.01.04.04]**

Bước 4: Tiểu ban tiếp nhận ý kiến các bên liên quan, chỉnh sửa theo ý kiến góp ý. **[Exh.01.04.05], [Exh.01.04.06]**

Bước 5: Tiểu ban họp và thống nhất CTĐT để gửi khoa ĐTQT và nhà trường ra QĐ **[Exh.01.04.07]**

Trong sơ đồ trên, việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được thực hiện rất bài bản,

đúng quy trình các ý kiến góp ý được tiểu ban XD CTĐT thu thập thông tin, phân tích các ý kiến đóng góp, thấu hiểu ý kiến thực chất của các bên liên quan, thêm những gì, bớt những gì, thay đổi những gì, tất cả được ghi chép lại trong biên bản phân tích đánh giá ý kiến, nhiều ý kiến rất có ý nghĩa vì nó xuất phát từ chính người sử dụng lao động, từ cựu sinh viên.

Tiểu ban XD CTĐT đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và cập nhật CDR của chương trình đào tạo. So sánh với chương trình đào tạo năm 2018, CDR của chương trình đào tạo 2022 đã được xây dựng và phát biểu lại theo yêu cầu đặc thù định hướng phát triển của Nhà trường, của các bên liên quan và thị trường lao động, nội dung hoàn thiện được thể hiện qua bảng 1.1.6 so sánh dưới đây:

Bảng 1.1.6: Bảng so sánh CDR của CTĐT năm 2022 với CTĐT 2018

Khác nhau	
CDR của CTĐT 2018	CDR của CTĐT 2022
- Được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt và phù hợp với MTĐT. - Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về CDR theo cấp độ 3 CDIO của CTĐT chưa được thực hiện. Yêu cầu của các bên liên quan mới được phản ánh thông qua MTĐT và một số ý kiến về CTDH.	- Được phát biểu rõ ràng, trong đó bao gồm nhấn mạnh các kỹ năng cần thiết phù hợp với điều kiện, môi trường làm việc thay đổi khi ra trường của Người học. - Phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, ý kiến đóng góp của các bên liên quan được tiểu ban XD CTĐT tiếp thu để điều chỉnh CDR

2.1.5. Chương trình đào tạo thể hiện người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp

Chương trình đào tạo mà BM xây dựng luôn luôn có sự hiệu chỉnh (định kỳ hoặc hàng năm) để nó phù hợp với điều kiện và môi trường mới.

Mỗi học phần được thiết kế mức độ Bloom tương ứng với các kỹ năng mà người học cần đạt được. Việc người học thi đạt ở mức tối thiểu quy định phần nào khẳng định người học tích lũy được các kiến thức và kỹ năng đã được xây dựng và đặt ra. Trong trường hợp SV không đạt một học phần nào đó đồng nghĩa với các kiến thức và kỹ năng mà học phần đó đòi hỏi thì người học chưa tích lũy đủ, họ phải có học lại học phần đó

đến khi nào đạt thì thôi. Việc học kết thúc khi mà tất cả các học phần đã được người học dự thi và đạt điểm chuẩn theo quy định.

Hình thức thi để đánh giá các học phần có thể là Trắc nghiệm, Tự luận, Thiết kế đồ án, hoặc kết hợp nhiều hình thức trong một đề thi. Tùy học phần trong chương trình đào tạo mà BM thiết kế đề thi phù hợp **[Exh. 01.05.01]**

Bộ môn có một nguyên tắc là “Giảng viên dạy học phần nào thì sẽ không chấm chính bài thi của người học ở học phần đó, họ chỉ tham gia chấm với vai trò là người chấm thứ hai”. Tuy nhiên vì là người theo suốt với người học ở học phần đó nên GV đang dạy học phần là người đánh giá điểm thành phần theo đúng quy định của nhà trường **[Exh.01.05.02], [Exh.01.05.03] [Exh.01.05.04]**, riêng học phần đồ án tốt nghiệp thì có cả GV hướng dẫn và GV phản biện đồ án cho điểm thành phần, còn hội đồng chấm đồ án sẽ đánh giá điểm kết thúc học phần **[Exh.01.05.05]**. Việc đánh giá từng học phần như vậy là rất khách quan và công bằng

Học phần Đồ án tốt nghiệp có thời lượng 10 TC, đây là học phần tổng hợp, SV phải tích lũy được các kiến thức và kỹ năng cần thiết thì mới hoàn thành được nội dung đồ án. Với chuyên ngành là kế toán tổng hợp, các học phần quan trọng cung cấp kiến thức và kỹ năng cho SV bao gồm: Nguyên lý kế toán 4 TC, Kế toán tài chính F1, F2, F3, Thuế và kế toán thuế, Thực hành kế toán. Nếu SV hiểu, biết và thực hành được các nội dung trong các học phần đó thì việc làm đồ án tốt nghiệp trở nên nhẹ nhàng và đơn giản. Chính vì vậy việc SV hoàn thành và được đánh giá đạt học phần đồ án tốt nghiệp tương đương với việc SV đã đạt CDR của CTĐT.

Theo số liệu thống kê, đánh giá, sinh viên tốt nghiệp đạt được các mục tiêu (04 mục tiêu) mà CTĐT đã đề ra thể hiện trong bảng số 1.1.7 sau đây:

Bảng số 1.1.7. Mức độ đạt được Kết quả học tập mong đợi

Kết quả học tập mong đợi	Mức đạt được kết quả học tập mong đợi			
	25%	50%	75%	100%
PLO1		X	x	

PLO2				X
PLO3	X	x	x	
PLO4		x	x	

2.2 Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

2.2.1. Bản mô tả CTĐT và đề cương các HP đầy đủ thông tin, cập nhật được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận

Năm 2018 CTĐT ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) đều được rà soát, đánh giá theo kế hoạch và hướng dẫn của trường Đại học GTVT. [Exh.02.01.14]

Năm 2021 Chương trình tiếp tục được nghiên cứu và xây dựng theo hướng dẫn của trường Đại học GTVT [Exh.02.01.05], nghị định 99/2021 [Exh.02.01.15] và kết quả khảo sát ý kiến đánh giá của các bên liên quan [Exh.02.01.16]. Theo đó CTĐT giữa các năm 2018 [Exh.02.01.02] và 2021 [Exh.02.01.01] đã có sự thay đổi về nội dung cụ thể như sau:

Bảng 2.2.1. Thay đổi CTĐT năm 2021, 2018

Diễn giải	CTĐT năm 2018	CTĐT năm 2021
Nội dung bản mô tả CTĐT	- Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến. - Cấu trúc khóa học. - CDR của chương trình - Vị trí làm việc sau khi ra trường - Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp - Chương trình đào tạo tham khảo - Bản mô tả 54 HP của ngành.	- Tóm tắt mục tiêu đào tạo và kết quả học tập dự kiến. - Cấu trúc khóa học. - CDR của chương trình học theo các Los - Vị trí làm việc sau khi ra trường - Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp - CTĐT tham khảo - Các kiến thức mà từng HP của CTĐT cung cấp nhằm góp phần đạt CDR của chương trình thể hiện ở bản ma trận tích hợp CDR các môn học trong CTĐT. - Bản mô tả 53 HP của ngành
Cấu trúc CTĐT	Tổng 142 TC bao gồm: - Các môn đại cương: 46 TC - Các môn cơ sở: 39	Tổng 140 TC bao gồm: - Các môn đại cương: 43 TC - Các môn cơ sở: 48 TC - Các môn ngành, chuyên ngành: 49 TC

	TC - Các môn ngành, chuyên ngành 57 TC	
Thay đổi về môn học so với trước	- Bổ sung môn học khoa học quản lý 02 TC - Giảm 01 TC môn pháp luật kinh tế - Giảm 01 TC môn kiểm toán căn bản - Sắp xếp thứ tự một số môn học để phù hợp với chương trình đào tạo	Cấu trúc môn học được đánh giá lại toàn diện và có nhiều thay đổi so với trước đây. Một số thay đổi lớn có thể kể đến - Bổ sung các môn học nhập môn ngành kế toán, phương pháp học đại học, thống kê trong kinh tế và kinh doanh, thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán, thực hành kế toán, kế toán tài chính F3 - Bổ sung thêm nhiều môn tự chọn: đầu tư tài chính, logistics, quản trị tài chính, kỹ năng quản trị, kiểm toán nội bộ, kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa - Bớt bớt một số môn học: kỹ năng mềm, pháp luật căn bản, nguyên lý thống kê và thống kê doanh nghiệp, kế toán dịch vụ, kế toán công ty. - Thay đổi số TC của nhiều môn học.

Chương trình đào tạo ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) hiện nay của trường Đại học GTVT gồm có 53 HP **[Exh.02.01.01]**. Mỗi HP đều có đề cương chi tiết bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định:

- Thông tin về GV
- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã, số tín chỉ, HP là bắt buộc hay tự chọn, các HP tiên quyết, HP học trước, HP song hành số giờ đối với lý thuyết, thực hành, tự học.
- Mục tiêu môn học: kiến thức và kỹ năng được trình bày theo các chuẩn đầu ra
- Tóm tắt nội dung học phần.
- Nội dung chi tiết học phần.
- Học liệu.
- Nội dung môn học, hình thức tổ chức và dạy học
- Phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá kết quả học tập môn học.

Định kỳ CTĐT được rà soát, điều chỉnh thì đề cương chi tiết của các HP **[Exh.02.01.03, Exh.02.01.04]** cũng được điều chỉnh. Hội đồng khoa học Khoa dựa vào mục tiêu đào tạo, CDR, phản hồi từ các bên liên quan như cựu SV, GV và nhà tuyển dụng đã cân nhắc chỉnh sửa CTĐT cho hợp lý hơn **[Exh.02.01.06, Exh.02.01.07]**. So với năm 2018 thì đề cương chi tiết các HP từ năm 2021 đã được đánh giá lại và điều chỉnh về

nội dung, phương pháp giảng dạy, đánh giá một cách phù hợp. Đặc biệt các kết quả học tập được đánh giá theo các CDR [Exh.02.01.08].

CTĐT và CDR của ngành kế toán đều được đăng tải công khai trên website của trường Đại học GTVT. Các nội dung đều dễ tìm kiếm giúp cho người học, nhà tuyển dụng, cựu người học và các bên có liên quan có thể dễ dàng tiếp cận [Exh.02.01.09]. Trong CTĐT cũng được bổ sung môn học “Nhập môn ngành kế toán” với thời lượng là 3 TC được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Môn học này giúp GV có thể giải thích đầy đủ cho người học về nội dung CTĐT ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh), vai trò ý nghĩa của các HP trong CTĐT và các kết quả về kiến thức và kỹ năng SV sẽ đạt được khi ra trường giúp cho SV hiểu được ngành học và CTĐT, lên kế hoạch học tập phù hợp để đạt kết quả tốt nhất [Exh.02.01.10]. Ngoài ra để giúp cho SV hiểu rõ và có kế hoạch học tập chủ động, CTĐT còn được phổ biến trong tuần sinh hoạt đầu khóa của tân SV [Exh.02.01.11]. Những thông tin CTĐT đều được các GV giải đáp tư vấn cho các thí sinh muốn tìm hiểu về ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) trường Đại học GTVT trong các buổi tư vấn tuyển sinh [Exh.02.01.12]. Đây là thông tin giúp các phụ huynh và SV tiềm năng hiểu về CTĐT, để lựa chọn ngành học. Các nhà tuyển dụng nắm bắt được các kiến thức và kỹ năng/năng lực cũng như phẩm chất của đối tượng dự tuyển và phản hồi về những điểm cần thay đổi, cập nhật để đảm bảo yêu cầu công việc của SV sau khi ra trường

Đề cương môn học được GV giảng dạy cung cấp cho SV theo dõi khi bắt đầu môn học. Các bản mô tả CTĐT và mô tả môn học được các CVHT tuyên truyền cho SV khi có sự thay đổi trong các buổi họp định kỳ, giải thích, tư vấn cho SV trong quá trình đăng ký môn học, hoặc các vấn đề liên quan..

Bản mô tả CTĐT là thông tin quan trọng để nhà trường triển khai các kế hoạch đào tạo. Các BM dựa vào đó để phân công giảng dạy [Exh.02.01.13], các GV cũng nắm được tổng thể CTĐT để kiểm tra tính logic của môn học. Thanh tra dựa vào đó để có kế hoạch kiểm tra thường xuyên đảm bảo hoạt động dạy/học được thực hiện nghiêm túc.

2.2.2. Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với kết quả học tập mong đợi

CTDH ngành kế toán tổng hợp Việt - Anh đã được nhà trường công bố năm 2018 [Exh.02.01.02] sau khi được hội đồng Khoa học và đào tạo nghiệm thu [Exh.02.01.06]

và tiếp tục được cải tiến theo CDIO và Nghị định 99 trong năm 2021 **[Exh.02.01.01]**. CTDH ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) năm 2021 được xây dựng trên cơ sở đề cương chi tiết **[Exh.02.01.04]**, CDR **[Exh.02.01.08]** và bản mô tả CTĐT **[Exh.02.02.01]** đã được điều chỉnh theo hướng dẫn của Nhà trường, bao gồm các nội dung:

- Mục tiêu đào tạo.
- CDR của ngành và CDR của mỗi học phần.
- Nội dung đào tạo.
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần.

Sự đồng bộ giữa CTĐT ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) với CDR được thể hiện ở ma trận CDR **[Exh.02.01.08]**. Ngoài các kiến thức nghề nghiệp SV được bồi dưỡng kỹ năng mềm qua môn học phương pháp học đại học và nhập môn ngành kế toán được dạy học kỳ 2 năm thứ nhất. Ngoài ra SV ược hoàn thiện các kỹ năng mềm thông qua bài thảo luận nhóm, bài thuyết trình, bài tập lớn được xây dựng phù hợp trong các học phần. CTĐT cũng xây dựng HP thực tập tốt nghiệp theo đó SV sẽ được gửi đi thực tập ở phòng kế toán của các DN trong 5 tuần để SV có tìm hiểu và học hỏi các công việc kế toán thực tế phát sinh ở DN **[Exh.02.02.02]**. Sau khi kết thúc quá trình thực tập SV thu thập đủ dữ liệu và thực hiện đồ án tốt nghiệp – mô tả công tác kế toán ở một phần hành trọng yếu của DN, nhận xét đánh giá ưu và nhược điểm công tác kế toán DN nói chung và phần hành kế toán SV thực hiện nói riêng từ đó xây dựng các giải pháp cần thiết để hoàn thiện công tác kế toán. **[Exh.02.02.03]**. Để đạt được chuẩn đầu ra, CTĐT được bố trí hợp lý các môn học theo cấu trúc và trình tự hợp lý. Ở mỗi HP xây dựng khối lượng lý thuyết, bài tập và thực hành phù hợp. Các phương pháp giảng dạy, đánh giá người học sử dụng linh hoạt phù hợp để đo được SV đã đạt CDR ở mức độ nào, giúp SV biết mình đang ở đâu, có dùng phương pháp học đúng không để điều chỉnh kịp thời. Hiện nay việc học tập được thực hiện với phương châm lấy người học làm trung tâm vì vậy thay vì GV chỉ dạy lý thuyết truyền thống như trước kia thì các hoạt động dạy và học được thiết kế đa dạng bao gồm dạy lý thuyết trên lớp, tổ chức thảo luận nhóm, thảo luận tình huống, thực hiện các lớp học đảo ngược... Các phương pháp đánh giá được thực hiện phong phú phù hợp với các chuẩn đầu ra như các bài trắc

nghiệm, bài thi viết, bài báo cáo, thi vấn đáp, thi thực hành trên máy tính.... Ví dụ đề đáp ứng CDR của môn kế toán tài chính F1 bao gồm CDR 2 áp dụng kiến thức đã học để xử lý các vấn đề kế toán mức độ Bloom TUA 4, CDR 4 có kỹ năng lập luận phân tích giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán mức độ bloom TUA4, và CDR 6 có khả năng tư duy hệ thống trong các lĩnh vực kế toán mức độ Bloom TUA4, môn học được phân bổ theo kết cấu như sau:

Tín chỉ	4
Số tiết lý thuyết học trực tiếp	45
BTL	10
Số tiết bài tập	30
Số tiết tự học	120

Phương pháp đánh giá bao gồm điểm quá trình chiếm 50% và điểm thi kết thúc học phần 50% trong tổng số điểm. Các hình thức kiểm tra đánh giá được thiết kế phù hợp với CDR như sau:

Thành phần đánh giá [1]	Hình thức đánh giá (A.x.y) [2]	CDR học phần (G.x.y) [3]	Tiêu chí đánh giá [4]	Tỷ lệ (%) [5]
A1. Đánh giá quá trình (50%)	A.1.1 Điểm danh	G.1.1	- Đi học đầy đủ, chú ý nghe giảng, trao đổi ý kiến	10%
	A.1.2. Bài kiểm tra giữa kỳ	G.1.2 G.1.3	Vận dụng các kiến thức đã học về kế toán (BL3)	15%
	A.1.3. Bài tập lớn, bài tập tình huống, bài tập môn học	G.1.3 G.2.1 G.2.2 G.3.1 G.3.2	- Khả năng áp dụng lý thuyết để làm bài tập môn học (BL3) - Khả năng tư duy kế toán để xử lý các bài tập tình huống phát sinh các loại hình DN (BL4) - Khả năng tư duy tổng hợp để làm bài tập lớn (BL4)	25%
A2. Đánh giá kết thúc học phần (50%)	A.2.1. Kiểm tra viết cuối kỳ	G.1.3 G.2.1 G.2.2 G.3.1	- Khả năng tư duy để giải thích và giải quyết các tình huống được đặt ra (BL4) - Khả năng vận dụng kiến thức để thực hiện các công việc kế toán trong từng phần hành kế toán (BL3)	50%

Phương pháp dạy và học cũng được thiết kế phù hợp để đạt được các CĐR bao gồm: Thuyết giảng lý thuyết trên lớp, thảo luận tình huống trên lớp và bài tập về nhà. Sinh viên cũng được làm bài tập lớn theo nhóm để hiểu hơn về nội dung môn học và có khả năng liên hệ thực tế phát sinh ở DN. **[Exh.02.02.04]**.

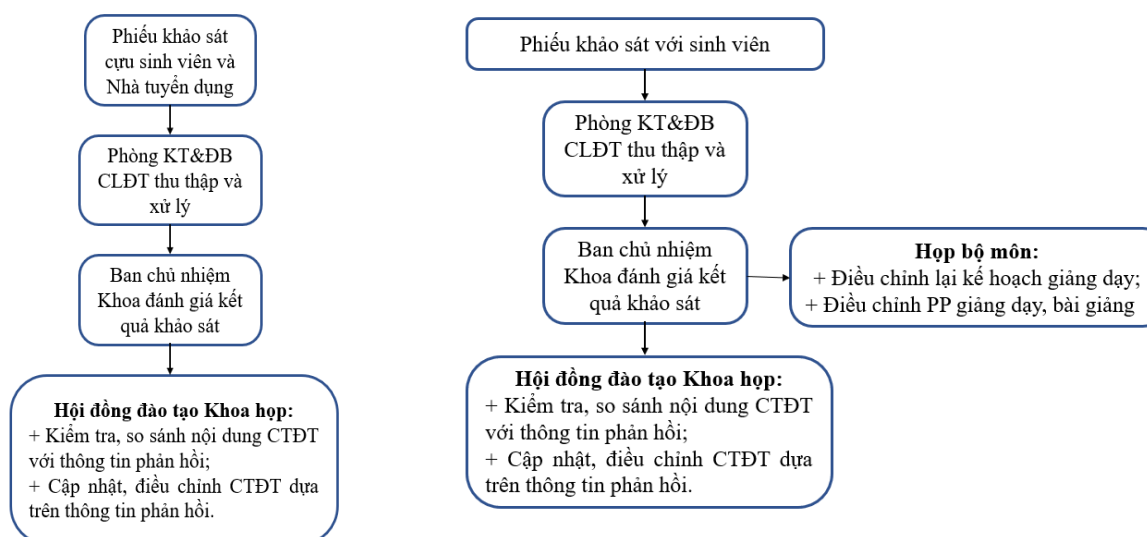
Bảng 2.2.2. Mối quan hệ giữa cấu trúc CTĐT và CĐR

	Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra												
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
A	Kiến thức đại cương (43TC -30.7%)													
1	Lý luận chính trị (11 TC)	X				X		X		X			X	
2	Giáo dục thể chất (4 TC)	X												
3	Giáo dục QPAN (8 TC)	X												
4	Nhập môn ngành (3 TC)		X			X								
5	Tiếng anh (7 TC)			X					X		X			
6	Khoa học tự nhiên (8 TC)	X			X									
7	Phương pháp học đại học (2 TC)		X				X		X					
B	Kiến thức cơ sở ngành (48 TC - 34,3%)	X	X	X	X	X	X	X	X	X			X	X
C	Kiến thức ngành (49 TC – 35%)		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

2.2.3 Thông tin phản hồi của các bên liên quan đặc biệt là các đối tượng bên ngoài được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

Nhà trường với mục tiêu để có CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế, phù hợp với điều kiện của Nhà trường về cơ sở vật chất và đội ngũ, đáp ứng nhu cầu của xã hội và khả năng làm việc của SV sau khi tốt nghiệp đồng thời đảm bảo sự liên thông giữa các ngành và giữa các bậc đại học nên CTĐT định kỳ được rà soát, điều chỉnh. **[Exh.02.01.14, Exh.02.01.05]**

Việc rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới CTĐT, CĐR **[Exh.02.01.01, Exh.02.01.02]** Khoa ĐTQT đã phối hợp với Phòng Đào tạo đại học, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo tổ chức thu thập kiến của các bên liên quan về CTĐT **[Exh.02.01.16]**. Quá trình khảo sát lấy ý kiến Nhà tuyển dụng, cựu SV và SV về CTĐT; từ đó sử dụng kết quả để thiết kế và phát triển CTĐT được thể hiện tại sơ đồ 2.2.1 và sơ đồ 2.2.2



Sơ đồ 2.2.2. Quá trình khảo sát sinh viên

Sơ đồ 2.2.1. Quá trình khảo sát Nhà tuyển dụng và cựu sinh viên

Dựa vào phân tích dữ liệu điều tra của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, Khoa xem xét điều chỉnh tổng thể toàn bộ CTDH: Mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, danh sách các môn học, CDR môn học, đề cương, tiến độ đào tạo dự kiến.

Trong năm 2020, 2021 để rà soát điều chỉnh CTDH của ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh), phòng KT&ĐBCLĐT phối hợp với khoa ĐTQT khảo sát các bên liên quan bao gồm nhà tuyển dụng, GV, Cựu SV, và SV trong khoản thời gian từ 01/02/2021 đến 31/03/2021 Hình thức khảo sát là phát phiếu khảo sát. Kết quả thu hồi được tổng hợp, phân tích, từ đó có điều chỉnh CTĐT và CTDH một cách phù hợp **Exh.02.01.16**. Đối với ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh), dựa trên kết quả khảo sát từ các bên liên quan đặc biệt là cựu SV và nhà tuyển dụng cho thấy SV khi ra trường còn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu về kỹ năng tin học văn phòng, cũng như khả năng xử lý công việc kế toán phát sinh ngoài thực tế, hội đồng khoa học khoa đã nhất trí bổ sung CTDH năm học 2021 **[Exh.02.01.01, Exh.02.01.02]** các môn học: thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán, kế toán tài chính F3, kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa và thực hành kế toán. Thời lượng thực hành kế toán trên máy cũng được gia tăng để phù hợp với yêu cầu thực tế hiện nay khi hầu hết các doanh nghiệp đều sử dụng phần mềm kế toán. Môn học thuế và kế toán thuế cũng được gia tăng lên 3 TC để SV có nhiều thời gian luyện tập công việc liên quan đến lập và

xử lý hồ sơ khai thuế giúp SV tự tin hơn khi ra trường

Nhà trường sau khi kết thúc một khóa học đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học khi tốt nghiệp về công tác giảng dạy của GV trong học kỳ [Exh.02.03.01]. Hoạt động tiếp nhận thông tin phản hồi và nhu cầu các bên liên quan đã giúp đảm bảo nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, phương pháp tổ chức đào tạo và đào tạo SV ra trường đáp ứng tốt thực tế và nhu cầu thị trường.

2.2.4. Mức độ đóng góp của các HP trong việc đạt được kết quả học tập mong muốn được xác định rõ ràng

Mỗi HP trong CTDH khi được xây dựng đều dựa trên CDR của CTĐT Kế toán tổng hợp Việt – Anh [Exh.02.04.01]. CDR của mỗi HP góp phần đạt được CDR của ngành thông qua ma trận tích hợp CDR [Exh.02.01.08] của các HP trong CTĐT [Exh.02.01.01].

Trật tự các HP được sắp xếp một cách hợp lý (từ các HP cơ bản đến nâng cao) đảm bảo cho việc lĩnh hội kiến thức theo đúng trình tự logic (SV cần tham gia học các phần trước theo yêu cầu của CTĐT mới được đăng ký HP sau) đảm bảo tính kế thừa và bổ sung, nâng cao và chuyên sâu. Tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành thí nghiệm cân đối, hợp lý, logic, chặt chẽ trong từng học phần. Một ví dụ về ma trận tích hợp xây dựng được thể hiện trên Hình 2.2.1 trong đó, mỗi học phần được đảm nhận các chuẩn về kỹ năng, thái độ và kiến thức tương ứng với thang Bloom [Exh.02.01.08].

Hình 2.2.1 Ma trận tích hợp CDR (CTĐT năm 2021)

NGÀNH KẾ TOÁN		CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO																				Tổng số kỹ năng đã tích hợp	Tổng số kỹ năng tối đa quy định				
Thứ tự	Tên học phần	4. KỸ NĂNG HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, TRIỂN KHAI VÀ VẬN HÀNH (C-D-I-O)																									
		iêu bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh						Hình thành ý tưởng (Conceiving)			Thiết kế (Designing)				Triển khai (Implementing)					Vận hành (Operating)							
		4.2 - CoR13						4.3 - CoR6			4.4				4.5 - CoR11					4.6 - CoR11							
		4.2.2	4.2.3	4.2.4	4.2.5	4.2.6	4.2.7	4.3.1	4.3.2	4.3.3	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.4.4	4.4.5	4.5.1	4.5.2	4.5.3	4.5.4	4.5.5	4.6.1	4.6.2	4.6.3	4.6.4			
HỌC KỲ 6																											
41	Kế toán quản trị							TUA3	TUA3	TUA3																3	4
42	Kế toán quốc tế																									2	4
43	Phân tích hoạt động kinh doanh	U3	U4	U3	U3	U3	TU3																			3	4
44	Chọn 1 trong 2 học phần																										
	a. Kế toán ngân hàng																									3	4
	b. Kiểm toán nội bộ																									3	4
45	Thực hành kế toán						TUA5															TUA1-4	TUA1-4	TUA1-4	TUA1-4	5	5
46	Kế toán tài chính F2						TUA4-5			TUA4-5							TUA1-4									3	4
Cộng																											
HỌC KỲ 7																											
47	Kỹ năng chuyên ngành kế toán																									1	3
48	Kế toán tài chính F3						UA5																			3	4
49	Thuế và Kế toán thuế																									3	4
50	Kiểm toán tài chính										TUA4	TUA4	TUA4													3	4
51	Chọn 1 trong 2 học phần																										
	a- Kế toán HCSN																									3	4
	b- Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa																									3	4

Năm 2021, CTĐT được sửa đổi bổ sung nhiều HP mới cũng như bỏ bớt một số học phần. Các HP khác cũng được rà soát điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy và bổ sung thêm CDR so với năm 2018 [Exh.02.01.01, Exh.02.01.02, Exh.02.01.08]. Mỗi HP

có một vai trò nhất định trong khối kiến thức/ kỹ năng mà SV mong muốn đạt được. Các HP ngoại ngữ tăng cường cho SV các kỹ năng cơ bản để sử dụng cho quá trình học bằng tiếng Anh sau này. HP Các HP khoa học tự nhiên cung cấp kiến thức nền tảng cho các HP học cơ sở ngành như kinh tế lượng, thống kê trong kinh tế và kinh doanh, thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán... Các HP cơ sở ngành cung cấp kiến thức, các nguyên lý cơ bản và kinh tế cho SV đồng thời cũng là cơ sở để vận dụng cho các HP chuyên môn. Các HP chuyên môn giải quyết các vấn đề thực tế của chuyên ngành, cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho việc thực hiện công tác kế toán ở ngoài thực tế của sinh viên. Các HP xã hội nhằm trang bị và hoàn thiện kỹ năng mềm, đạo đức, ý thức cho SV. Các bài tập, thực hành, đồ án được phân làm theo nhóm hay yêu cầu thuyết trình cũng tăng cường các kỹ năng mềm cho SV [Exh.02.01.04]. Bên cạnh đó, thực tập, thực hành và đồ án tốt nghiệp được lồng ghép với các phần lý thuyết nhằm giúp cho người học có đầy đủ chuyên môn, kỹ năng thực hành, quan sát, phân tích, tổng hợp như đã được đề cập trong CDR [Exh.02.04.01]. Mục tiêu từng HP trong đề cương chi tiết HP [Exh.02.01.04] cho thấy mỗi HP cung cấp phần kiến thức/ rèn luyện kỹ năng khác nhau và sử dụng các hình thức đánh giá khác nhau. Mỗi HP đều đóng góp cụ thể vào việc đạt CDR, xem chi tiết mối quan hệ giữa các HP với CDR.

2.2.5. Chương trình dạy học có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các HP được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp

Hiện nay, CTĐT kế toán tổng hợp Việt - Anh kéo dài 4 năm bao gồm 140 TC phù hợp với khối lượng kiến thức tối thiểu do bộ GD&ĐT quy định [Exh.02.05.01]. Trong đó khối HP đáp ứng được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và khối kiến thức chung của ngành (81 tín chỉ) và khối kiến thức chuyên ngành (49 tín chỉ). Trong khối kiến thức chung bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương (43 tín chỉ), và khối kiến thức cơ sở ngành (48 tín chỉ) được thể hiện ở bảng 2.2.3. Trong các khối kiến thức này đều quy định HP bắt buộc và HP tự chọn [Exh.02.05.01, Exh.02.05.02].

Bảng 2.2.3. Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT

TT	Khối kiến thức	Số TC bắt buộc	Số TC tự chọn	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	43	0	43	30,71%

2	Cơ sở ngành	38	10	48	34,29%
3	Chuyên ngành	45	4	49	35%
Tổng		140	14	140	100%

Với chương trình được sắp xếp và thực hiện như trên, kiến thức người học tích lũy được đáp ứng được yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được khi tốt nghiệp ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) **[Exh.02.05.03]**.

Trình tự các HP từ học kỳ 1 đến học kỳ 8 được sắp xếp theo logic, từ cơ bản đến chuyên sâu, từ tính chất lý thuyết đến thực hành tạo nền tảng để SV tiếp thu kiến thức hiệu quả. Chương trình dạy học CTDH được bố trí hợp lý giữa các HP bắt buộc và tự chọn. Các HP được tích hợp nhằm cung cấp kiến thức tăng dần từ nền tảng đến chuyên sâu về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và chuyên ngành

Trong quá trình xây dựng CTĐT năm 2021 để đạt được tính logic trong CTDH, Khoa ĐTQT đã tiến hành họp tiểu ban xây dựng chương trình trong đó có sự tham gia của các GV giáo viên phụ trách các nhóm môn cơ sở, chuyên ngành để sắp xếp các HP theo thứ tự một cách phù hợp **[Exh.02.05.04]**.

Định kỳ CTĐT Kế toán tổng hợp Việt – Anh được điều chỉnh rà soát thì CDR, đề cương chi tiết các HP cũng được điều chỉnh và được cập nhật vào CTDH **[Exh.02.01.01, Exh.02.01.02, Exh.02.01.03, Exh.02.01.04, Exh.02.02.01]**.

Trong giai đoạn (2018 – 2021), CTDH ngành kế toán tổng hợp Việt - Anh được rà soát và cập nhật qua hai lần, sự thay đổi về tỷ lệ các khối kiến thức được thể hiện qua bảng 2.2.4 sau:

Bảng 2.2.4. Thay đổi khối kiến thức của CTĐT qua các năm 2018, 2021

Khối kiến thức	CTĐT năm 2018			CTĐT năm 2021		
A. Kiến thức đại cương	Bắt buộc	46	32,4%	Bắt buộc	43	30,7%
	Tự chọn	0	0%	Tự chọn	0	0%
	Tổng	46	32,4%	Tổng	43	30,7%
B. Kiến thức cơ sở	Bắt buộc	37	26,1%	Bắt buộc	38	27,1%
	Tự chọn	8	5,6%	Tự chọn	10	7,1%
	Tổng	45	31,7%	Tổng	48	34,2%
C. Kiến thức chuyên ngành	Bắt buộc	45	31,7%	Bắt buộc	45	32,1%
	Tự chọn	6	4,2%	Tự chọn	4	2,9%

	Tổng	51	35,9%	Tổng	49	35%
--	------	----	-------	------	----	-----

Về nội dung chi tiết, sự cập nhật CTĐT của khoa ĐTQT được thực hiện qua việc bổ sung hoặc bỏ bớt các HP cũng như điều chỉnh số lượng TC của các HP nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội và phù hợp với xu thế phát triển nền kinh tế số 4.0. (bảng 2.2.5).

Bảng 2.2.5. Tổng hợp chi tiết sự thay đổi các HP qua các năm 2018, 2021

Khối kiến thức	CTĐT năm 2018 so với năm 2016	CTĐT năm 2021 so với năm 2018
Kiến thức đại cương		Bổ sung các HP bắt buộc: nhập môn ngành kế toán, phương pháp học đại học, chủ nghĩa XHKH Bỏ bớt các HP bắt buộc: pháp luật đại cương, quản trị học, Điều chỉnh tăng 1 TC HP học khoa học quản lý
Kiến thức cơ sở	Giảm 01 TC môn Pháp luật kinh tế Bổ sung môn Khoa học quản lý 02 tín chỉ	Bổ sung các HP bắt buộc: Thiết kế cơ sở dữ liệu kế toán, kinh tế học, thống kê trong kinh tế và kinh doanh Bổ sung các HP tự chọn: đầu tư tài chính, logistics, quản trị tài chính, kỹ năng quản trị Bỏ bớt các HP bắt buộc: kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô, nguyên lý thống kê, thống kê doanh nghiệp, bỏ bớt các HP tự chọn: kinh tế công cộng, nghiệp vụ ngân hàng Chuyển các HP thành toán quốc tế và tài chính quốc tế thành HP tự chọn Thay đổi TC của các học phần: marketing căn bản, kinh tế lượng, kinh tế quốc tế, tài chính doanh nghiệp, phân tích hoạt động kinh doanh
Kiến thức chuyên ngành	Giảm 01 TC môn Kiểm toán căn bản	Chuyển đổi tổ chức lại các HP tổ chức thực hành kế toán và kế toán máy thành HP thực hành kế toán Chuyển đổi, tổ chức lại HP kế toán dịch vụ và kế toán xây dựng thành HP kế toán tài chính F3 Bổ sung HP tự chọn: kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, kiểm toán nội bộ Bỏ HP tự chọn: kế toán công ty và báo cáo tài chính Bỏ HP bắt buộc: đồ án môn học Thay đổi TC các môn học: kiểm toán tài chính, thuế và kế toán thuế, phân tích tài chính

2.2.6. Chương trình đào tạo cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc chuyên ngành phụ.

Hiện nay trường Đại học GTVT ban hành quy chế đào tạo đại học [Exh.02.06.01] theo đó SV có thể đăng ký học cùng lúc 2 chương trình (điều 19 trang 22 quy chế đào tạo

đại học). Quy định này đã được trình bày trong sổ tay SV[Exh.02.06.02] cấp cho mỗi SV khi bắt đầu nhập học và được CVHT giới thiệu cho SV trong buổi sinh hoạt lớp đầu tiên của khóa.

Đối với ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) trường Đại học GTVT hiện nay chỉ có 1 chuyên ngành đào tạo là kế toán tổng hợp nhưng để trang bị cho SV kiến thức tổng hợp về kinh tế tài chính, tạo thuận lợi cho SV khi ra trường tiếp tục học tập nâng cao trình độ hoặc làm việc trong các lĩnh vực liên quan, chương trình được thiết kế theo nhiều hướng nghiên cứu về các ngành có liên quan đến kế toán như tài chính, quản trị kinh doanh... bằng cách đưa các môn nền tảng cơ bản của các ngành khác vào chương trình học như đầu tư tài chính, logictis, marketing căn bản, quản trị kinh doanh, quản trị nhân sự, kỹ năng quản trị.... [Exh.02.01.01]

Sinh viên cũng có thể lựa chọn các môn học theo các chuyên ngành yêu thích thông qua các môn tự chọn được thiết kế ở các học kỳ 3 đến học kỳ 7. Cụ thể như bảng 2.2.6.

Bảng 2.2.6. Danh mục các môn học tự chọn

STT	Học kỳ	Môn tự chọn
1	3	Kinh tế môi trường Kinh tế phát triển
2	4	Định giá tài sản Thị trường chứng khoán
3	5	Tài chính quốc tế Đầu tư tài chính
4	5	Thanh toán quốc tế Logictis
5	5	Quản trị tài chính Kỹ năng quản trị
6	6	Kế toán ngân hàng Kiểm toán nội bộ
7	7	Kế toán hành chính sự nghiệp Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2.2.7. Chương trình dạy học được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động

Chương trình dạy học ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) trong những năm gần đây trải qua 3 lần điều chỉnh 2016, 2018 và 2021 trong đó năm 2021 là năm có sự đổi mới và cải tiến sâu rộng nhất cả về cấu trúc và phương pháp giảng dạy. **[Exh.02.01.01, Exh.02.01.02]. [Exh.02.01.03, Exh.02.01.04].**

Quá trình xây dựng CTDH ngành kế toán (chương trình đào tạo chất lượng cao kế toán tổng hợp Việt - Anh) năm 2021 được thực hiện theo quy trình hợp lý với sự tham gia thực hiện và giám sát bởi trường Đại học GTVT, khoa VTKT, khoa DTQT và các phòng ban liên quan. Trong đó việc rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới đề cương chi tiết các HP được thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Nhà trường ban hành hướng dẫn rà soát, điều chỉnh đề cương chi tiết các HP **[Exh.02.01.05]**

Bước 2: Phòng KT&ĐBCLĐT tiến hành thu thập kết quả khảo sát, **[Exh.02.01.16]**. Hội đồng khoa học Khoa phân tích dữ liệu khảo sát và thực hiện đối đối sánh với chương trình giảng dạy của các trường đại học trong và ngoài nước, như khi thực hiện điều chỉnh CTĐT và CTDH ngành kế toán năm 2021 các GV đối sánh với CTĐT của các trường có uy tín trong nước như đại học KTQD, học viên Tài chính, đại học Thương mại, đại học Tôn Đức Thắng **[Exh.02.07.01]** và các trường nước ngoài như đại học Curtin, đại học Dervy, đại học Fort Hays State **[Exh.02.07.02]** từ đó đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của CTĐT hiện thời và đưa ra điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

Bước 3: Sau khi thông qua CTĐT khoa phân công phụ trách HP cho các bộ môn

Bước 4: Bộ môn giao nhiệm vụ cho nhóm GV phụ trách HP thực hiện. Căn cứ và phản hồi của SV về nội dung, chương trình học và phương pháp giảng dạy của GV, căn cứ vào mục tiêu và CDR của từng học phần, các GV đề xuất đề cương chi tiết học phần. Đồng thời khi rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các đề cương chi tiết học phần các GV cũng cập nhật các tài liệu học tập mới từ các trường có uy tín như đại học Kinh tế quốc dân, học viện Tài chính, ...các bài giảng, giáo trình mới được bộ môn soạn thảo, và các tài liệu bằng tiếng nước ngoài để đảm bảo nội dung giảng dạy luôn được cập nhật **[Exh.02.07.03, Exh.02.07.04]**.

Bước 5: Đề cương chi tiết được các bộ môn, các khoa phụ trách chuyên môn và nhà trường ký duyệt.

Với quy trình làm việc chặt chẽ, khoa học CTDH năm 2021 có nhiều điều chỉnh so

với trước đây cả về cấu trúc chương trình như bảng 2.2.5 và phương pháp giảng dạy. Về phương pháp giảng dạy, trước đây GV chủ yếu tập trung vào việc truyền đạt kiến thức cho SV và SV cố gắng nắm bắt kiến thức được GV truyền đạt trên lớn dẫn đến SV học thụ động và hạn chế về các kỹ năng mềm. Nhưng chương trình năm 2021 được thiết kế tiếp cận theo mục tiêu qua đó người dạy, người học biết rõ mình phải dạy, học những loại kiến thức, kỹ năng gì, mức độ rộng, hẹp, nông sâu ra sao, từ đó tìm ra phương pháp phù hợp để đạt mục tiêu một cách tốt nhất. Điều này có thể thấy rõ thông qua đề cương chi tiết các HP ban hành năm 2018 trở về trước đó là việc quy định rất rõ ràng SV phải làm gì khi học một HP nào đó và kèm theo là nội dung tóm tắt của HP [Exh.02.01.03]. Đến năm 2021, đề cương chi tiết các HP đã được cập nhật theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định cụ thể mục tiêu hoặc CDR cần đạt được của người học sau khi kết thúc HP (về kiến thức, kỹ năng, thái độ...) và trình bày phương pháp giảng dạy cần thiết để đạt mục tiêu đó [Exh.02.01.04]. Việc cập nhật và điều chỉnh CTDH như trên giúp cho sinh viên khi ra trường có đủ kiến thức kinh tế và kế toán cũng như các kỹ năng mềm như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm..., Trình độ tin học đặc biệt là tin học văn phòng phục vụ công việc liên quan đến tài chính kế toán và khả năng ứng dụng công nghệ số (sử dụng các phần mềm kế toán) được cải thiện. Từ đó sinh viên tự tin ứng tuyển vào các công ty, doanh nghiệp, các đơn vị kinh tế, xã hội trong và ngoài nước..

2.3. Tiêu chuẩn 3: Phương thức dạy và học

2.3.1. Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học.

Giá trị cốt lõi của Trường Đại học Giao thông vận tải là Tiên phong – Chất lượng – Trách nhiệm – Thích ứng. Bên cạnh đó, Trường ĐH GTVT xây dựng tầm nhìn: “Trở thành trường đại học đa ngành theo định hướng nghiên cứu, khẳng định vị thế hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực giao thông vận tải, có uy tín và chất lượng ngang tầm châu Á”. Theo Chiến lược phát triển Trường Đại học Giao thông vận tải giai đoạn 2021 – 2030 được Ban hành theo Nghị quyết số 33/NQ-HĐT ngày 01/12/2021 của Hội đồng Trường [\[Exh.03.01.01\]](#)

Nêu rõ Triết lý giáo dục của Trường ĐH GTVT và trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội trong cùng Quyết định, Nhà trường đã ban hành tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu của Trường, chiến lược phát triển trường ĐHGTVT giai đoạn 2008-

2020, tầm nhìn 2030 [\[Exh.03.01.02\]](#).

Triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Nhà trường và mục tiêu đào tạo của Khoa Đào tạo quốc tế được thống nhất, định nghĩa rõ ràng và được tuyên bố chính thức đến toàn bộ GV, cán bộ, nhân viên để cùng thực hiện. Triết lý giáo dục của Trường được công bố trên website của Trường cho toàn bộ GV, nhân viên, SV và các bên liên quan được biết [\[Exh.03.01.03\]](#).

Nhất quán với triết lý giáo dục của Trường, Khoa ĐTQT đưa ra sứ mệnh và nhiệm vụ. Với sứ mệnh “Hội nhập Quốc tế sâu rộng trong đào tạo; xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo theo chuẩn Quốc tế”, tập thể khoa ĐTQT luôn ý thức cao về vai trò quan trọng của việc nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động NCKH để thực hiện các nhiệm vụ.

Để thực hiện triết lý giáo dục, Khoa ĐTQT cùng bộ môn KTKT tổ chức thực hiện hoạt động dạy và học đáp ứng được CDR của CTĐT nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [\[Exh.03.01.04\]](#). Các hoạt động liên quan đều hướng SV vào việc rèn luyện, trau dồi kiến thức và kỹ năng tự học để không ngừng học tập, hình thành khả năng học, học nữa, học mãi. Tập thể GV và Nhà trường luôn hỗ trợ, tư vấn cũng như khuyến khích SV học đi đôi với hành thông qua các chương trình thực hành, thực tập thực tế, thực tập nghề nghiệp, công việc làm thêm, NCKH, tham dự tọa đàm với doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực. Nhằm gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn, GV giảng dạy chuyên môn cũng như GV làm công tác CVHT định kỳ tổ chức tư vấn học tập và nghề nghiệp cho SV [\[Exh.03.01.05\]](#). Bên cạnh đó SV của CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh được các GV hướng dẫn tham gia NCKH và đạt thành tích tốt trong Hội nghị NCKH SV [\[Exh.03.01.06\]](#). Song song với việc đạt được các mục tiêu cá nhân thông qua môi trường học tập chuyên nghiệp và hiệu quả, SV được khuyến khích nỗ lực học không ngừng, trở thành những nguồn nhân lực Kế toán chuyên nghiệp, có chất lượng cao. Sinh viên đồng thời được khuyến khích nâng cao trình độ ngoại ngữ, vừa tăng thêm cơ hội nghề nghiệp vừa là nền tảng để phát triển bản thân và đóng góp cho sự phát triển chung của xã hội.

Ngoài ra, với mong muốn xây dựng và phát triển bền vững, các nội dung trong chiến lược phát triển của Nhà trường đều được lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân trong toàn trường [\[Exh.03.01.07\]](#) cũng như của người học [\[Exh.03.01.08\]](#) và các bên liên quan [\[Exh.03.01.09\]](#). Triết lý giáo dục của Trường và của Khoa ĐTQT được chuyển tải

đến SV, doanh nghiệp, cựu SV thông qua các bài phát biểu trong các sự kiện như Chào tân SV, khai giảng, các chương trình học chính trị đầu năm [\[Exh.03.01.10\]](#). Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của CTĐT và mục tiêu giáo dục của Trường.

Lấy triết lý giáo dục của Nhà trường làm định hướng, Khoa ĐTQT và Bộ môn KTKT đã xây dựng CTĐT chuyên ngành Kế toán tổng hợp Việt - Anh [\[Exh.03.01.11\]](#), và CTĐT này đã được rà soát, điều chỉnh từ K59 [\[Exh.03.01.12\]](#) và tiếp tục theo nghị định 99/2019/NĐ-CP [\[Exh.03.01.13\]](#). Mục tiêu giáo dục của ngành được cụ thể hóa bằng CDR và được công bố trên website của Nhà trường [\[Exh.02.01.14\]](#). Sau khi CTĐT được rà soát, điều chỉnh theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO và nghị định 99/2019/NĐ-CP, CDR của CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh đã được chuyển đổi thành ma trận CDR-MT.

2.3.2. Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.

Khoa ĐTQT và bộ môn KTKT cùng các GV đã xây dựng CTĐT ngành kế toán tổng hợp Việt – Anh [\[Exh.03.02.01\]](#) và xây dựng phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp với đề cương chi tiết môn học. Đề cương chi tiết các môn học/học phần mô tả rõ các yêu cầu, quy định và mục tiêu của học phần, trong đó có đề cập đến trách nhiệm của người học khi tham gia học phần [\[Exh.03.02.02\]](#). Từ đó xây dựng các phương giảng dạy và học tập phù hợp.

Bảng 2.3.2.1. Bảng phân bổ thời lượng môn học

Tiêu chí	2 tín chỉ	3 tín chỉ	4 tín chỉ (có BTL)	4 tín chỉ (các môn thực hành)
Số tiết lý thuyết	24	30	45	30
Số tiết thảo luận bài tập	12	30	30	15
Số tiết thực hành, thực tập				30

Bài tập lớn			10	
Số tiết tự học	60	90	120	120

Các môn học đều quy định số tiết lý thuyết, bài tập, thực hành và tự học phù hợp để nâng cao trách nhiệm và ý thức học tập của sinh viên. Những nội dung về việc đánh giá học phần và yêu cầu trách nhiệm của sinh viên đều được quy định rất rõ tại buổi học đầu tiên: Giảng viên thực hiện hoạt động giới thiệu cá nhân và môn học, ý nghĩa của môn học đối với ngành học và thống nhất phương pháp học, phương pháp đánh giá; Các quy định, quy chế và yêu cầu đối với môn học; Cung cấp đầy đủ tài liệu môn học cho sinh viên.

Ở các buổi học lý thuyết GV trình bày các vấn đề lý thuyết, đưa ra các ví dụ và các câu hỏi ngắn để giúp SV hiểu nội dung bài học. Sau đó GV giao bài tập hoặc các chủ đề thảo luận cho SV, SV có trách nhiệm chuẩn bị, vận dụng các kiến thức đã học để làm bài tập và nội dung chủ đề ở nhà (các giờ tự học) để thảo luận trên lớp. Vào các giờ bài tập, thảo luận, sẽ tổ chức làm bài tập, thảo luận tình huống trên lớp, giải quyết những chủ đề đã được sinh viên chuẩn bị trước và phát triển những tình huống mới, các nhóm SV thảo luận để đưa ra phương án chung của nhóm mình và phản biện với các nhóm khác để bảo vệ kết quả của nhóm mình. Giảng viên quan sát SV trao đổi, nhận xét về từng nhóm, giải đáp các thắc mắc của sinh viên và kết luận về phương án tối ưu. Bên cạnh đó, các buổi học lý thuyết, bài tập, thảo luận, sự tương tác của SV với nhau và với GV cũng là căn cứ và tiêu chí để GV tính điểm đánh giá quá trình cho sinh viên, nên cũng làm sinh viên có trách nhiệm hơn trong học tập.

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học phương pháp luận và các khối kiến thức (kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, kiến thức ngành), các kỹ năng (kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng NCKH, kỹ năng mềm,...), năng lực tự chủ và trách nhiệm với công việc để sau này có thể vận dụng trong học tập và công việc được quy định trong CTĐT và được rà soát, điều chỉnh theo hướng tiệm cận CDIO [\[Exh.03.02.03\]](#) và theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP [\[Exh.03.02.04\]](#) [\[Exh.03.02.05\]](#). Phương pháp giảng dạy là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng, giúp chuyển tải hiệu quả nội dung CTĐT đến người

học nếu được áp dụng phù hợp và hiệu quả, tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm. Người học học hiệu quả nhất trong một môi trường thoải mái, thân thiện, có nhiều sự hợp tác và trợ giúp. Để phát triển ý thức trách nhiệm trong học tập cho người học. Nhà trường cũng có nhiều kế hoạch và công việc cụ thể trong triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [\[Exh.03.02.06\]](#).

Để đáp ứng triết lý giáo dục “Nhà trường áp dụng phương pháp giáo dục tích cực, học đi đôi với hành. Nhà trường xác định giáo dục phải gắn kết chặt chẽ với tiến bộ khoa học và công nghệ của thế giới, nhu cầu nguồn nhân lực, sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ, xây dựng Tổ quốc”, Sinh viên chuyên ngành Kế toán tổng hợp Việt - Anh ngoài việc có trách nhiệm trong việc học tập theo quy định còn có trách nhiệm tham gia các hoạt động rèn luyện và tự rèn luyện, đó là tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, các CLB học thuật để rèn luyện ý thức tự học và phát huy tốt nhất các tiềm năng, khả năng sáng tạo [\[Exh.03.02.07\]](#).

Nhà trường cũng tổ chức lấy ý kiến đánh giá, phản hồi từ SV về phương pháp dạy học, hình thức, tài liệu, tác phong,... của GV thông qua phiếu lấy ý kiến theo hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp [\[Exh.03.02.08\]](#). Việc áp dụng đa dạng và phù hợp các phương pháp giảng dạy của GV được sự đánh giá tích cực của người học thông qua các khảo sát SV về nội dung giảng dạy môn học và lấy ý kiến NH trong Hội nghị SV định kỳ hàng năm [\[Exh.03.02.09\]](#). Giảng viên và NH hài lòng với các hoạt động dạy và học cũng như các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT. Tiến trình đào tạo thể hiện sự logic phù hợp với trình độ và tâm lý của người học từ ghi nhớ kiến thức phát triển đến tư duy phản biện và sáng tạo.

2.3.3. Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.

Giảng viên hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CDR. Với phương pháp giảng dạy định hướng “lấy người học là trung tâm SV được phát triển toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ, có ý thức chủ động tạo ra sự hiểu biết chứ không thụ động tiếp thu những gì được truyền đạt từ GV. Ngoài phương pháp thuyết giảng trên lớp, GV hướng dẫn cho NH thực hiện các hoạt động học tập phù hợp, gửi tài liệu môn học để SV nghiên cứu trước,

giao bài tập và hướng dẫn cho SV tự làm khuyến khích học tập chủ động [\[Exh.03.03.01\]](#).

Trong mục tiêu và CDR của CTĐT đều đề cập đến chương trình dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động, tự học, tự nghiên cứu [\[Exh.03.01.04\]](#). Đối với mỗi học phần, CDR còn được thể hiện chi tiết ở nội dung "Mục tiêu đào tạo" trong đề cương chi tiết của học phần. Đề cương chi tiết các học phần mô tả và nhấn mạnh đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến tạo điều kiện cho người học học tập chủ động [\[Exh.03.02.02\]](#). Để đạt được các CDR này, các hoạt động dạy và học của CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh đã được thiết kế và xây dựng theo phương pháp giáo dục tích cực, tạo ra một môi trường dạy và học tích cực, phát huy năng lực của người học, lấy kết quả học tập để đánh giá hiệu quả giảng dạy.

GV sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện khả năng học tập chủ động. Hàng năm, sinh viên năm cuối được thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động ngành trong vị trí công việc kế toán, chủ động liên hệ doanh nghiệp và thực tập tại doanh nghiệp [\[Exh.03.03.02\]](#).

CTĐT ngành kế toán tổng hợp Việt - Anh cũng được thiết kế tăng cường khối lượng các học phần thực tập (Bảng 3.3.1), cũng như quá trình dạy lý thuyết đối với các học phần chuyên ngành cũng thường được kết với thực hành, thực tập.

Bảng 2.3.3.1. Tỷ lệ các học phần thực tập và tự chọn của CTĐT KT tổng hợp Việt – Anh

CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh	CTĐT KT tổng hợp Việt - Anh năm 2019 [Exh.03.03.03]	CTĐT KT tổng hợp Việt - Anh, được điều chỉnh theo nghị định 99/2019/NĐ-CP [Exh.03.02.01]
Tỷ lệ các học phần thực hành, thực tập	16 TC/143 TC = 11.19%	17 TC/140 TC = 12.14%
Tỷ lệ các học phần tự chọn	12 TC/143 TC = 8.39%	13 TC/140 TC = 9.29%

Với tỷ lệ học phần tự chọn như trên, hầu như các kỳ học, trừ năm học đầu tiên thì SV đều chủ động trong đăng ký học phần chung và học phần tự chọn theo mong muốn và chủ động tìm hiểu về các môn học để đưa ra lựa chọn phù hợp với mình. Ngoài ra trong thời gian học, Nhà trường cũng có các chính sách cho SV rút bớt khối lượng học phần đã đăng ký, nhưng không thấp hơn số lượng quy định [\[Exh.03.03.04\]](#), SV cũng chủ động

trong việc đăng ký rút các học phần nếu thấy không phù hợp hoặc không đáp ứng được thời gian hoàn thành việc học.

Trong quá trình học, ngoài trách nhiệm tham gia và hoàn thành đầy đủ các buổi học lý thuyết, thực hành, bài tập, thảo luận trên lớp, sinh viên có giờ tự học theo Bảng 2.3.2.1, SV chủ động trong việc tự làm các bài tập được giao, lựa chọn các đề tài thảo luận và chuẩn bị để thuyết trình các chủ đề mình lựa chọn, bảo vệ quan điểm, ý kiến của mình trước những phản biện đến từ các SV khác và GV để hoàn thiện nội dung thảo luận.

[\[Exh.03.03.05\]](#)

Giảng viên sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy như ưu tiên dùng các phương pháp thuyết giảng và phương pháp thảo luận đối với những nội dung lý thuyết, điều này giúp SV nắm chắc được lý thuyết một cách tốt nhất. Với những môn thực hành, GV áp dụng phương pháp hướng dẫn thực tế tại phòng thực hành SV sẽ phải áp dụng, luyện tập thực hành cho đến khi đạt yêu cầu, học đi đôi với hành sẽ giúp người học được rèn luyện kỹ năng thực hành và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp [\[Exh.03.03.06\]](#). Đối với một số học phần thực tập thực tế, thực tập nghề nghiệp, NH được chủ động trong việc lựa chọn doanh nghiệp thực tập và sau khi tìm hiểu cũng như hoàn thành các nội dung thực tập về công tác kế toán thực tế tại DN, NH tiếp tục chủ động tự định hướng đề tài Đồ án Tốt nghiệp của mình, dựa trên những góp ý, bổ sung của GV. Do đó, trong Tờ giao nhiệm vụ thiết kế Tốt nghiệp [\[Exh.03.03.07\]](#), SV đều lựa chọn các phân hành kế toán khác nhau trong đa dạng các loại hình DN, trong thời gian làm ĐATN, sinh viên được yêu cầu áp dụng phương pháp phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức tổng hợp để viết báo cáo và ĐATN nhằm chuyển hóa các kiến thức lý thuyết đã được học để giải quyết một vấn đề cụ thể, có hệ thống và gắn liền với thực tế, từ đó giúp nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp một cách toàn diện cho người học [\[Exh.03.03.08\]](#).

2.3.4. Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời (VD: tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới). ^[L SEP]

Đề cương chi tiết các học phần mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm khuyến khích người học học tập, rèn luyện các kỹ năng mềm, phương pháp học [\[Exh.03.02.02\]](#).

Bảng 3.4.1. Các khối kiến thức trong CTĐT Kế toán tổng hợp Việt – Anh

Các khối kiến thức của CTĐT	Mục tiêu đào tạo
Khối kiến thức cơ bản	Hiểu biết về kinh tế, chính trị và xã hội; có kiến thức cơ bản trong lĩnh vực toán học, khoa học, CNTT, ngoại ngữ phù hợp; có sức khỏe về thể chất và tinh thần.
Khối kiến thức cơ sở ngành	Hiểu biết lý thuyết, kỹ năng nghề nghiệp cơ bản; có trình độ ngoại ngữ và tin học phù hợp, phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu các học phần chuyên ngành.
Khối kiến thức chuyên môn ngành	Có kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, khả năng tự học và tự nghiên cứu, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến kế toán, kinh tế, tài chính. Có khả năng tiếp thu kiến thức và phát triển năng lực thông qua CTĐT ở bậc học cao hơn.
Kỹ năng mềm	Người học được trang bị các kỹ năng mềm (kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết tình huống, làm việc theo nhóm, thái độ và đạo đức nghề nghiệp, ...) thông qua các môn học Nhập môn ngành kế toán, Kỹ năng mềm.

Đề cương chi tiết các học phần mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Mô tả thông qua các đề cương chi tiết các học phần, trong mục tiêu đào tạo của CTĐT ngành. GV sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng (thảo luận, thuyết trình,...) và định hướng những kỹ năng để SV có thể tham gia các bậc học cao hơn sau này, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Các môn học được thiết kế dạng bài tập hoặc thảo luận theo nhóm hoặc cá nhân; trong nội dung kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể đều nêu rõ các công việc mà SV cần thực hiện trong các môn học. [\[Exh.03.04.01\]](#)
[\[Exh.03.04.02\].](#)

Nhà trường, Khoa ĐTQT và Bộ môn KTKT đã ban hành các thông báo, kế hoạch tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng mềm, tư vấn hướng nghiệp, giao lưu với doanh nghiệp để làm quen và nâng cao năng lực nghề nghiệp kế toán [\[Exh.03.04.03\]](#). Bên cạnh đó, Đoàn thanh niên và Hội SV của Trường còn tổ chức các câu lạc bộ ngoại ngữ, câu lạc bộ khoa học kỹ thuật và các hoạt động ngoại khóa [\[Exh.03.04.04\]](#) tạo ra môi trường hoạt động lành mạnh, bồi dưỡng và phát triển các kỹ năng mềm để người học phát triển một cách toàn diện, góp phần vào việc đạt CĐR nhận thức về sự cần thiết và khả năng học suốt đời.

Hơn thế nữa SV tham gia thực hiện NCKH SV đã giúp phát triển các kỹ năng như: phân tích, tổng hợp, đánh giá cũng như các kỹ năng phát hiện và biết cách áp dụng kiến thức học được để giải quyết các vấn đề thực tế... đây là nền tảng giúp NH tăng khả năng tự nghiên cứu, tự học và học tập suốt đời. Thông qua các Hội nghị NCKH SV của Trường [\[Exh.03.01.06\]](#).

2.3.5. Các hoạt động dạy và học giúp người học thấm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.

Khoa ĐTQT, bộ môn KTKT và GV xây dựng các phương pháp giảng dạy phù hợp để phát huy tư duy sáng tạo, đổi mới, khuyến khích NH đưa ra các sáng kiến thông qua các bài thảo luận môn học, đồ án môn học. Mở đầu các môn học, GV luôn có hoạt động giới thiệu về các nội dung liên quan đến ngành học, tiêu chuẩn về một chương trình đào tạo, các môn học đại cương, cơ sở, chuyên môn,.. qua đó giúp sinh viên hình dung được công việc đảm nhận khi ra trường, sinh viên sẽ ý thức được cần trang bị những kiến thức gì cho mình, những kiến thức bổ trợ để có kế hoạch bổ sung kiến thức trong thời gian học tập tại trường.

Thông qua các môn học Nhập môn ngành kế toán, kỹ năng chuyên ngành kế toán cũng hướng người học đến việc hình thành và phát huy tư duy sáng tạo, đổi mới và các kỹ năng khởi nghiệp [\[Exh.03.04.01\]](#) [\[Exh.03.04.02\]](#).

Ví dụ: Trong hoạt động giảng dạy môn Nhập môn ngành kế toán, kết hợp với nội dung môn học, GV cũng giới thiệu đến SV về lịch sử hình thành và phát triển của Nhà trường, Khoa ĐTQT, của bộ môn kế toán kiểm toán, giúp SV gắn bó và thêm yêu mái trường đang học tập. SV sẽ thêm động lực để học tập, phấn đấu rèn luyện, tích lũy những kiến thức cần thiết cho bản thân. GV sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp học dựa trên nghiên cứu tình huống và đóng vai để thực hành các kỹ năng giao tiếp. GV thiết kế các bài tập hoặc thảo luận tình huống có tính thực tiễn, mỗi sinh viên đóng một vai trò nào đó liên quan đến tình huống để đưa ra các ý tưởng, tư duy và đưa ra luận điểm của mình để thảo luận với các sinh viên khác nhằm đưa ra quyết định giải quyết vấn đề để xử lý tình huống [\[Exh.03.03.05\]](#). Hay áp dụng phương pháp tranh biện để thực hành kỹ năng thuyết trình: đưa ra một chủ đề thuyết trình có nhiều quan điểm trái chiều để SV đưa ra các các luận điểm nhằm ủng hộ hay không ủng hộ quan điểm đó, từ đó giúp phát triển tư

duy phản biện cho SV. Với kỹ năng làm việc nhóm, bên cạnh việc giảng nội dung lý thuyết còn kết hợp sử dụng phương thức học tập cộng tác và tương trợ nhau: GV chia lớp thành các nhóm và giao nhiệm vụ cụ thể để các nhóm tiến hành làm việc cùng nhau, qua quá trình làm việc các thành viên trong nhóm hỗ trợ nhau cùng tiến bộ. Sinh viên vận dụng những lý thuyết đã được học để phân tích các tình huống giao tiếp, thuyết trình hoặc làm việc nhóm trong thực tế và đề xuất cách thức để xử lý tình huống hiệu quả.

Hay với các học phần thực tập TN, đồ án TN, đề cương chi tiết học phần cũng mô tả rõ việc sử dụng các phương pháp giảng dạy và học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, phát huy tư duy sáng tạo [\[Exh.03.02.02\]](#). Các học phần thực tập TN, đồ án TN, sinh viên được chủ động lựa chọn phần hành kế toán trong các loại hình DN, lĩnh vực kinh doanh mà mình muốn tìm hiểu để thực tập, làm ĐATN, ngoài việc mô tả hiện trạng tại DN, SV còn cần đưa ra những nhận xét và đổi mới cần thiết để hoàn thiện các công tác kế toán tại DN trong chương 3 [\[Exh.03.03.06\]](#). Đây là các học phần bắt buộc, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số tín chỉ của chương trình học Bảng 2.3.3.1. Thông qua đó khuyến khích SV đưa ra ý kiến, sáng tạo và đổi mới, góp phần khắc phục những hạn chế còn tồn tại tại DN, hoàn thiện công tác kế toán vừa phù hợp với thực trạng DN, vừa tuân thủ đúng Pháp luật của Nhà nước. .

Ngoài ra, bên cạnh các hoạt động học tập còn có nhiều hoạt động ngoại khóa dành cho SV. Sinh viên được tham gia các hội thảo, hội nghị NCKH SV [\[Exh.03.01.06\]](#), tham gia các CLB diễn thuyết, các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp [\[Exh.03.04.04\]](#) từ những năm đầu tiên, làm quen với hoạt động NCKH, được chủ động lựa chọn GV hướng dẫn, lựa chọn chủ đề, lĩnh vực, môn học mà mình quan tâm, muốn tìm hiểu, nghiên cứu, GV hướng dẫn sẽ định hướng SV đưa ra những ý tưởng mới liên quan đến chủ đề, hướng dẫn cách thức triển khai, phương pháp nghiên cứu, khuyến khích SV đưa ra sáng kiến, đổi mới, có tư duy sáng tạo để đề tài mới mẻ và đa dạng hơn, có thể đóng góp nhỏ cho việc hoàn thiện kỹ năng học tập của sinh viên chuyên ngành và SV trong toàn trường nói chung [\[Exh.03.05.01\]](#).

Nhà trường, Khoa và bộ môn luôn tạo môi trường học tập thuận lợi giúp NH học tập và tham gia các hoạt động NCKH, khuyến khích đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp. [\[Exh.03.02.07\]](#) Qua các buổi tọa đàm, gặp gỡ, trao

đổi với doanh nghiệp, người làm kế toán thực tế [\[Exh.03.04.03\]](#), SV được khuyến khích để thoải mái đặt các câu hỏi trao đổi, nêu các ý tưởng, sáng kiến về ngành nghề, đặt bản thân vào thực tế ngành nghề và qua đó giúp SV hoàn thiện các kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, góp phần xây dựng kỹ năng nghề nghiệp cho bản thân.

2.3.6. Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Bộ môn KTKT và GV xây dựng phương pháp giảng dạy được cải tiến liên tục, phù hợp; Các chương trình dạy học được thiết kế và liên tục đổi mới để đạt được các CĐR, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội và tương thích với kết quả học tập mong đợi. [\[Exh.03.02.05\]](#).

Căn cứ Văn bản hợp nhất của Bộ GD&ĐT việc ban hành "Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng theo hệ thống tín chỉ" [\[Exh.03.06.01\]](#) Trường ĐH GTVT đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện [\[Exh.03.06.02\]](#) và sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế này [\[Exh.03.06.03\]](#) cho phù hợp tình hình thực tế, được gọi là "Quy chế đào tạo đại học", quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để phù hợp.

Nhằm rèn luyện các kỹ năng gắn với công việc trong CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh theo đúng yêu cầu của CĐR, các môn học đều được thiết kế lồng ghép giữa lý thuyết, bài tập, thực hành kỹ năng sao cho việc vận dụng lý thuyết vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất thông qua các hoạt động như thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm, làm đồ án, đi thực tập, thực tế tại DN. Quá trình triển khai các hoạt động dạy và học, người dạy cũng đồng thời thực hiện các đánh giá mức độ tích lũy CĐR của người học bằng các hình thức đa dạng: đánh giá quá trình lên lớp, đánh giá kết quả thảo luận nhóm, bài kiểm tra giữa kỳ, bài tập lớn, kỹ năng thực hành [\[Exh.03.06.04\]](#) [\[Exh.03.06.05\]](#). Qua đó, người dạy tự đánh giá sự phù hợp của hoạt động dạy và học để đạt được CĐR để có phương án điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy và học thích hợp.

Có được sự đổi mới trong phương pháp tiếp cận dạy và học như vậy là do Nhà trường cùng với Phòng ĐTDH, các Khoa và BM chuyên môn thường xuyên lên kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng CTĐT để đảm bảo tính tiên tiến và hội nhập với các

CTĐT trong khu vực và quốc tế [\[Exh.03.06.06\]](#) [\[Exh.03.02.03\]](#) [\[Exh.03.02.04\]](#) [\[Exh.03.02.05\]](#). Nhà trường hàng năm đều tổ chức cho người dạy tham gia vào các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, tập huấn xây dựng CTĐT và đề cương chi tiết học phần theo hướng tiếp cận chuẩn CDIO [\[Exh.03.06.07\]](#), [\[Exh.03.06.08\]](#) cũng như triển khai kế hoạch đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [\[Exh.03.02.05\]](#). Trên cơ sở đó, người dạy được tiếp cận và lựa chọn phương pháp giảng dạy tích cực và đánh giá kết quả học tập một cách toàn diện, phù hợp với CDR để triển khai đối với người học.

Trong các cuộc họp tại bộ môn, và Khoa ĐTQT các Thầy cô cũng trao đổi về những thay đổi, cải tiến giữa CTĐT đang áp dụng với CTĐT theo hướng tiệm cận chuẩn CDIO để có những điều chỉnh phù hợp, thay vì chỉ giảng dạy lý thuyết và cho SV làm bài tập thực hành như trước thì nay cần đa dạng hình thức tiếp cận môn học cho SV, thống nhất các tiêu chuẩn, CDR để xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với yêu cầu và mục tiêu môn học [\[Exh.03.06.09\]](#). GV kết hợp sử dụng phương pháp thuyết giảng trên lớp với học dựa trên nghiên cứu tình huống, giao chủ đề tình huống cho SV thảo luận trên lớp, hệ thống hoá các phương pháp để giải quyết các vấn đề liên quan đến môn học, để SV ngoài việc tiếp thu kiến thức lý thuyết thì cũng biết cách vận dụng vào các trường hợp thực tế. Để việc học thú vị và thực tiễn hơn. Cùng với đó, để SV biết được những thay đổi trong CTĐT, GV cũng trao đổi với sinh viên trong các buổi họp CVHT, hướng dẫn SV về những thay đổi trong quá trình giảng dạy, đánh giá các học phần và hướng dẫn SV xây dựng phương pháp học tập phù hợp, đáp ứng với những cải tiến trong giảng dạy [\[Exh.03.06.10\]](#). Sinh viên bên cạnh trách nhiệm đi học đầy đủ, làm bài tập và làm bài kiểm tra, đánh giá đầy đủ còn phải tham gia vào các hoạt động khác trong môn học như nêu ý kiến, nêu ý tưởng, lựa chọn chủ đề, tham gia thảo luận, phản biện, đóng góp và xây dựng ý kiến để hoàn thiện các nội dung, chủ đề của môn học, tự hoàn thiện các kỹ năng của bản thân.

Đặc biệt, trong giai đoạn năm 2019 – 2020, với bối cảnh bùng phát mạnh mẽ của Đại dịch Covid_19, cùng với toàn ngành giáo dục, Trường ĐH GTVT khẩn trương, nhanh chóng chuyển đổi trạng thái giảng dạy từ trực tiếp sang trực tuyến để thích ứng với thực tế. Nhà trường xây dựng các website học trực tuyến, phần mềm MS Teams, eduso [\[Exh.03.06.11\]](#). Đồng thời cũng ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, tập huấn trực tuyến

cho GV và SV làm quen và sử dụng với các phần mềm mới, khăn trương đưa vào áp dụng. Nhờ đó, hoạt động dạy và học của GV và SV trong giai đoạn này không gặp nhiều gián đoạn. GV và SV đều nhanh chóng thay đổi để phù hợp với hình thức dạy và học mới, từ việc trang bị thiết bị kxy thuật, chuẩn bị không gian làm việc, học tập tại nhà cẩn thận, điều mà trước đây vẫn cần thiết nhưng chưa được quan tâm đúng mức. GV biên soạn tài liệu điện tử, cung cấp tài liệu điện tử cho SV, SV học tập trực tuyến, làm bài và thảo luận trực tuyến, cũng phần nào giúp nâng cao kỹ năng sử dụng CNTT cho SV. Trong giai đoạn này, hầu hết các khoá SV đều bị ảnh hưởng và nhanh chóng thích nghi. Trong đó có khoá ngành Kế toán tổng hợp Việt – Anh K58 đã tiến hành các hoạt động báo cáo NCKH SV và bảo vệ thực tập TN và Đồ án TN online thành công [\[Exh.03.06.12\]](#).

Quay lại trạng thái bình thường mới, sau khi Đại dịch Covid_19 cơ bản được đẩy lùi, GV và SV trở lại học tập trực tiếp tại Nhà trường. Khoa ĐTQT, bộ môn KTKT và GV hướng dẫn NH sử dụng các hoạt động học tập phù hợp từ đó giúp NH đạt được kết quả học tập mong đợi, đáp ứng CĐR, và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Nhà trường, Khoa ĐTQT và Bộ môn KTKT tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị NCKH, mời các DN, cựu SV, người đi làm kế toán về để nói chuyện, trao đổi và chia sẻ với GV, SV để nắm bắt được nhu cầu thực tế của nghề nghiệp hiện nay, để cải tiến các phương pháp giảng dạy và học tập, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động [\[Exh.03.04.03\]](#).

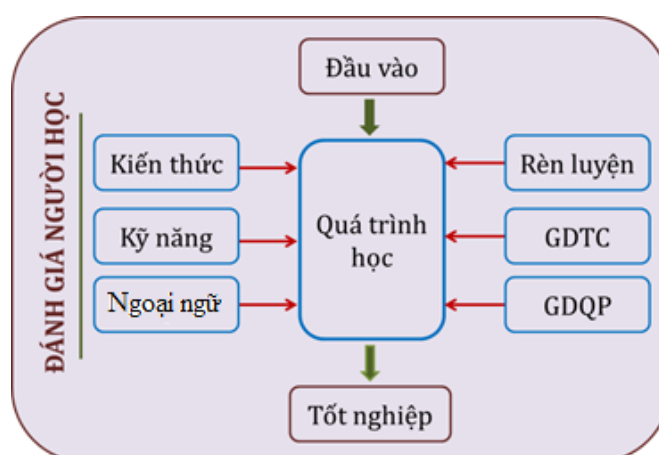
Khuyến khích SV chủ động liên hệ các doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín, các Sở - Ban – Ngành để thực tập nhằm giúp SV trải nghiệm được môi trường thực tế, và chạm trực tiếp trong công việc nhằm bồi dưỡng và phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Thông qua quá trình thực tập, NH được các GV hướng dẫn tư vấn và khuyến khích hoàn thiện tất cả các kỹ năng chuyên môn bằng cách trải nghiệm thực tiễn các vị trí công việc khác nhau trong ngành KT trong những khoảng thời gian phù hợp. Các doanh nghiệp và các đơn vị tham gia vào việc đào tạo và nhận SV thực tập cũng tham gia vào quá trình đánh giá bằng việc cung cấp các bảng nhận xét thực tập vào cuối kỳ thực tập [\[Exh.03.06.13\]](#).

Giảng viên và NH hài lòng với các phương pháp dạy và học được sử dụng trong CTĐT, cũng như kết quả của hoạt động dạy và học thông qua những đánh giá RLSV, đánh giá của SV về hoạt động giảng dạy của GV, đánh giá CVHT [\[Exh.03.02.08\]](#).

2.4. Tiêu chuẩn 4 - Đánh giá kết quả học tập của người học

2.4.1. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu đào tạo.

Hệ thống đánh giá KQHT được khái quát như trên sơ đồ 2.4.1.



Sơ đồ 2.4.1. Các nội dung đánh giá người học

Đánh giá năng lực tiếng anh đầu vào đối với người mới nhập học:

SV năm thứ nhất, sau khi nhập học, SV sẽ phải tham gia kỳ thi sát hạch phân loại trình độ ngoại ngữ để làm cơ sở cho việc tổ chức các lớp học phân ngoại ngữ phù hợp với trình độ của người học. Những SV không tham gia phân loại trình độ ngoại ngữ sẽ đăng ký học từ cấp độ đầu tiên (A1) hoặc các lớp ở cấp độ tương ứng nếu có chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp. Dạng thức đề thi TOEIC Listening & Reading được sử dụng làm đề thi phân loại trình độ ngoại ngữ Anh văn được thể hiện trong phụ lục 6 – Dạng thức đề thi phân loại, cách quy đổi điểm thi và phân loại trình độ ngoại ngữ Anh văn đầu vào theo QĐ số 1913/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/10/2015 về việc phê duyệt đề án Đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc Đại học hệ CQ (CTTT và CLC) Trường ĐH GTVT (QĐ số 1913) [\[Exh.04.01.01\]](#). Phương pháp đánh giá năng lực tiếng anh đầu vào của người học được thiết kế đa dạng thông qua tổ chức thi phân loại trình độ ngoại ngữ, quy đổi chứng chỉ nếu có hoặc không tham gia kỳ thi sát hạch. Các phương pháp này được sử dụng linh hoạt để phù hợp với đông đảo đối tượng SV của ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh đến từ

nhiều vùng khác nhau với các trình độ ngoại ngữ khác nhau, để SV có thể lựa chọn hình thức sát hạch tiếng anh đầu vào phù hợp với bản thân để xác định lộ trình học tiếng anh nhằm đảm bảo được CĐR về ngoại ngữ của ngành.

CĐR ngoại ngữ của SV ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh CLC:

Bắt đầu từ năm học 2015-2016 (từ khóa 55 đến khóa 61), SV hệ đào tạo chất lượng cao bậc đại học hệ chính quy thuộc ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp Việt Anh cần phải đạt CĐR bậc 4 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (tương đương trình độ B2 theo khung châu Âu), chứng nhận do Trường đại học GTVT cấp cho SV khi SV CLC hoàn thành các học phần ngoại ngữ cơ bản và thi IELTS 5.0 (đối với tiếng Anh) tại Trường đại học GTVT, hoặc tương đương IELTS 5.0 đối với các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực ở ngoài được quy đổi điểm và được công nhận đạt CĐR khi xét công nhận tốt nghiệp, theo điều 3 của QĐ số 1913 [\[Exh.04.01.01\]](#). Từ khóa 62 trở đi, SV chất lượng cao bậc đại học hệ chính quy thuộc ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp Việt Anh của trường sau khi hoàn thành các học phần ngoại ngữ và thi điểm đạt học phần B2-2 tại Trường đại học GTVT, hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương IELTS 5.0 (đối với tiếng Anh) sẽ được Nhà trường cấp chứng nhận năng lực ngoại ngữ bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi xét công nhận tốt nghiệp, theo mục 2.4 – điều 2 của Quyết định số 937/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/05/2022 về việc ban hành Đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy cho Chương trình tiên tiến và Chất lượng cao [\[Exh.04.01.02\]](#). Việc thiết kế các phương pháp đánh giá linh hoạt và đa dạng, tạo điều kiện cho SV lựa chọn hình thức học ngoại ngữ tại trường hoặc ở các trung tâm đào tạo ngoài trường để phù hợp với bản thân nhằm đạt được năng lực sử dụng ngoại ngữ đáp ứng được CĐR mong đợi khoản 7, mục 5.2 – chuẩn về kỹ năng: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc, trong các hoạt động chuyên môn; đồng thời đáp ứng được mục tiêu đào tạo tổng quát về việc đáp ứng năng lực nghề nghiệp hội nhập quốc tế và có khả năng phát triển nghề nghiệp, đáp ứng được mục tiêu cụ thể số 3: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia [\[Exh.04.01.03\]](#).

Đánh giá quá trình học tập: Trong quá trình học tập tại trường, SV được đánh giá kết quả học tập (trình độ kiến thức, kỹ năng và thái độ học tập) thông qua việc kiểm tra và đánh giá từng học phần (điểm học phần), đánh giá cuối học kỳ (điểm trung bình

chung học kỳ - ĐTBCHK) và đánh giá toàn khóa (điểm trung bình chung tích lũy - ĐTBCTL) theo CTĐT [\[Exh.04.01.12\]](#). Đây là quá trình đánh giá phức tạp với nhiều học phần, hình thức kiểm tra và đánh giá đa dạng, diễn ra trong toàn thời gian của CTĐT.

Đối với các học phần, CDR của mỗi học phần trong ma trận CDR của ngành và kết cấu của học phần (số giờ lý thuyết, thảo luận, bài tập lớn, thực hành, thí nghiệm...) được thể hiện cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần [\[Exh.04.01.04\]](#). Ý thức, thái độ học tập, mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức và các kỹ năng của người học được đánh giá thông qua điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần, theo Điều 9 – Đánh giá và tính điểm học tập của Quyết định số 2006/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/11/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#). Cách lựa chọn phương pháp đánh giá điểm quá trình và hình thức thi kết thúc học phần được căn cứ vào kết quả học tập mong đợi của CDR mỗi học phần, và mục tiêu của học phần. Qua đó, đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp Việt Anh và kết quả học tập đã đặt ra ở CDR của ngành [\[Exh.04.01.04\]](#).

Điểm đánh giá quá trình: bao gồm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, đánh giá phần thực hành, đánh giá chuyên cần. Các hình thức đánh giá quá trình đa dạng, được chọn lựa phù hợp theo tính chất của học phần và CDR của học phần, cũng như đáp ứng được CDR của ngành KT được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần [\[Exh.04.01.04\]](#) và phân bố các học phần đảm nhận việc đáp ứng CDR của ngành [\[Exh.04.01.03\]](#).

Đánh giá chuyên cần (lên lớp đầy đủ, đúng giờ, chấm vở ghi và vở bài tập...) [\[Exh.04.01.04\]](#) đáp ứng mục tiêu 3 nhằm rèn luyện cho SV có kỹ năng cá nhân chuẩn mực trong việc đúng giờ và có trách nhiệm để đảm bảo nâng cao đạo đức nghề nghiệp khi làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia [\[Exh.04.01.03\]](#) với kết quả học tập mong đợi ở CDR 8 – có các kỹ năng cần thiết trong các hoạt động và CDR 12 – có thái độ làm việc chuyên nghiệp, có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội [\[Exh.04.01.03\]](#).

Điểm đánh giá thường xuyên được thực hiện qua các bài kiểm tra giữa kỳ dưới hình thức viết, trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp hoặc phối hợp [\[Exh.04.01.04\]](#) nhằm đánh

giá mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức, giải quyết các vấn đề, áp dụng lý thuyết vào để giải quyết các tình huống trong thực tiễn đáp ứng mục tiêu đào tạo 1, 2 và 4 và kết quả học tập mong đợi theo CĐR 1, 2, 3, 4, 5, 6, 11, đặc biệt với các học phần chuyên ngành đáp ứng CĐR 2 về hiểu và vận dụng các kiến thức cốt lõi về kế toán, CĐR 3 về nắm vững những kiến thức chuyên môn sâu về kế toán trong doanh nghiệp, CĐR 4 về kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề cơ bản [\[Exh.04.01.03\]](#).

Đánh giá ý thức, thái độ học tập qua phương pháp đánh giá về thái độ đóng góp, trao đổi trong giờ lý thuyết và thảo luận, chuẩn bị phần tự học và thảo luận trên lớp [\[Exh.04.01.04\]](#) phù hợp với mục tiêu đào tạo cụ thể 3 và kết quả học tập mong đợi theo CĐR 4, 5, 7, 9, 12 [\[Exh.04.01.03\]](#).

Đánh giá các kiến thức và kỹ năng tổng hợp thông qua tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, thực hành, thí nghiệm,... [\[Exh.04.01.04\]](#) nhằm đánh giá khả năng tư duy hệ thống, khả năng cập nhật kiến thức môn học, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn đáp ứng mục tiêu đào tạo 2 và kết quả học tập mong đợi theo CĐR 3, 5, 6, 11 [\[Exh.04.01.03\]](#).

Đánh giá thảo luận nhóm hoặc thảo luận tình huống thông qua các bài tập nhóm, bài tập tình huống nhằm đánh giá các kỹ năng phản biện, thuyết trình, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề... trong giờ thảo luận nhóm [\[Exh.04.01.04\]](#) đáp ứng mục tiêu đào tạo 3, 2 và kết quả học tập mong đợi theo CĐR 4, 5, 8 [\[Exh.04.01.03\]](#).

Điểm thi kết thúc học phần: là điểm đánh giá bắt buộc cho mỗi học phần vào kỳ thi cuối học kỳ. Các hình thức thi kết thúc học phần đa dạng: viết báo cáo/tiểu luận, thi viết (tự luận, trắc nghiệm), thuyết trình - vấn đáp, bài thực hành, hoặc kết hợp giữa các hình thức được thể hiện rõ ở đề cương chi tiết học phần [\[Exh.04.01.04\]](#). Các hình thức thi kết thúc học phần được chọn lựa phù hợp theo tính chất của học phần và CĐR của học phần, cũng như CĐR của ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp viết anh. Với kết quả học tập mong đợi SV vận dụng được lý thuyết để thực hành, ghi sổ và lên phần mềm, đáp ứng mục tiêu 2 thì phương pháp đánh giá được thiết kế là bài thực hành trực tiếp trên máy tính như học phần tin học đại cương, thực hành kế toán [\[Exh.04.01.07\]](#). Với kết quả học tập mong đợi SV áp dụng được tổng hợp kiến thức để vận dụng giải quyết các vấn đề bài tập, vấn đề thực tế liên quan đến các vấn đề kinh tế xã hội, đến lĩnh vực chuyên môn

kế toán, đáp ứng mục tiêu 2, 4 thì phương pháp đánh giá được thiết kế là thi viết dưới hình thức tự luận, trắc nghiệm hoặc phối hợp như các học phần khối kiến thức cơ sở ngành, các học phần chuyên ngành [\[Exh.04.01.04\]](#). Với kết quả học tập mong đợi SV vận dụng được tổng quan kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn, vận dụng kiến thức để triển khai phân hành kế toán tại doanh nghiệp, SV có khả năng tìm tòi, khám phá kiến thức trong thực tế, đáp ứng mục tiêu 2, 3 thì phương pháp đánh giá được thiết kế là viết báo cáo/tiểu luận như các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành. Hình thức này được áp dụng nhiều trong năm học 2020 – 2021, 2021-2022 do tình hình dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp để đánh giá được khả năng tự học cao của SV [\[Exh.04.01.08\]](#). Hình thức đánh giá thuyết trình-vấn đáp được áp dụng với học phần thực tập cơ sở vật chất, thực tập tốt nghiệp nhằm đánh giá được kết quả SV tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp, khả năng quát sát, nhận xét, đánh giá và mức độ vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tế ở doanh nghiệp, đáp ứng mục tiêu 2, 3, 4 [\[Exh.04.01.09\]](#).

Điểm học phần: là điểm tổng hợp của điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Như vậy, điểm học phần không chỉ được đánh giá về mức độ tích lũy kiến thức, năng lực nhận thức và các kỹ năng của người học, mà còn đánh giá được ý thức, thái độ học tập thông qua việc lên lớp đầy đủ, đúng giờ, chuẩn bị phần tự học và thảo luận trên lớp.

Tùy từng khối học phần, mà các GV và bộ môn phụ trách đã xây dựng được phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp và đa dạng với kết quả học tập mong đợi từ người học và mục tiêu đào tạo.

Đánh giá đồ án tốt nghiệp:

Đồ án tốt nghiệp của SV ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh được xem như một học phần đặc biệt có khối lượng 10 TC và có mục tiêu đào tạo phù hợp với ma trận CDR-TH [\[Exh.04.01.06\]](#). Sau khi hoàn thành, SV được bảo vệ ĐATN trước Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN với hình thức thuyết trình - trả lời vấn đáp. Đánh giá học phần ĐATN cũng như đánh giá các học phần khác trong CTĐT, bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá kết thúc học phần theo Điều 14, Quyết định số 2006/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/11/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#).

- Điểm đánh giá quá trình làm ĐATN: đánh giá chuyên cần, ý thức, thái độ, tiến độ thực hiện và nội dung ĐATN của người học của giáo viên hướng dẫn (tỷ trọng 50%) được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết học phần Đồ án tốt nghiệp [\[Exh.04.01.10\]](#). Các phương pháp đánh giá giúp GV hướng dẫn đánh giá được kết quả học tập mong đợi từ SV là áp dụng được kiến thức tổng hợp về kinh tế xã hội, khoa học tự nhiên và kiến thức chuyên ngành để vận dụng mô tả lại được công tác kế toán của một doanh nghiệp cụ thể, từ đó nhận xét và góp ý để hoàn thiện hơn công tác kế toán tại doanh nghiệp; đáp ứng mục tiêu 1, 2, 3, 4. Bên cạnh đó, việc đánh giá nội dung thực hiện theo "Nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp" của giáo viên đọc duyệt (tỷ trọng 50%) [\[Exh.04.01.11\]](#) để đánh giá khách quan về yêu cầu của đồ án đáp ứng mục tiêu 2 và 4.

- Điểm thi kết thúc học phần ĐATN: Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN sẽ đánh giá và cho điểm người học về các mặt: kiến thức tích lũy, năng lực nhận thức, nội dung và chất lượng của ĐATN, kỹ năng thuyết trình khi bảo vệ và kỹ năng giải quyết vấn đề khi trả lời vấn đáp. Hình thức đánh giá thuyết trình vấn đáp đã làm rõ được mục tiêu 2, 3, 4 để đánh giá được kết quả mong đợi từ SV nhằm áp dụng toàn bộ khối kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế xã hội và kiến thức chuyên ngành để làm đồ án và bảo vệ đồ án [\[Exh.04.01.10\]](#) và [\[Exh.04.01.03\]](#)

Có thể thấy, ĐATN ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh là một học phần đặc biệt có khối lượng kiến thức lớn, bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành, có thời gian thực hiện khoảng 14 tuần. Với hình thức kiểm tra và đánh giá học phần ĐATN như trên có thể đảm bảo đánh giá đầy đủ và toàn diện cả về kiến thức tích lũy, năng lực nhận thức chuyên môn theo yêu cầu về CĐR của học phần ĐATN, cũng như đánh giá được ý thức, thái độ, kỹ năng nghề nghiệp và một số kỹ năng mềm của người học khi thực hiện ĐATN.

Đánh giá rèn luyện SV: Một nội dung quan trọng trong đánh giá SV mỗi học kỳ và năm học, đó là công tác đánh giá RLSV. Nội dung đánh giá bao quát được về kết quả học tập, kỹ năng và thái độ của SV tại nhà trường và địa phương: căn cứ kết quả học tập và NCKH; ý thức tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao và phong trào của Trường và của cộng đồng; tuân thủ các quy định của Nhà Trường và pháp luật của Nhà nước, ... được thể hiện trên Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện SV [\[Exh.04.01.13\]](#). Các tiêu chí

đánh giá RLSV tập trung vào đánh giá ý thức của SV nhằm mong muốn SV rèn luyện được bản thân tốt để trở thành một công dân tốt hoàn thiện về kỹ năng, thái độ và học tập đáp ứng mục tiêu 3 trong CĐR của ngành.

2.4.2. Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của SV bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan được xác định rõ ràng theo Công báo số 555+556 ngày 01/06/2014 ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT [\[Exh.04.02.01\]](#), Quyết định số 300/QĐ-ĐH GTVT về việc quy định thực hiện Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [\[Exh.04.01.12\]](#), Quyết định số 1827/QĐ-ĐH GTVT về việc ban hành Đề án “Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập” [\[Exh.04.02.02\]](#), Quyết định số 1587/QĐ-ĐH GTVT về việc sửa đổi, bổ sung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [\[Exh.04.02.03\]](#), Quyết định số 2006/QĐ-ĐH GTVT ngày 05/11/2021 ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#), QĐ số 1913/QĐ-ĐH GTVT ngày 02/10/2015 về việc phê duyệt đề án Đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc Đại học hệ CQ (CTTT và CLC) Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.01\]](#), Quyết định số 937/QĐ-ĐH GTVT ngày 30/05/2022 về việc ban hành Đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học hệ chính quy cho Chương trình tiên tiến và Chất lượng cao [\[Exh.04.01.02\]](#); đồng thời thông báo công khai đến SV trên website hỗ trợ SV (<http://hotrosinhvien.utc.edu.vn/tin-tuc/huong-dan>) [\[Exh.04.02.04\]](#), phổ biến đến SV vào tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), ghi rõ trong "Sổ tay SV" [\[Exh.04.02.06\]](#) và đã được phát cho mọi người học tại thời điểm nhập học. Các chính sách về đánh giá kết quả học tập được quy định thực hiện thống nhất trong toàn trường và thống nhất giữa các học phần trong CTĐT, thể hiện qua việc các GV giảng dạy học phần đều thực hiện theo phương pháp đánh giá theo đề cương chi tiết học phần [\[Exh.04.01.10\]](#).

Trường ĐH GTVT đã căn cứ trên quy định của Bộ giáo dục và đào tạo về việc đào tạo theo hình thức tín chỉ [\[Exh.04.02.01\]](#), căn cứ trên đặc điểm tình hình thực tế đào tạo tại trường để ban hành quy định cụ thể, rõ ràng đánh giá kết quả học tập. Việc đánh giá

kết quả học tập được quy định rõ ràng trong điều 9, 10 của Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hình thức tín chỉ [\[Exh.04.01.05\]](#) áp dụng với khóa 61 trở đi về cách đánh giá điểm quá trình, hình thức đánh giá điểm quá trình và thi kết thúc học phần, quy định về đánh giá học phần, công thức tính điểm học phần, bảng quy đổi giữa thang điểm 10 và thang điểm 4 (điều 9), đánh giá và xếp loại học kỳ theo năm học (điều 10). Đối với khóa 55 đến khóa 60, quy định về thi kết thúc học phần ở việc lựa chọn hình thức thi, xây dựng đề thi, tổ chức thi, chấm thi và công bố điểm; quy định về kiểm tra giữa quá trình học về thời gian, hình thức kiểm tra, đề kiểm tra, tổ chức kiểm tra; quy định về cách tính điểm đánh giá học được mô tả rõ ràng, cụ thể theo Đề án Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [\[Exh.04.02.02\]](#). Quy định về đánh giá học phần được ghi rõ trong Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và được quy định và thực hiện thống nhất trong toàn trường, thống nhất đối với tất cả các học phần trong CTĐT.

Đánh giá đồ án tốt nghiệp được quy định ở Điều 25 - Đánh giá đồ án tốt nghiệp trong Quyết định số 300/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/2/2014 về việc quy định thực hiện quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [\[Exh.04.01.12\]](#), được sửa đổi và hướng dẫn thực hiện rõ ràng trong khoản 4, điều 1 của Quyết định số 1587/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/8/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ [\[Exh.04.02.03\]](#). Cụ thể, điểm học phần đồ án tốt nghiệp của SV được tính như các học phần khác, trong đó, có điểm đánh giá quá trình ĐATN và điểm thi kết thúc học phần ĐATN. Quy định đánh giá ĐATN được phổ biến đến SV thông qua Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và thống nhất thực hiện ở tất cả các GV hướng dẫn ở bộ môn, và ở tất cả các hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp và được thực hiện thống nhất toàn trường.

Các quy định về đánh giá trình độ ngoại ngữ của SV ngành KTTH Việt Anh được quy định ở mục 2.3 Tổ chức thi, dạng thức đề thi theo Khung trình độ chung châu Âu, các dạng bài thi tương ứng với kỳ thi đánh giá trình độ được thể hiện ở Phụ lục 10, và mục 2.6 quy định về miễn học, miễn thi và chuyển điểm học phần ngoại ngữ tăng cường và bắt buộc, điểm quy đổi các học phần ngoại ngữ Anh vẫn được trình bày tại Phụ lục 5, công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ của các tổ chức khảo thí theo quy định của Bộ GDĐT cấp thể hiện ở Phụ lục 11 của Đề án đào tạo đạt chuẩn ngoại ngữ bậc đại học hệ chính

quy chương trình chất lượng cao [\[Exh.04.01.01\]](#) đối với khóa 55 đến 60; từ khóa 62 trở đi nội dung này được quy định rõ ràng ở mục 2.3 tổ chức đào tạo và mục 2.4 Công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ để miễn học, miễn thi, chuyển điểm và xét tốt nghiệp [\[Exh.04.01.02\]](#).

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo chịu trách nhiệm công tác khảo thí về việc phản hồi của SV đối với kết quả học tập được quy định ở mục d, khoản 1, điều 11 trong Quyết định số 1270/QĐ-ĐH GTVT ngày 22 tháng 7 năm 2013 ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Trường Đại học Giao thông vận tải [\[Exh.04.01.06\]](#).

Đối với những kỳ thi đặc thù như đánh giá trình độ ngoại ngữ của SV, sau khi tổ chức kỳ thi và tổ chức chấm thi, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo ban hành Thông báo về việc phúc khảo kết quả bài thi đánh giá trình độ ngoại ngữ cho SV [\[Exh.04.01.07\]](#), trong thông báo hướng dẫn cụ thể việc quy trình SV thực hiện phúc khảo bài thi, mẫu đơn xin phúc khảo bài thi [\[Exh.04.01.07\]](#), thời gian và địa điểm nhận đơn xin phúc khảo. Thông báo được phát biểu, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu và dễ thực hiện. Đồng thời, thông báo được gửi lên website (<http://hotrosinhvien.utc.edu.vn/tin-tuc/huong-dan>) [\[Exh.04.02.04\]](#) và trang quản lý đào tạo theo tài khoản được cấp cho SV (<https://qldt.utc.edu.vn/>) [\[Exh.04.02.09\]](#).

Sau khi nhận được kết quả điểm thi công bố trên hệ thống QLĐT, SV được phúc tra, khiếu nại kết quả học tập trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả theo điểm e, khoản 7, điều 8 của Quy chế đào tạo Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) bằng cách nộp Đơn xin phúc khảo bài thi [\[Exh.04.02.10\]](#) đến Bộ môn phụ trách. Khoa/Bộ môn phụ trách học phần chịu trách nhiệm tiếp nhận đơn và phúc tra bài thi theo quy định. Quy định về phúc khảo đã được quy định rõ trong Quy chế đào tạo và phổ biến đến SV qua Tuần sinh hoạt chính trị SV đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#), qua kênh CVHT trao đổi với lớp [\[Exh.04.02.11\]](#) hoặc chia sẻ khi thành viên có nhu cầu hỏi và được thực hiện nhất quán trong toàn trường.

Sau khi nhận được kết quả thi, nếu cảm thấy kết quả chưa phù hợp, người học thực hiện quyền phúc khảo bài thi như sau:

- Người học nộp "Đơn xin phúc khảo điểm bài thi" trực tiếp cho Bộ môn phụ trách học phần trong vòng 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi.

- Đối với các môn thi vấn đáp, thực hành, thí nghiệm: Trưởng BM quản lý học phần và 2 GV đã chấm thi trước đó tiến hành chấm phúc khảo bài thi.

- Đối với môn thi viết - tự luận, viết - trắc nghiệm. Trưởng BM quản lý học phần bố trí 2 GV chấm phúc khảo, đảm bảo không trùng với các GV đã chấm bài thi trước.

- Trong mọi trường hợp có hay không thay đổi điểm bài thi sau khi chấm phúc khảo bài thi, BM KTKT chuyển văn bản giải trình, bảng điểm (phô tô) sau khi chấm phúc khảo có chữ ký xác nhận của 2 GV chấm thi và trưởng BM quản lý học phần cho Khoa ĐTQT, Phòng ĐTDH chậm nhất 10 ngày kể từ ngày nhận Đơn xin phúc khảo bài thi của SV.

Kết quả chấm thi phúc khảo sẽ được GV phụ trách học phần chuyển đến SV và chuyển đến lớp học phần.

Đối với kết quả đánh giá RLSV:

Đánh giá RLSV được căn cứ theo chính sách quy định trong Thông tư 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy [\[Exh.04.02.12\]](#), Quyết định 2496/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/12/2015 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV hệ chính quy [\[Exh.04.02.13\]](#), Quyết định 637/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/03/2023 ban hành Quy chế đánh giá rèn luyện của SV hệ chính quy [\[Exh.04.02.14\]](#). Theo đó, các quy định về quy trình đánh giá RLSV, nguyên tắc đánh giá RLSV, các tiêu chí đánh giá RLSV và thang điểm được quy định rõ ràng trên các văn bản về đánh giá RLSV của Bộ GDĐT và của Trường đại học GTVT, được phổ biến đến SV thông qua tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa, được ghi rõ trong Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#). Quy trình, thang điểm đánh giá RLSV được phổ biến thống nhất toàn trường, đến toàn thể CVHT, hội đồng CVHT cấp Khoa và cấp Trường và được thực hiện nhất quán trong toàn trường [\[Exh.04.02.15\]](#).

Điểm RLSV được thống nhất trong buổi họp lớp do CVHT chủ trì, và công khai đến toàn bộ các thành viên trong lớp. Trong buổi họp lớp đánh giá RLSV, mọi SV đều có quyền khiếu nại với CHVT và tập thể lớp với bất kỳ kết quả không thỏa đáng. Kết quả

đánh giá RLSV được thông qua trong buổi họp lớp và được CVHT chuyển về văn phòng khoa để tập hợp và được đánh giá thống nhất ở Hội đồng đánh giá RLSV cấp khoa. Sau đó, kết quả RLSV được chuyển về lớp. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày được nhận được thông báo kết quả đánh giá RLSV, người học nếu có ý kiến phản hồi, khiếu nại sẽ làm đơn khiếu nại gửi đến CVHT, CVHT xem xét khiếu nại, sau đó chuyển lên Hội đồng đánh giá RLSV cấp Khoa được quy định ở Bước 4, Điều 11 – Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện trong Quyết định 2496/QĐ-ĐHGTVT. Trong vòng 10 ngày, Hội đồng đánh giá cấp Khoa tiếp nhận ý kiến phản hồi, khiếu nại được quy định trong Bước 3, Điều 11 và quyền khiếu nại của SV và hình thức khiếu nại bằng cách gửi đơn khiếu nại đến Trường khoa, Phòng CTCT&SV được quy định rõ ở Điều 15 trong Quyết định 637/QĐ-ĐHGTVT. Khi nhận được đơn khiếu nại, Nhà trường có trách nhiệm giải quyết theo quy định của Nhà trường. Quy định về đánh giá RLSV được triển khai theo kế hoạch đánh giá RLSV hàng năm [\[Exh.04.02.15\]](#), được gửi đến CVHT từng lớp và phổ biến đến lớp, từng SV trong lớp để thực hiện kế hoạch đánh giá RLSV nhất quán.

2.4.3. Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.

Các tiêu chuẩn liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học được phát biểu rõ ràng ở khoản 3, điều 9 của Quy chế đào tạo đại học Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#). Đối với điểm quá trình, SV có điểm đánh giá quá trình nhỏ hơn 1,0 thang điểm 10 (áp dụng đối với khóa 61 trở đi) (điều 9) [\[Exh.04.01.05\]](#), điểm đánh giá quá trình bằng 0 thang điểm 10 (áp dụng đối với khóa 55 đến 60) (điều 19) [\[Exh.04.01.12\]](#) sẽ không được sự thi kết thúc học phần đó. GV phụ trách lớp học phần công bố cho SV biết tại buổi học cuối cùng của học phần. Đối với điểm thi kết thúc học phần, SV có điểm thi nhỏ hơn 1,0 bị đánh giá không đạt và phải nhận điểm F của học phần. Điểm quá trình, điểm thi kết thúc học phần, điểm đánh giá học phần được làm tròn đến một chữ số phần thập phân. Bảng quy đổi giữa thang điểm 10, thang điểm chữ, thang điểm 4 được thực hiện bởi phần mềm quản lý đào tạo. Một học phần được công nhận là đạt (được tích lũy) nếu điểm học phần đạt từ 4,0 thang điểm 10 trở lên (điểm D). Học phần Đồ án tốt nghiệp được công nhận là đạt nếu điểm học phần đạt từ 5,5 điểm thang điểm 10 trở lên (điểm C) (điều 14, Quy chế đào tạo đại học). Tất cả

các tiêu chuẩn này được quy định rõ trong Quy chế đào tạo của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#) được phổ biến đến SV trong Tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), ghi rõ trong Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và được thực hiện thống nhất toàn trường trên phần mềm qlđt, phần mềm đã được cài đặt tính điểm tự động sau quá trình nhập điểm theo các tiêu chuẩn về đánh giá kết quả học tập trong suốt quá trình học.

Các tiêu chuẩn liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học khi hoàn thành chương trình học được phát biểu rõ ràng, cụ thể trong điều 10 – Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học, Điều 13 – Điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp và bảo vệ đồ án tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#). Theo đó, đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học thì các tiêu chí được phát biểu cụ thể:

- Tổng số tín chỉ của những học phần trong CTĐT dùng để tính điểm mà SV không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

- Tổng số tín chỉ của những học phần trong CTĐT dùng để tính điểm mà SV đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

- Điểm trung bình của những học phần mà SV đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình từ đầu khóa học), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó;

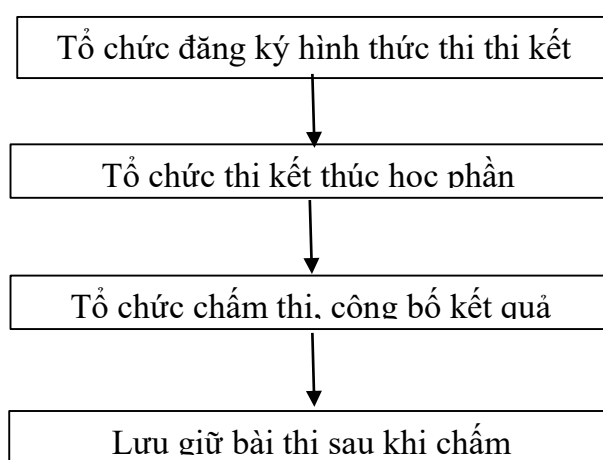
- Điểm trung bình tích lũy là điểm trung bình của những học phần trong CTĐT dùng để tính điểm mà SV đã học và đạt từ đầu khóa học tính theo điểm học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

Tất cả các tiêu chuẩn này được quy định rõ trong Quy chế đào tạo của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#), được phổ biến đến SV trong Tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), ghi rõ trong Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và được thực hiện thống nhất toàn trường trên phần mềm qlđt, phần mềm đã được cài đặt

tính điểm tự động sau quá trình nhập điểm theo các tiêu chuẩn về đánh giá kết quả học tập trong suốt quá trình học.

Các tiêu chuẩn về kết quả học tập để xét điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp được quy định rõ ràng như đối với SV chưa kết thúc khóa học: có số tín chỉ các học phần tính điểm chưa tích lũy (không bao gồm TTTN, ĐATN) không vượt quá 10 tín chỉ, đối với SV đã kết thúc khóa học: có số tín chỉ các học phần tính điểm chưa tích lũy (không bao gồm ĐATN) không vượt quá 10 tín chỉ. Các điều kiện về học tập để được bảo vệ tốt nghiệp được phát biểu rõ ràng quy định SV có số tín chỉ tích lũy đủ theo CTĐT (không tính Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, tín chỉ môn tự chọn không tính điểm và ĐATN) và có điểm trung bình chung tích lũy của các học phần đạt từ 1,9 trở lên (theo thang điểm 4). Các tiêu chuẩn này được quy định rõ trong Quy chế đào tạo của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#), được phổ biến đến SV trong Tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), ghi rõ trong Sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và được thực hiện thống nhất toàn trường qua các chuyên viên Khoa ĐTQT xét điều kiện nhận ĐATN.

Quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình học được phát biểu rõ ràng ở Điều 20 – Tổ chức thi kết thúc học phần, Điều 21 – Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần trong Quy chế đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ của Bộ GDĐT và Trường đại học GTVT [\[Exh.04.02.01\]](#) [\[Exh.04.01.12\]](#). Quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập được thể hiện ở sơ đồ 2.4.2:



Sơ đồ 2.4.2. Quy trình đánh giá kết quả học tập

Bước 1: Tổ chức đăng ký hình thức thi, ra đề thi. Trong mỗi học kỳ, Bộ môn KTKT đề xuất hình thức thi cho từng môn học do Bộ môn phụ trách với khoa ĐTQT [\[Exh.04.03.03\]](#) theo quy định ở Đề án đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [\[Exh.04.02.02\]](#).

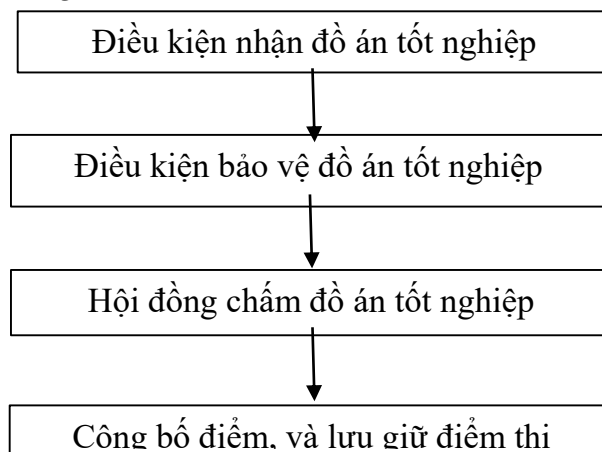
Bước 2: Tổ chức thi kết thúc học phần: Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi. Lịch thi kết thúc học phần do Khoa ĐTQT thực hiện [\[Exh.04.03.01\]](#). Lịch thi kết thúc học phần này phải được trình Ban giám hiệu phê duyệt và công bố cho SV ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu. Cuối học kỳ, thông báo lịch thi được đăng tải trên trang quản lý đào tạo, SV kiểm tra lịch thi trên trang quản lý đào tạo <https://qldt.utc.edu.vn/> và trên trang <https://hoctructuyen.utc.edu.vn/> [\[Exh.04.03.02\]](#).

Các môn cơ bản, Giáo dục quốc phòng, Lý luận chính trị và môn số môn chung sẽ thi tập trung, do Trường tổ chức thi (trừ các môn chọn thi vấn đáp). Các môn còn lại do Bộ môn tổ chức thi theo quy định của Trường ở Đề án đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập [\[Exh.04.02.02\]](#).

Bước 3: Tổ chức chấm thi. Việc chấm thi kết thúc học phần với mọi hình thức phải do 2 GV chấm theo Điều 21, Quy chế đào tạo đại học [\[Exh.04.01.12\]](#). Với hình thức thi vấn đáp, điểm thi vấn đáp được công bố công khai cho người học sau mỗi buổi thi. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm quá trình học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của cả hai GV chấm thi và trưởng bộ môn quản lý học phần [\[Exh.04.03.04\]](#) [\[Exh.04.03.05\]](#) và làm thành ba bản: một lưu tại bộ môn, một gửi về khoa ĐTQT và một bản gửi về Phòng đào tạo, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần. Bộ môn nhập điểm thi kết thúc học phần trên phần mềm quản lý đào tạo và nộp bảng điểm về phòng ĐTĐH, Khoa quản lý chuyên ngành chậm nhất là 10 ngày sau khi thi kết thúc học phần theo hướng dẫn thực hiện của trường ở Điều 21 Quy chế đào tạo [\[Exh.04.01.12\]](#).

Bước 4: Lưu giữ bài thi sau khi chấm. Hiệu trưởng quy định việc bảo quản bài thi, và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn. Quy định được phát biểu rõ ràng ở khoản 3, điều 21 Quy chế đào tạo [\[Exh.04.01.12\]](#).

Quy trình liên quan đến đánh giá đồ án tốt nghiệp khi hoàn thành chương trình được thể hiện qua sơ đồ 2.4.3:



Sơ đồ 2.4.3 Quy trình đánh giá đồ án tốt nghiệp

Bước 1: Điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp. SV được đăng ký làm ĐATN nếu có đủ điều kiện xét theo Điều 13 – Điều kiện nhận đồ án tốt nghiệp của quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#). Xét về kết quả học tập, đối với SV chưa kết thúc khóa học: có số tín chỉ các học phần tính điểm chưa tích lũy (không bao gồm thực tập tốt nghiệp, ĐATN) không vượt quá 10 tín chỉ; đối với SV đã kết thúc khóa học: có số tín chỉ các học phần tính điểm chưa tích lũy (không bao gồm ĐATN) không vượt quá 10 tín chỉ.

Bước 2: Điều kiện bảo vệ đồ án tốt nghiệp. SV được bảo vệ đồ án tốt nghiệp khi không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập; được sự đồng ý của GV hướng dẫn và GV đọc duyệt; có số tín chỉ tích lũy đủ theo CTĐT (không tính các tín chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất, tín chỉ của môn học tự chọn không tính điểm và đồ án tốt nghiệp), có điểm trung bình chung tích lũy của các học phần đạt từ 1,9 trở lên (theo thang điểm 4) được phát biểu rõ ràng theo Điều 13 – Điều kiện bảo vệ đồ án tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo [\[Exh.04.01.05\]](#).

Bước 3: Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp được phát biểu rõ ràng ở khoản 3, Điều 14 – Đánh giá học phần ĐATN. Hội đồng chấm ĐATN có ít nhất 3 thành viên, tối đa 5 thành viên do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập theo đề nghị của Khoa/Bộ môn phụ trách học phần và phòng Đào tạo đại học. Hội đồng gồm chủ tịch hội đồng, thư ký hội đồng và các ủy viên hội đồng. Hội đồng chấm ĐATN làm việc khi có mặt chủ tịch, thư

ký và một ủy viên đối với hội đồng 3 thành viên, hai ủy viên đối với hội đồng 5 thành viên.

Quy trình về đánh giá ĐATN được hướng dẫn SV trong tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.05\]](#), ghi rõ trong sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) và phát cho SV tại thời điểm nhập học. Ngoài ra, CVHT cũng trao đổi và phổ biến đến SV qua các buổi họp lớp ở kỳ 7, GV hướng dẫn đồ án tốt nghiệp hướng dẫn và công bố với SV về quy trình, về các tiêu chuẩn đánh giá điểm quá trình ĐATN và tiêu chuẩn đánh giá ĐATN cuối khóa và quy trình bảo vệ, chấm đồ án tốt nghiệp [\[Exh.04.01.05\]](#). Quy trình này được phổ biến thống nhất trong toàn trường, và triển khai nhất quán đối với tất cả các GV hướng dẫn đồ án và các hội đồng chấm ĐATN.

Tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng ở Điều 15 – Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp của quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#). SV được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ ba điều kiện:

Thứ nhất, tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của CTĐT, đạt CDR của CTĐT;

Thứ hai, điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 thang điểm 4 trở lên;

Thứ ba, tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Trong đó, bằng tốt nghiệp đại học được xếp hạng theo ĐTBCTL toàn khóa: Loại Xuất sắc (điểm TBCTL = 3,60 đến 4,00); Loại Giỏi (điểm TBCTL = 3,20 đến 3,59); Loại Khá (điểm TBCTL = 2,50 đến 3,19); Loại Trung bình (điểm TBCTL = 2,00 đến 2,49).

Toàn bộ quy trình trên đều có trong sổ tay SV [\[Exh.04.02.06\]](#) phát cho SV khi nhập học, hướng dẫn SV trong tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [\[Exh.04.02.06\]](#) để SV có thể theo dõi và chuẩn bị kế hoạch học tập để đủ điều kiện bảo vệ ĐATN và được công nhận tốt nghiệp. Ngoài ra, CVHT, GV giảng dạy chuyên ngành, GV hướng dẫn đồ án tốt nghiệp cũng luôn phổ biến và nhắc nhở, đôn đốc SV để SV chủ động và có kế hoạch chuẩn bị đủ điều kiện làm ĐATN, được bảo vệ và công nhận tốt nghiệp. Điều này thể hiện được việc phổ biến và triển khai nhất quán trong toàn trường.

Đánh giá RLSV: Các tiêu chuẩn trong việc đánh giá RLSV được quy định rõ trong Phiếu đánh giá RLSV [Exh.04.01.13]. Phiếu đánh giá RLSV có tổng số 16 tiêu chí trong 5 tiêu chuẩn đánh giá, các tiêu chí đánh giá được ghi chú mức điểm đánh giá rõ ràng, và có hướng dẫn cụ thể về minh chứng nếu có. Quy trình đánh giá RLSV gồm 8 bước được quy định rõ trong Điều 11 – Quy trình đánh giá kết quả RLSV trong Quyết định 2496/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/12/2015 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV hệ chính quy [Exh.04.02.13] và Kế hoạch triển khai đánh giá RLSV hàng kỳ [Exh.04.02.15]. Các tiêu chuẩn và quy trình đánh giá RLSV được phổ biến đến SV qua Tuần sinh hoạt chính trị công dân đầu khóa [Exh.04.02.05], mô tả rõ trong Sổ tay SV [Exh.04.02.06]. Kế hoạch triển khai đánh giá RLSV được triển khai theo kỳ, phổ biến đến toàn trường, đến CVHT qua trang <https://usmart.utc.edu.vn/vanban/tracuu-vanbandi> [Exh.04.03.06], và thực hiện nhất quán ở tất cả SV, CVHT và hội đồng đánh giá RLSV các cấp.

2.4.4. Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.

Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm được quy định rõ ràng ở Điều 9 – Đánh giá và tính điểm học phần của quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [Exh.04.01.05] [Exh.04.01.12]. Tiêu chí đánh giá, thang điểm đánh giá của điểm quá trình được phát biểu rõ ràng trong đề cương chi tiết học phần [Exh.04.01.04], được các GV triển khai đánh giá tại lớp và tổng hợp các tiêu chí đánh giá được ghi nhận ở Danh sách điểm thành phần đánh giá quá trình [Exh.04.04.04], Bảng điểm đánh giá quá trình [Exh.04.03.04] đảm bảo được độ tin cậy và tính công bằng trong đánh giá KQHT. Hình thức đánh giá của thi cuối kỳ được quy định trong đề cương chi tiết học phần [Exh.04.01.04], còn bảng tiêu chí đánh giá và thang điểm được quy định trong Đề thi kết thúc học phần, Đáp án đề thi học phần [Exh.04.04.03]. Sau khi chấm điểm xong, GV phụ trách học phần sẽ nhập điểm vào Danh sách thi kết thúc học phần [Exh.04.03.05]. Ví dụ về cách tính điểm học phần "Nguyên lý kế toán" theo đề cương chi tiết và được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 được cho trong Bảng 2.4.3.

Bảng 2.4.3. Cách tính điểm học phần.

Học phần Nguyên lý kế toán	Điểm đánh giá quá trình P_P (thang điểm 10, tỷ trọng 50%)			Điểm thi kết thúc học phần, P_F (thang điểm 10/tỷ trọng 50%)	Điểm học phần (theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân)						
	Điểm chuyên cần (10%)	Bài kiểm tra giữa kỳ (15%)	Bài tập môn học (25%)								
Ký hiệu điểm	P_1	P_2	P_3	P_F	P_{S10}						
Công thức tính	$P_P = P_1 \frac{10}{50} + P_2 \frac{15}{50} + P_3 \frac{25}{50}$			P_F	$P_{S10} = P_P \frac{50}{100} + P_F \frac{50}{100}$						
Chuyển đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4											
	Thang điểm 10	0,0- 1,9	2,0- 3,9	4,0- 4,4	4,5- 5,4	5,5- 5,9	6,0- 6,9	7,0- 7,9	8,0- 8,4	8,5- 9,4	9,5- 10
	Thang điểm chữ	F	F+	D	D+	C	C+	B	B+	A	A+
	Thang điểm 4	0	0,5	1,0	1,5	2,0	2,5	3,0	3,5	3,8	4,0
	Xếp hạng	Kém		Trung bình yếu		Trung bình		Khá		Giỏi	

Quy trình đánh giá kết quả của người học được triển khai từ khâu lập đề thi, tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.

Đề thi cuối học phần được xây dựng đảm bảo theo quy định của Điều 4 – Quy định về nội dung câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi; đề thi, ngân hàng đề thi trong Quyết định số 1944B/QĐ-ĐHGTVT ngày 08/10/2015 ban hành quy định về xây dựng, sử dụng và quản lý câu hỏi thi, ngân hàng câu hỏi thi; đề thi, ngân hàng đề thi kết thúc học phần [\[Exh.04.04.01\]](#) và Điều 4 – Quy định về đề thi trong Quyết định số 2234/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/11/2017 ban hành Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho SV đại học hệ chính quy [\[Exh.04.04.02\]](#). Theo đó, mỗi bộ môn phụ trách học

phần khi xây dựng đề thi phải đảm bảo nội dung đề thi phải nằm trong phần kiến thức của học phần, sao cho đánh giá được kiến thức cơ bản cũng như tư duy của người học; Phân loại được kết quả học tập của SV; Mức độ đề thi phải phân loại được người học, tỷ lệ người học đạt yêu cầu, không đạt yêu cầu, khá – giỏi khi thi tương đối phù hợp với mặt bằng chung của trường (tương đối đồng đều giữa các học phần với nhau), không mang tính bất thường trong đề thi [\[Exh.04.04.01\]](#) [\[Exh.04.04.02\]](#). Những yêu cầu này được quy định, phổ biến và triển khai đến các bộ môn phụ trách học phần nhằm làm cho đề thi đảm bảo được độ giá trị, đo lường được chính xác kết quả học tập của người học. Bên cạnh đó, đề thi xây dựng phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong đề cương môn học [\[Exh.04.04.02\]](#); nội dung đề thi đảm bảo phản ánh đúng CDR của học phần đảm bảo được độ tin cậy của đề thi vì đề thi phản ánh được đúng mục tiêu, CDR được thiết kế tương ứng với từng học phần. Về cấu trúc đề thi, mỗi đề thi (trừ thi trắc nghiệm) tối thiểu phải có 2 câu hỏi thi, thời gian làm bài là 60 phút hoặc 90 phút [\[Exh.04.04.05\]](#). Đề thi có đáp án và thang điểm chi tiết đến 0,25 điểm. Đáp án đề thi được biên soạn theo nội dung của từng câu hỏi và tách ra thành các ý lớn, ý nhỏ, ngắn gọn, dễ hiểu [\[Exh.04.04.06\]](#); Thời gian đề thi tối thiểu là 60 phút là thời gian phù hợp để SV có thể tư duy, triển khai các ý trả lời. Cấu trúc đề thi tối thiểu có 2 câu hỏi để đảm bảo được độ đa dạng của đề thi và độ phủ kiến thức của đề thi. Quy định thang điểm đề thi chi tiết rõ ràng đến 0,25 điểm đảm bảo tính công bằng và chính xác khi đánh giá KQHT của SV. Ngoài ra, trên đề thi phải ghi rõ được hay không được sử dụng tài liệu (nếu được sử dụng tài liệu, phải ghi rõ đó là những tài liệu gì); Đề thi có tổng số điểm của các câu hỏi là 10. Hình thức đề thi phải được soạn theo đúng mẫu quy định của trường. Bộ đề thi của học phần phải có ít nhất 10 đề thi/1 tín chỉ nhằm đảm bảo được sự công bằng, rõ ràng, tin cậy trong khâu tổ chức coi thi.

Công tác tổ chức thi các học phần được thực hiện bởi Khoa ĐTQT và bộ môn giảng dạy học phần. Quy trình tổ chức thi được thực hiện căn cứ theo Quyết định số 2234/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/11/2017 ban hành Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho SV đại học hệ chính quy [\[Exh.04.04.02\]](#) như sau:

Bước 1: Chuẩn bị đề thi

- Các nhóm GV phụ trách học phần gửi đề thi [\[Exh.04.04.05\]](#) (số lượng theo quy định: 10 đề/1 tín chỉ) cho Bộ môn KTKT trước kỳ thi ít nhất 15 ngày.

- In sao, đóng gói và bàn giao đề thi:

Bộ phận phụ trách công tác đề thi (do Trưởng bộ môn phân công) tổ chức bốc thăm đề thi, in sao, kiểm tra, đóng gói, niêm phong đề thi.

Bộ phận phụ trách công tác đề thi bàn giao các túi đề thi đã niêm phong cho bộ phận coi thi theo lịch coi thi đã được bộ môn phân công GV coi thi [\[Exh.04.03.01\]](#). Túi đề thi phải đảm bảo đủ số lượng đề thi và được ghi đầy đủ, chính xác các thông tin in trên túi đựng đề thi. Việc giao nhận đề thi phải được ký xác nhận vào sổ giao nhận đề thi.

- Bảo mật đề thi:

Bộ phận phụ trách công tác đề thi và những người có liên quan đến công tác đề thi phải có trách nhiệm tuyệt đối giữ bí mật về nội dung đề thi.

Bước 2: Lập lịch thi kết thúc học phần và danh sách SV dự thi

- Khoa ĐTQT lập lịch thi kết thúc học phần [\[Exh.04.03.01\]](#) và bàn giao cho Bộ môn KTKT trước khi tổ chức kỳ thi tối thiểu 2 tuần.

- Lịch thi được xây dựng trên nguyên tắc thi chung giờ cho một học phần trong học kỳ của toàn trường. Trường hợp khi số lượng SV lớn, có thể tách ra thành các ca thi khác nhau.

- Lịch thi được gửi đến các đơn vị có liên quan (Ban quản lý giảng đường) và SV trong toàn trường thông qua trang quản lý đào tạo [\[Exh.04.03.02\]](#).

- Danh sách SV dự thi kết thúc học phần theo mẫu quy định chung của Nhà trường [\[Exh.04.03.05\]](#). Khoa ĐTQT in danh sách SV dự thi từ phần mềm QLĐT và bàn giao cho Bộ môn KTKT trước ngày thi tối thiểu 02 ngày làm việc.

Bước 3: Phân công cán bộ coi thi (CBCT)

- Mỗi phòng thi có 02 cán bộ coi thi.

- Căn cứ vào lịch thi, Trưởng bộ môn quản lý học phần sẽ đề cử CBCT theo số lượng cụ thể trước kỳ thi tối thiểu 05 ngày [\[Exh.04.04.07\]](#).

- Trưởng bộ môn quản lý học phần lập và quản lý danh sách CBCT [\[Exh.04.04.07\]](#).

Bước 4: Trách nhiệm của CBCT và các thành viên trong Bộ phận phụ trách công tác coi thi

CBCT nhận danh sách dự thi, và đề thi tại bộ môn KTKT và ký nhận vào Sổ giao nhận đề thi [\[Exh.04.04.08\]](#);

CBCT phải thực hiện nghiêm túc giờ thi theo thời gian quy định của ca thi.

Trong suốt quá trình coi thi, CBCT không được làm việc riêng, có mặt thường xuyên tại phòng thi và thực hiện các nhiệm vụ được phân công. CBCT tuân thủ về thời gian bóc đề, thời gian làm bài, thu bài và các quy định dành cho CBCT trong quá trình coi thi như kỳ thi kết thúc học phần các môn chung do phòng KT&ĐBCLĐT ban hành [\[Exh.04.04.03\]](#).

Khi hết giờ làm bài, CBCT thu lại bài thi và đề thi;

Sau khi kết thúc buổi thi, CBCT mang túi bài thi và đề thi về Bộ môn để thực hiện niêm phong bài thi và đề thi, các giấy cam đoan, biên bản xử lý kỷ luật nếu có, ghi rõ họ tên và ký vào sổ bàn giao bài thi cho bộ môn KTKT. Tuyệt đối không được để nhầm lẫn, mất mát bài thi.

Công tác tổ chức thi được đảm bảo có kế hoạch, công khai, nghiêm túc trong suốt quá trình thi để đảm bảo sự công bằng cho người học. Ngoài sự giám sát của CBCT tại phòng thi thì ban thanh tra cũng có mặt để đảm bảo tính nghiêm túc, độ tin cậy và tính công bằng của kỳ thi cũng như đảm bảo kỳ thi được diễn ra thuận lợi. Bài thi sau khi kiểm đếm, thu lại vào túi bài thi sẽ được CBCT bảo mật và bàn giao có ký nhận cho Bộ môn phụ trách học phần để chấm điểm

Công tác tổ chức chấm thi các học phần được bộ môn giảng dạy học phần phụ trách. Quy trình tổ chức chấm thi được thực hiện căn cứ theo Quyết định số 2234/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/11/2017 ban hành Quy định tạm thời về công tác tổ chức thi kết thúc học phần dành cho SV đại học hệ chính quy [\[Exh.04.04.02\]](#) và Quy chế đào tạo đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.12\]](#) [\[Exh.04.01.05\]](#) như sau:

Bộ môn có trách nhiệm nhận túi bài thi từ CBCT.

Bộ môn phân công GV chấm thi đảm bảo theo điều 21 của Quy chế đào tạo [\[Exh.04.01.12\]](#): Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai GV đảm nhiệm. Bộ môn bàn giao túi bài thi cho GV chấm thi ngay sau khi nhận túi bài thi từ CBCT.

GV chấm thi nhận túi bài thi từ Bộ môn và chấm theo đúng quy định.

Bộ môn theo dõi, đôn đốc việc chấm thi của GV và nhập điểm lên hệ thống.

GV chấm thi gửi Bảng điểm gốc cho Bộ môn để nhập điểm lên hệ thống, cho Khoa ĐTQT, Phòng đào tạo bảng điểm phô tô có đủ chữ ký của 2 cán bộ chấm thi và có chữ ký trực tiếp của Lãnh đạo Bộ môn trong thời gian chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận túi bài thi từ Bộ môn [\[Exh.04.04.02\]](#).

Bài thi kết thúc học phần và Bảng điểm gốc được lưu trữ tại Bộ môn. Bảng điểm phô tô có chữ ký trực tiếp của Lãnh đạo Bộ môn được lưu tại Khoa ĐTQT và Phòng ĐTDH [\[Exh.04.04.02\]](#).

Nhìn chung, công tác chấm thi được tổ chức do 2 GV đảm nhận [\[Exh.04.01.12\]](#) đảm bảo được độ tin cậy, tính khách quan và công bằng trong đánh giá KQHT.

Đánh giá học phần ĐATN đảm bảo việc đánh giá ĐATN chính xác, toàn diện, độ giá trị và độ tin cậy cao, công bằng trong công tác đánh giá. Bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm được thể hiện trong Phiếu điểm thành phần ĐATN [\[Exh.04.04.09\]](#), Phiếu tổng hợp điểm đánh giá của hội đồng chấm tốt nghiệp [\[Exh.04.04.10\]](#), Danh sách điểm thi cuối kỳ ĐATN [\[Exh.04.04.11\]](#). Điểm đánh giá quá trình làm ĐATN được quy định trong đề cương chi tiết học phần ĐATN [\[Exh.04.01.10\]](#): là điểm trung bình của điểm đánh giá quá trình làm ĐATN của GV hướng dẫn và điểm đánh giá ĐATN của GV đọc duyệt. Điểm đánh giá của GV hướng dẫn căn cứ trên các tiêu chí thái độ, chất lượng đồ án của SV hướng dẫn theo Phiếu giao nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp. Điểm đánh giá của GV đọc duyệt dựa trên yêu cầu của Phiếu giao nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp [\[Exh.04.01.11\]](#). Phiếu giao nhiệm vụ thiết kế tốt nghiệp quy định rõ ràng nội dung của đồ án tốt nghiệp, hình thức bảo vệ đồ án một cách rõ ràng, làm căn cứ để GV hướng dẫn và GV đọc duyệt đánh giá đảm bảo được độ giá trị và tin cậy trong việc đánh giá ĐATN. Điểm thành phần được đánh giá do 2 GV hướng dẫn và đọc duyệt đảm bảo được tính công bằng trong đánh giá. Điểm đánh giá kết thúc học phần ĐATN là điểm trung bình của Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN, với ít nhất 3 thành viên trong Hội đồng [\[Exh.04.01.12\]](#) [\[Exh.04.01.05\]](#). Điểm đánh giá của mỗi thành viên của Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN không được chênh lệch lớn hơn hoặc bằng 2,0 (hai) điểm so với điểm trung bình của Hội đồng. Nếu không thỏa mãn điều kiện chênh lệch về điểm, Chủ tịch Hội đồng chấm bảo vệ ĐATN sẽ họp các thành viên trong Hội đồng để trao đổi, kiểm tra và đánh giá lại điểm chấm của các thành viên Hội đồng. Trong trường hợp vẫn không thống nhất điểm, Chủ tịch Hội đồng chấm

bảo vệ ĐATN trình Trưởng BM KTKT để quyết định. Điểm bảo vệ là điểm của nhiều thành viên trong hội đồng nên đảm bảo được tính khách quan và công bằng trong đánh giá.

Trong công tác đánh giá RLSV: Độ giá trị thể hiện ở 5 tiêu chuẩn đánh giá RLSV với 16 tiêu chí được quy định rõ ràng về thang điểm trong Phiếu đánh giá kết quả RLSV [\[Exh.04.01.13\]](#), độ giá trị còn thể hiện ở việc người học cần đưa ra các minh chứng cần thiết liên quan đến kết quả học tập, NCKH, tham gia phong trào, ... để CVHT và tập thể lớp thông qua mức điểm đánh giá RLSV. Tính tin cậy, sự công bằng được thể hiện rõ ở việc họp lớp đánh giá RLSV với sự điều hành của CVHT được tiến hành một cách công khai, dân chủ. Điểm đánh giá RLSV của mỗi người học đều được lấy ý kiến của tập thể lớp và chỉ được chấp nhận khi có sự đồng ý của hơn 50% số người học tham gia đánh giá [\[Exh.04.04.12\]](#). Tính tin cậy, sự công bằng cũng được thể hiện ở việc kết quả RLSV được Hội đồng đánh giá RLSV cấp Khoa và cấp trường xem xét, đánh giá lại. Điểm đánh giá này cũng được lấy làm cơ sở để Nhà trường xét thưởng học bổng khuyến khích cho SV [\[Exh.04.04.13\]](#).

2.4.5. Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT và mỗi học phần.

❖ **Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT.**

Mỗi học phần trong khung CTĐT đều được thiết kế nhằm đáp ứng một số CĐR của ngành đào tạo. Ma trận CDIO của ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp Việt Anh đã phản ánh được tính toàn diện của các học phần, mỗi học phần được thiết kế đáp ứng một số CĐR nhất định và xét về mặt tổng thể hoàn thiện được mục tiêu của CTĐT. Căn cứ vào ma trận CDIO [\[Exh.04.01.06\]](#), đề cương chi tiết [\[Exh.04.01.04\]](#) được xây dựng và thiết kế xác định mục tiêu của học phần. Các mục tiêu của học phần trong đề cương được quy định rõ đáp ứng CĐR nào của CTĐT ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh [\[Exh.04.05.03\]](#) theo sự sắp xếp trên ma trận CDIO [\[Exh.04.01.06\]](#). CĐR học phần được thiết kế bám sát vào mục tiêu của học phần nhằm đáp ứng được các CĐR của CTĐT. Căn cứ vào các CĐR của học phần, căn cứ vào mức độ Bloom mà CĐR học phần đạt được, để thiết kế các hình thức đánh giá KQHT phù hợp của từng đề cương chi tiết

[Exh.04.01.04]. Như vậy, các phương pháp đánh giá KQHT phản ánh được mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT. Cụ thể:

Kết quả học tập mong đợi của CTĐT tập trung ở 4 mục tiêu. Để đo lường được kết quả đạt ra, phương pháp đánh giá KQHT được lựa chọn đa dạng, khác nhau ở từng học phần được phát biểu rõ ràng trong đề cương chi tiết học phần **[Exh.04.01.04]**:

Mục tiêu 1: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn trong ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh và khả năng học tập ở trình độ cao hơn (MT1). Để đo lường được kết quả học tập mong đợi này, hình thức thi cuối kỳ được thiết kế như trắc nghiệm, tự luận, trắc nghiệm và tự luận để đánh giá được mức độ hiểu biết về kiến thức cơ bản khoa học tự nhiên. Các hình thức đánh giá quá trình được lựa chọn là điểm danh thường xuyên, đánh giá ý thức và thái độ học tập, điểm kiểm tra thường xuyên, điểm bài tập để đánh giá ở mức độ vận dụng cơ bản.

Mục tiêu 2: Có kiến thức vững chắc về kế toán, có kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến chuyên môn; có khả năng ứng dụng CNTT phục vụ cho công việc. Để đo lường được. Nhằm đáp ứng được mục tiêu mong đợi về lĩnh vực chuyên ngành, hình thức thi cuối kỳ được thiết kế như trắc nghiệm lựa chọn, trắc nghiệm đúng sai có giải thích để đánh giá tư duy kế toán, đánh giá kiến thức vững chắc về kế toán; tự luận thông qua việc làm bài tập mô phỏng được chu trình kế toán của doanh nghiệp để kiểm tra được kiến thức tổng hợp và chuyên sâu về chuyên môn, thực hành trực tiếp trên máy để đánh giá khả năng ứng dụng CNTT vào để triển khai công tác kế toán tại doanh nghiệp. Đối với đánh giá quá trình, các hình thức đánh giá quá trình được lựa chọn đa dạng như chuyên cần, thảo luận tình huống, bài tập, kiểm tra, bài tập lớn để đánh giá được khả năng vận dụng kiến thức kế toán để giải quyết được bài tập, giải quyết tình huống và vận dụng tổng hợp vào bài tập lớn.

Mục tiêu 3: Có kỹ năng cá nhân, đạo đức nghề nghiệp để làm việc trong môi trường liên ngành, đa văn hóa, đa quốc gia (MT3). Đo lường được kết quả mong đợi về CDR liên quan đến đạo đức và thái độ nghề nghiệp thì trọng số đánh giá thể hiện ở điểm quá trình như thảo luận nhóm, thảo luận tình huống, điểm danh, ý thức, thái độ trong học tập.

Mục tiêu 4: Có hiểu biết về kinh tế, chính trị; có các kiến thức cơ bản trong lĩnh

vực khoa học xã hội (MT4). Nhóm kết quả mong đợi về khối kinh tế xã hội sẽ được đo lường thông qua hình thức đánh giá thảo luận nhóm, thảo luận tình huống; hình thức thi cuối kỳ tự luận vận dụng, trắc nghiệm đúng sai có giải thích và bài tập.

❖ Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của mỗi học phần.

Hình thức đánh giá, phương pháp đánh giá, thang điểm đánh giá, mức độ đánh giá của từng tiêu chí trong kết quả học tập được chọn lựa theo tính chất và CĐR-HP của học phần để có thể đánh giá được người học một cách đầy đủ và toàn diện. Các tiêu chí đánh giá giúp đo lường kết quả học tập của mỗi học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết học phần [\[Exh.04.01.04\]](#). Cụ thể:

- *Đối với những học phần ngoại ngữ:* SV sẽ được học ngoại ngữ tăng cường trong năm thứ nhất và năm thứ hai tương ứng với cấp độ A1, A2, B1-2, B2-2, B2-3. Kết quả mong đợi từ các học phần ngoại ngữ tăng cường nhằm giúp SV có được kỹ năng ngoại ngữ, sử dụng được kỹ năng này vào giao tiếp, đời sống. Ngoài ra, SV sẽ được học ngoại ngữ nâng cao Tiếng Anh B1 và Tiếng Anh chuyên ngành ở năm thứ ba nhằm giúp SV dùng được ngoại ngữ để giải quyết công việc và nâng cao. Vì vậy, SV sẽ được đánh giá thông qua điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá quá trình sẽ đánh giá qua ba tiêu chí: tham gia tích cực và làm các bài kiểm tra trắc nghiệm và tự luận trên lớp, thuyết trình vấn đáp theo cặp/nhóm theo chủ đề bài học, kiểm tra giữa kỳ theo hình thức tự luận để đánh giá ba kỹ năng nghe, đọc, viết và kiểm tra kỹ năng nói theo chủ đề, vấn đáp trực tiếp cùng GV. Điểm đánh giá kết thúc học phần thông qua bài kiểm tra cuối kỳ kết hợp giữa các hình thức tự luận, trắc nghiệm và thi vấn đáp để đánh giá năng lực và kỹ năng ngoại ngữ của SV đáp ứng được yêu cầu của học phần, và CĐR về năng lực ngoại ngữ của ngành đào tạo.

- *Đối với những học phần kiến thức về chính trị xã hội như Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.* Việc đánh giá quá trình của người học thông qua bài kiểm tra kết thúc chương để đánh giá được khả năng hiểu và phân biệt được các kiến thức lý thuyết của học phần; chấm điểm qua câu hỏi trắc nghiệm, vẽ sơ đồ, điền từ để đánh giá khả năng hiểu và vận dụng lý thuyết của học phần để giải quyết một số vấn đề mà thực

tiền đặt ra và bài thuyết trình bài tập nhóm để đánh giá khả năng phân tích, so sánh và rèn luyện, thực hành các kỹ năng mềm của SV như kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, phản biện, tư duy phê phán, thỏa hiệp và giải quyết xung đột... Việc đánh giá kết thúc học phần thông qua bài thi cuối kỳ hình thức tự luận với các câu hỏi lý thuyết kết hợp vận dụng nhằm đánh giá khả năng hiểu và áp dụng lý thuyết để giải quyết các tình huống vận dụng được đặt ra trong đề thi.

- *Đối với những học phần lý thuyết đại cương* như Giải tích, Đại số tuyến tính, Lý thuyết xác suất. Mục tiêu của các học phần nhằm trang bị cho SV các khái niệm, phương pháp tính toán để làm cơ sở vận dụng vào các học phần có liên quan. Vì vậy, việc đánh giá quá trình và kết thúc học phần của người học căn cứ vào chuyên cần về ý thức đi học đầy đủ, đúng giờ; thái độ tham gia và chủ động trao đổi trong giờ học; căn cứ vào bài kiểm tra viết theo hình thức tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan để đánh giá được khả năng trình bày, độ hiểu biết và áp dụng các phương pháp tính toán vào các dạng bài toán cơ bản.

- *Đối với học phần thực hành đại cương* như Tin học đại cương. Với mục tiêu giúp SV có kỹ năng sử dụng máy tính trong cuộc sống về việc lưu trữ, tìm kiếm thông tin và thiết lập các cấu hình cơ bản của máy tính; có kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Word và Microsoft Excel phục vụ học tập và công việc. Điểm đánh giá quá trình được đánh giá qua thái độ chuyên cần đi học đầy đủ, đúng giờ, ý thức trong giờ học và qua các bài kiểm tra thực hành giữa kỳ để đánh giá được khả năng thực hành thành thạo của SV với các kỹ năng tin học. Điểm đánh giá kết thúc học phần qua bài thi thực hành trực tiếp trên máy tính để đánh giá tổng quan toàn bộ kỹ năng tin học thành thạo của SV trong việc vận dụng giải quyết các yêu cầu của tình huống thực tiễn đặt ra trong đề thi, GV sẽ chấm điểm trực tiếp và giải thích cho SV trong quá trình chấm điểm thực hành trên bài thi của SV tại phòng máy.

- *Đối với những học phần kỹ năng* như Nhập môn ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh, Phương pháp học đại học trang bị cho SV những hiểu biết chung về ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh trong thực tế và đào tạo, những kỹ năng mềm cơ bản như giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, phương pháp học đại học, phương pháp nghiên cứu khoa học, kỹ năng giải quyết vấn đề để SV có thể vận dụng hiệu quả trong học tập, trong công việc kế toán và cuộc sống. Đánh giá quá trình được chú trọng bằng cách kết hợp nhiều

phương pháp. Điểm danh đúng giờ, cuối giờ [\[Exh.04.05.02\]](#) hoặc linh hoạt nhằm đánh giá được thái độ và ý thức nghiêm túc của SV trong việc tham gia giờ học cũng như kỹ năng quản lý thời gian của SV. Chấm điểm qua câu hỏi trắc nghiệm, vẽ sơ đồ tư duy nhằm đánh giá được mức độ hiểu, sáng tạo và vận dụng của bản thân. Chấm điểm bài thảo luận nhóm bằng seminar nhóm, biên bản, hình ảnh, video minh chứng được quá trình làm việc nhóm; đánh giá quá trình thực hành và phối hợp nhóm tại lớp, đánh giá các kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư duy phản biện... Việc thực hành các kỹ năng được GV đánh giá qua bài thảo luận nhóm, bài thảo luận tình huống cá nhân, hoặc chấm vở viết. Chấm điểm bài kiểm tra viết tự luận nhằm đánh giá được cách trình bày, khả năng tư duy và vận dụng các kỹ năng để xử lý các tình huống của đề kiểm tra. Ngoài ra, việc đánh giá SV qua bài thu hoạch cuối học phần hoặc bài thu hoạch sau buổi gặp diễn giả thực tế để đánh giá tư duy hệ thống của SV. Đánh giá cuối kỳ được thiết kế với các tình huống thực tiễn trên bài kiểm tra viết, SV phải vận dụng các kỹ năng đã được rèn luyện để giải quyết các tình huống đưa ra.

- *Đối với những học phần cơ sở chuyên ngành:* kinh tế học, tài chính tiền tệ, marketing căn bản, khoa học kinh tế, pháp luật kinh tế... yêu cầu người học có thể vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề kinh tế tài chính trên thực tiễn. Điểm đánh giá quá trình có thể thông qua chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ, tiểu luận, bài tập lớn, câu hỏi tình huống, thảo luận nhóm phù hợp với khối lượng và nội dung của học phần. Đánh giá quá trình chiếm 50% tổng điểm học phần, SV được đánh giá về mặt hiểu, vận dụng lý thuyết, đồng thời rèn luyện các kỹ năng mềm của SV qua việc giải quyết tình huống và làm thảo luận nhóm. Hình thức thi kết thúc học phần thường là viết - tự luận, viết - trắc nghiệm, hoặc viết – trắc nghiệm – tự luận. Các học phần cơ sở chuyên ngành thường đánh giá kết quả học tập và ứng dụng SV ở mức bloom 2 đến 3, SV có thể trắc nghiệm tư duy có giải thích hoặc vận dụng giải quyết các bài tập và bài tập tình huống thực tiễn.

- *Đối với những học phần chuyên ngành* như nguyên lý kế toán, kế toán tài chính F1, kế toán tài chính F2, kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, thuế và kế toán thuế, kiểm toán căn bản, kiểm toán tài chính... yêu cầu người học nắm được các kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng tư duy kế toán để vận dụng phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến các tình huống phát sinh tại doanh nghiệp, để SV có thể ghi sổ chính xác được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh xảy ra trong doanh nghiệp và cung

cấp được BCTC – là thông tin kế toán tổng quát mang tính chính xác và kịp thời. Điểm đánh giá quá trình thường thông qua các hình thức giống như đối với học phần cơ sở ngành: chuyên cần, bài kiểm tra giữa kỳ, câu hỏi tình huống, thảo luận nhóm, bài tập lớn. Tuy nhiên, các học phần chuyên ngành có đặc thù lượng bài tập vận dụng lý thuyết nhiều, vì vậy GV còn đánh giá quá trình SV thông qua làm bài tập trực tiếp trên lớp, chấm vở bài tập, viết bài thu hoạch, vẽ sơ đồ tài khoản kế toán. Nội dung kiến thức chuyên ngành nhiều nên có những nội dung thuộc kiến thức SV tự học, GV sẽ kiểm tra quá trình tự học thông qua các câu hỏi nhỏ trực tiếp tại lớp và nộp bài thu hoạch. Hình thức thi kết thúc học phần đánh giá về phân hiểu và vận dụng lý thuyết vào bài tập, hiểu vận dụng lý thuyết vào thực tiễn thông qua bài thi viết: thi viết tự luận, viết - trắc nghiệm, hoặc kết hợp thi viết - trắc nghiệm - tự luận. Hình thức trắc nghiệm đúng sai có giải thích nhằm kiểm tra tư duy kế toán, khả năng hiểu và vận dụng lý thuyết vào các tình huống thực tiễn của SV.

- *Đối với những học phần thực hành chuyên ngành:* Tổ chức hạch toán kế toán, Tổ chức và thực hành kế toán, Ứng dụng CNTT vào kế toán, Thực hành kế toán. Các học phần yêu cầu SV phải có được kỹ năng xử lý dữ liệu kế toán thực tế trên sổ sách hoặc trên phần mềm. Vì vậy, đánh giá quá trình yêu cầu SV đi học đầy đủ và đúng giờ. Vì học phần thực hành có tính chất khác biệt, đảm bảo độ đồng đều giữa các SV cao hơn các học phần khác, nên GV đánh giá tính chuyên cần của SV chặt chẽ. Nếu SV nghỉ học vì lý do đột xuất hoặc bất khả kháng thì SV phải tự học nội dung của buổi học nghỉ phép, và sẽ được GV kiểm tra trực tiếp phần hành đó ở buổi học tiếp theo, để đảm bảo SV theo kịp tiến độ của lớp. GV sẽ chấm điểm thực hành của SV thông qua bài tập môn học trực tiếp trên máy tính hoặc hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp. Bài kiểm tra giữa kỳ thực hành trực tiếp tại lớp có không chế thời gian nhằm đánh giá được kỹ năng thực hành, khả năng tư duy kế toán tổng hợp để xử lý dữ liệu kế toán của doanh nghiệp. Đánh giá cuối kỳ thông qua hình thức thi tự luận - thực hành trực tiếp trên máy, hoặc thi viết (đối với học phần tổ chức công tác kế toán) để đánh giá khả năng tổ chức công tác kế toán các phần hành khác nhau tại doanh nghiệp.

- *Đối với học phần kỹ năng chuyên ngành:* Kỹ năng chuyên ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh, báo cáo tài chính. Các học phần yêu cầu SV có được tư duy kế toán, hiểu rõ luật, nghị định, thông tư, các quy định pháp luật của kế toán để xử lý tốt công tác kế toán.

Điểm đánh giá quá trình thông qua hình thức điểm danh, bài kiểm tra viết và thực hành của SV nhằm đánh giá khả năng hiểu được các chuẩn mực đạo đức nghề kế toán, kiểm toán. Ghi nhớ được các quy định của Luật, chế độ kế toán; áp dụng kiến thức để giải quyết, phân tích các tình huống phát sinh trong hoạt động kế toán và lựa chọn được phương án phù hợp để triển khai quy trình kế toán, cũng như khả năng lập BCTC, đọc hiểu các chỉ tiêu và phân tích BCTC của doanh nghiệp. Điểm cuối kỳ thông qua bài thi viết – tự luận để đánh giá khả năng áp dụng lý thuyết chung để giải quyết các vấn đề cụ thể, để lập BCTC, đọc hiểu BCTC của doanh nghiệp.

- *Đối với học phần đồ án tốt nghiệp*: Mỗi SV làm đồ án tốt nghiệp một dạng đề tài tương ứng với một phần hành kế toán tại doanh nghiệp. Với mong muốn SV mô tả lại được công tác kế toán của phần hành kế toán làm đồ án tại doanh nghiệp, vận dụng được các khối kiến thức khoa học tự nhiên, khối kiến thức kinh tế xã hội và khối kiến thức chuyên ngành để đánh giá được công tác kế toán và đưa ra các giải pháp thiết thực cho doanh nghiệp [\[Exh.04.01.10\]](#) [\[Exh.04.05.01\]](#). Điểm đánh giá quá trình được đo lường bởi đánh giá của giáo viên hướng dẫn chiếm tỷ trọng 50% trong tổng số điểm quá trình, trong đó đánh giá của GVHD chiếm tỷ trọng 50%, và đánh giá của GV đọc duyệt chiếm tỷ trọng 50% trong tổng số điểm quá trình. GV hướng dẫn sẽ đánh giá về thái độ, ý thức, nội dung đồ án và tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao trong quá trình làm đồ án của SV. GV đọc duyệt sẽ đánh giá về nội dung, hình thức trình bày của đồ án. Điểm bảo vệ đồ án được hội đồng chấm tốt nghiệp đánh giá theo Quy chế đào tạo [\[Exh.04.01.12\]](#) [\[Exh.04.01.05\]](#). SV bảo vệ tốt nghiệp theo hình thức thuyết trình – vấn đáp được quy định rõ về phương pháp đánh giá trong đề cương chi tiết học phần [\[Exh.04.01.10\]](#) giúp đánh giá một cách tổng quan, toàn diện toàn bộ kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được tích lũy trong 7 kỳ học.

Đối với đánh giá rèn luyện SV: Tại Trường ĐHGTVT, SV được đánh giá RLSV mỗi kỳ một lần để đánh giá về thái độ, ý thức đối với quá trình học tập, quá trình hoạt động đoàn thể, quá trình hoạt động tại cộng đồng và xã hội theo kế hoạch đánh giá RLSV hàng kỳ [\[Exh.04.02.15\]](#) qua việc SV tự nhận trên Phiếu đánh giá RLSV [\[Exh.04.01.13\]](#). Các nội dung đánh giá được thiết kế nhằm đo lường được thái độ của SV, qua đó đo lường được mức độ đạt được về chuẩn về phẩm chất đạo đức và thái độ trong CĐR của ngành [\[Exh.04.01.03\]](#).

2.4.6. Thông tin phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập được gửi kịp thời.

Theo quy định, GV công bố cho SV điểm đánh giá quá trình trên lớp trước khi kết thúc thời gian học theo mục Hướng dẫn của trường ở Điều 19 – Đánh giá học phần của Quyết định số 300/QĐ-ĐHGTVT [\[Exh.04.01.12\]](#) và mục 2.3.3 Quy định về kiểm tra giữa quá trình học ở Phần thứ hai – Đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập trong QĐ số 1827/QĐ-ĐHGTVT về việc ban hành Đề án “Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập” [\[Exh.04.02.02\]](#) nêu rõ GV phụ trách lớp chấm bài và công bố điểm trước lớp trước khi kết thúc thời gian học học phần. GV giảng dạy học phần chịu trách nhiệm về tính chính xác của điểm đánh giá quá trình trước khi kết thúc học phần. Nếu SV có khiếu nại sẽ phản hồi ngay tại lớp để GV giảng dạy giải thích và sửa điểm trước toàn lớp.

Căn cứ Điều 21 – Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần trong Quyết định số 300/QĐ-ĐHGTVT về việc quy định thực hiện quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ [\[Exh.04.01.12\]](#), bộ môn nhập điểm đánh giá quá trình chậm nhất 10 ngày kể từ ngày kết thúc giảng dạy học phần và nhập điểm thi chậm nhất 10 ngày sau ngày thi kết thúc học phần.

Đối với học phần thực hành: GV sẽ phụ trách chấm điểm trực tiếp từng bài của SV, công bố và giải thích trực tiếp cho SV, SV có thắc mắc sẽ phản hồi kịp thời ngay tại thời điểm chấm.

Đối với học phần thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp: SV sẽ bảo vệ đề tài của mình dưới hình thức thuyết trình, trả lời vấn đáp câu hỏi của hội đồng chấm tốt nghiệp. Điểm bảo vệ tốt nghiệp sẽ được chủ tịch hội đồng chấm tốt nghiệp công bố vào buổi cuối cùng của đợt bảo vệ tốt nghiệp [\[Exh.04.04.10\]](#). Mọi phản hồi, SV có thể phản hồi trực tiếp tại buổi bảo vệ tốt nghiệp với Hội đồng chấm tốt nghiệp.

Toàn bộ kết quả điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ sẽ được bộ môn quản lý học phần nhập và công bố kết quả học tập của học phần trên trang công thông tin SV của nhà trường [\[Exh.04.06.01\]](#). SV có thể dễ dàng truy cập vào trang cá nhân qua tài khoản và mật khẩu đã được nhà trường cung cấp và hướng dẫn đăng nhập ngay từ khi nhập học để cập nhật kết quả học tập của mình. Trên trang cá nhân, SV có thể xem điểm của học

phần, điểm của học kỳ và điểm tích lũy hiện tại để có kế hoạch học tập phù hợp [\[Exh.04.06.02\]](#).

Sau khi xem điểm, nếu SV có thắc mắc sẽ phản hồi căn cứ vào các quy định sau: Theo điểm e, mục 7, Điều 8 – Tổ chức giảng dạy và học tập của Quy chế đào tạo đại học Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) về quyền hạn của SV quy định SV được phúc tra, khiếu nại kết quả học tập trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả, Khoa/Bộ môn phụ trách học phần chịu trách nhiệm thông báo kết quả thi, tiếp nhận đơn và phúc tra bài thi theo quy định. Nếu có thay đổi về điểm thi, cần sửa chữa thì Phòng ĐTDH thực hiện sửa chữa dữ liệu điểm bị sai sót trong cơ sở dữ liệu điểm (do nhập sai, giáo viên vào sót điểm,...) theo quyết định của Hiệu trưởng trong Điều 21, Quy chế đào tạo của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.12\]](#).

Đối với trường hợp SV bị cảnh cáo học vụ, bị buộc thôi học, nhà trường sẽ gửi thông báo đến CVHT [\[Exh.04.06.03\]](#) và CVHT sẽ thông báo trực tiếp đến tập thể lớp, đến SV ngay khi có thông báo, quyết định để SV nắm được kịp thời [\[Exh.04.06.04\]](#). Từ đó giúp SV có định hướng, kế hoạch học tập rèn luyện đạt được mục tiêu, kết quả tốt hơn.

Phản hồi kịp thời kết quả xét tốt nghiệp:

Vào các đợt xét tốt nghiệp hàng năm, chuyên viên Khoa ĐTQT rà soát và gửi về Bộ môn KTKT danh sách SV đủ và không đủ điều kiện xét tốt nghiệp để CVHT thông báo kịp thời đến SV và phản hồi lại các sai sót nếu có [\[Exh.04.06.05\]](#). Danh sách thông báo này cung cấp cho NH thông tin cụ thể về nguyên nhân chưa đạt điều kiện tốt nghiệp theo điều 15 – Công nhận tốt nghiệp trong Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường đại học GTVT [\[Exh.04.01.05\]](#) như: chưa đạt CĐR Ngoại Ngữ; chưa tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT; điểm trung bình tích lũy của toàn khóa chưa đạt từ 2.0 trở lên. Từ đó, NH kịp thời lên kế hoạch cải thiện việc học để đủ điều kiện cho đợt xét tốt nghiệp kế tiếp. Ngoài ra, theo khoản 4, điều 15, Quy chế đào tạo quy định SV có trách nhiệm kiểm tra các nội dung về: kết quả học tập, thông tin cá nhân sẽ được in trên bằng tốt nghiệp, các điều kiện Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Ngoại ngữ trên phần mềm quản lý đào tạo. Nếu có sai sót, SV đề nghị sửa sai thông tin cá nhân hoặc

gửi khiếu nại, thắc mắc về kết quả học tập về khoa quản lý để được kiểm tra, xử lý [\[Exh.04.01.05\]](#).

Phản hồi kịp thời kết quả đánh giá RLSV:

Kết quả tự đánh giá RLSV trên cổng thông tin SV được SV chủ động nắm bắt và CVHT đôn đốc để SV có thể hoàn thành kịp thời, đúng tiến độ [\[Exh.04.06.06\]](#). Tiếp đó, tại buổi họp lớp, CVHT sẽ thông báo kết quả đã được tập thể lớp xác nhận, và tiếp nhận mọi khiếu nại, phản hồi ngay tại buổi họp lớp [\[Exh.04.04.12\]](#). Bản dự thảo kết quả đánh giá rèn luyện SV sau khi hội đồng đánh giá RLSV cấp khoa và cấp trường xác nhận sẽ được CVHT kịp thời gửi lại cho SV để kiểm tra và phản hồi lại các sai sót nếu có [\[Exh.04.06.06\]](#) trong thời gian 20 ngày theo Quyết định 2496/QĐ-ĐHGTVT ngày 17/12/2015 ban hành Hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của SV hệ chính quy [\[Exh.04.02.13\]](#).

2.4.7. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.

Căn cứ trên thực tế quá trình đào tạo, căn cứ các phản hồi của SV trong quá trình khiếu nại về kết quả học tập, căn cứ vào diễn biến tình hình kinh tế xã hội thực tế; hoạt động đánh giá KQHT của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để sửa đổi, bổ sung đề cương chi tiết học phần, đổi mới về hình thức kiểm tra và tiêu chí đánh giá cho phù hợp.

Cải tiến, thay đổi quy định về đánh giá KQHT: Quyết định số 1827/QĐ-ĐHGTVT ngày 07/09/2016 quyết định về việc ban hành Đề án “Đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập” [\[Exh.04.02.02\]](#) căn cứ theo tờ trình đề nghị của Trưởng phòng KT&ĐBCLĐT về thực trạng quy trình đánh giá KQHT theo quy chế đào tạo đại học [\[Exh.04.01.12\]](#) chưa có sự thống nhất về cách thức tổ chức thi kết thúc học phần trong toàn Trường. Một số bộ môn đã có ngân hàng đề thi, trong khi hầu hết các Bộ môn chưa xây dựng được ngân hàng đề thi, chưa thống nhất được đáp án chấm thi. Vì vậy, Đề án đã quy định rõ về quy định về thi kết thúc học phần, quy định về kiểm tra giữa quá trình học trong hình thức thi, đề thi, tổ chức thi, chấm thi và công bố điểm. Đề án phát biểu rõ ràng

về các quy định đánh giá KQHT so với Quy chế đào tạo theo Quyết định 300/QĐ-ĐHGTVT [\[Exh.04.01.12\]](#).

Rà soát đề cương chi tiết học phần:

Thông báo số 702/TB-ĐHGTVT ngày 22/09/2016 về việc rà soát, chỉnh sửa, hoàn thành đề cương học phần của CTĐT [\[Exh.04.07.01\]](#) với mục đích hoàn chỉnh lại đề cương các học phần của CTĐT hiện có của Trường theo đúng các yêu cầu chung, Nhà trường đề nghị các Bộ môn rà soát, chỉnh sửa, hoàn thành lại đề cương của các học phần. Kết quả sau khi rà soát, Bộ môn KTVT đã hoàn chỉnh các đề cương học phần do Bộ môn đảm nhận theo đúng mẫu yêu cầu Nhà trường yêu cầu. Đề cương mới năm 2016 được cải tiến hơn hình thức trình bày, quy định rõ ràng về mục tiêu đào tạo, thông tin GV được cung cấp đầy đủ [\[Exh.04.07.02\]](#). Căn cứ vào việc rà soát đề cương, quy định về đánh giá KQHT cũng được thay đổi phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Thông báo số 30/TB-ĐHGTVT ngày 10/01/2020 về việc tiếp tục thực hiện rà soát CTĐT trình độ đại học, theo hướng tiếp cận CDIO [\[Exh.04.07.03\]](#). Ban chỉ đạo về việc triển khai thực hiện CTĐT theo CDIO đã chỉ đạo thực hiện các nội dung để tiếp tục triển khai CTĐT theo hướng tiếp cận CDIO. Theo cách 2, Ban chỉ đạo yêu cầu rà soát lại đề cương học phần để tích hợp kỹ năng yêu cầu. Bộ môn KTKT đã thực hiện rà soát đề cương và gửi lại Khoa ĐTQT. Đề cương được xây dựng theo hướng CTĐT theo chuẩn CDIO, đề cương đã được xây dựng cập nhật sự thay đổi về mục tiêu đào tạo, CĐR của học phần, và phương pháp kiểm tra đánh giá tương ứng với CĐR của học phần [\[Exh.04.07.04\]](#). Năm 2022, nhằm thay đổi theo định hướng của Bộ GD&ĐT theo Nghị định 99/2019/NĐ-CP [\[Exh.04.07.05\]](#), các đề cương đã được điều chỉnh thay đổi rõ ràng, chính xác, cụ thể hơn về mức độ bloom của từng CĐR, về thang đo chi tiết của từng tiêu chí trong đánh giá kết quả học tập của từng học phần nhằm định hướng người học đạt được kết quả đầu ra của học phần [\[Exh.04.07.06\]](#).

Thay đổi hình thức thi từ trực tiếp sang trực tuyến: Từ giữa 2020 – 2021, tình hình dịch bệnh Covid phức tạp, thực hiện công văn số 2077/BGDĐT-GDDH ngày 20/05/2021 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy và học, kết thúc năm học và tuyển sinh trong thời gian dịch COVID-19 tại các cơ sở GDDH [\[Exh.04.07.07\]](#), Nhà trường triển khai thi kết thúc học phần học kỳ II năm học 2020-2021 tại cơ sở Hà Nội theo Thông báo

500/TB-ĐHGTVT ngày 18/06/2021 về việc triển khai thi kết thúc học phần học kỳ II năm học 2020-2021 cho hệ đào tạo đại học theo hình thức trực tuyến [\[Exh.04.07.08\]](#). Theo thông báo, toàn bộ quy trình ra đề, tổ chức thi, chấm thi được thay đổi theo hình thức trực tuyến sử dụng phần mềm Microsoft Teams và phần mềm học trực tuyến (<http://hoctructuyen.utc.edu.vn>). Căn cứ trên hình thức thi trực tuyến, đề thi đã được thay đổi để phù hợp với các dạng đề thi được lựa chọn thi online thường chuyển sang từ tự luận viết thành báo cáo chuyên đề, tự luận viết thành trắc nghiệm khách quan và thi tự luận tùy thuộc vào đặc thù từng môn học [\[Exh.04.07.09\]](#).

Thay đổi đề thi kết thúc học phần:

Để đánh giá được kết quả thi cuối kỳ theo hướng tương thích với kết quả học tập của người học và nhu cầu của thị trường lao động, đồng thời phù hợp với bối cảnh kinh tế xã hội, đề thi đã được đổi mới rõ ràng từ mức độ hiểu, trình bày sang mức độ hiểu, trình bày và vận dụng. Năm 2020, với sự thay đổi của bộ môn phụ trách chuyên môn của chuyên ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tổng hợp Việt Anh, từ bộ môn Kinh tế - Khoa ĐTQT sang Bộ môn KTKT – Khoa VTKT, đề thi đã được thay đổi toàn bộ nhằm đánh giá khả năng hiểu, vận dụng, khả năng giải quyết vấn đề của người học [\[Exh.04.07.10\]](#) [\[Exh.04.07.11\]](#). Năm 2021, diễn biến tình hình dịch bệnh phức tạp, đề thi đã được thay đổi phù hợp với hình thức thi trực tuyến [\[Exh.04.07.09\]](#). Từ 2022, tình hình dịch bệnh được ổn định, SV quay trở lại trường học, đề thi được cập nhật và đổi mới phù hợp với việc đánh giá SV hiện tại. Đề thi chủ yếu được thiết kế nhằm đánh giá năng lực hiểu biết và giải quyết vấn đề, tư duy kế toán của người học [\[Exh.04.07.12\]](#).

Ngoài ra, tùy từng nhóm học phần, tùy từng thay đổi của thị trường lao động, thay đổi của các văn bản nhà nước mà bài giảng học phần được cập nhật thì nhóm GV phụ trách học phần cũng đổi mới đề thi, hoặc cập nhật lại đề thi để đáp ứng được tính mới, tính khả thi, tính bảo mật của đề thi trong việc tổ chức thi học phần cuối kỳ.

Thay đổi hình thức bảo vệ đồ án:

Nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giúp SV thích ứng với năng lực sử dụng CNTT, hình thức bảo vệ đồ án được đổi mới chuyển từ bảo vệ Ao sang Slide từ năm 2020 [\[Exh.04.07.13\]](#) [\[Exh.04.01.11\]](#). Năm 2020, SV bảo vệ đồ án bằng slide năm đầu tiên. Kết quả cho thấy chuyển đổi hình thức bảo vệ hiệu quả, SV tiết kiệm được chi

phí, SV có thể đưa được nhiều nội dung đồ án lên slide do không bị giới hạn khổ giấy như hình thức Ao, hình ảnh đẹp mắt, các công cụ như âm thanh... được sử dụng dễ dàng, GV có thể theo dõi được nội dung slide của SV để đánh giá được chính xác nội dung đồ án và kịp thời được theo tiến trình thuyết trình của SV thông qua bản in slide SV đã gửi. Năm 2021 do tình hình dịch bệnh, lần đầu tiên SV bảo vệ đồ án online bằng slide trên phần mềm học tập trực tuyến Microsoft Teams [\[Exh.04.07.08\]](#). Từ năm 2022, SV duy trì việc bảo vệ đồ án bằng hình thức slide qua các lần bảo vệ.

Cập nhật hướng dẫn trong đánh giá RLSV:

Năm 2021, Phiếu đánh giá RLSV [\[Exh.04.01.13\]](#) không thay đổi về tỷ trọng các tiêu chí, nhưng cập nhật về hướng dẫn cụ thể từng tiêu chí. Phiếu đánh giá RLSV 2020 [\[Exh.04.07.14\]](#) trở về trước có quy định các thang điểm nhưng ghi chú rõ ràng về việc minh chứng dẫn đến SV tự đánh giá RLSV thường bị nhầm lẫn. Trên Phiếu đánh giá RLSV 2021 những tiêu chí SV cần minh chứng sẽ mô tả rõ để SV có thể hiểu và đánh giá được chính xác với những hoạt động và kết quả học tập mà mình đang có. Năm 2023, Phiếu đánh giá RLSV [\[Exh.04.07.15\]](#) thay đổi về hình thức, hướng dẫn rõ ràng hơn điểm của 16 tiêu chí và hướng dẫn các minh chứng cụ thể hơn.

Năm 2023, ban hành quy chế đánh giá kết quả RLSV của hệ chính quy theo quyết định số 637/QĐ-ĐHGTVT ngày 30/03/2023 [\[Exh.04.07.16\]](#) thay thế cho quyết định 2496/QĐ-GTVT ban hành hướng dẫn thực hiện Quy chế đánh giá kết quả RLSV hệ chính quy. Các tiêu chí đánh giá RLSV không thay đổi, mẫu phiếu RLSV thay đổi [\[Exh.04.07.15\]](#), nhưng quy chế quy định cụ thể và rõ ràng hơn về quy trình đánh giá kết quả RLSV (điều 11), các thành phần trong hội đồng đánh giá RLSV các cấp. Đặc biệt, quy chế có ban hành các phụ lục về mẫu biểu Phiếu đánh giá RLSV có bổ sung thêm cột minh chứng và một số mẫu biểu giúp CVHT phối hợp cùng lớp đánh giá kết quả RLSV được công bằng và chính xác như Bảng tổng hợp số liệu công tác đánh giá RLSV theo học kỳ của năm học được tập hợp theo từng lớp.

2.5 Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên

Ngành Kế toán có đội ngũ GV có phẩm chất đạo đức, có năng lực chuyên môn và luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà

giáo theo quy định và có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

2.5.1 Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên

Việc Quy hoạch đội ngũ giảng viên bao gồm các kế hoạch kế nhiệm, nâng bậc/thăng chức, bố trí lại, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu, được thực hiện nhằm đảm bảo đội ngũ GV đáp ứng nhu cầu các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng về cả số lượng và chất lượng được nhà Trường quan tâm đầu tư thông qua nhiều Kế hoạch rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020 – 2025, và quy hoạch nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Căn cứ Kế hoạch 207-KH/ĐU ngày 19/07/2022, Đảng uỷ Trường ĐH GTVT đã nhấn mạnh mục đích của công tác quy hoạch cán bộ nhằm nâng cao hiệu quả làm việc, đảm bảo sự chuyên tiếp liên tục, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nhất là cấp chiến lược, cũng như đội ngũ lao động là giảng viên đáp ứng đủ phẩm chất, năng lực, uy tín. Công tác quy hoạch cán bộ, đội ngũ giảng viên là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên để phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển và tạo nguồn. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng giảng viên cũng như cán bộ quản lý nhà trường đã căn cứ vào dự báo nhu cầu sử dụng giảng viên, quy mô người học trong từng năm, nhiệm vụ chính của Nhà trường trong từng giai đoạn [\[Exh.05.01.01\]](#).

Khoa VTKT gồm 9 bộ môn và 01 văn phòng khoa: Khoa gồm 9 bộ môn và 01 văn phòng khoa: Bộ môn Quản trị Kinh doanh; Bộ môn Kinh tế Vận tải và Du lịch; Bộ môn Kinh tế Bưu chính Viễn thông; Bộ môn Vận tải Đường bộ và Thành phố; Bộ môn Vận tải và Kinh tế Đường sắt; Bộ môn Kinh tế vận tải; Bộ môn Cơ sở Kinh tế và Quản lý; Bộ môn Kế toán - Kiểm toán; Bộ môn Qui hoạch và Quản lý GTVT; và 01 Văn phòng khoa. Tính cho đến tháng 9/2022, tổng số giảng viên của Khoa VTKT tại Hà Nội là 82 người (80 GV và 02 chuyên viên), Trong đó các GV tại Hà Nội, số lượng GV có trình độ ThS là 46 (đạt tỷ lệ 56,1%); GV có trình độ TS là 22 (chiếm 26.8%), trong đó có 13 phó giáo sư (PGS) (chiếm tỷ lệ 15.8%). Bảng dưới đây thống kê về cơ cấu độ tuổi và trình độ của giảng viên Khoa VTKT phục vụ cho đào tạo chuyên môn chương trình Chất lượng cao KTTH Việt – Anh. Báo cáo tổng kết năm học qua các năm: 2018-2022 [\[Exh.05.01.02\]](#).

Bảng 5.1: Cơ cấu đội ngũ viên chức khoa VTKT xét theo giới tính và độ tuổi (tính ở thời điểm 30/10/2021)

Tổng số viên chức của Khoa	Trong đó											
	Cơ cấu theo giới tính				Cơ cấu theo độ tuổi							
	Nam		Nữ		Trên 50		41 - 50		31 - 40		Đến 30	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
82	35	42,7	47	57,3	11	13,4	21	25,6	43	52,5	7	8,5

Trong các báo cáo tổng kết năm học các năm, Khoa VTKT luôn đề cập tới phương hướng hoạt động trong các năm tiếp theo. Một trong các nội dung quan trọng Các GV trẻ sau khi được tuyển dụng sẽ có kế hoạch học tập chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao trình độ, đáp ứng tiêu chuẩn giảng dạy trình độ đại học. Nhiều GV đã được cử đi học thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước và sau khi về nước có lộ trình phát triển sự nghiệp để phấn đấu bổ nhiệm các chức vụ và chức danh PGS và GS. [\[Exh.05.01.03\]](#). Hiện tại nhiều GV đã hoàn thành chương trình học tập và trở lại trường công tác. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu, nhiều GV trong khoa đã đạt được ngạch GV chính; GV cao cấp (phó giáo sư) [\[Exh.05.01.04\]](#).

Bảng 5.2: Đội ngũ nhân lực khoa VTKT tính đến 15/9/2022

T T	Các bộ môn và VPK	Tổng số viên chức	Trong đó								
			Đang ở nước ngoài	GS, PGS		Tiến sĩ		Thạc sĩ		Kỹ sư và cử nhân	
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
1	VT và Kinh tế ĐS	8	1	3	37,5	3	37,5	1	12,5	1	12,5
2	Vận tải ĐB và TP	9	2	2	22,2	5	55,6	2	22,2	-	-
3	Kinh tế vận tải và DL	10	-	2	20,0	1	10,0	7	70,0	-	-
4	Quản trị kinh doanh	12	2	2	8,3	3	33,3	7	58,3	-	-
5	Kinh tế BC – VT	8	1	2	12,5	1	25	5	62,5	-	-
6	QH và QL GTVT	7	2	-	-	5	71,4	2	28,6	-	-
7	Kinh tế vận tải	8	1	0	0	2	25	6	75	-	-
8	Cơ sở KT và QL	10	0	1	10	1	10	8	80	-	-
9	Kế toán- Kiểm	8	0	1	12,5	1	12,5	6	75	-	-

T T	Các bộ môn và VPK	Tổng số viên chức	Trong đó								
			Đang ở nước ngoài	GS, PGS		Tiến sĩ		Thạc sĩ		Kỹ sư và cử nhân	
				Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
	toán										
10	Văn phòng khoa	02	-	-	-	-	-	2	100	-	-
	Tổng số	82	9	13	15,8	22	26,8	46	56,1	1	1,3

Để có tính kế thừa cũng như có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ quản lý, Nhà trường thực hiện công tác quy hoạch cán bộ [\[Exh.05.01.01\]](#). Với quá trình phân đầu cả về chuyên môn và nghiệp vụ quản lý nhiều GV của Khoa VTKT được nhà trường giao nhiệm vụ lãnh đạo quản lý cấp BM, Khoa và Phòng ban trong Trường [\[Exh.05.01.03\]](#) đồng thời cử các GV đi học các trình độ, cử đi học ngoại ngữ văn bằng 2, cử đi học LLCT TC và CC từ năm 2018 - 2022

Với các đánh giá định kỳ hàng năm, các GV của Khoa luôn đạt viên chức hoàn thành tốt hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trong giai đoạn 2018-2022 không có viên chức nào của Khoa VTKT nói chung và Bộ Kế toán – Kiểm toán không hoàn thành nhiệm vụ [\[Exh.05.01.05\]](#).

2.5.2 Tải trọng công việc của GV được đo lường và giám sát để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng

Từ năm 2009 đến nay, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, trường ĐH GTVT hàng năm công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát theo các báo cáo Bộ GD&ĐT trong các đề án tuyển sinh các năm [\[Exh.05.02.01\]](#). Số lượng GV của Khoa VTKT trong đề án vị trí việc làm là 110 người [\[Exh.05.02.02\]](#). Hiện nay số lượng GV đảm nhận giảng dạy ngành kế toán – chương trình CLC KTTH Việt - Anh có 13 PGS, 22 TS, 46 ThS. Số lượng người học chính quy toàn khoa ĐTQT đến ngày 31/12/2022 là 1405 SV, trong đó số lượng SV CTĐT CLC kế toán tổng hợp Việt Anh là 303 sinh viên. Tính đến thời điểm này, tỷ lệ SV/GV chính quy quy đổi của chương trình CLC kế toán tổng hợp Việt – Anh là 3.121/1.

Hàng năm, căn cứ theo Quy định cập nhật của Nhà trường, các Bộ môn tiến hành phân công giảng dạy cho giảng viên theo chuyên môn, trình độ và kinh nghiệm của giảng

viên. Hiện nay Quy định cập nhật của Nhà trường về vấn đề này QĐ871/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/05/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH Giao thông vận tải [\[Exh.05.02.03\]](#). Quy định này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, bao gồm: thời gian làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, và các hoạt động chuyên môn khác; quy đổi hoạt động chuyên môn thành giờ chuẩn và chế độ làm việc vượt định mức. Tính đến năm học 2021 – 2022, Giảng viên Khoa VTKT đều đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học mà Nhà trường giao với khối lượng giảng dạy trung bình trên 1 GV đạt 747 tiết (so với chuẩn thông thường là 270 tiết/1 giảng viên) [\[Exh.05.02.02\]](#).

Khối lượng giảng dạy phân cho mỗi giảng viên được Trường bộ môn chuyên ngành cân đối trên khối lượng kế hoạch tổng thể cả năm và số lượng giảng viên cơ hữu/toàn thời gian và số lượng giảng viên thỉnh giảng (nếu có). Trường Bộ môn sẽ căn cứ trên khối lượng tổng thể, và việc thực hiện công việc giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học của giảng viên để giảng viên lựa chọn định mức giờ chuẩn giảng dạy theo các nhóm 1, nhóm 2, nhóm 3. Dựa trên phân công giảng dạy của Bộ môn chuyên môn, Phòng ĐTDH/Khoa ĐTQT sẽ lập Thời khóa biểu giảng dạy cho các giảng viên trong toàn trường trên hệ thống phần mềm đào tạo CMC [\[Exh.05.02.04\]](#). Tại các giảng đường có sổ ghi lịch trình giảng dạy và từ năm 2023-2024 sẽ có máy kiểm tra giờ lên lớp thông qua hệ thống quyết vân tay. Ngoài ra, nhà trường có đơn vị là Ban thanh tra độc lập giám sát việc thực hiện các hoạt động giảng dạy và công tác hành chính của cán bộ và giảng viên tại trường.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV trường ĐH GTVT được thực hiện theo quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT về ban hành quy định chế độ làm việc đối với GV và thông tư 47/2014/TT-BGDĐT về quy định chế độ làm việc đối với GV. Hiện nay theo Quyết định 871/QĐ-ĐHGTVT Ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH Giao thông vận tải [\[Exh.05.02.03\]](#). Các GV phải đảm nhiệm khối lượng tối thiểu về giảng dạy là 270 tiết/năm và về NCKH là 145 tiết/năm đối với GVCC, GVC, GV. Định kỳ hàng tháng và mỗi năm học việc thực hiện khối lượng giảng dạy và NCKH cũng như các hoạt động chuyên môn, nhiệm vụ khác được các đơn vị trong trường thực hiện thông qua đánh giá kết quả hoạt động để hưởng thu nhập tăng thêm và xếp loại thi đua [\[Exh.05.02.05\]](#).

Công tác quản lý GV ngoài BM Kế toán, khoa Vận tải Kinh tế trực tiếp quản lý, Khoa ĐTQT phối hợp với Bộ môn kế toán để bố trí nguồn nhân lực GV thực hiện giảng. Ngoài ra, còn có các đơn vị Ban thanh tra, Ban quản lý giảng đường, phòng KHCN, SV cùng tham gia vào việc giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của GV từ đó đảm bảo cho kết quả giảng dạy, NCKH và các mặt hoạt động khác của nhà trường, Khoa, ngành ngày càng được nâng cao hơn.

Bảng 5.3: Số lượng cán bộ học thuật và FTE của họ trong 5 năm gần nhất

Hạng mục	Nam	Nữ	Tổng số		Phần trăm có bằng Tiến sỹ
			Số lượng	FTEs	
Phó Giáo sư	10	03	13	2.59	100%
GV toàn thời gian	35	47	82	2.76	42%
GV không toàn thời gian	1	3	4	2.29	100%
Giáo sư/GV thỉnh giảng	1		1	2.48	100%
Tổng số	82		82	2.76	

Lưu ý:

Tổng số giờ giảng trung bình/ 1GV: 747 tiết; giờ chuẩn 270, FTE/1GV: 2.76

Tổng số giờ giảng trung bình (GS,PGS)/ 1GV: 700 tiết; giờ chuẩn 270, FTE/1GV: 2.59, 13 GS/PGS, 22 TS, 46 ThS

Ngày thu thập số liệu 15/09/2022 căn cứ trên số liệu Báo cáo tổng kết của Khoa VTKT về số liệu giảng viên, khối lượng giảng dạy của giảng viên và khoa ĐTQT về số liệu sinh viên. Phương pháp tính FTE dựa trên tải trọng công việc của giảng viên.

2.5.3 Năng lực của GV được xác định, được đánh giá và được phổ biến thông tin.

Năng lực của GV trường ĐH GTVT được nhà trường yêu cầu và xác định qua tiêu chí về năng lực giảng dạy [Exh.05.02.03], năng lực NCKH [Exh.05.03.01], và năng lực tham gia các hoạt động cộng đồng [Exh.05.03.02].

Hiện nay, nhà trường không có chức danh nghiên cứu viên nhưng việc NCKH, chuyển giao công nghệ và các nhiệm vụ lao động sản xuất thuộc về GV và đó cũng là một trong hai nhiệm vụ chính của GV của trường Đại học GTVT. Năng lực của người GV được tiếp cận theo 2 khía cạnh là năng lực sư phạm và năng lực NCKH.

- Về năng lực giảng dạy, bao gồm các khía cạnh: Năng lực chuẩn bị; Năng lực sử dụng ngôn ngữ; Năng lực sử dụng các thiết bị và phương tiện dạy học; Năng lực hoạt động xã hội trong và ngoài trường; Năng lực đánh giá; Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục; Năng lực tổ chức [\[Exh.05.02.03\]](#).
- Về năng lực NCKH, bao gồm các khía cạnh: Năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề; Năng lực quan sát; Năng lực sáng tạo; Năng lực đọc và tìm kiếm thông tin; Năng lực tư duy; Năng lực thiết kế đề cương nghiên cứu; Năng lực viết báo cáo khoa học; Năng lực bảo vệ đề tài dự án [\[Exh.05.03.01\]](#).
- Về năng lực cộng đồng, bao gồm các khía cạnh: năng lực kết nối và phục vụ cộng đồng trong đào tạo và bồi dưỡng cũng như các hoạt động về khoa học công nghệ và hỗ trợ người học, xã hội [\[Exh.05.03.02\]](#).

Các năng lực này hiện nay được nhà trường đánh giá thông qua kết quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học, các hoạt động chuyên môn khác, và các hoạt động cộng đồng theo Quyết định QĐ871/QĐ-ĐH GTVT ngày 20/05/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH Giao thông vận tải [\[Exh.05.02.03\]](#). Ngoài việc đánh giá của Bộ môn chuyên môn, Khoa chuyên môn, và các phòng ban chức năng liên quan như Phòng ĐTĐH, Khoa ĐTQT, Phòng KT&ĐBCL, Ban quản lý giảng đường và Ban thanh tra đối với các công tác giảng dạy và NCKH, giảng viên của trường ĐH GTVT cũng được đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của người học theo từng kỳ học tập [\[Exh.05.03.03\]](#).

Đối với trường ĐH GTVT nói chung, khoa VTKT và các GV giảng dạy của ngành kế toán nói riêng thì năng lực chuẩn bị được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy chi tiết, năng lực sử dụng ngôn ngữ, sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, năng lực đánh giá được ưu tiên hơn các năng lực còn lại. Năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục và năng lực tổ chức là 2 yếu tố không thể thiếu được đối với GV làm công tác CVHT và tư vấn học tập. Công tác CVHT của GV hằng năm được đánh giá thể hiện sự qua tâm của Khoa, BM đối với công tác SV, đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo SV [\[Exh.05.03.04\]](#).

Thực hiện quy định của Bộ GD&ĐT về việc chuẩn hóa kỹ năng thực hành sư phạm, trường Đại học GTVT thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các lớp bồi dưỡng NVSP [\[Exh.05.03.05\]](#). Thông qua các lớp học này, GV được trang bị kiến thức, kỹ năng để có

thể đạt được các năng lực sư phạm, NCKH giúp cho việc đào tạo, giảng dạy của GV ngày càng có hiệu quả.

Đánh giá GV được nhà trường thực hiện hàng năm theo đúng quy định về đánh giá cán bộ, GV của trường ĐH GTVT một cách công bằng và khách quan. Theo đó, mỗi GV viết báo cáo đánh giá kết quả công tác cá nhân về giảng dạy, sáng kiến, bồi dưỡng rèn luyện để BM đánh giá theo 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ. Sau đó kết quả đánh giá này được đánh giá tiếp bởi Khoa và nhà trường. Hầu hết các GV ngành KT được Khoa, nhà trường đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [[Exh.05.03.06](#)].

2.5.4 Giảng viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng

Với các chương trình Chất lượng cao, Nhà trường có thông báo cụ thể về các tiêu chí ví dụ như trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, kinh nghiệm để giảng viên các bộ môn chuyên môn có thể đăng ký tham gia giảng dạy [[Exh.05.04.01](#)]. Trong thông báo 713/TB-ĐH GTVT, ngày 21/09/2020, Đăng ký giảng viên tham gia giảng dạy bằng tiếng nước ngoài cho các lớp Chương trình tiên tiến và chất lượng cao, căn cứ điều 6 (Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT), Nhà trường đã yêu cầu giảng viên các Bộ môn chuyên môn đăng ký tham gia giảng dạy chương trình tiên tiến, chất lượng cao theo ngôn ngữ tiếng Việt, Tiếng Anh, và Tiếng Pháp.

Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình chất lượng cao đạt các tiêu chí về trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ hoặc yêu cầu được đào tạo ở nước ngoài (với các giảng viên giảng dạy các môn học bằng tiếng nước ngoài). Trường các bộ môn chuyên môn đánh giá năng lực, trình độ, kinh nghiệm và khả năng của giảng viên để đưa ra đề xuất phân công nhiệm vụ giảng dạy trong các chương trình Chất lượng cao. Giảng viên dựa trên sự phân công phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, và khả năng để đăng ký.

Nhà trường căn cứ trên sự phân công nhiệm vụ và đăng ký của giảng viên để ra các Quyết định Cử giảng viên tham gia giảng dạy cho các lớp Chương trình tiên tiến và Chương trình chất lượng cao hệ chính quy cũng như các Quyết định bổ sung khác theo các thông báo bổ sung đăng ký giảng viên các năm [[Exh.05.04.01](#)].

2.5.5 Có hệ thống đánh giá để khen thưởng GV, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng

GV trường ĐH GTVT được giao khối lượng công việc theo năm học (định mức giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GVCC, GVC, GV là 270 tiết/năm và 145 tiết/năm), được thể hiện rõ trong quy chế chi tiêu nội bộ; quy định giờ chuẩn và chế độ làm việc của giảng viên [Exh.05.02.03], quy định tính giờ khoa học [Exh.05.03.01]. Các GV trong khoa thực hiện theo đúng quy chế về đào tạo [Exh.05.05.01] chế độ làm việc của GV, chế độ thỉnh giảng [Exh.05.05.02]; quy chế làm việc của BM, Khoa [Exh.05.05.03]. Nhà trường căn cứ trên các Quy chế, Quy định, Quyết định, và Thông báo để giám sát, đánh giá các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng của giảng viên trên cơ sở tự đánh giá của giảng viên, đánh giá của bộ môn, đánh giá của Khoa, và kiểm tra/rà soát chéo của các Phòng ban chức năng liên quan như Phòng ĐTDH, Khoa ĐTQT, Phòng KT&ĐBCL, Ban thanh tra, và phòng TCCB.

Đầu mỗi năm học, trưởng BM KTKT dựa trên khối lượng giảng dạy được nhà trường giao và phân công khối lượng giờ giảng cho từng GV theo quy định về tổ chức đào tạo của Nhà trường [Exh.05.05.04]. Cụ thể là GV có kinh nghiệm giảng học phần lý thuyết, thảo luận, các GV trẻ phụ trách nội dung bài tập, thí nghiệm, thực hành. Bên cạnh đó theo quy định của nhà trường, các GV còn phải hoàn thành các khối lượng cụ thể như: soạn bài giảng, viết bài báo, hướng dẫn NCKH SV, tham gia hội thảo, semina, nghiên cứu đề tài khoa học các cấp, tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên đề. Kết quả thực hiện nhiệm vụ cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học được sử dụng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét hưởng thu nhập tăng thêm, danh hiệu thi đua, nâng lương trước thời hạn, xét kết nạp Đảng, bổ nhiệm vào các vị trí quản lý.

Bảng 5.4: Khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa Vận tải – Kinh tế và các bộ môn thực hiện trong năm học 2020- 2021

	Bộ môn	Công tác giảng dạy		Công tác nghiên cứu khoa học		
		Tổng số tiết qui đổi	Bình quân cho 01 giảng viên	Tổng số tiết qui đổi	Bình quân cho 01 giảng viên	Mức vượt cho 01 giảng viên
1	Vận tải & Kinh tế ĐS	4655	775,8	3423	570	435
2	Vận tải ĐB và TP	4916	820	3472	578	443
3	Kinh tế vận tải và DL	6.748,9	613	3304,2	330	185

4	Quản trị kinh doanh	6000	600	3000	300	
5	Kinh tế BC – VT	6440,4	589,2	2.696,12	385,16	240,16
6	QH và QL GTVT	3729	621,5	2742	457	332,7
7	Kinh tế vận tải	7886,4	1083	2098	300	155
8	Cơ sở KT và QL	7294	729,4	2853	285,3	140,3
9	Kế toán – Kiểm toán	6599	824,8	1610	201,25	88,8
	Tổng khoa	54.268	753,7	25.198	349,9	

Các GV của Khoa đều hoàn thành khối lượng giảng dạy và NCKH theo quy định, các nội quy, quy chế của Nhà trường. Hằng năm các GV của Khoa đều được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Một số GV tham gia giảng dạy chương trình CLC KTTH Việt - Anh có các sáng kiến được công nhận [[Exh.05.05.05](#)], một số GV có nhiều công bố được Nhà trường khen thưởng [[Exh.05.05.06](#)].

Bảng 5.5: Thống kê các công trình khoa học năm học 2020-2021

Báo/Hội thảo		Sách		Đề tài cấp trường			Đề tài cấp bộ			NCKH SV
Trong nước	Quốc tế	Giá trị trình	Bài giảng, sách tham khảo	2020 được nghiệm thu	2021 Đăng thực hiện	2022 Được duyệt	2020 Đã nghiệm thu	2021 -	2022 Được trường duyệt	Số đề tài nghiệm thu
56	28	3	4	20	18	20	01	02	0	66

2.5.6. Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, mối quan hệ và trách nhiệm giải trình của GV được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp

Trong Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 [[Exh.05.06.01](#)], Nhà nước đã quy định rõ ở Điều 12. Chính sách của Nhà nước về phát triển giáo dục đại học, trong đó có đề cập đến các quyền, quyền lợi và vai trò của giảng viên như (1) tạo điều kiện để người học và giảng viên thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; (2) Thu hút, sử dụng và đãi ngộ thích hợp để nâng cao chất lượng giảng viên; chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, giáo sư đầu ngành trong cơ sở giáo dục đại học. Giảng viên theo Luật giáo dục sửa đổi (Điều 16. Hội đồng trường của trường đại học công lập) có các quyền tham gia là thành viên chiếm tỷ lệ tối thiểu là 25% tổng số thành viên của hội đồng trường; đại diện viên chức và người lao động;

Trong Quyết định 2734/QĐ-ĐHGTVT về Ban hành Quy định tiếp công dân của Trường ĐH Giao thông vận tải ngày 30/12/2022, giảng viên là đối tượng công dân của nhà trường có quyền khiếu nại, tố cáo, kiến nghị và phản ánh những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động đào tạo và giảng dạy của Nhà trường để góp phần làm minh bạch các hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo [[Exh.05.06.02](#)].

Quy định cập nhật của Nhà trường về quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên được thể hiện trong QĐ871/QĐ-ĐHGTVT ngày 20/05/2022 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐH Giao thông vận tải. Quy định này quy định chế độ làm việc đối với giảng viên, bao gồm: thời gian làm việc, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, và các hoạt động chuyên môn khác; quy đổi hoạt động chuyên môn thành giờ chuẩn và chế độ làm việc vượt định mức [[Exh.05.06.02](#)].

Theo QĐ số 2116/QĐ-ĐHGTVT về Quy chế chi tiêu nội bộ NĂM 2017 và QĐ 179/QĐ-ĐHGTVT cập nhật mới nhất năm 2022, giảng viên có rất nhiều đặc quyền đặc lợi khi hoàn thành các nghĩa vụ về giảng dạy, NCKH, sinh hoạt ngoại khóa và sinh hoạt cộng đồng như được hưởng lương và kinh phí phúc lợi các dịp theo Quy định [[Exh.05.06.02](#)].

Trường có một hệ thống thông tin đa dạng và được làm bài bản định kỳ. Những kênh thông tin này từ đội ngũ GV, nhân viên, cộng tác viên. Ý kiến phản hồi của GV được tổng hợp qua phiếu điều tra trực tuyến qua tài khoản trên trang “vanphongdientu.utc.eud.vn”, gồm các ý kiến đánh giá về các mặt của Nhà trường

[Exh.05.06.03].

Qua các cuộc họp giao ban hàng tuần của Khoa **[Exh.05.06.04]** với các lãnh đạo bộ môn, các việc liên quan đến quản lý, giảng dạy, cách xử lý thông tin phản hồi được thảo luận. Nhà trường có giao ban hàng tháng với các lãnh đạo khoa, phòng ban, trung tâm để nắm bắt được tình hình của các đơn vị và triển khai các kế hoạch của trường **[Exh.05.06.05]**, kết quả được thông báo trên mạng cho các CBGV trong trường biết.

Khoa VTKT, và Khoa ĐTQT tổ chức hội nghị người lao động hàng năm **[Exh.05.06.06]** để trao đổi, lấy ý kiến CBGV về các vấn đề đào tạo, phúc lợi, cơ sở vật chất, kế hoạch phát triển... Báo cáo sẽ được sử dụng để cải thiện các hoạt động của Khoa trong năm tiếp theo. Khoa cử các đại diện đi dự đại hội công nhân viên chức trường để đề đạt các ý kiến của khoa lên trường và nghe Nhà trường giải trình về các vấn đề **[Exh.05.06.07]**.

2.5.7. Có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của GV và các hoạt động đào tạo, tập huấn phù hợp được triển khai để đáp ứng những nhu cầu này

Căn cứ vào Nghị quyết 33/NQ-HĐT về ban hành chiến lược phát triển Trường ĐH GTVT giai đoạn 2021-2030, căn cứ vào chiến lược của UTC, căn cứ định hướng của khoa VTKT và khoa ĐTQT, căn cứ nhu cầu của sinh viên và giảng viên, kết quả khảo sát, đánh giá của sinh viên và giảng viên, nhà trường ban hành các kế hoạch hành động trong từng giai đoạn, và quy mô phát triển của nhà trường **[Exh.05.07.01]**. Từ đó, nhà trường dưới sự tham mưu của các phòng ban liên quan như Phòng ĐTDH, K.ĐTQT, P.KTĐ&ĐBCL, P.TCCB, P.HTQT để xác định nhu cầu đào tạo, thông qua việc xác định tổng chỉ tiêu dự kiến nhà trường đạt được trong các năm tiếp theo.

Căn cứ trên quy mô phát triển chỉ tiêu và lượng tuyển sinh, nhà trường cũng có kế hoạch xác định nhu cầu đào tạo phát triển chuyên môn của giảng viên, thông qua các kế hoạch cử giảng viên đi đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm/ giảng viên chính, các lớp tăng cường ngoại ngữ (văn bản 2 ngoại ngữ), các lớp nâng cao trình độ lý luận chính trị trung cấp/cao cấp **[Exh.05.07.02]**.

Hầu hết các GV được tuyển dụng vào trường nói chung và khoa Vận tải Kinh tế, cung như Bộ môn KTKT nói riêng đều là những người có trình độ do đó nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng phát triển chuyên môn là hoàn toàn chính đáng. Điều này phù hợp với quy

định của Nhà nước về việc GV phải có trình độ thạc sỹ trở lên khi giảng dạy đại học và phải có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm.

Nhà trường khuyến khích GV đi học tập, nâng cao trình độ. Các GV trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được giảm 100% khối lượng công việc, được hưởng 40% mức lương hiện hưởng và được đóng bảo hiểm xã hội; trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước được giảm 50% khối lượng công việc và được hỗ trợ 100% học phí tối đa bằng mức học phí cùng bậc học của trường [\[Exh.05.07.02\]](#).

Ngoài ra, để đáp ứng được yêu cầu phát triển trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trường đã xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể: phấn đấu đến năm 2020 có 1200 cán bộ viên chức trong đó 900 GV, về trình độ: 10 - 12% GV có học hàm GS, PGS; 30 - 40% GV có trình độ TS; 50% GV có trình độ ThS. Các GVBM, Khoa VTKT trong giai đoạn 2017-2021 có 03 GV được phong học hàm PGS [\[Exh.05.07.03\]](#).

Ngoài được đào tạo về chuyên môn, các GV cũng được nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ quản lý bởi tham dự các khóa học về nghiệp vụ quản lý; lý luận chính trị [được học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ [\[Exh.05.07.02\]](#)].

2.5.8. Việc quản lý hiệu quả công việc của GV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV

Các hoạt động NCKH của GV trường ĐH GTVT được thực hiện theo quy định của Nhà nước và quyết định số 1942/2017/QĐ-ĐHGTVT [\[Exh.05.08.01\]](#) của lãnh đạo nhà trường về ban hành quy chế quản lý KH&CN, lao động sản xuất và các kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [\[Exh.05.08.02\]](#). Theo đó hoạt động KH&CN của trường bao gồm:

- Xây dựng định hướng phát triển KH&CN cho từng giai đoạn, kế hoạch KH&CN 5 năm, hàng năm.
- Đề xuất, tham gia tuyển chọn, triển khai thực hiện và tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN các cấp, các lĩnh vực nghiên cứu.
- Hỗ trợ xác lập và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thương mại và chuyển giao sở hữu trí tuệ.

- Ứng dụng và chuyển giao kết quả NCKH và phát triển công nghệ, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, thực hiện dịch vụ KH&CN.
- Xây dựng và triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển, các phòng thí nghiệm trọng điểm, liên ngành và chuyên ngành.
- Tổ chức hoạt động NCKH cho SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh.
- Tiến hành các hoạt động hợp tác trong và ngoài nước về KH&CN.
- Xây dựng hệ thống thông tin về hoạt động KH&CN của Nhà trường.
- Xây dựng và triển khai các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo hộ lao động, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm.
- Triển khai các hoạt động KH&CN khác.

Trong giai đoạn 2017-2021, với nhận thức sâu sắc về vai trò của KH&CN là một trong hai nhiệm vụ chính của GV trong một trường đại học, triển khai thực hiện kế hoạch KHCN của Nhà trường và của các Bộ GD-ĐT; Bộ GTVT và Bộ KHCN các GV của Khoa VTKT và Khoa ĐTQT đã hoàn thành một khối lượng NCKH lớn, góp phần khẳng định uy tín và thương hiệu của Khoa và Nhà trường trước sản xuất và xã hội. Trong giai đoạn 2020-2021, các GV của Khoa VTKT đạt được kết quả cụ thể như sau [\[Exh.05.01.02\]](#).

- Tham gia dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Tham gia đề tài trọng điểm cấp trường đang thực hiện, và đề tài cấp trường.
- Công bố nhiều bài báo, trong đó có nhiều bài báo trên các tạp chí khoa học trong nước và bài báo đăng hội nghị hội thảo.
- Công bố một số bài báo quốc tế, trong đó có bài báo SCI, bài báo SCIE, và bài báo SCOPUS
- Hướng dẫn tổng cộng nhiều đề tài NCKH của SV đã nghiệm thu và đề tài NCKH SV đang thực hiện.
- Thực hiện Hội nghị Khoa học thường niên giảng viên trẻ Khoa VTKT.
- Giờ NCKH của các giảng viên Khoa VTKT trong giai đoạn 2018-2022 đều đạt theo quy định.

Bảng 5.6: Thống kê hoạt động KHCN của Khoa Vận tải – Kinh tế năm 2020 –

2

Báo/Hội		Sách		Đề tài cấp trường			Đề tài cấp bộ			NCKH SV
Trong nước	Quốc tế	Giáo trình	Bài giảng, sách tham khảo	2020 được nghiệm thu	2021 được nghiệm thu	2022 Nghiệm thu	2020 Nghiệm thu	2021 Nghiệm thu	2022 Nghiệm thu	Số đề tài nghiệm thu
56	28	3	4	20	18	20	01	02	01	66

Hội nghị Khoa học công nghệ - GV và Doanh nghiệp được định kỳ tổ chức nhằm tổng kết, đánh giá các hoạt động KHCN của Khoa, thông báo các kết quả nghiên cứu khoa học, triển khai tiến bộ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất và đời sống, giới thiệu và trao đổi về khả năng hợp tác, liên kết NCKH và lao động sản xuất với các đơn vị nghiên cứu, sản xuất ngoài trường [[Exh.05.08.03](#)].

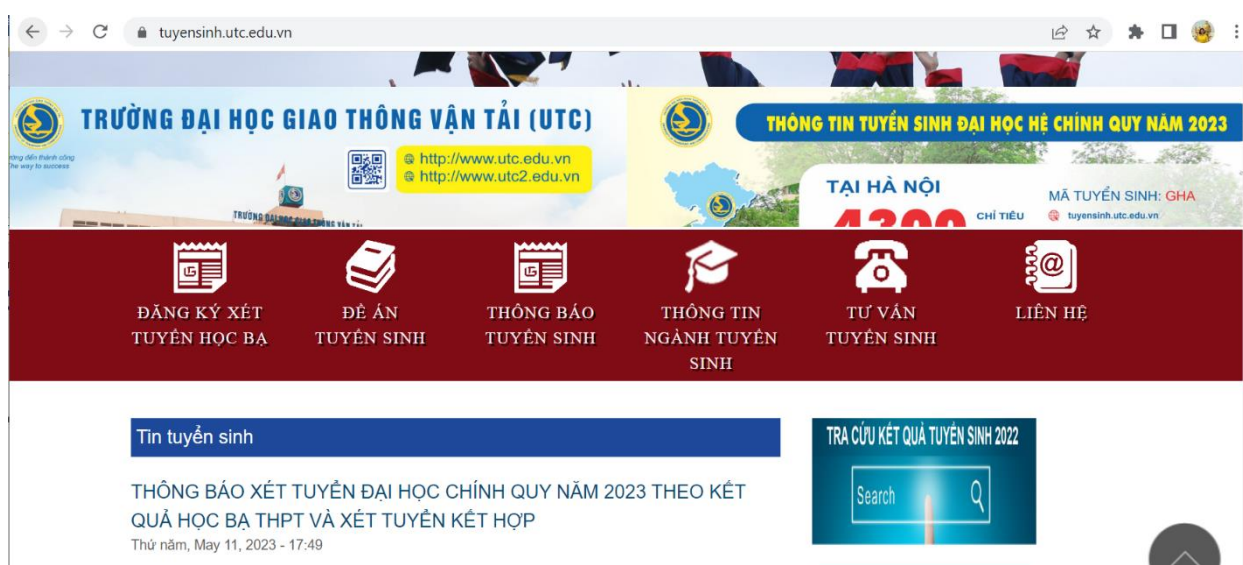
2.6 Tiêu chuẩn 6 – Các dịch vụ hỗ trợ người học

2.6.1 Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật

Chính sách tiếp nhận SV ĐHCQ và các tiêu chí tuyển sinh của ngành KTTH được xác định rõ ràng theo các quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT trong từng năm [Exh.06.01.01]. Thông tin tuyển sinh được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được cập nhật hàng năm trên Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường <https://tuyensinh.utc.edu.vn/>. Trên Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Giao thông vận tải chúng tôi làm rõ cả nội dung và thông tin tuyển sinh sau đây trong từng năm:

- Đề án tuyển sinh hàng năm
- Thông báo tuyển sinh chung và theo từng phương thức hàng năm
- Thông tin ngành tuyển sinh

Trên Cổng thông tin tuyển sinh nhà trường, có kết nối với ứng dụng phần mềm Đăng ký xét tuyển học bạ của Bộ GD&ĐT để thực hiện phương thức tuyển sinh bằng học



bạc tích hợp trên hệ tổng toàn quốc.

Hình 6.1: Giao diện Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Giao thông vận tải

Việc tuyển sinh Chương trình CLC KTTH Việt - Anh, từ năm 2018 đến 2022, tại cơ sở Hà Nội, được thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [Exh.06.01.01], cũng như các quy định và đề án tuyển sinh của trường ĐH GTVT. Chỉ tiêu tuyển sinh tại cơ sở Hà Nội được đăng tải cụ thể trên các tài liệu tuyển sinh của Trường và của MOET. Hằng năm, Nhà trường đều công bố đề án tuyển sinh trước kỳ thi [Exh.06.01.02]. Đề án nêu rõ Tên trường và địa chỉ các trụ sở; Đối tượng tuyển sinh; Phạm vi tuyển sinh; Phương thức tuyển sinh; Chỉ tiêu tuyển sinh theo từng mã ngành tuyển sinh; Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT; Các thông tin cần thiết khác, gồm: Quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển, sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế; Các mốc thời gian quan trọng; Hình thức nhận hồ sơ ĐKXT; Lệ phí xét tuyển/thi tuyển; Học phí dự kiến. Các phương thức tuyển sinh được cập nhật để phù hợp với tình hình chung của cả nước. Cụ thể:

- Năm 2018: Trường tuyển sinh theo 02 phương thức, gồm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; và tuyển thẳng các học sinh đoạt giải quốc gia, quốc tế [Exh.06.01.02].

- Năm 2019: Trường tuyển sinh theo 03 phương thức, gồm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPTQG; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ đối với 1 số ngành; và xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế [[Exh.06.01.02](#)].
- Năm 2020, 2021: Trường tuyển sinh theo 04 phương thức, gồm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ với tất cả các ngành; xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế, cuộc thi KHKT; và xét tuyển kết hợp kèm các chứng chỉ tiếng anh quốc tế. Đối với phương thức xét theo tổ hợp, ngành KTOT được xét các tổ hợp A00, A01, D01, D07 [[Exh.06.01.02](#)] .
- Năm 2022: Trường tuyển sinh theo 04 phương thức, gồm xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT; xét tuyển dựa vào kết quả học tập theo học bạ với tất cả các ngành; xét tuyển thẳng HS đoạt giải quốc gia, quốc tế, cuộc thi KHKT; xét tuyển theo kết quả đánh giá năng lực và đánh giá tư duy của Trường ĐHQG và Trường ĐH Bách Khoa, và xét tuyển kết hợp kèm các chứng chỉ tiếng anh quốc tế. Đối với phương thức xét theo tổ hợp, chương trình KTTH Việt – Anh được xét các tổ hợp A00, A01, D01, D03, D07 [[Exh.06.01.02](#)] .

Kế hoạch tuyển sinh hàng năm được cập nhật và phân công rõ ràng, nhằm cụ thể hóa đề án tuyển sinh [[Exh.06.01.03](#)]. Tình hình thí sinh trúng tuyển và nhập học hàng năm chương trình chất lượng cao KTTH Việt – Anh, được Bộ môn KTKT và Khoa ĐTQT theo dõi sát sao để đánh sự thay đổi của nhu cầu của người học cũng như thị trường lao động qua các năm.

**Bảng 6.1: Thống kê số liệu về tình hình nhập học của người học năm thứ nhất
(Giai đoạn 2018 - 2022)**

STT	Tên chương trình	K62 (2022)	K61 (2021)	K60 (2020)	K59 (2019)	K58 (2018)	Tổng cộng
1	Kế toán tổng hợp Việt-Anh (nhập học)	81	111	66	45	(TN)	303
2	Kế toán tổng hợp CTGT Việt-Anh (đang học)	76	103	64	50	(TN)	293

Để tăng cường phổ biến thông tin tuyển sinh và giải đáp thắc mắc cho học sinh và phụ huynh, Trường đã triển khai nhiều hình thức khác nhau như tư vấn tuyển trực tiếp,

qua điện thoại, tin nhắn, facebook và website. Hàng năm nhà trường đều ra Quyết định thành lập Ban tư vấn tuyển sinh đại học bao gồm các Thầy/Cô có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tuyển sinh [\[Exh.06.01.04\]](#). Vào mùa tuyển sinh hàng năm, Trường liên tục tham gia các đợt tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT tại địa phương và các chương trình tư vấn tuyển sinh lớn do Bộ GD&ĐT và Báo Tuổi trẻ tổ chức [\[Exh.06.01.05\]](#). Bên cạnh đó, Trường cũng tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh trên truyền hình, hoặc tư vấn trên các kênh mạng xã hội, phát tờ rơi tại các trường THPT.



Hình 6.2: Tham gia tư vấn tuyển sinh tại các địa phương năm học 2021

2.6.2 Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng.

Đội ngũ cán bộ này là những người làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, phòng máy tính, cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng như phòng ĐTĐH, phòng CTCT&SV, phòng KT&ĐB CLĐT... Căn cứ vào chiến lược [\[Exh.06.02.03\]](#), quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH GTVT [\[Exh.06.02.01\]](#) cũng như chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [\[Exh.06.02.02\]](#), cũng như khảo sát nhu cầu tại các đơn vị chức năng, phòng TCCB thực hiện các bước, phối hợp với khoa, các đơn vị thực hiện quy hoạch nguồn nhân lực cán bộ hỗ trợ nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng

Nhà trường và Khoa Đào tạo quốc tế chủ trương đưa ra các chính sách cũng như phương pháp để thực thi, phát triển hệ thống cán bộ hỗ trợ nhằm đạt được chất lượng phục vụ tốt nhất. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường và khoa

thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn [\[Exh.06.02.11\]](#).

Trường ĐH GTVT gồm có các phòng ban và trung tâm hành chính giúp Hiệu trưởng quản lý, giám sát hoạt động điều hành và hỗ trợ SV tại trường. Các phòng ban và trung tâm phụ trách gồm có: phòng ĐTĐH, phòng CTCT&SV, phòng KT&ĐBCLĐT, Trung tâm thông tin thư viện; Trung tâm ứng dụng CNTT, Trung tâm đào tạo trực tuyến [\[Exh.06.02.01\]](#). Các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội (ĐTN, HSV) đóng một vai trò trong việc giúp SV cải thiện đời sống tinh thần, tham gia vào các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, phát triển kỹ năng mềm, kỹ năng xã hội [\[Exh.06.02.04\]](#). Trường ĐH GTVT có Văn phòng hỗ trợ sinh viên của trường (trực thuộc phòng CTCT&SV) thực hiện trực tiếp các hoạt động hỗ trợ sinh viên toàn trường do 01 Phó Trưởng phòng CTCT&SV phụ trách. [\[Exh.06.02.05\]](#).

Quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhân viên giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2030 và đề án vị trí việc làm là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ của Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [\[Exh.06.02.14\]](#). Trong đó, viên chức khối hành chính được tuyển chọn, bố trí đúng với yêu cầu nhiệm vụ của vị trí công việc, được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn để có tính chuyên nghiệp cao trong công việc, biết áp dụng các phương pháp, công cụ làm việc tiên tiến để thực hiện nhiệm vụ. Giữ tỷ lệ viên chức khối hành chính không quá 20÷30% trong tổng số cán bộ, viên chức toàn trường. Hàng năm hoặc theo từng giai đoạn, Nhà trường bổ sung và tăng cường trình độ chuyên môn của các cán bộ hỗ trợ thông qua các lớp học như: học chứng chỉ để thi chuyên viên chính, bổ túc nâng cao trình độ tiếng ngoại ngữ và tin học [\[Exh.06.02.06\]](#). Nhiều chuyên viên đã tham gia kỳ thi chuyển ngạch chuyên viên chính và đã đạt.

Để làm tốt công tác quy hoạch này thì hàng năm Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng [\[Exh.06.02.07\]](#) để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ để phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường.

Khoa ĐTQT có 3 lãnh đạo Khoa, 02 Trưởng bộ phận các chương trình và có 06 chuyên viên thực hiện các vai trò của cán bộ hỗ trợ cho Khoa Đào tạo quốc tế có chức năng nhiệm vụ giải quyết các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Khoa: quản lý điểm

thi; xét học bổng, xét ngừng học, thôi học, cảnh cáo học vụ, xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận kết quả học tập; quản lý công tác NCKH SV; xét học bổng, đánh giá điểm rèn luyện SV, giải đáp thắc mắc của SV. Số lượng cán bộ hỗ trợ cho Khoa được tuyển dụng để án vị trí việc làm của Khoa và Nhà trường [Exh.06.02.14]. Các lãnh đạo khoa và trưởng bộ phận đều có học vị từ Tiến sĩ trở lên, đang dạy ở các bộ môn chuyên môn khác nhau, và kiêm nhiệm quản lý tại Khoa Đào tạo quốc tế [Exh.06.02.08].

Hiện nay Khoa ĐTQT, trong số 06 có 03 cán bộ hỗ trợ đều có bằng Thạc sĩ ngành phù hợp với chức năng nhiệm vụ được phân công, đảm bảo đảm đương được khối lượng công việc và hỗ trợ đắc lực cho Khoa giải quyết các vấn đề cho GV và người học [Exh.06.02.09], [Exh.06.02.10]. Tổng hợp bản mô tả vị trí việc làm nhóm gián tiếp của Trường đại học GTVT và Phụ lục vị trí việc làm Văn phòng Khoa Đào tạo Quốc tế cũng như tình hình nhân và đội ngũ chuyên viên khoa. (<https://www.utc.edu.vn/gioi-thieu/khoa-dao-tao-quoc-te>)

Đối với đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện, phòng Thí nghiệm, Trung tâm ứng dụng CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác phục vụ cho GV và người học chương trình Kế toán tổng hợp Việt - Anh tuân theo quy hoạch chung của trường [Exh.06.02.05], với số lượng và trình độ đào tạo được đề cập trong **Bảng 6.2** dưới đây:

Bảng 6.2: Số lượng cán bộ phục vụ trong 5 năm gần nhất

Năm	Cán bộ phục vụ	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
		<i>Phổ thông</i>	<i>Cử nhân</i>	<i>Thạc sĩ</i>	<i>Tiến sĩ</i>	
2017	Cán bộ thư viện	0	12	5	1	18
	Cán bộ phòng TN	0	4	6	0	10
	Cán bộ CNTT	0	7	3	0	10
	Cán bộ hành chính	46	127	60	2	235
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)	0	11	7	0	18
2018	Cán bộ thư viện	0	12	6	1	19

Năm	Cán bộ phục vụ	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
		<i>Phổ thông</i>	<i>Cử nhân</i>	<i>Thạc sỹ</i>	<i>Tiến sỹ</i>	
	Cán bộ phòng TN	0	3	5	0	8
	Cán bộ CNTT	0	3	7	0	10
	Cán bộ hành chính	38	116	67	2	223
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)	0	11	8	0	19
2019	Cán bộ thư viện	0	10	6	0	16
	Cán bộ phòng TN	0	2	6	0	8
	Cán bộ CNTT	0	6	3	0	9
	Cán bộ hành chính	37	108	71	2	218
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)	0	11	9	1	21
2020	Cán bộ thư viện	0	8	6	0	14
	Cán bộ phòng TN	0	2	8	0	10
	Cán bộ CNTT	0	6	4	0	10
	Cán bộ hành chính	35	94	84	2	215
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)	0	9	11	1	21
2021	Cán bộ thư viện	0	8	6	0	14
	Cán bộ phòng TN	0	2	8	0	10
	Cán bộ CNTT	0	6	4	0	10
	Cán bộ hành chính	33	89	88	2	212
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ	0	12	8	1	21

Năm	Cán bộ phục vụ	Trình độ văn hóa cao nhất				Tổng số
		<i>Phổ thông</i>	<i>Cử nhân</i>	<i>Thạc sĩ</i>	<i>Tiến sĩ</i>	
	trợ giúp)					
2022	Cán bộ thư viện	0	8	6	0	14
	Cán bộ phòng TN	0	2	8	0	10
	Cán bộ CNTT	0	6	4	0	10
	Cán bộ hành chính	33	89	88	2	212
	Cán bộ trợ giúp người học (liệt kê các dịch vụ trợ giúp)	0	12	8	1	21

Ngoài ra đội ngũ CVHT của Khoa ĐTQT bao gồm các giảng viên bộ môn ngoại ngữ phụ trách từ năm thứ nhất – năm thứ hai và giảng viên chuyên môn phụ trách các lớp chuyên ngành thuộc chương trình CLC Kế toán tổng hợp Việt – Anh. Phần lớn là các GV là CVHT đều trẻ tuổi, nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn vững vàng và khả năng tư vấn tốt, hỗ trợ kịp thời cho người học hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập [\[Exh.06.02.11\]](#).

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và người học [\[Exh.06.02.12\]](#). Số liệu thống kê về đội ngũ CB hỗ trợ được cập nhật theo từng giai đoạn đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng [\[Exh.06.02.13\]](#).

Tháng 10/2015 và năm 2020, Nhà trường đã hai lần triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm, đặc biệt cho khối hành chính; Ban chỉ đạo đề án làm việc trực tiếp với lãnh đạo các đơn vị, thực hiện việc đánh giá từng vị trí việc làm, xem xét các bản mô tả công việc, thống nhất số lượng vị trí việc làm cần thiết. Nội dung được cập nhật về danh mục vị trí việc làm, số lượng vị trí lãnh đạo quản lý, yêu cầu theo vị trí việc làm [\[Exh.06.02.14\]](#). Nhà trường đã ban hành đề án xây dựng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hội nhập quốc tế giai đoạn 2016-2020 nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

2.6.3 Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học

được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần

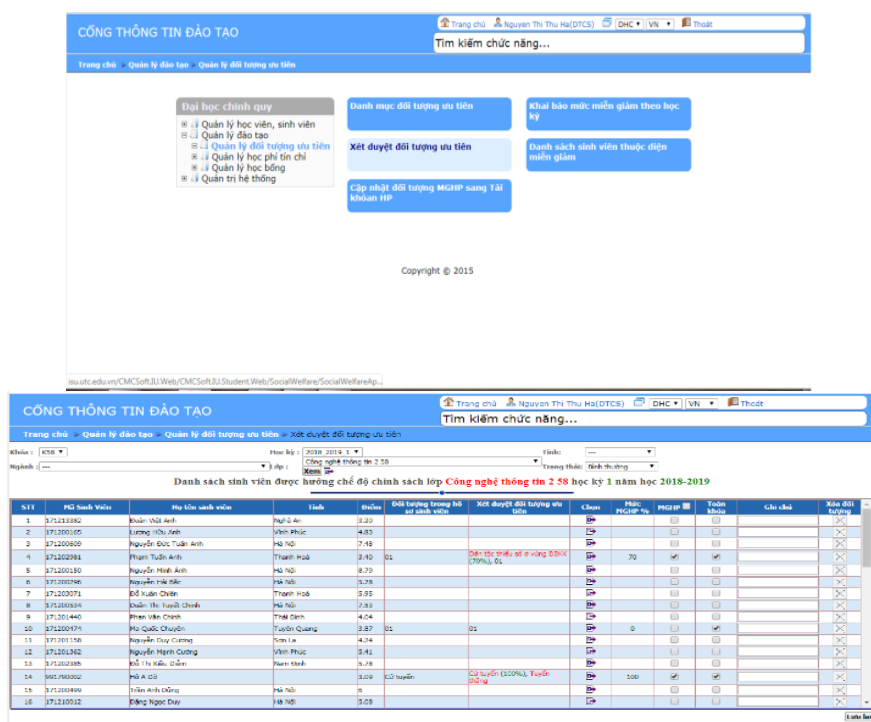
Tại Trường Đại học Giao thông vận tải đã ứng dụng hệ thống phần mềm lập kế hoạch, đăng ký học, quản lý đào tạo và kết quả học tập của người học. Các tính năng này được tích hợp chung trong một hệ thống phần mềm quản lý đào tạo có giao diện dành cho người học và giao diện dành các phòng quản lý chức năng như Phòng ĐTDH, Khoa Đào tạo quốc tế, Phòng CTCT&SV. Để có thể triển khai việc tổ chức và quản lý đào tạo cho người học, Trường ĐH GTVT dựa trên Quyết định số 2006/QĐ-ĐHGTVT ngày 05/11/2021 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải về việc ban hành “Quy chế đào tạo trình độ đại học áp dụng từ K62 (năm học 2021-2022), và Căn cứ quy định thực hiện quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHGTVT ngày 12/2/2014 của Trường Đại học Giao thông vận tải; Căn cứ Quyết định số 1578/QĐ-ĐHGTVT ngày 10/08/2018 về việc sửa đổi, bổ sung hướng dẫn một số điều trong quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ áp dụng từ 61 trở về trước [\[Exh.06.03.04\]](#).

Trong các Quy chế đào tạo trình độ đại học này, người học được hướng dẫn một cách cụ thể về thông tin để người học hiểu về chương trình đào tạo, tín chỉ - học phần, các nguyên tắc về thời gian tối đa, đăng ký học tập, rút bớt học phần, nghỉ ốm, cảnh báo/thôi học, đánh giá học phần, cách tính điểm, xét công nhận tốt nghiệp cũng như kỷ luật sinh viên [\[Exh.06.03.04\]](#).

Với sự kết hợp chặt chẽ của các quy định và hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, tiến độ triển khai chương trình học tập được thông báo kịp thời cho người học và được giám sát chặt chẽ, đảm bảo tuân thủ CTĐT, và có những điều chỉnh kịp thời để phù hợp với những biến cố của xã hội. Khối lượng học phần đăng ký học tập của SV trong mỗi học kỳ được rà soát nghiêm ngặt, đảm bảo số tín chỉ tối thiểu trong mỗi học kỳ. Kết quả học tập của SV được tổng hợp sau mỗi học kỳ [\[Exh.06.03.01\]](#). Đây là cơ sở để xếp loại học lực, khen thưởng hoặc kỷ luật [\[Exh.06.03.02\]](#).

Trường có hệ thống phần mềm theo dõi và đánh giá thành tích học tập của SV, cũng như khối lượng tín chỉ của từng SV đã đăng ký và tham gia học tập trong từng học kỳ [\[Hình 6.3\]](#). Các tiêu chí về khen thưởng, khuyến khích học tập cũng như về cảnh báo học vụ và buộc thôi học, được công khai trong sổ tay SV, trên tài khoản trực tuyến của từng

SV. SV có thể theo dõi kết quả học tập của mình bất kỳ thời gian nào [[Exh.06.03.03](#)].



Hình 6.3. Phần mềm quản lý đào tạo

Theo thiết kế của CTĐT, khối lượng học tập mỗi học kỳ đối với chương trình CLC KTTH Việt - Anh không vượt 20 tín chỉ [[Exh.06.03.03](#)]. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có lực học trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định [thời hạn đào tạo thiết kế, 4 - 4.5 năm cho khóa tuyển sinh năm 2018 – 2022). Sinh viên được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi học kỳ, nhưng không được ít hơn 10 - 12 tín chỉ (Lưu ý áp dụng 02 Quy định đào tạo 300 và Quy định đào tạo 2006 trong giai đoạn 2018 – 2022 [[Exh.06.03.04](#)]). Để giám sát tiến trình học tập, rèn luyện của người học trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ, trường ĐH GTVT đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác. Cụ thể là: đã xây dựng, phát triển phần mềm quản lý đào tạo, website quản lý đào tạo, website thông tin đào tạo, cung cấp tài khoản cho người học, thành lập hội đồng đánh giá và các quyết định về công tác rèn luyện SV; hội đồng và các quyết định về công tác CVHT (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [[Exh.06.03.01](#) – [Exh.06.03.04](#)]. Bên cạnh đó, các GV, BM Kế toán tổng hợp, khoa VTKT, Khoa ĐTQT và Trường luôn có kế hoạch và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm giám sát KQHT [[Exh.06.03.05](#)], khuyến khích tinh thần học tập của SV như tổ chức giới thiệu ngành nghề, trao học bổng (cựu SV) [[Exh.06.03.06](#)]

Kết quả học tập cuối cùng của một học phần trong chương trình học được đánh giá theo 3 loại thang điểm là thang điểm 10, thang điểm 4, và thang điểm chữ. Kết quả học tập hàng kỳ được thông báo cho người học trên giao diện quản lý đào tạo của người học có thể kiểm tra bằng cách đăng nhập tài khoản. Ngoài ra, các CVHT của lớp có trách nhiệm thông báo kết quả học tập tới gia đình và phụ huynh của người học, đặc biệt là những trường hợp bị kết quả học tập cảnh báo hoặc thôi học [Exh.06.03.07].

2.6.4 Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác được triển khai nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm cho người học

Từ cấp Trường, cấp Khoa, và cấp BM đều có bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn về học tập và các hoạt động ngoại khóa cho SV. Ở cấp Trường, bộ phận hỗ trợ trực tiếp cho SV gồm có phòng CTCT&SV (Hình 6.4), Phòng Đào tạo ĐH, Đoàn thanh niên, Văn phòng Hỗ trợ SV trực thuộc phòng CTCT&SV, Hội SV,... Hàng năm ở cấp Khoa và BM, Trường phân công các GV của BM Kế toán tổng hợp phụ trách công tác CVHT các lớp chuyên ngành [Exh.06.04.01]. Chức năng, nhiệm vụ, thông tin liên hệ của các đơn vị chức năng, khoa, BM đều được cập nhật trên trang web chính thức của Trường (<https://www.utc.edu.vn/website-don-vi>) và Khoa (<http://fcm.utc.edu.vn/>).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
UNIVERSITY OF TRANSPORT AND COMMUNICATIONS

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ SINH VIÊN
1803/2021 09:05 SA

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ SINH VIÊN

THÔNG TIN CHUNG
Địa chỉ: P101-103 Nhà A9, P105 Nhà N2 và P103 Hội trường lớn
Điện thoại: P101-103 Nhà A9 -ĐT: (024) 3.7666741; Văn phòng H5 trợ sinh viên - P105 Nhà N2 -ĐT: (024) 3766 0743
Email: pccstcv@utc.edu.vn

Trưởng phòng: TS. Nguyễn Văn Hải - P101 Nhà A9
Phó trưởng phòng: PGS.TS. Hồ Xuân Nam - P103 Nhà A9
Phó trưởng phòng: TS. Thạch Minh Quân - P105 Nhà N2

GIỚI THIỆU
Phòng Công tác chính trị và sinh viên tiền thân là Phòng Tuyên huấn, được thành lập năm 1967. Năm 1990 Phòng đổi tên thành Phòng Công tác chính trị, năm 2004 đổi tên thành Phòng Công tác chính trị và sinh viên như đến nay.

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ
Phòng có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực:
1. Công tác chính trị, tư tưởng
2. Công tác thông tin, tuyên truyền
3. Công tác văn hóa quần chúng
4. Công tác thi đua khen thưởng
5. Công tác quản lý sinh viên
Ngoài ra phòng Công tác chính trị và sinh viên còn thực hiện các nhiệm vụ:
- Thường trực Ban biên tập trang thông tin điện tử
- Công tác xã hội học tập
- Quản lý thi đấu kết quả sinh viên
- Quản lý hồ sơ sinh viên hệ chính quy
- Quản lý lưu học sinh nước ngoài
Tháng 8 năm 2018, Văn phòng H5 trợ sinh viên trực thuộc phòng Công tác chính trị và sinh viên chính thức đi vào hoạt động với mục đích trở thành địa chỉ tin cậy đối người học tìm kiếm chia sẻ, tìm hiểu, cung cấp những thông tin cần thiết, các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phục vụ cuộc sống, học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cơ hội việc làm; kết nối cựu người học, các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng.

XEM BÀI GIỚI THIỆU KHÁC
Giới thiệu chung
Sứ mạng
Lịch sử hình thành
Cơ cấu tổ chức
Chuyên ngành đào tạo

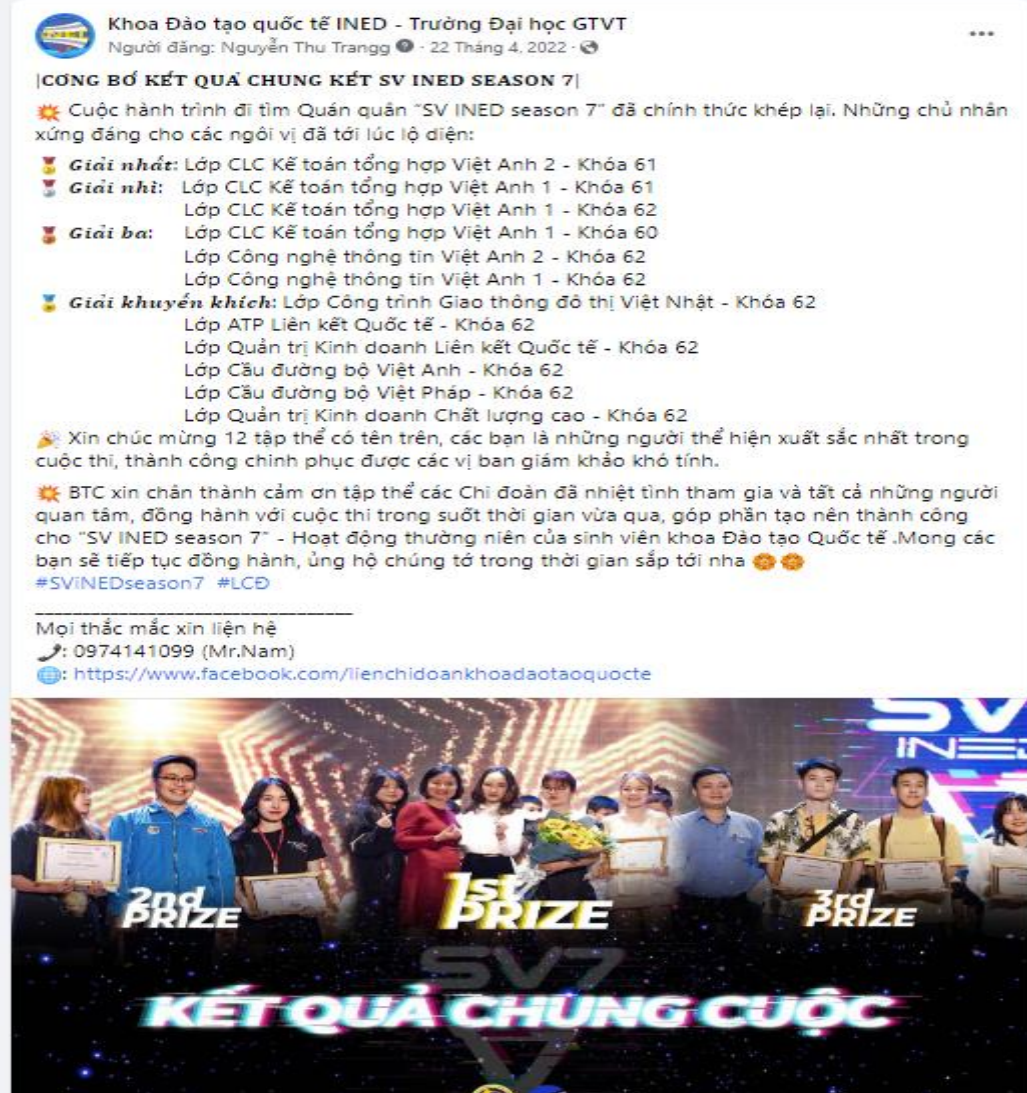
KHOA
Khoa Cơ khí
Khoa Công nghệ
Khoa Vật lý sinh học
Khoa Điện - Điện tử
Khoa Công nghệ thông tin
Khoa Khoa học cơ bản
Khoa Lý luận chính trị
Khoa Giáo dục quốc phòng
Khoa Kỹ thuật xây dựng
Khoa Môi trường và An toàn giao thông
Khoa Quản trị kinh doanh
Bộ môn Giáo dục thể chất

ĐƠN VỊ CHỨC NĂNG
Phòng Hành chính tổng hợp
Phòng Tài chính kế toán
Phòng Đào tạo đại học
Phòng Đào tạo sau đại học
Phòng Khoa học công nghệ
Phòng Công tác chính trị và sinh viên
Phòng Khảo thí & Kiểm tra CLCT
Phòng Tài chính - Kế toán
Phòng Quản lý chất lượng

Hình 6.4. Chức năng của phòng Công tác CT và SV (Nguồn: utc.edu.vn)

Mỗi năm học đều có các hoạt động ngoại khóa ở cấp Khoa và cấp BM, nhằm nâng cao hiểu biết về ngành học, cũng như định hướng công việc cho SV sau khi tốt nghiệp

Tổ chức và động viên SV tham gia các cuộc thi về chuyên môn, cũng như các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp BM, cấp Khoa, cấp Trường. Bên cạnh đó, còn tổ chức các dịch vụ trợ giúp người học nhằm cải thiện việc học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV [Exh.06.04.02].



Hình 6.5. Các hoạt động sinh viên Chương trình KTTH Việt - Anh

Để giúp SV học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường thì ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, ngoài khía cạnh giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện thì trường ĐH GTVT nói chung, khoa ĐTQT nói riêng, đã huy động toàn hệ thống chính trị vào cuộc đó là Đảng ủy Trường, Chi bộ ủy Khoa, chính quyền - Ban giám hiệu, các phòng ban chức năng, công đoàn trường, khoa, đoàn thanh niên trường, khoa. Các hoạt động có thể kể đến là: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của lãnh đạo

BM, các GV với vai trò CVHT, các đợt thăm quan bảo tàng, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức hội chợ việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học SV, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng SV [Exh.06.04.02]. Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng cáo, giới thiệu về trường, khoa, về chương trình CLC KTTH Việt - Anh trên các phương tiện đại chúng và SV được bố trí thời gian đi thực tập cơ sở vật chất, thực tập tốt nghiệp nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành Kế toán tổng hợp sau 6 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây đều trên 85% và sau 12 tháng tốt nghiệp đều trên 90%.

Mỗi năm học đều có các hoạt động ngoại khóa ở cấp Khoa và cấp BM, nhằm nâng cao hiểu biết về ngành học, cũng như định hướng công việc cho SV sau khi tốt nghiệp. Tổ chức và động viên SV tham gia các cuộc thi về chuyên môn, cũng như các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp BM, cấp Khoa, cấp Trường. Bên cạnh đó, còn tổ chức các dịch vụ trợ giúp người học nhằm cải thiện việc học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho



SV.

Hình 6.6. Cung cấp thông tin hỗ trợ sinh viên định hướng nghề nghiệp và tham gia tuyển dụng

Để giúp SV học tập tốt, rèn luyện tốt, có khả năng xin được việc khi tốt nghiệp ra trường thì ngoài khía cạnh giảng dạy trên lớp, ngoài khía cạnh giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện thì trường ĐH GTVT nói chung, khoa ĐTQT nói riêng, đã huy động

toàn hệ thống chính trị vào cuộc đó là Đảng ủy Trường, Chi bộ ủy Khoa, chính quyền - Ban giám hiệu, các phòng ban chức năng, công đoàn trường, khoa, đoàn thanh niên trường, khoa. Các hoạt động có thể kể đến là: công tác tư vấn, hỗ trợ học tập của lãnh đạo BM, các GV với vai trò CVHT, các đợt thăm quan bảo tàng, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ chức hội chợ việc làm, các hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo, các giải thể thao, bóng đá, văn nghệ, các câu lạc bộ, nghiên cứu khoa học SV, các buổi tập huấn kỹ năng viết CV và phỏng vấn xin việc, vay vốn tín dụng SV... Chính nhờ những hoạt động này cùng với hoạt động quảng cáo, giới thiệu về trường, khoa, về chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh trên các phương tiện đại chúng và SV được bố trí thời gian đi thực tập cơ sở vật chất, thực tập tốt nghiệp nhằm giúp SV tìm hiểu thực tế, vận dụng những kiến thức đã học vào làm thực tế nên tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành kế toán sau 6 tháng tốt nghiệp 5 năm gần đây đều trên 85% và sau 12 tháng tốt nghiệp đều trên 90%.

Khoa Đào tạo quốc tế INED - Trường Đại học GTVT
 Người đăng: Vuongdhgt Do · 9 tháng 8, 2022 · 🌐

🌸 **CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KẾ TOÁN TỔNG HỢP VIỆT - ANH (NGÀNH KẾ TOÁN).**
 Mã ngành: 7340301QT.
 Khối tuyển sinh: A00, A01, D01, D07 📌❤️🌟

Chương trình đào tạo được xây dựng trên cơ sở ngành Kế toán của các trường Đại học uy tín trên thế giới, đặc biệt là kế toán Mỹ và khu vực Châu Âu với đội ngũ giảng viên tốt nghiệp tại các trường đại học uy tín nước ngoài như Anh, Nga, Đức. Được học tăng cường tiếng Anh và học các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh để đạt chuẩn đầu ra IELTS... [Xem thêm](#)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
 University of Transport and Communications

KHOA ĐÀO TẠO QUỐC TẾ
 Faculty of International Education

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KẾ TOÁN TỔNG HỢP VIỆT - ANH

Ngành Kế toán
 Mã ngành: 7340301QT
 Tổ hợp xét tuyển:
 A00: Toán, Lý, Hóa
 A01: Toán, Lý, Anh
 D01: Toán, Văn, Anh
 D07: Toán, Hóa, Anh
 Học phí tham khảo: 18.800.000 VNĐ/năm

Hình 6.7. Cung cấp thông tin giới thiệu tuyển sinh

Với SV mới nhập học để giúp các em có thể sớm hòa nhập với môi trường học tập trong trường đại học thì Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy chế, phương pháp học tập cho SV trong tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học [[Exh.06.04.03](#)].

Ngoài ra, Trường còn thực hiện việc khen thưởng, cấp học bổng, giải thưởng đối với người học có thành tích học tập, NCKH tốt theo đúng quy định khen thưởng với mục

đích khuyến khích SV nâng cao hơn nữa kết quả học tập, rèn luyện của mình. Trường



cũng chủ động tìm kiếm các nguồn học bổng ngoài ngân sách, phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức thành lập các quỹ học bổng cho SV có thành tích xuất sắc, có hoàn cảnh khó khăn nhưng vươn lên trong học tập [[Exh.06.04.04](#)].

Hình 6.8: Hoạt động sinh viên của Chương trình Chất lượng cao KTTH Việt - Anh

2.6.5. Năng lực của cán bộ hỗ trợ triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ. Các năng lực này được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Vai trò và mối liên hệ được xác định rõ để đảm bảo các dịch vụ được triển khai nhịp nhàng.

Để đảm bảo chất lượng của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì các tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân sự tại Trường được thực hiện theo quy định của Nhà nước, được đề cập trong Đề án vị trí việc làm của Trường [[Exh.06.02.14](#)]. Theo các bước của quy trình thực hiện trong Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm của Trường, các tiêu chí về khung năng lực vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp ứng với vị trí việc làm cũng như bản mô tả công việc và kết quả thực hiện nhiệm vụ của mỗi cán bộ đều được xác định và được phổ biến công khai.

Kế hoạch tuyển dụng viên chức của Trường xác định rõ các tiêu chuẩn chung, các

tiêu chí cụ thể yêu cầu năng lực chuyên môn của mỗi vị trí tuyển dụng theo quy định của Nhà nước, phù hợp với thực tế của Trường, đáp ứng được yêu cầu của đơn vị. Yêu cầu về năng lực chuyên môn của vị trí tuyển dụng đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn theo quy định về tuyển dụng, sử dụng viên chức của Trường ĐH GTVT [\[Exh.06.02.07\]](#). Kế hoạch tuyển dụng được xây dựng dựa theo nhu cầu thực tế của các đơn vị thông qua việc đăng ký chỉ tiêu tuyển dụng. Đối với khối hành chính, Trường đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao, theo khả năng đáp ứng của đơn vị, viết đề xuất tuyển dụng và gửi về phòng Tổ chức cán bộ [\[Exh.06.02.09\]](#). Kế hoạch tuyển dụng này đều được thông báo công khai đến toàn thể CBVC thông qua Hệ thống văn phòng điện tử, Hệ thống Usmart và website của Trường [\[Exh.06.05.01\]](#). Ngoài ra, Trường còn gửi đăng thông tin tuyển dụng công khai trên báo và gửi văn bản đến các cơ sở giáo dục đại học khác để có thể thu nhận được nhiều hồ sơ ứng viên có chất lượng [\[Exh.06.05.02\]](#). Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay, Trường không tổ chức tuyển dụng mới do đội ngũ cán bộ hỗ trợ và GV hiện có đáp ứng cơ bản được khối lượng đào tạo.

Hàng năm, Trường đều ban hành và triển khai kế hoạch đánh giá viên chức, người lao động [\[Exh.06.05.03\]](#); đối với khối hành chính thì việc đánh giá thực hiện tại đơn vị và cấp Trường. Các tiêu chí đánh giá viên chức theo quy định của Đảng, Nhà nước, được thông báo công khai và quá trình đánh giá có sự tham gia của tất cả các viên chức, lãnh đạo đơn vị và lãnh đạo Trường.

Công tác đánh giá, lựa chọn, đề bạt, bổ nhiệm tại Trường không những phải tuân thủ theo các quy định chung về công tác bổ nhiệm cán bộ của Đảng và Nhà nước, của Bộ GD&ĐT mà còn phải thực hiện đúng các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, hồ sơ, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị của Trường [\[Exh.06.05.04\]](#). Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị thuộc Trường được xây dựng theo các quy định của Đảng và Nhà nước, hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; được xây dựng, ban hành, phổ biến rộng rãi và triển khai.

Trong các cuộc họp hội nghị CBVC, Đảng uỷ, Công đoàn cấp Khoa, Trường đều xác định công tác xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ giảng dạy, đội ngũ cán bộ viên chức luôn được quan tâm và đặt ở vị trí hàng đầu trong chiến lược phát triển của Khoa và Nhà trường [\[Exh.06.05.05\]](#). Để làm được việc đó đòi hỏi *sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ để giúp GV và người học hoàn thành nhiệm vụ của mình.*

Cán bộ hỗ trợ của Khoa Đào tạo quốc tế, phòng máy tính, thư viện... được đánh giá phân loại hàng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [[Exh.06.05.03](#)].

Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ [[Exh.06.05.03](#)]:

- *Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao .*
- *Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến.*
- *Quyết định đánh giá, phân loại của trường đơn vị.*

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng tháng thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí theo quy định và được Hội đồng cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận.

Kết quả đánh giá cán bộ hỗ trợ của Khoa ĐTQT đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ [[Exh.06.05.03](#)].

2.6.6. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng

Các dịch vụ hỗ trợ người học tại Trường Đại học GTVT bao gồm nhiều hoạt động và dịch vụ khác nhau như dịch vụ hỗ trợ học tập (tư vấn, định hướng học tập, thư viện, thực hành), hỗ trợ nghiên cứu khoa học, hỗ trợ đời sống (ký túc xá, y tế, tài chính), và hỗ trợ các hoạt động ngoại khoá (Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ,...). Các dịch vụ này do nhiều đơn vị phòng ban chức năng phối hợp với nhau thực hiện. Ví dụ như các dịch vụ về thư viện và thực hành thường do các Trung tâm bao gồm trung tâm thư viện, trung tâm thực hành,.. hỗ trợ và đảm nhiệm; Dịch vụ hỗ trợ đời sống về ký túc xá và y tế do đơn vị chịu trách nhiệm về Ký túc xá và Trạm y tế thực hiện. Các chức năng chính và hỗ trợ các hoạt động của người học được cụ thể trong Quy định về chức năng và nhiệm vụ của các đơn vị trong nhà trường [[Exh.06.02.02](#)].

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường, chất lượng đội ngũ hỗ trợ trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp....luôn được Nhà trường, Khoa Đào tạo Quốc tế, Khoa VTKT, cũng như Bộ môn KTKT nâng cao, cải tiến và đánh giá thường xuyên qua từng năm. Để kiểm soát và nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ, nhà trường và khoa thường xuyên tiến hành kiểm tra các hệ thống dịch vụ khảo sát mức độ hài lòng của GV và người học khi sử dụng dịch vụ để có hướng khắc phục và phát triển hiệu quả hơn [[Exh.06.02.12](#)].

Tất cả chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (thư viện, phòng thí nghiệm, trung tâm thực hành của Trường, xưởng thực hành của Khoa/Bộ môn, cơ sở hạ tầng CNTT, KTX, đội ngũ CVHT, hệ thống thông tin hỗ trợ SV các hoạt động ngoại khóa, dịch vụ y tế và các dịch vụ khác) có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giảng dạy, học tập, NCKH cho nên trường ĐH GTVT, các đơn vị phòng ban chức năng và Bộ môn Kế toán tổng hợp, Khoa Đào tạo quốc tế luôn xác định nhiệm vụ trọng tâm của chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích là thái độ phục vụ, chất lượng phục vụ trong các giai đoạn công tác của đơn vị mình. Định kỳ, Nhà trường và các đơn vị có liên quan đều xin ý kiến đánh giá từ phía GV, người học, nhằm tìm ra những điểm chưa được, những điểm cần khắc phục, những điểm hài lòng để tiếp tục phát huy [Exh.06.02.12].

Nhà trường luôn chú trọng đầu tư phát triển các dịch vụ hỗ trợ. Việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích được tiến hành thường xuyên và trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan trong các cuộc họp, hội nghị và thông qua phiếu khảo sát từ đó Nhà trường đã đầu tư, cải tiến nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các dịch vụ hỗ trợ này [Exh.06.06.01].

2.7 Tiêu chuẩn 7 – Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

2.7.1 Có đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin để vận hành chương trình

Hiện nay, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ dạy và học đáp ứng đủ cho nhu cầu đào tạo, học tập và NCKH của SV và cán bộ, GV, ở hiện tại và có thể phát triển trong tương lai. Cơ sở vật chất của trường gồm có các khu giảng đường, phòng chuyên đề, phòng thí nghiệm, phòng đọc, phòng tự học và phòng máy tính [Exh.07.01.01]. Các phòng học được trang bị hệ thống thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo, cũng như nâng cao tính tiện nghi cho người học. Cơ sở vật chất và trang thiết bị được bổ sung, nâng cấp [Exh.07.01.02] hàng năm theo kế hoạch và Quy định quản lý sử dụng tài sản của Nhà trường [Exh.07.01.03].

Bảng 7.1. Thống kê số lượng phòng học và thực hành

STT	Vị trí	Tổng số (phòng)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Hội trường, giảng đường, phòng học	208	141	67

2	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	110	71	39
	Tổng cộng	318	212	106

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Bảng 7.2. Thống kê số lượng máy tính phục vụ đào tạo và nghiên cứu

STT	Đơn vị	Tổng số (máy tính)	Hà Nội	Phân hiệu TP HCM
1	Phòng ban chức năng	278	213	65
2	Bộ môn	131	115	16
3	Phòng thực hành TT UDCNTT	814	504	310
4	Phòng Thí nghiệm	75	59	16
5	Tra cứu thư viện	42	26	16
6	Giảng đường, p.học (máy tính, bảng tương tác)	116	116	0
	Tổng cộng	1456	1033	423

Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022

Diện tích phòng học trong toàn trường là 35.532,86 m². Diện tích này đã đáp ứng đủ số lượng phòng học và các yêu cầu khác trong công tác đào tạo của Trường. Tổng số phòng học toàn trường hiện nay là 179 phòng (trong đó tại Hà Nội là 123 phòng, tại phân hiệu là 56 phòng) với các diện tích khác nhau có thể đáp ứng từ 30 chỗ ngồi đến trên 200 chỗ ngồi. Hiện tại, các phòng học nhỏ, phòng học lớn, phòng thực hành tại cơ sở Hà Nội được bố trí hợp lý (các tòa nhà A2, A3, A4, A5, A7, A8 và tại KTX). Tại PH, giảng đường và các phòng thực hành Kế toán tổng hợp được đặt tại tầng 4, tầng 5 nhà A4. Số lượng phòng học của trường đã đủ để đáp ứng theo yêu cầu của từng ngành đào tạo (bao gồm giờ giảng lý thuyết, bài tập, thực hành, thảo luận,...). Một số phòng học không phù hợp với công năng, hoạt động đã được trường thay đổi mục đích sử dụng để khai thác có hiệu quả hơn, 100% các phòng học này được trang bị đầy đủ máy chiếu, 100% các phòng

học lớn (3 gian trở lên) đã được lắp thiết bị âm thanh, đầy đủ hệ thống quạt, điều hòa nhiệt độ, hệ thống chiếu sáng, góp phần đáp ứng tốt hơn cho công tác đào tạo (**Hình 7.1**).



Hình 7.1. Giảng đường A8 và phòng hội thảo 01, Nhà A1

Tại Hà Nội, phòng hội thảo khoa học bao gồm 3 phòng ở nhà A1, 02 phòng nhà A8, hội trường lớn. Phòng đọc được bố trí tại các tầng 5,6,7 nhà A8 với tổng diện tích sử dụng 3000m², hệ thống máy tính trong nhà trường có thể truy cập internet, hoàn toàn có thể đáp ứng được nhu cầu tổ chức hội thảo khoa học, khu vực tự nghiên cứu, tìm tài liệu của GV và SV khoa (**Hình 7.2**).

Hình 7.2. Văn phòng Khoa ĐTQT và Phòng Hội thảo Tầng 4 Nhà A8 cho

c
á
c
C
h
ư
ơ
n
g
tr



ình Chất lượng cao

(Nguồn: Phòng Thiết bị quản trị, tháng 12/2022)

Các BM, khoa tham gia đào tạo chương trình Kế toán tổng hợp Việt - Anh, đều được phân từ 1 đến 2 phòng làm việc, tại các tòa nhà B3, A6, A9 (Hình 7.3). Các phòng này có diện tích khoảng 30m² (bình quân 3m²/1 GV), được trang bị đầy đủ bàn làm việc, máy vi tính có kết nối mạng internet, máy in,... Các trang thiết bị và phòng làm việc này phù hợp với định mức theo quy định của nhà trường [Exh.07.01.03] để đáp ứng CSVC tốt nhất cho GV, CBCNV có nhiều điều kiện phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ của mình và tiếp xúc SV.

2.7.2 Các phòng thực hành và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.

Hệ thống các phòng thực hành mô phỏng Kế toán tổng hợp, tài chính được trang bị đầy đủ và có giáo viên đứng chuyên môn phụ trách. Đáp ứng các nội dung thực hành theo đề cương các học phần từ cơ bản, cơ sở, đến chuyên ngành, và thường xuyên được nâng cấp. Các thiết bị phục vụ đào tạo thực hành chuyên môn được các công ty về ứng dụng CNTT trong chương trình CLC Kế toán tổng hợp Việt – Anh chất lượng cao hướng dẫn và tài trợ hàng năm [Exh.07.02.01]

Trường ĐH GTVT luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm (TN), thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập và giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV trong công tác NCKH, CGCN và kỹ năng thực hành, kỹ năng sử dụng cho SV khi ra trường, khoa đáp ứng yêu cầu của các đơn vị sử dụng [Exh.07.02.02].

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cũng như công tác quản lý trang thiết bị TN, nhà trường, khoa đã thông qua mô hình quản lý các phòng TN phục vụ đào tạo, NCKH, LDSX gồm 2 cấp: cấp trường và cấp BM. Các phòng TN, phòng thực hành có bảng phân phối và sơ đồ sử dụng hợp lý. Các trang thiết bị luôn được thống kê, báo cáo hằng năm trong chu kỳ đánh giá về số lượng và chất lượng. Các danh mục trang thiết bị tại phòng TN, phòng thực hành cũng được kiểm kê cụ thể và sửa chữa kịp thời phục vụ công tác đào tạo, NCKH và có kế hoạch cho các trường hợp khẩn cấp khi thiết bị trang thiết bị hỏng đột xuất hoặc cần mua sắm mới phục vụ cho công tác đào tạo và NCKH [Exh.07.02.03].

Bên cạnh khoản kinh phí khá lớn để đầu tư, nâng cấp trang thiết bị TN thì trường, khoa cũng đã đầu tư rất nhiều về CSVC, xây dựng mới, sửa chữa các phòng TN và thực

hành cho phù hợp với nhiệm vụ, kế hoạch, quy mô đào tạo. Các trang thiết bị phục vụ dạy học tại khu giảng đường cũng được đầu tư, nâng cấp liên tục. Hiện nay, toàn bộ các phòng học đều có máy chiếu đa năng, đường cáp internet và phủ sóng wifi, được lắp đặt đầy đủ điều hòa nhiệt độ, đảm bảo chiếu sáng và thông gió, bàn ghế mới phù hợp (**Hình 7.3**).

Hình 7.3. Trang bị trong các phòng học trong giảng dạy và đào tạo chất lượng cao tại khu giảng đường Nhà A8



Theo phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho Chương trình CLC KTTH Việt - Anh thì 41% người học hoàn toàn đồng ý, 58% GV đồng ý). Cũng theo số liệu thống kê số lượt bạn đọc đến tham khảo và khai thác thông tin là khoảng 265.421 lượt lượt bạn đọc từ 8/2011 – 8/2016. Điều này càng chứng tỏ mức độ phong phú nguồn tài liệu của thư viện.

2.7.3. Có thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông.

Ngày 21/2/2002 Trung tâm Thông tin - Thư viện được thành lập theo quyết định số 753/QĐ-BGD &ĐT - TCCB của Bộ Giáo dục và Đào tạo, là đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu Nhà trường.

Trung tâm Thông tin - Thư viện có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư viện có chức năng, nhiệm vụ: Tổ chức, quản lý việc thu thập, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin nhằm phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

Đối tượng bạn đọc:

- Giảng viên, cán bộ nghiên cứu, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên trong và ngoài Trường.

Phương thức phục vụ:

- Tại hệ thống các Phòng đọc: Tổ chức, sắp xếp kho theo hình thức kho mở, tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận trực tiếp với tài liệu một cách nhanh chóng, kịp thời.

- Tại Phòng Mượn: Tổ chức, sắp xếp kho theo hình thức kho đóng. Bạn đọc tra cứu, tìm kiếm tài liệu tại địa chỉ: <http://opac.utc.edu.vn>

Hệ thống các phòng đọc của Thư viện:

+ Phòng đọc Tiếng Việt: đọc tại chỗ

+ Phòng đọc sách Ngoại văn; Luận Văn; Luận Án; Đề tài Nghiên cứu Khoa học; Báo-Tạp chí, báo: Đọc tại chỗ.

+ Phòng mượn Giáo trình; Sách tham khảo: mượn về nhà.

Dịch vụ thông tin:

- Bạn đọc có thể tra cứu trực tuyến (OPAC) thông qua hệ thống máy tính đặt tại các phòng đọc thư viện (tìm theo chủ đề, từ khoá, tên tác giả...) <http://opac.utc.edu.vn>

- Hoạt động Thông tin - Thư mục: cung cấp danh mục tài liệu mới, danh mục tài liệu theo chủ đề, ...

- Dịch vụ: Phục vụ đọc tài liệu tại chỗ; Mượn tài liệu về nhà; Bán Giáo trình; Photo tài liệu; Cung cấp thông tin có chọn lọc... đáp ứng mọi yêu cầu của Người dùng tin.

Trung tâm Thông tin - Thư viện từng bước xây dựng cơ sở vật chất và nguồn nhân lực phần đầu trở thành một Thư viện điện tử hiện đại với nguồn lực thông tin phong phú, đa dạng hoá các loại hình phục vụ và hướng tới việc liên thông với các mạng thông tin thư viện trong và ngoài nước nhằm chia sẻ thông tin, khai thác tốt nguồn thông tin để đáp ứng nhu cầu thông tin ngày càng cao của Cán bộ, Giảng viên và sinh viên, phục vụ đặc lực cho công tác đào tạo và NCKH của nhà Trường.

Hiện nay, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 15 CBVC; trong đó có 1, TS, 7 Thạc sĩ, 1 Kỹ sư, 6 Cử Nhân. Trung tâm Thông tin - Thư viện được bố trí tại tầng 5, 6, 7 Nhà A8; Phòng 105 nhà N5 (Nhà sách) với diện tích gần 3000 m².

Trung tâm thư viện được xây mới, rộng rãi, khang trang. Các đầu mục tài liệu được

bổ sung hàng năm, và được quản lý bằng hệ thống phần mềm [\[Exh.07.03.01\]](#). Nhờ đó, việc theo dõi, kiểm soát và tra cứu được dễ dàng, nhanh chóng.

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm, ngay từ những ngày đầu mới đào tạo Chương trình CLC Kế toán tổng hợp Việt - Anh nhà trường đã rất chú trọng đầu tư xây dựng và phát triển thư viện nhằm cung cấp sách báo, tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu, phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong học tập của người học. Người học và người lao động khi sử dụng thư viện phải thực hiện đúng các quy định đã được ban hành [\[Exh.07.03.02\]](#).

Hiện tại thư viện có 13.568 đầu sách sách tương đương 175.445 bản (bao gồm giáo trình, sách tham khảo, sách tiếng Việt, sách tiếng nước ngoài), 251 tên tạp chí (5.100 cuốn tạp chí đã được đóng quyển) và nguồn tài liệu nội sinh phong phú (880 đề tài NCKH các cấp, 4.490 luận văn thạc sỹ, 65 luận án tiến sỹ) [\[Exh.07.03.03\]](#). Tài liệu điện tử của thư viện có 10.000 đầu, bao gồm sách điện tử, tạp chí điện tử, luận văn thạc sỹ. Thư viện trường đã số hóa được: 7350 biểu ghi sách, báo điện tử, 200 biểu ghi luận văn thạc sỹ, 51 biểu ghi giáo trình.

Ngoài ra thư viện còn có cả những tài liệu để nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về lịch sử, văn hóa và giải trí của bạn đọc.

Nội dung vốn tài liệu, sách báo của Thư viện đảm bảo đáp ứng đầy đủ những yêu cầu cơ bản cho đào tạo ngành Kế toán tổng hợp, chương trình CLC Kế toán tổng hợp tổng hợp Việt – Anh., về cả số lượng, chất lượng cũng như đáp ứng được quy mô phát triển ngày càng tăng của trường. [\[Exh.07.03.04\]](#)

Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện đều được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Ilib và Dlib, được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu. Để giúp cho bạn đọc tra cứu và tham khảo tài liệu được thuận lợi, thư viện đã có các tài liệu hướng dẫn bạn đọc cách sử dụng hệ thống tra cứu thư viện, trong đó bản mềm được giới thiệu trên cổng thông tin điện tử của Thư viện (đường dẫn: <http://opac.utc.edu.vn/opac>) và bản cứng tại các phòng phục vụ bạn đọc. Đồng thời, thủ thư trực tiếp hướng dẫn bạn đọc tại quầy phục vụ khi có yêu cầu. Hàng năm, vào đầu năm học, thư viện trực tiếp giới thiệu và hướng dẫn SV cách sử dụng thư viện [\[Exh.07.03.05\]](#).

Hệ thống thư viện được quản lý bằng mạng máy tính được nối mạng thông qua đường truyền internet có tốc độ 1024 Kbps qua cổng ISP. Hệ thống máy tính của thư viện

bao gồm 01 máy chủ, 64 máy trạm phục vụ cho công tác nghiệp vụ và tra cứu. Phòng đọc điện tử gồm 46 máy tính cho phép người đọc tiếp cận và sử dụng các tài liệu điện tử và khai thác các nguồn thông tin khác trên mạng.

Tổng thể khu vực thư viện được bố trí từ tầng 5 đến tầng 8 nhà A8 với diện tích khoảng 3000m², bao gồm cả sảnh nghỉ và khu vực nghiên cứu. Các khu vực nghiên cứu đều được trang bị hệ thống điều hòa cây, thời gian mở cửa của thư viện từ 8h sáng thông trưa đến 16h30 chiều, tạo điều kiện tốt nhất cho GV và người học có thể nghiên cứu (Hình 7.4).



Hình 7.4. Thư viện trường

Là thành viên Câu lạc bộ các trường Đại học kỹ thuật, Trung tâm thông tin - thư viện trường đã tham gia vào Consortium và được chia sẻ nguồn tài nguyên điện tử phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học. Cụ thể vào tháng 11/2014, 05 cơ sở dữ liệu ASCE Library, Erary Engineering, ACM Digital Library, ASME và SPIE Digital Library đã được cán bộ giáo viên trong trường truy cập và sử dụng. [[Exh.07.03.06](#)]

Trong những đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học mới, Thư viện thường xuyên tổ chức trao đổi, lấy ý kiến của CB, GV và SV về hoạt động của Thư viện để khảo sát mức độ hài lòng của bạn đọc. Kết quả cho thấy trên 47% số lượng bạn đọc đánh giá rất hài lòng với việc được tạo điều kiện thuận lợi khi sử dụng thư viện phục vụ cho hoạt động học tập [[Exh.07.03.07](#)].

Cùng với sự phát triển của Chương trình CLC Kế toán tổng hợp Việt - Anh, các tài liệu, tạp chí luôn luôn được đầu tư mua mới, bổ sung. Trong từng giai đoạn, nhà trường, khoa xây dựng kế hoạch đầu tư mua với, dự toán kinh phí và cụ thể hóa danh mục tài liệu cho từng môn học, từng chuyên ngành đào tạo của ngành được đầu tư mua mới, bổ sung hàng năm và thống kê số kinh phí đầu tư. Điều này đảm bảo nguồn tài liệu, tạp chí,... của thư viện luôn luôn được đổi mới đáp ứng nhu cầu học tập nghiên cứu của GV và SV

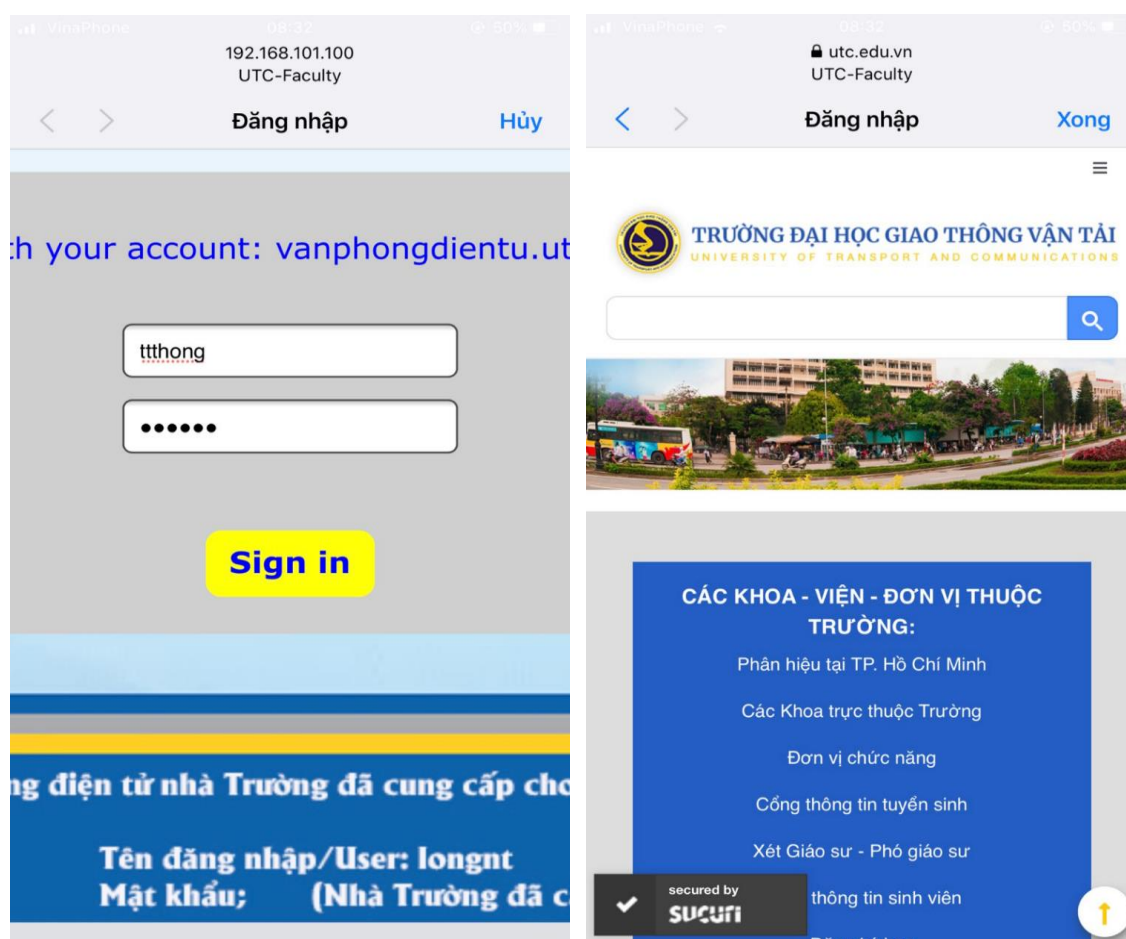
[[Exh.07.03.04](#)].

Ngoài ra, thư viện đã mở rộng hợp tác với các Trung tâm thông tin - Thư viện, các tổ chức quốc tế, các NXB, Quỹ sách Châu Á, Thư viện Quốc gia, Liên hiệp Thư viện trường Đại học... để trao đổi kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ, tăng cường tài trợ sách báo và trao đổi các nguồn sách báo, tài liệu giữa các thư viện. Cụ thể trong năm 2015, Trường đã mua CSDL phục vụ cho toàn bộ cán bộ, GV, CSDL này có thể tìm thấy trên trang utc.edu.vn.

2.7.4. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của cán bộ GV và người học.

CSVC của trường về hạ tầng CNTT đã được đầu tư mạnh mẽ thông qua các dự án giáo dục đại học, có khả năng đáp ứng khá tốt cho nhu cầu giảng dạy và các hoạt động đào tạo nói chung [[Exh.07.04.01](#)]. Về hạ tầng mạng, trường hiện sử dụng 2 đường FTTH cáp quang tốc độ cao để cung cấp dịch vụ internet cho tất cả các phòng máy, phòng lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wi-fi toàn trường (**Hình 7.5**); 01 đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, thư viện điện tử hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho mọi mặt trong hoạt động đào tạo và NCKH.

Hệ thống công nghệ thông tin được nâng cấp thường xuyên. Nhà trường cũng trang bị các phần mềm phục vụ đào tạo trực tuyến chuyên nghiệp.



Hình 7.5. Wifi được đăng nhập bằng tài khoản SV, GV

Trường bố trí 12 phòng máy tính với 414 máy tại nhà A4 (tại Hà Nội) để phục vụ việc thực hành tin học đại cương và các chuyên ngành khác; 04 phòng máy tính thực hành được bố trí tại nhà E2 và trung tâm thông tin thư viện (tại PH) với tổng số máy tính thực hành là 193 máy. Ngoài ra 100% phòng học đều có máy chiếu để phục vụ công tác giảng dạy [Exh.07.04.02]. Trường đã trang bị 136 máy tính dành cho GV, 308 máy tính tại các phòng ban (trong đó tỷ lệ máy tính trên cán bộ là 95%; tỷ lệ máy tính trên GV là 30; tỷ lệ máy tính trên SV là 607 /19.255). Riêng chương trình chất lượng cao KTTH Việt Anh, số lượng máy tính tại Hà Nội và PH

Bảng 7.3. Bảng thống kê tổng số máy tính của BM Kế toán kiểm toán, Khoa Vận tải Kinh tế và Khoa Đào tạo Quốc tế

Số lượng máy tính	Trường ĐH GTVT	Phân hiệu Trường ĐH GTVT Tại TP HCM
Dùng cho hệ thống văn phòng (Bộ môn, Khoa)	15	2
Dùng cho người học học tập	70	40
Tổng	85	42
Tỷ số máy tính / SV CQ	0,28	Chưa có CT CLC

100% các máy tính của trường đều sử dụng các phần mềm có bản quyền để phục vụ cho công tác giảng dạy, NCKH và quản lý như bộ office 2010, phần mềm dự toán, phần mềm vẽ CAD, phần mềm diệt vi rút Kypersky, phần mềm quản lý đào tạo CMC.

Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên để đảm bảo hoạt động thông suốt của nhà trường cũng như khoa.

Hàng năm trường, khoa tổ chức lấy ý kiến đánh giá của GV, SV về mức độ hài lòng về trang thiết bị tin học, phòng máy tính thực hành. Kết quả khảo sát cho thấy người học hài lòng với trang thiết bị tin học, phòng máy tính.

2.7.5. Cán bộ, GV và người học dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên của trường để có thể khai thác tối đa công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính.

Thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT (giai đoạn 2014 – 2020), trường đã và đang tiến hành gồm 09 nội dung: duy trì phòng máy chủ và hệ thống mạng Internet, mạng Lan trong toàn trường; hệ thống website trường và đơn vị; hệ thống email cho hơn 1.000 CB, GV; hỗ trợ kỹ thuật cho 250/1000 CB thường xuyên có mặt tại trường; xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử SV và cựu SV (khoảng 30.000 bản ghi); xây dựng và vận hành hệ thống họp trực tuyến và dạy (video conference) phục vụ trong và ngoài nước; hệ thống sao lưu backup định kỳ; hỗ trợ hạ tầng cho thư viện số; tích hợp các phần mềm quản lý [Exh.07.05.01]. Bên cạnh đó trường, khoa cũng xây dựng những kế hoạch dự phòng để mua sắm, bảo dưỡng, bổ sung kịp thời CSVC hệ thống CNTT trong trường hợp khẩn cấp đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, NCKH cho giảng viên và SV.

Nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT hơn nữa, trường, khoa đã thành lập Trung tâm ứng dụng CNTT và ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của trung tâm. Trung tâm đã bố trí 03 cán bộ chuyên trách phụ trách hệ thống mạng và 3 cán bộ chuyên trách phụ trách máy tính, 3 cán bộ phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng tốt hơn [Exh.07.05.02].

2.7.6. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến các nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

Ở cả khu giảng đường và khu KTX đều có trung tâm y tế. Thực hiện khám chữa bệnh, cấp phát thuốc cho người học, người lao động theo quy định của bảo hiểm y tế. Trung tâm y tế được phụ trách bởi các y, bác sĩ có chuyên môn, nghiệp vụ đạt tiêu chuẩn [Exh.07.06.01].

Trường luôn quan tâm xây dựng chính sách bảo vệ an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường tại khu làm việc cũng như tại KTX SV. Phòng Bảo vệ, Phòng thiết bị quản trị, Trạm y tế, Ban Quản lý KTX, Ban Quản lý giảng đường,... [Exh.07.06.02] có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác trật tự trị an, bảo vệ chính trị nội bộ, quân sự địa phương. Nội quy an ninh bảo vệ trật tự của trường, KTX được niêm yết công khai. Phương án PCCC theo yêu cầu của cơ quan PCCC Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội [Exh.07.06.03]. Phương án cải tạo cảnh quan cũng như vệ sinh khu vực trường và KTX

SV. Phương án đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y tế và tuyển dụng bác sỹ khám chữa, sơ cứu cũng đã được xây dựng. Đảm bảo môi trường giảng dạy, học tập và NCKH của cán bộ GV và SV luôn an toàn, sức khỏe, xanh - sạch - đẹp [\[Exh.07.06.04\]](#).

Với số lượng 41 người tại Cơ sở Hà Nội và Phân hiệu TP Hồ Chí Minh, lực lượng bảo vệ đủ để đảm trách công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong trường. Nhân viên bảo vệ có trách nhiệm bảo đảm trực 24/24 trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Đối với Ban Quản lý giảng đường có 22 người, Ban Quản lý KTX có 22 người, Trạm Y tế có 06 người ở Hà Nội và ở Phân hiệu TP Hồ Chí Minh. Đáp ứng nhu cầu duy trì công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường cho cán bộ, GV và SV. [\[Exh.07.06.02\]](#)

Bên cạnh đó nhà trường thường xuyên khảo sát thu thập các thông tin phản hồi về chất lượng công tác bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường của SV, cán bộ và GV, từng bước cải tạo, nâng cấp, bổ sung đáp ứng nhu cầu tốt nhất [\[Exh.07.06.05\]](#).

Trường đã ban hành các nội quy, quy định về công tác trật tự trị an, nội quy, quy định khi sử dụng phòng thí nghiệm, thực tập, thực hành, vệ sinh môi trường,... [\[Exh.07.06.06\]](#) và được niêm yết tại các vị trí dễ đọc nhất trước khi sử dụng các tiết học trên. Không chỉ chủ động trong công việc của mình, Ban Bảo vệ, Ban Quản lý KTX đã có liên kết, phối hợp tốt với Công an Phường Láng Thượng, Láng Hạ và Phường Tăng Nhơn Phú A trong công tác bảo đảm an ninh vì vậy khi có sự việc xảy ra đều có sự tham gia khẩn trương của các lực lượng chức năng của Phường, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực trường. Trong các dịp lễ Tết và trong các đợt có các hoạt động lớn, trường đều có thông báo đến từng thành viên trong trường, tổ chức kế hoạch canh gác, bảo vệ, trực chỉ huy, trực lãnh đạo. Ban quản lý giảng đường, Trạm y tế liên kết chặt chẽ với công ty môi trường đô thị, trạm y tế phường, các bệnh viện tuyến trên để xử lý những trường hợp khẩn cấp khi xảy ra tại khu vực trường và khu vực KTX SV.

Đặc biệt trong giai đoạn diễn biến của dịch Covid19 phức tạp trong năm 2020 - 2021, các đơn vị liên quan đã chủ động tham mưu cho nhà trường những phương án đảm bảo dân cách an toàn và thực hiện được hoạt động giảng dạy và làm việc [\[Exh.07.06.07\]](#).

Với kết quả cụ thể trong công tác giữ gìn trật tự, an toàn, sức khỏe và môi trường tại khu vực, bộ phận bảo vệ, ban quản lý KTX, ban quản lý giảng đường, trạm y tế của

trường đã nhận được nhiều thành tích trong công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, sức khỏe và vệ sinh môi trường.

Bên cạnh đó, Trường cũng đầu tư các cơ sở hạ tầng hỗ trợ người học và người lao động có điều kiện rèn luyện, nâng cao sức khỏe. Tăng cường giao lưu, kết nối tình cảm,



vun
đắp
tình
thần
thoả
i
mái
nhả

m nâng cao hiệu quả công việc (**Hình 7.6**).

Hình 7.6. Sân bóng đá phục vụ rèn luyện sức khỏe SV, người lao động

Ngoài ra, nhằm nâng cao an toàn và đảm bảo sức khỏe cho người học và người lao động, các khu nhà cao tầng đều được trang bị hệ thống thang máy, đáp ứng nhu cầu đi lại hàng ngày, và đặc biệt là hỗ trợ cho những người bị hạn chế về khả năng vận động.

2.7.7. Cơ sở giáo dục cung cấp môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học

Trong những năm gần đây, với sự phát triển nhanh chóng của đô thị trung tâm, môi trường tự nhiên và xã hội đã có nhiều thay đổi. Xã hội ngày càng văn minh hơn, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học. Môi trường tự nhiên cũng có những biến đổi đáng kể, buộc Nhà trường thường xuyên phải có các chương trình cải thiện môi trường sống cho người học, cả ở khu giảng đường cũng như khu KTX. Nhờ vậy, đã đảm bảo cho người học yên tâm học tập, nghiên cứu; đảm bảo an, toàn trật tự tại cả hai khu vực của Trường.

Khuôn viên giảng đường ở HN không quá rộng nên Trường bố trí khu KTX biệt lập tại phố Nguyễn Chí Thanh. Khu KTX đáp ứng khoảng 1000 SV, có khu tự học, thể thao [[Exh.07.07.01](#)]. Hiện tại Nhà A4 – Ký túc xá có loại phòng Phổ thông được bố trí 04 hoặc 06 SV/1 phòng. Tiện ích của phòng gồm: Đã cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang bị: giường tầng, vệ sinh khép kín, quạt treo tường, bình nước nóng, internet tốc độ cao.



Hình 7.7. Khuôn viên KTX của Trường ĐH GTVT tại Nguyễn Chí Thanh

Mặc dù khuôn viên, diện tích, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường không còn mới, cụ thể trường có diện tích 21,54 ha trong đó cơ sở chính tại Hà nội với diện tích 5,54ha nhưng nhà trường đã có nhiều biện pháp cùng với GV, người học tạo ra được môi trường tâm lý thoải mái cho người học. Hiện nay, về cơ bản khuôn viên của trường được tách làm hai phần rõ rệt. Một khu vực dành cho đào tạo, thực hành, thí nghiệm, một khu vực dành cho các phòng làm việc của GV, khối hành chính. Trong trường có không gian thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, có vườn hoa, tượng đài, ghế đá, khu tập luyện thể thao gồm sân bóng đá mini, sân bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, tennis, nhà tập luyện bóng bàn có công năng sử dụng cho luyện tập thể dục thể thao, hội trường lớn.



Hình 7.8. Hoạt động của sinh viên Chương trình CLC kế toán tổng hợp Việt - Anh giao lưu với Bộ môn

Hàng năm, cựu SV các khóa đều tổ chức lễ kỷ niệm và gặp mặt thầy cô BM Kế toán. Tham gia các hoạt động thể thao, và gây quỹ học bổng cho các SV đang học tập thuộc

chuyên ngành.

Các doanh nghiệp tiếp nhận SV ra trường của chương trình kế toán tổng hợp Việt



Anh cũng thường xuyên có các hoạt động tri ân Bộ môn và Khoa Đào tạo Quốc tế. Các SV và cựu SV luôn hào hứng khi được gặp gỡ các thầy cô giáo vào các dịp kỷ niệm ngày truyền thống.

Hình 7.9. Hoạt động chào mừng ngày truyền thống 20/11

Nhà trường, Khoa ĐTQT và Bộ môn KTKT thường xuyên phối hợp tổ chức các hoạt động để tạo môi trường lôi cuốn những SV yêu ngành nghề, yêu khoa học tham gia như thành lập câu lạc bộ tiếng anh, tổ chức hội chợ việc làm, nghiên cứu KHSV...



Hình 7.10. Sinh viên Chương trình CLC KTTH Việt – Anh biểu diễn văn nghệ

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Nhà trường duy trì tổ chức hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học hàng năm [[Exh.07.07.02](#)].

CVHT và trung tâm hỗ trợ SV đóng vai trò là bộ phận tư vấn hỗ trợ tâm lý cho người học khi người học có những vấn đề thắc mắc cần giải đáp.

Ngoài ra, công tác phòng chống cháy nổ trong nhà trường cũng được thực sự quan tâm. Nhà trường hàng năm tiến hành các buổi tập huấn phòng chống cháy nổ cho SV.

2.7.8. Năng lực của cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định rõ và đánh giá nhằm đảm bảo những kỹ năng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan.

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin (CNTT), cán bộ văn phòng Khoa ĐTQT và các dịch vụ hỗ trợ khác) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng và được tuyển dụng theo quy định của nhà trường theo các tiêu chí tuyển dụng được phổ biến công khai. Đội ngũ này thường xuyên được nhà trường, đơn vị quản lý tạo điều kiện để đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nhằm đảm bảo chất lượng của các hoạt động dịch vụ hỗ trợ.

Đội ngũ cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị thì hàng năm Nhà trường đưa ra kế hoạch tuyển dụng và các tiêu chí lựa chọn [\[Exh.07.08.02\]](#) để lựa chọn ra đội ngũ hỗ trợ để phục vụ công tác đào tạo, NCKH cũng như hoàn thành nhiệm vụ của Nhà trường.

Để đánh giá khả năng đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thì hàng năm Nhà trường tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ cán bộ, nhân viên từ GV và người học [\[Exh.07.08.03\]](#). Số liệu thống kê về đội ngũ CB hỗ trợ được cập nhật theo từng giai đoạn đáp ứng phục vụ tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Để nâng cao chất lượng phục vụ trong các hoạt động đào tạo và NCKH, đòi hỏi sự đáp ứng về năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ để giúp GV và người học hoàn thành nhiệm vụ của mình [\[Exh.07.08.04\]](#). Cán bộ hỗ trợ về cơ sở vật chất thiết bị, hệ thống mạng, phòng máy tính, được đánh giá phân loại hàng năm nhằm làm rõ ưu điểm, khuyết điểm, mạnh mẽ, mặt yếu về tư tưởng, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao [\[Exh.07.08.05\]](#).

Quy trình đánh giá cán bộ hỗ trợ

- Làm báo cáo tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao .
- Trình bày báo cáo tự đánh giá tại cuộc họp để mọi người đóng góp ý kiến.

- Quyết định đánh giá, phân loại của trường đơn vị.

Việc đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên còn được thực hiện hàng tháng thông qua việc chấm điểm hoàn thành nhiệm vụ dựa trên các tiêu chí theo quy định và được Hội đồng cấp Phòng, cấp Khoa, cấp Trường xem xét công nhận.

2.7.9. Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến

Hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính, đều được phân phối hợp lý và có sơ đồ rõ ràng cho từng BM chuyên môn. Ở các phòng này đều có sổ theo dõi tần suất sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Đồng thời các bộ phận chức năng của nhà trường thường xuyên tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng làm việc, phòng học, giảng đường và các trang thiết bị. Thông qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị, bổ sung thêm hệ thống phòng làm việc, giảng đường, phòng hội thảo, phòng đọc, phòng máy tính. Để đáp ứng nhu cầu trên, hàng năm, Trường dành một khoản kinh phí khá lớn để đầu tư cơ sở vật chất. Nguồn kinh phí có thể được lấy từ NSNN hoặc trích từ nguồn học phí của người học theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Trường luôn quan tâm đến công năng sử dụng của các phòng TN, phòng thực hành và có những chuyển đổi thích hợp nhằm phục vụ công tác học tập, giảng dạy, NCKH cho cán bộ, GV và SV được tốt hơn, hiệu quả hơn. Để làm được điều này, tại các phòng TN, phòng thực hành luôn có các sổ theo dõi tần suất sử dụng và hàng năm nhà trường, các BM luôn khảo sát ý kiến phản hồi của người cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng TN, phòng thực hành và các trang thiết bị. Đa phần GV và SV đều đánh giá đáp ứng tốt.

Theo phiếu khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, người học về mức độ đáp ứng của thư viện và các nguồn học liệu dành cho ngành Kế toán, chương trình CLC Kế toán hợp Việt - Anh thì 43% người học hoàn toàn đồng ý, 56% GV đồng ý). Cũng theo số liệu thống kê số lượt bạn đọc đến tham khảo và khai thác thông tin là khoảng 265.421 lượt lượt bạn đọc từ 8/2011 – 8/2016. Điều này càng chứng tỏ mức độ phong phú nguồn tài liệu của thư viện.

Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được cải tiến thông qua các hoạt động và sáng kiến

của người lao động ở nhiều phòng ban liên quan hàng năm [[Exh.07.09.02](#)]. Các sáng kiến đó được áp dụng giúp cho việc nâng cao chất lượng phục vụ của thư viện hay các phòng thực hành và thí nghiệm. Nhiều phòng thí nghiệm và thực hành cũng được đầu tư nâng cấp trang thiết bị và vật liệu giúp cho việc hiện các tác nghiệp thực hành tốt hơn.

2.8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được

2.8.1 Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng

Mục tiêu của CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường ĐH GTVT cũng như mục tiêu đào tạo của khoa VTKT, Khoa ĐTQT và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Mục tiêu của CTĐT là đào tạo các cử nhân Kế toán có kiến thức nền tảng về kế toán kiểm toán, có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán kiểm toán phù hợp với yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế. Có khả năng phát triển nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong các doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế. Cụ thể hóa mục tiêu đào tạo của ngành chính là chuẩn đầu ra (CDR). Chuẩn đầu ra của CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh được xác định rõ ràng, bao quát được cả yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, đó là có kiến thức chuyên môn về kế toán, tư duy hệ thống và phản biện, phân tích, tổng hợp và vận dụng kiến thức chuyên môn đã tích lũy để giải quyết các vấn đề kinh tế và kế toán, khả năng chủ động trong công việc, tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn mới trong lĩnh vực kế toán để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế, có kỹ năng giao tiếp xã hội, làm việc theo nhóm, có thái độ và hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, có ý thức tuân thủ pháp luật, thái độ làm việc chuyên nghiệp.

Phòng ĐTDH, Phòng CTCT&SV, Khoa ĐTQT giám sát tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ thôi học hàng năm để đánh giá và xem xét lại hoạt động đào tạo. Trong đó, Phòng ĐTDH và Khoa ĐTQT theo dõi và cập nhật hàng kỳ tình hình học tập của SV trên phần mềm quản lý đào tạo. Phòng CTCT&SV thực hiện, theo dõi và cập nhật kết quả đánh giá rèn luyện SV từng kỳ trên cơ sở tự đánh giá của SV và kết quả đánh giá lại rèn luyện của tập

thể lớp và CVHT. Căn cứ theo kết quả học tập và kết quả rèn luyện SV, phòng ĐTDH sẽ xét cảnh cáo học vụ, xét thôi học cho các SV dựa trên quy chế của Nhà trường để trình BGH ra quyết định Cảnh cáo hoặc quyết định thôi học. Kết quả này sẽ được cập nhật trên website của Nhà trường và được CVHT thông báo tới SV cũng như gia đình của SV để có các biện pháp kết hợp, theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở SV trong các học kỳ tiếp theo.

Theo quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ, một SV bị buộc thôi học khi thuộc một trong những trường hợp sau **[Exh.08.01.01]**:

- Không đăng ký học tập.
- Không đóng học phí.
- Bị cảnh cáo học vụ KQHT 3 lần liên tiếp.

Biến động về số lượng SV các khóa theo Quyết định thôi học **[Exh.08.01.02]** có cập nhật số liệu đến 02/2023 thể hiện ở Bảng 2.8.1. Kết quả thống kê cho thấy, tỉ lệ thôi học là rất thấp như: tỉ lệ thôi học của 4 khóa 59,60,61,62 dưới 10%. Tỷ lệ thôi học cao nhất là Khóa 59 chiếm 15% ở năm đầu, nhưng tỷ lệ thôi học của khóa 59 trong năm thứ 2 lại là 0%. Tỉ lệ thôi học có xu thế giảm trong những năm trở lại đây và cũng giảm dần theo từng khóa. Tỉ lệ thôi học năm đầu cao hơn và giảm dần đối với các năm học tiếp theo. Điều này cho thấy nguyên nhân thôi học chủ yếu từ phía người học (như: một số SV chuyển sang các trường đại học khác thường tập trung vào năm thứ nhất hoặc bỏ học giữa chừng vì các lí do cá nhân như có vấn đề về sức khỏe bị buộc thôi học hoặc vì các lý do khác nhau trong đó có lý do không đảm bảo đủ số điểm tích lũy của CTĐT hoặc nợ môn học, hoặc nợ tín chỉ tiếng anh theo CDR được quy định là B1. Lý do tỷ lệ bị buộc thôi học vì kết quả học tập thấp là do hệ thống CVHT của Bộ môn, Khoa, nhà trường thường xuyên giám sát chặt chẽ tình hình học tập của từng SV và có những giải pháp phù hợp như: gặp gỡ, trao đổi trực tiếp hoặc tư vấn làm rõ thêm, tháo gỡ những khó khăn trong học tập của cả tập thể lớp SV **[Exh.08.01.03]**.

Bảng 2.8.1. Tỷ lệ đậu và thôi học của 5 khóa gần nhất

Năm học (Khóa)	Số lượng g toàn khóa	Phần trăm hoàn thành chương trình trong thời gian			Phần trăm thôi học trong thời gian			
		3 năm	4 năm	Sau 4 năm	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Những năm tiếp

Năm học (Khóa)	Số lượng g toàn khóa	Phần trăm hoàn thành chương trình trong thời gian			Phần trăm thôi học trong thời gian			
								theo
2021-2022 (K62)	82	-	-	-	01 (1.3%)	05 (6.0%)	-	-
2020-2021 (K61)	116	-	-	-	0 (0%)	05 (4.3%)	08 (6.9%)	-
2019-2020 (K60)	76	0 (0%)	56 (74%)	-	0 (0%)	06 (7.9%)	04 (5.3%)	02 (2.6%)
2018-2019 (K59)	52	0 (0%)	40 (77%)	05 (9.6%)	0 (0%)	06 (11.5%)	01 (1.9%)	0 (0%)
2017-2018 (K58)	27	0 (0%)	19 (70%)	0 (0%)	04 (15%)	0 (0%)	04 (15%)	0 (0%)

Thời gian thiết kế cho CTĐT trước năm 2018 chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh là 4 năm với tổng số 142TC [\[Exh.02.01.02\]](#) và CTĐT điều chỉnh theo Nghị định 99 năm 2021 trình độ cử nhân 4 năm là 140 TC [\[Exh.02.01.01\]](#). Thời gian tối đa để hoàn thành CT là 5 năm theo quy chế [\[Exh.02.01.07\]](#). CTĐT chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh được áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ [\[Exh.02.02.01\]](#), vì vậy SV có thể rút ngắn thời gian học tập của mình. Tuy nhiên, trên thực tế đa phần SV vẫn phải hoàn thành chương trình học trong thời gian 4 năm, số còn lại kéo dài hơn 4 năm để nhận được bằng tốt nghiệp đại học như thể hiện ở Bảng 2.8.2.

Ngay từ khi SV vào học tại trường, thông qua các buổi nói chuyện với SV trong “Tuần lễ sinh hoạt công dân sinh viên” của Nhà trường cũng như ban lãnh đạo Khoa VTKT, Khoa ĐTQT, hoặc CVHT trong các buổi sinh hoạt lớp, với các thông tin được cung cấp đầy đủ cho SV trong Sổ tay SV [\[Exh.08.01.04\]](#), [\[Exh.02.06.02\]](#), SV đã nắm được thông tin cũng như các hình thức, biện pháp để đảm bảo có thể tốt nghiệp đúng hạn. Ngoài ra, trong trường hợp SV còn nợ môn học, hoặc thiếu tín chỉ, Nhà trường cũng như phòng ĐTDH luôn tạo điều kiện cho SV thông qua việc mở các lớp học trong

học kỳ phụ nhằm hỗ trợ SV trong việc đủ điều kiện tốt nghiệp ra trường.

Thời gian tốt nghiệp theo thiết kế của CTĐT của SV Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh, theo thống kê trong Bảng 2.8.2 về số lượng SV tốt nghiệp của các khoá từ 55 đến 59 [Exh.08.01.05], tỷ lệ tốt nghiệp của SV chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh có sự tăng theo từng năm. Điều này cho thấy kết quả đào tạo của chuyên ngành có tiến bộ qua các năm. Hiện nay các Khóa theo CTĐT ngành Kế toán xây dựng năm 2018 đang được đào tạo ở các năm thứ 3 và thứ 4. CTĐT ngành Kế toán được điều chỉnh theo Nghị định 99 năm 2021 mới bắt áp dụng cho khóa K62 đang trong giai đoạn đào tạo ở năm thứ 2 và năm đầu chưa có SV tốt nghiệp.

Bảng 2.8.2. Số lượng SV chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt Anh tốt nghiệp trong giai đoạn 2017- 2022

Năm học/Khóa	Số lượng SV năm cuối	Tốt nghiệp sau 04 năm	Tốt nghiệp sau 4,5 năm	Tốt nghiệp sau 5 năm
2017-2018/K55	28	25 (89.3%)	03 (11.7%)	
2018-2019/K56	20	15 (75%)	05 (25%)	
2019-2020/K57	27	24 (88.9%)	03 (11.1%)	
2020-2021/K58	19	15 (78.9%)	02 (10.55%)	02 (10.55%)
2021-2022/K59	45	40 (88.89%)	03 (6.67%)	02 (4.44%)

Tỷ lệ xếp loại SV tốt nghiệp sau 04 năm (đúng hạn) từ năm 2017 tới năm 2022 so với số lượng SV năm cuối trung bình đạt 84.2%, trong đó tỷ lệ SV xếp loại khá trở lên dao động trong khoảng 70-80%, những SV có nguyện vọng và đáp ứng các điều kiện tại các cơ sở giáo dục thì tiếp tục học cao học trong và ngoài nước. Việc theo dõi kết quả học tập của SV được Khoa ĐTQT thực hiện theo từng kỳ [Exh.08.01.06] để nắm bắt kịp thời tình hình học tập của SV. Hàng năm, trường Đại học GTVT và Khoa VTKT cũng đã nêu rõ về số lượng cũng như các vấn đề còn tồn tại và giải pháp, phương hướng khắc phục để nâng cao chất lượng đào tạo cũng như tiến tới mục tiêu 100% sinh viên chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh sẽ tốt nghiệp đúng hạn thông qua các Báo cáo tổng kết [Exh.08.01.07].

Như vậy, có thể thấy rằng, chất lượng của SV tốt nghiệp hoàn toàn thỏa đáng với CDR của CTĐT cũng như thực lực của người học. Kết quả khảo sát cho thấy, SV ngành Kế toán nhanh chóng có việc làm đạt tỷ lệ rất cao sau khi tốt nghiệp và trong số đó có rất

nhiều SV làm đúng hoặc gần chuyên ngành đào tạo [\[Exh.02.05.03\]](#).

Thời gian thông thường để tốt nghiệp cũng bằng hoặc tương đương với thời gian tốt nghiệp trong CTĐT các ngành kinh tế trong Trường. So với CTĐT ngành Kế toán- Chương trình kế toán tiên tiến của Trường Đại học Kinh tế quốc dân thời gian đào tạo 4 năm với 128 TC (Không bao gồm khối kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng) [\[Exh.08.01.08\]](#) thì CTĐT ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh đã có sự điều chỉnh tương đối hợp lý, điều này có sự đồng thuận từ các phiếu phản hồi của GV, nhà tuyển dụng và người học [\[Exh.02.01.16\]](#), đặc biệt là CTĐT Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt- Anh ngày càng đưa vào giảng dạy nhiều môn học bằng Tiếng Anh, đặc biệt là trong những năm gần đây, SV chuyên ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh đều thực hiện học phần đồ án tốt nghiệp bằng tiếng Anh, vừa tiếp cận thực tiễn công tác kế toán tại các DN vừa nâng cao trình độ ngoại ngữ cho SV [\[Exh.02.02.03\]](#)

2.8.2. Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng

Mục tiêu đào tạo của Chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh khoa Đào tạo Quốc tế Trường ĐHQGTVT hướng đến đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQGTVT theo định hướng lý thuyết luôn đi kèm với thực hành, nhằm đào tạo các cử nhân kế toán có kiến thức nền tảng về kế toán kiểm toán, có năng lực chuyên môn, năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động kế toán kiểm toán phù hợp với yêu cầu xã hội, hội nhập quốc tế, có khả năng phát triển nghề nghiệp, có khả năng thích nghi với môi trường làm việc trong các doanh nghiệp nước ngoài, tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước. Để thực hiện mục tiêu này, Ngành kế toán tổng hợp Việt- Anh liên tục cập nhật và điều chỉnh CDR để phù hợp với sự phát triển của kinh tế- xã hội nói chung và sự phát triển của hoạt động kinh doanh nói riêng. Trong giai đoạn 2018 – 2022, CDR của chương trình đào tạo Kế toán tổng hợp Việt - Anh được điều chỉnh qua hai lần. Lần điều chỉnh thứ nhất được thực hiện trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo 2021 theo hướng tiếp cận CDIO và nghị định 99 của Bộ GD&ĐT. Lần thứ hai là CTĐT và CDR 2022 được xác định rõ ràng, bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt và phù hợp với MTĐT [\[Exh.01.02.01\]](#). CDR được xác định dựa trên các nhóm kiến thức; kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất cá nhân; kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; năng lực thực hành chuyên

môn. Điều này giúp SV ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh sau khi ra trường sẽ có những kỹ năng cơ bản về nghề nghiệp cả về lý thuyết lẫn thực hành, tạo tiền đề cho SV của Trường khi tiếp cận với việc làm ở các DN trong và ngoài nước.

Một trong những yếu tố quan trọng để thu hút SV lựa chọn Ngành kế toán tổng hợp Việt- Anh là khả năng SV có thể tìm được việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo ngay khi ra trường. SV sau khi tốt nghiệp ra trường sớm có việc làm, đúng ngành nghề đào tạo, thu nhập phù hợp, môi trường làm việc tốt là mong muốn chung của tất cả SV, GV và cán bộ nhân viên trường Đại học GTVT. Mong muốn đó đã và đang được Nhà trường hiện thực hóa bằng nhiều biện pháp như rà soát, điều chỉnh CDR; rà soát, điều chỉnh CTĐT, đề cương chi tiết các học phần, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học phần để phù hợp với nhu cầu thực tiễn, hướng SV đến gần hơn với yêu cầu của các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, từ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của SV ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh tốt nghiệp tại Trường Đại học GTVT so với các Trường khác trong khối ngành kinh tế. [\[Exh.02.01.14, Exh.02.01.15\]](#).

Song song với các biện pháp kể trên, Nhà trường cũng thường xuyên thực hiện việc khảo sát tình hình có việc làm sau tốt nghiệp của SV [\[Exh.02.05.03\]](#), yêu cầu kiến thức, kỹ năng đối với người tuyển dụng [\[Exh.02.01.16\]](#), nhu cầu xã hội ví dụ như tăng thời lượng thực hành, thực tập, đưa các phần mềm có liên quan đến hoạt động nghề nghiệp vào giảng dạy để SV có thể làm quen và sử dụng thành thạo, tăng thời lượng thảo luận, bài tập của các học phần, phát triển kỹ năng mềm với môn học kỹ năng mềm, phương pháp làm việc nhóm. Kết quả khảo sát trong Bảng 2.8.4 cho thấy SV ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp là rất cao (có nhiều năm tỷ lệ SV có việc làm trên 90%) và đa phần được làm việc đúng với chuyên ngành đào tạo. Qua các cuộc khảo sát hàng năm, phản hồi từ các nhà tuyển dụng cho thấy các doanh nghiệp tương đối hài lòng với kiến thức, kỹ năng, thái độ mà người học đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. Bên cạnh đó, nhà tuyển dụng với mong muốn tuyển được những SV có kiến thức, kỹ năng tốt, thích ứng nhanh với công việc thực tế nên đã khuyến khích SV học tập bằng việc cấp học bổng cho những SV có KQHT xuất sắc [\[Exh.08.02.01, Exh.08.02.02\]](#).

Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát cũng cho thấy, tỷ lệ SV tiếp tục học lên các trình độ cao hơn như Thạc sỹ, Tiến sỹ của Ngành kế toán tổng hợp Việt Anh là tương đối thấp.

Tỷ lệ SV tiếp tục học lên trình độ cao hơn của SV Ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh tại trường Đại học GTVT so với các trường khác trong cùng khối Ngành Kinh tế như Đại học KTQD, Học viện Tài chính... là rất thấp. Có những khóa tốt nghiệp như Khóa 58, 59 đến nay qua khảo sát không có SV tiếp tục học lên Thạc sỹ, Tiến sỹ trong khi tỷ lệ trung bình ở các trường như Đại học KTQC là 5%, Học viện tài chính là 3%... Lý do là SV tốt nghiệp ngành kế toán chủ yếu làm việc tại các doanh nghiệp (DN) thuộc khối tư nhân nên SV không quá chú trọng đến việc học lên cao do không sắp xếp được thời gian, nhiều DN cũng không khuyến khích nhân viên học lên các trình độ cao hơn. Chỉ có một số ít SV làm việc trong các đơn vị Nhà nước hoặc tham gia vào việc giảng dạy tại các cơ sở đào tạo mới tiếp tục học lên cao. Một trong những hạn chế tại trường Đại học GTVT là chưa có hoạt động đào tạo Thạc sỹ với Ngành Kế toán nên cũng có những khó khăn nhất định với SV sau tốt nghiệp muốn học tiếp lên các trình độ cao hơn. Việc phải chuyển sang các trường khác để học cao hơn có thể làm SV Ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh phải học bổ sung thêm các môn không có trong CTĐT hoặc học tăng tín chỉ với các môn học. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến nhu cầu học lên các trình độ cao hơn của SV sau tốt nghiệp.

Với mong muốn có thể khuyến khích SV tốt nghiệp nâng cao trình độ, Nhà trường và Khoa ĐTQT đã tổ chức các buổi hội thảo và nói chuyện với các DN để khuyến khích các DN chủ động hỗ trợ nhân viên trong việc học nâng cao trình độ cũng như giới thiệu về các CTĐT Thạc sỹ của Nhà trường và Khoa VTKT đến SV và DN.

**Bảng 2.8.3 Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau ra trường của
Ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh**

Nă m	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/tôn g số SV phản hồi	Tỷ lệ SV có việc làm/tôn g số SV tốt nghiep
	Tôn g số	N ữ	Tôn g số	N ữ	Có việc làm			Tiế P tục học sau đại học	Chur a có việc làm		
					Đúng ngàn h đào tạo	Liên quan đến ngàn h đào tạo	Khôn g liên quan đến ngành đào tạo				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
2022	38	35	38	35	21	11	1	1	1	97.37%	97.37%
2021	18	18	18	18	8	3	2	0	5	72.22%	72.22%

2020	22	19	22	19	9	3	3	5	2	90.91%	90.91%
------	----	----	----	----	---	---	---	---	---	--------	--------

2.8.3. Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng

Hoạt động khoa học và công nghệ là một trong các nhiệm vụ chính của trường Đại học GTVT. Hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó NCKH của GV và NCKH SV đều được Trường Đại học GTVT chú trọng phát triển và đẩy mạnh trong nhiều năm qua.

Hoạt động NCKH tại trường Đại học GTVT được thực hiện thông qua các đơn vị chính là Phòng KHCN, các Khoa chủ quản và các Bộ môn. Hàng năm, GV và SV sẽ đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học cho Khoa. Trên cơ sở đó, Hội đồng khoa học Khoa sẽ họp xét, góp ý kiến về hướng nghiên cứu của đề tài. Các đề tài có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tiễn sẽ được Hội đồng khoa học Khoa xét duyệt và đề xuất đề BGH ra quyết định. Trong thời gian thực hiện đề tài, Phòng NCKH cùng với Khoa ĐTQT phải thường xuyên kiểm tra, theo dõi tiến độ tình hình thực hiện đề tài [\[Exh.08.03.01\]](#) thông qua các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ NCKH các cấp. Đến thời hạn quy định, Phòng KHCN cùng với Khoa ĐTQT sẽ ra quyết định và thành lập Hội đồng nghiệm thu đề tài NCKH của GV và SV theo đúng quy định của Nhà trường.

[\[Exh.08.03.02\]](#)

Hoạt động NCKH SV là một trong những hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường. Theo Điều 2 Quy định về hoạt động NCKH SV của trường ĐH GTVT (quyết định 1265/QĐ-ĐHGTVT ban hành ngày 26/06/2014) [\[Exh.08.03.03\]](#) thì các hoạt động NCKH của SV nhằm đáp ứng các mục tiêu:

- Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.
- Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng NCKH độc lập của SV, hình thành năng lực tự học cho SV.
- Góp phần tạo ra trí thức, sản phẩm mới cho xã hội.

Cũng theo Điều 4 của Quyết định 1265, các hoạt động NCKH SV bao gồm:

- Nghiên cứu các đề tài khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn được đào tạo và các lĩnh vực khoa học khác.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo khoa học và công nghệ, câu lạc bộ khoa học SV, các giải thưởng khoa học và công nghệ ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của SV.
- Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, giáo dục và đào tạo, an ninh, quốc phòng.

Song song với hoạt động giảng dạy, hoạt động NCKH là một trong hai nhiệm vụ chính của GV. Trong đó, hướng dẫn NCKH SV cũng là một trong những nội dung quan trọng trong nhiệm vụ NCKH của GV. Theo quy định của Nhà trường, mỗi GV được hướng dẫn không quá 02 đề tài, mỗi đề tài không quá 5 SV và phải có một SV chịu trách nhiệm chính. Do đó, các lĩnh vực, các hướng nghiên cứu của SV phần lớn cũng là hướng nghiên cứu chính của GV, nhiều đề tài NCKH của SV có hướng nghiên cứu theo sự định hướng và đóng góp của GV. Các hướng nghiên cứu này cũng nhằm góp phần giúp SV làm quen với thực tiễn, tiếp cận với các tư duy khoa học, các phương pháp nghiên cứu từ chi tiết đến tổng quan góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nâng cao hình ảnh, vị thế của khoa, nhà trường, góp phần giải quyết các vấn đề nóng bỏng về kinh tế xã hội trong các giai đoạn cụ thể.

Trong giai đoạn 2017 tới nay Thống kê số lượng đề tài và NCKH SV như trong Bảng 2.8.4 [\[Exh.08.03.04\]](#). Theo thống kê số lượng SV ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh tham gia NCKH rất đông đảo với số lượng đề tài phong phú, nhiều hướng nghiên cứu khác nhau. Số lượng SV tham gia và số lượng đề tài đăng kí tăng hàng năm, đặc biệt trong năm học 2020-2021 mặc dù tình hình dịch COVID lan rộng, SV phải học online nhưng số lượng SV tham NCKH không giảm so với các năm trước đó. Sinh viên được khuyến khích và tạo điều kiện khi tham gia NCKH. Hoạt động khảo sát ý kiến của các bên liên quan về hoạt động NCKH có vai trò quan trọng để nhà trường, khoa cải tiến chất lượng các hoạt động KHCN nói chung và NCKH SV nói riêng.

Bảng 2.8.4 Thống kê số lượng đề tài và NCKH SV từ năm 2017 tới 2022.

Năm học	Số lượng SV tham gia	Số lượng đề tài	Số lượng đề tài đạt giải
2017-2018	34	08	06

2018-2019	27	12	09
2019-2020	33	09	06
2020-2021	37	10	07
2021-2022	42	08	05

Hoạt động NCKH của GV cũng rất được chú trọng và phát triển trong thời gian gần đây tại trường Đại học GTVT. Tại Bộ môn KTKT, hoạt động NCKH của GV bao gồm rất nhiều các hình thức khác nhau như:

- Tham gia Đề tài NCKH các cấp
- Viết bài báo đăng trên các Tạp chí và Hội thảo khoa học trong và ngoài nước
- Biên soạn giáo trình, bài giảng
- Tham gia hướng dẫn các cuộc thi sáng tạo và các hoạt động khác về KHCN
- Thâm nhập thực tiễn, phổ biến kiến thức KHCN phục vụ đời sống
- Xây dựng CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá học phần...

Bảng 2.8.5 [\[Exh.08.03.05\]](#) là số liệu thống kê về số liệu đề tài NCKH và các sản phẩm do GV thực hiện từ năm 2018 tới năm 2022. Số lượng đề tài NCKH cấp trường và bài báo đăng trên các Tạp chí uy tín trong nước, các Hội thảo của Nhà trường hàng năm đều tăng cho thấy các GV rất chú trọng và tích cực tham gia hoạt động NCKH. Tuy nhiên, số lượng Giáo trình, bài giảng được biên soạn trong thời gian gần đây còn ít. Điều này cần được khắc phục ngay trong năm học tới vì đây là nguồn học liệu rất quan trọng cho SV trong quá trình học tập.

Bảng 2.8.5 Loại hình và số lượng công bố khoa học của GV từ năm 2018 tới 2022.

Năm học	Hình thức công bố			Tổng cộng	Tỷ lệ công bố khoa học/GV
	Đề tài NCKH cấp trường	Bài báo đăng trên Tạp chí và Hội thảo khoa học	Giáo trình, bài giảng xuất bản		
2018-2019	01	06	-	07	87.5%
2019-2020	02	06	-	08	100%
2020-2021	03	07	-	10	125%
2021-2022	03	07	-	10	125%

2.8.4. Có dữ liệu về mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi CTĐT của người học. Dữ liệu này được thiết lập và theo dõi.

Kết quả học tập mong đợi của CTĐT tạo bao gồm các chuẩn tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm) và chuẩn chuyên ngành (liên quan đến chuẩn kiến thức của chuyên ngành đào tạo). Mục tiêu và CDR của chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu của Bộ GD&ĐT [\[Exh.01.03.01\]](#), bộ tiêu chuẩn CDIO [\[Exh.01.03.02\]](#), tầm nhìn – sứ mạng, chiến lược của Trường ĐH GTVT, quy định về quy trình, hướng dẫn xây dựng chương trình đào tạo [\[Exh.01.03.03\]](#), được Hội đồng khoa học của Khoa, Hội đồng Khoa học & Đào tạo (KH&ĐT) cấp Trường thông qua và nghiệm thu, được trường ĐHGTVT phê chuẩn và ra quyết định thực hiện [\[Exh.01.03.05\]](#), [\[Exh.01.03.06\]](#)

CTĐT chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt – Anh đã được nhà trường công bố năm 2018 [\[Exh.02.01.02\]](#) sau khi được hội đồng Khoa học và đào tạo nghiệm thu [\[Exh.02.01.06\]](#) và tiếp tục được điều chỉnh theo CDIO và Nghị định 99 trong năm 2021 [\[Exh.02.01.01\]](#). CTĐT được tham khảo nhiều CTĐT của các đại học uy tín ở Việt Nam như Đại học kinh tế quốc dân [\[Exh.08.01.07\]](#) và đại học lớn ở nước ngoài như hay Port Hays State university (Mỹ), đại học Curtin (Singapore), đại học Devry (Mỹ) [\[Exh.02.07.02\]](#)

Ngoài các kiến thức nghề nghiệp sinh viên được bồi dưỡng kỹ năng mềm qua các môn học phù hợp trong từng năm học. Ngoài ra SV được hoàn thiện các kỹ năng mềm thông qua bài thảo luận nhóm, bài thuyết trình, bài tập lớn được xây dựng phù hợp trong các học phần. Chương trình đào tạo cũng xây dựng học phần thực tập tốt nghiệp theo đó SV sẽ được gửi đi thực tập ở phòng kế toán của các DN trong 5 tuần để SV có tìm hiểu và học hỏi các công việc kế toán thực tế phát sinh ở DN. Sau khi kết thúc quá trình thực tập SV thu thập đủ dữ liệu và thực hiện đồ án tốt nghiệp – mô tả công tác kế toán ở một phần hành trọng yếu của DN, nhận xét đánh giá ưu và nhược điểm công tác kế toán DN nói chung và phần hành kế toán sinh viên thực hiện nói riêng từ đó xây dựng các giải pháp cần thiết để hoàn thiện công tác kế toán.

Việc đánh giá kết quả học tập của SV được tiến hành theo đúng trình tự do Nhà trường Quy định. Hình thức đánh giá và tỷ trọng các hình thức đánh giá được GV làm rõ

trong đề cương chi tiết học phần [\[Exh.02.01.04\]](#) để đạt được chuẩn đầu ra. Kết quả đánh giá sẽ được GV công bố đến SV chậm nhất 02 tuần kể từ ngày thi và được cập nhật nhanh chóng trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường [\[Exh.08.04.01, Exh.08.04.02\]](#). Định kỳ, CVHT phải thực hiện tổng hợp kết quả học tập của SV để theo dõi, so sánh với các kỳ học trước từ đó kịp thời đưa ra các biện pháp để nâng cao kết quả học tập của người học [\[Exh.08.01.03\]](#). Trên cơ sở kết quả học tập từng kỳ, Nhà trường, Khoa cũng có những biện pháp khuyến khích người học như cấp học bổng cho SV có thành tích tốt [\[Exh.08.04.03\]](#), đồng thời cảnh báo với những SV có kết quả học tập kém [\[Exh.08.04.04\]](#). Nhờ có sự đồng bộ và kịp thời trong việc theo dõi, tổng kết dữ liệu tình hình kết quả học tập của Nhà trường, Khoa, Bộ môn và các CVHT, nhìn chung kết quả học tập của SV được cải thiện qua từng năm, tỷ lệ SV đạt kết quả từ loại khá trở lên ngày càng tăng qua từng năm học.

2.8.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan cần được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng

Bên cạnh việc phân tích đầu vào, quá trình và đầu ra; Nhà trường và Khoa VTKT, Khoa ĐTQT cũng thường xuyên đánh giá và phân tích mức độ hài lòng của các bên liên quan tới CTĐT. Tham gia vào việc góp ý hoàn thiện CTĐT thường có các bên: người học, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, Các chuyên gia. Việc khảo sát các bên liên quan được thực hiện rất bài bản; ý kiến đóng góp sẽ được ban điều chỉnh chương trình đào tạo thu thập thông tin, phân tích các ý kiến đóng góp, thấu hiểu ý kiến thực chất của các bên liên quan, được tổng hợp lại trong biên bản phân tích đánh giá ý kiến, làm cơ sở cho các hoạt động cải tiến chất lượng sau này [\[Exh.01.04.01\]](#). Trong đó, việc lấy ý kiến khảo sát được thực hiện tại Khoa, Bộ môn thông qua các phiếu khảo sát [\[Exh.02.01.16\]](#). Dữ liệu được Bộ môn KTKT, Khoa ĐTQT tổng hợp và báo cáo lên Nhà trường. Phòng KT và ĐBCLĐT là đơn vị được giao việc giám sát thực hiện khảo sát để đạt yêu cầu, sau đó làm báo cáo gửi BGH, gửi các khoa/bộ môn, các đơn vị chức năng để cải tiến chất lượng. [\[Exh.08.05.01\]](#).

Với mục tiêu xây dựng, điều chỉnh CTĐT theo hướng tiếp cận mục tiêu, từ năm 2018 đến nay, Nhà trường, Khoa VTKT đã liên tục tổ chức hội thảo đào tạo, các buổi tọa đàm theo nhu cầu xã hội [\[Exh.08.05.02\]](#), các dịch vụ lao động sản xuất, chuyển giao công nghệ nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội, khảo sát ý kiến của người học, cán bộ GV,

cựu SV, nhà tuyển dụng lao động về mục tiêu đào tạo, CĐR, cấu trúc CTĐT, phương pháp dạy và học, khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT [[Exh.02.01.16](#), [Exh.02.03.01](#)], chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, cơ sở vật chất của Nhà trường, chất lượng đội ngũ GV trong đào tạo và NCKH, môi trường cảnh quan học tập, nơi làm việc của người học sau tốt nghiệp.... Thông qua các nhận xét được các bên đưa ra, Nhà trường và Khoa VTKT có thể đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của mình so với các CTĐT ngành kế toán tiên tiến, chất lượng cao ở các cơ sở đào tạo từ đó nâng cao sức cạnh tranh cũng như vị thế của Nhà trường trong hoạt động đào tạo nói chung và ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh nói riêng. Việc thiết lập hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của các bên liên quan được xem là một kênh thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường hoàn thiện CTĐT để phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện nay.

Nhà trường, Khoa VTKT lắng nghe tất cả các ý kiến đóng góp từ các bên liên quan một cách cầu thị, tiếp thu nghiêm túc và các ý kiến đóng góp này cũng là một nhân tố quan trọng để điều chỉnh CTĐT. Trong trường hợp có những ý kiến đóng góp mà chưa đáp ứng được ngay thì Nhà trường cũng có phản hồi kịp thời. Với các giải pháp, lộ trình, chủ trương kịp thời và phù hợp, đến thời điểm này, hình ảnh và vị thế của Nhà trường trong lĩnh vực đào tạo, lĩnh vực GTVT nói riêng và trong xã hội nói chung ngày càng được nâng lên, mức độ hài lòng của các bên liên quan cũng là động lực để Nhà trường tiếp tục có những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa, xứng đáng với danh hiệu anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang và nhiều phần thưởng danh giá, cao quý khác mà Đảng và Nhà nước đã trao tặng.

PHẦN 3. PHÂN TÍCH ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN VÀ KẾ HOẠCH CHẤT LƯỢNG

3.1. Phân tích điểm mạnh, điểm cần cải thiện và kế hoạch chất lượng

3.1.1 Tiêu chuẩn 1. Kết quả học tập mong đợi

Điểm mạnh

- Kết quả học tập mong đợi nói riêng và MTĐT Kế toán tổng hợp Việt - Anh có sự rà soát và thiết kế theo xu hướng hội nhập và chuyên môn hóa, được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn của trường và khoa, được thiết kế theo hướng phát huy năng lực chủ động và sáng tạo của sinh viên, CDR của chương trình đào tạo khả thi và có thể đo lường và đánh giá được. Mục tiêu hiện tại của ngành được điều chỉnh một cách cụ thể hơn nhằm tạo điều kiện cho người học tích lũy kiến thức chuyên sâu để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và công tác chuyên ngành của mình.

- Kết quả học tập mong đợi được thiết kế bao gồm chuẩn tổng quát và chuẩn chuyên ngành, ở đó Quy trình xây dựng CDR rõ ràng, đảm bảo tính khoa học, chuyển tải được nhu cầu của các bên liên quan. CDR được công bố công khai dưới nhiều hình thức, ở Hội trường tại buổi giới thiệu tổng quan về nhà trường, khoa, bộ môn và ngành nghề mà người học đã lựa chọn, tại học kỳ thứ hai sinh viên được giảng viên của Bộ môn giảng dạy môn học Nhập môn ngành kế toán trong đó sinh viên sẽ hiểu rất rõ về CDR, chương trình đào tạo, kết cấu các học phần, .. và được trang bị các kỹ năng cần thiết trên phương diện lý thuyết (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng học tập, kỹ năng NCKH, v.v)

- Quy trình xây dựng kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo rõ ràng, đảm bảo tính khoa học, chuyển tải được nhu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát theo kế hoạch của Nhà trường, được công bố công khai dưới nhiều hình thức, sinh viên từ năm thứ nhất đã được cung cấp đầy đủ thông tin về CDR; được giảng viên trong Khoa thống nhất làm cơ sở để thiết kế đề cương chi tiết nhằm đạt được CDR của chương trình đào tạo.

- Việc đánh giá các bài thi kết thúc học phần của người học được thực hiện rất nghiêm túc, khách quan, tất cả sinh viên đều biết được nguyên tắc này nên họ rất chủ

động lập kế hoạch tham gia học tập đầy đủ, trường hợp sinh viên bị trượt học phần đồng nghĩa với kết quả học tập mong đợi từ người học chưa đạt được và họ phải đăng ký học lại cho đến khi nào đạt được điểm qua tối thiểu mới dừng lại.

Điểm cần cải thiện

- Việc khảo sát lấy ý kiến của cựu sinh viên Khoa và của các doanh nghiệp sử dụng lao động về MTĐT, chuẩn đầu ra chưa được thực hiện một cách sâu rộng trên cả nước, hiện tại chỉ mới tập trung trong phạm vi TP Hà Nội và các tỉnh lân cận khu vực miền Bắc.

- Các kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm... luôn luôn được người học trau dồi thông qua việc giảng bài của giảng viên chứa đựng trong nội dung của từng học phần chuyên ngành, chương trình đào tạo không có hẳn một môn học chuyên giảng dạy về các kỹ năng đó cho NH nữa, điều này cũng có thể làm người học bị sao nhãng và không chú ý mài giũa cho bản thân. Giảng viên phải thông suốt tư tưởng và phải hiểu nhiệm vụ của mình khi giảng dạy các học phần chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm đối với từng nội dung giải quyết công việc là như thế nào, biểu hiện qua giải quyết công việc của người học là gì để qua đó nhắc nhở người học chú ý hơn trong quá trình học tập.

- Việc coi thi khi thi kết thúc học phần vẫn còn xảy ra tình trạng sinh viên quay cóp, mặc dù số lượng sinh viên vi phạm lỗi này không nhiều, nhưng dù sao vẫn chứa đựng điểm chưa tốt khi đánh giá năng lực thực tế của sinh viên

Kế hoạch cải tiến

Thực hiện khảo sát ý kiến từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng hàng năm một cách rộng rãi trên địa bàn cả nước, không hạn chế ở Hà Nội và vùng lân cận như hiện nay. Mở rộng nhiều hình thức khảo sát như phỏng vấn trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại, thực hiện phiếu khảo sát online và offline, lấy ý kiến nhà tuyển dụng qua các hội thảo khoa học, hội thảo hướng nghiệp.

Mỗi đầu học kỳ, Bộ môn sẽ nhắc nhở giảng viên chú ý hơn về việc trang bị các kỹ năng cần thiết đã được thể hiện trong ma trận CDIO, không xem nhẹ, bỏ sót các kỹ năng đã được phân bổ cho các học phần.

Mở rộng việc lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng là các doanh nghiệp kinh doanh ở nhiều địa phương khác nhau, để đưa ra định hướng, kế hoạch điều chỉnh CĐR phù hợp với nhu cầu thực tế và cập nhật xu hướng quốc tế. Lên kế hoạch tổ chức việc cập nhật và công khai CĐR một cách kịp thời đến các doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động.

Bố trí số lượng giảng viên coi thi kết thúc môn phù hợp với số lượng NH tham gia thi hết môn. Tiếp tục bổ sung ngân hàng đề thi phong phú, đa dạng hình thức thi theo bloom của từng học phần để rèn luyện cho NH kỹ năng tư duy, tổng hợp, tránh tình trạng học vẹt không nắm được vấn đề, tiếp tục thực hiện việc chấm bài thi khách quan, công bằng, giảng viên dạy học phần chỉ là người chấm thứ hai.

3.1.2 Tiêu chuẩn 2. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Điểm mạnh.

Chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý và logic, đáp ứng được các chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo đảm bảo được sự hợp lý về khối lượng kiến thức giữa các khối môn đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Các đề cương chi tiết của từng học phần đảm bảo được tính gắn kết giữa hoạt động dạy – học và đánh giá để đạt được chuẩn đầu ra của học phần. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật. Chương trình đào tạo được rà soát chỉnh sửa thường xuyên theo kế hoạch của trường đại học GTVT, việc điều chỉnh chương trình được thực hiện dựa trên kết quả khảo sát các bên có liên quan bao gồm: nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, giáo viên, sinh viên, đồng thời cũng được đối soát với CTĐT của các cơ sở đào tạo ngành kế toán trong và ngoài nước có uy tín. Quy trình rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo và các đề cương chi tiết học phần được thực hiện cách khoa học và nghiêm túc. Nhà trường thực hiện khảo sát ý kiến người học về chất lượng đào tạo sau mỗi học phần và khảo sát sinh viên năm cuối về sự hài lòng với chương trình đào tạo nói riêng và trường đại học GTVT nói chung, làm cơ sở cho việc điều chỉnh và cải tiến chương trình đào tạo đạt kết quả tốt. Chương trình đào tạo được công khai theo nhiều cách thức đảm bảo người học và những người có nhu cầu tìm hiểu thông tin về chương trình dễ dàng nắm bắt.

Điểm cần cải thiện

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan đặc biệt là nhà tuyển dụng và cựu sinh viên chưa sâu rộng và chưa thực hiện thường xuyên

Các môn tự chọn chương trình đào tạo chưa nhiều. Việc chọn môn tự chọn thực hiện dạng chọn 1 trong 2 học phần nên khó khăn cho sinh viên khi muốn học thêm hướng chuyên môn sâu hơn ngoài chuyên ngành đã đăng ký

Kế hoạch cải tiến

Thực hiện khảo sát ý kiến từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng hàng năm. Mở rộng nhiều hình thức khảo sát như phỏng vấn trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại, thực hiện phiếu khảo sát online và offline, lấy ý kiến nhà tuyển dụng qua các hội thảo khoa học, hội thảo hướng nghiệp.

Mở rộng các môn tự chọn theo nhiều hướng phát triển nghề nghiệp và kỹ năng để sinh viên có thể điều chỉnh chương trình học phù hợp với sở thích và năng lực của riêng cá nhân mình góp phần phát triển bản thân tốt nhất phù hợp yêu cầu nghề nghiệp và xã hội.

3.1.3 Tiêu chuẩn 3. Phương thức dạy và học

Điểm mạnh.

Triết lý giáo dục của Trường ĐH GTVT được tuyên bố rõ ràng bằng văn bản và được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan thông qua website của Trường. Triết lý của Trường là cơ sở để Khoa ĐTQT đưa ra sứ mệnh của mình. Từ đó Khoa triển khai các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng mục tiêu giáo dục mà Nhà trường đưa ra.

Các GV ngành Kế toán đã nghiên cứu và sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp và đa dạng nhằm chuyển tải tốt nhất kiến thức đến NH và điều này được thể hiện rất chi tiết trên các ĐCCT từng học phần, trong các ĐCCT nêu rõ trách nhiệm và ý thức cần có của NH khi tham gia học phần; đồng thời, trong thời gian học tập, GV và NV của Khoa cũng như bộ môn chuyên môn luôn tạo môi trường dạy và học thuận lợi giúp người học sẵn sàng trong nhận thức và cảm xúc để đáp ứng nhiệm vụ học tập và luôn tìm được cảm hứng để học tập.

Các học phần đều được GV cung cấp giáo trình, bài giảng, tài liệu môn học để sinh viên chủ động đọc hiểu tài liệu; ghi chép bài giảng và chịu khó làm bài tập. Sinh viên kế toán đa số là sinh viên nữ nên khá chăm chỉ, cẩn thận.

Sinh viên kế toán đã biết cách đặt mục tiêu học tập, chủ động ghi chép bài giảng, chủ động làm bài tập theo yêu cầu của giáo viên, chủ động tìm hiểu tài liệu do giảng viên cung cấp, biết cách làm việc nhóm và biết chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong quá trình học tập.

Chương trình học có các môn học tập kỹ năng mềm, kỹ năng chuyên ngành kế toán, Nhập môn ngành kế toán để hướng dẫn sinh viên các phương pháp học tập và nhấn mạnh yêu cầu tự học, kỹ năng học tập suốt đời.

Các hoạt động dạy và học tập tạo điều kiện cho SV rèn luyện tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới. Việc cho các em tiếp xúc với thực tế thông qua nhiều kênh khác nhau giúp SV TĐG lại năng lực của bản thân nhờ vào việc tư vấn đánh giá của GV, giúp SV củng cố và điều chỉnh phương pháp học, và có thêm nhiều động lực để tự nghiên cứu, tự học tập, thấm nhuần yêu cầu học tập suốt đời.

Chương trình dạy và học cũng như các hoạt động NCKH đều được Khoa ĐTQT, bộ môn KTKT, các GV và sinh viên của ngành đều rất chú trọng, quan tâm hướng tới việc giúp SV thấm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp. [11]

Thông qua các sự kiện khai giảng năm học, chào Tân SV, các buổi tọa đàm với doanh nghiệp; Nhà trường, Khoa và bộ môn mời DN, các cựu SV đang làm việc trong ngành kế toán tham dự để chia sẻ phương pháp học tập, kinh nghiệm thực tế tại DN cũng như cơ hội việc làm. Từ đó SV có thêm những thông tin thực tế, hữu ích cũng như góc nhìn đa dạng hơn về ngành nghề trong tương lai.

Hàng năm sinh viên năm cuối được thực tập tốt nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động ngành kế toán. Hầu hết các SV đều được DN nhận xét là đáp ứng các tiêu chuẩn về kiến thức và kỹ năng trong thời gian thực tập.

Điểm cần cải thiện

Khoa ĐTQT mới chỉ thể hiện triết lý và mục tiêu giáo dục của Trường theo nội dung khái quát gồm sứ mệnh và nhiệm vụ của Khoa; chưa trình bày được triết lý giáo dục và tầm nhìn, chưa tuyên bố dưới dạng văn bản những mục tiêu giáo dục mang tính chất cụ thể hơn.

Mặc dù đã có mô tả chi tiết về yêu cầu, mục tiêu và quy định của học phần nhưng nhiều sinh viên chưa nắm được trách nhiệm cụ thể của mình trong quá trình tham gia các học phần.

Chưa có sự đa dạng trong môi trường học tập, chưa có hoạt động trao đổi sinh viên với các trường khác. Sinh viên chưa vạch rõ kế hoạch học tập để đạt được các mục tiêu đề ra hay việc xác định nhu cầu, động cơ học tập của bản thân còn mơ hồ. Các kỹ năng được đề cập ở các môn học, tuy nhiên đối với hoạt động dạy và học một số học phần còn có những hạn chế nhất định về các kỹ năng mềm. Sinh viên đôi khi còn chưa sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới, việc tự học còn hạn chế.

Ngành học kế toán với các môn học bắt buộc thực hiện theo nguyên lý, nguyên tắc và hướng dẫn của Thông tư, Quyết định nên phần nào làm hạn chế năng lực tư duy sáng tạo, đưa ra kiến kiến, đổi mới của NH. Chưa có các môn học liên quan đến khởi nghiệp trong chương trình đào tạo mà mới chỉ lồng ghép vào các môn học khác.

Học phần thực hành kế toán máy còn hạn chế về số lượng, quy mô phòng máy trên tổng số SV, chất lượng đường truyền internet chưa ổn định, chưa tổ chức giảng dạy được đa dạng phần mềm kế toán như thực tế DN áp dụng.

Hoạt động NCKH chủ yếu thực hiện giữa GV và SV, chưa có nhiều sự liên kết giữa doanh nghiệp, GV và SV.

Trong hoạt động thực tập TN và làm đồ án TN, nhiều SV phản hồi là bị hạn chế trong tiếp xúc với công việc thực tế tại DN, chưa được thực hành công việc cụ thể.

Kế hoạch cải tiến

Triển khai giới thiệu cụ thể trách nhiệm của sinh viên trong quá trình học. Xây dựng mục tiêu đào tạo phù hợp để nâng cao trách nhiệm của người học.

Cung cấp những chương trình học đa dạng và linh hoạt giúp người học có thể chủ

động lựa chọn học phần, lộ trình học, phương thức đáp ứng yêu cầu kiểm tra đánh giá, phương thức đào tạo và thời lượng học tập tối ưu.

Lập kế hoạch hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy để bồi dưỡng năng lực, kỹ năng chuyên môn cho GV. Mở rộng mối quan hệ với các doanh nghiệp, người đi làm trong ngành kế toán để rèn luyện cho SV kỹ năng xử lý các tình huống thực tế, thử nghiệm các ý tưởng, cách làm mới.

GV xây dựng chương trình giảng dạy theo hướng khuyến khích SV có tư duy sáng tạo, tích cực đưa ra các sáng kiến cho các tình huống. Tổ chức các buổi nói chuyện với các DN, tổ chức để khơi dậy tinh thần khởi nghiệp sáng tạo cho SV.

Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất, hạ tầng thiết bị, áp dụng đa dạng phần mềm KT vào các học phần thực hành. Tăng cường mối liên hệ giữa Khoa, Bộ môn, GV, SV với các DN để nắm bắt nhu cầu thực tế của DN, cải tiến hoạt động dạy và học, NCKH theo hướng thực tiễn; tạo niềm tin cho DN khi tiếp nhận SV thực tập.

3.1.4 Tiêu chuẩn 4. Đánh giá kết quả học tập của người học

Điểm mạnh

Việc ĐGKQHT của NH được bộ môn KTKT tổ chức bài bản, đúng theo quy định và quy trình của Trường nhằm đảm bảo thông tin minh bạch, kịp thời và công bằng. Bên cạnh đó, ĐGKQHT đều được đánh giá trong quá trình đào tạo và khi kết thúc khóa học đáp ứng được CDR của học phần và của CTĐT đã đề ra. Các hình thức kiểm tra, nội dung kiểm tra đánh giá được mức độ chuẩn kiến thức, kỹ năng; đảm bảo được sự công bằng, độ tin cậy và phù hợp với mục tiêu của môn học và chuẩn đầu ra chung của ngành và

Các quy định về đánh giá, khiếu nại, phúc khảo KQHT đều triển khai rõ ràng theo từng bước, từng bộ phận chuyên môn chịu trách nhiệm giúp giảng viên, bộ phận chuyên môn và người học hiểu rõ được cách thức trao đổi và nắm bắt thông tin, và thực hiện theo đúng quy trình một cách nhất quán và được phổ biến công khai đến người học. Khi có thắc mắc, khiếu nại về kết quả đánh giá học tập, NH có cơ sở để thực hiện việc phản hồi này nhanh chóng và phù hợp.

Luôn luôn cập nhật, đổi mới đề thi, phương pháp đánh giá và CTĐT phù hợp với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, phù hợp với sự phát triển của công nghệ và kết quả học tập mong đợi.

Điểm cần cải thiện

Trường đã có hình thức khảo sát sự hài lòng của người học đối với nội dung giảng dạy học phần nhưng chưa có hình thức khảo sát sự hài lòng của người học đối với phương thức thi và chất lượng đề thi.

Quy định về ra đề, tổ chức thi, chấm thi, đánh giá thực tập và đồ án được lưu hành nội bộ, có phổ biến đến sinh viên qua kênh CVHT và giảng viên phụ trách học phần. Tuy nhiên, chưa công khai trên website của khoa ĐTQT và website của nhà trường.

Hình thức đánh giá thi kết thúc học phần của các học phần kỹ năng chủ yếu là thi viết, chưa đa dạng được các hình thức thi để đo lường được toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

Việc công bố điểm quá trình và điểm thi đôi khi còn chậm trễ, nộp điểm thi đôi khi gần sát ngày cuối cùng của thời hạn nộp và nhập điểm dẫn đến việc nhập điểm, công bố trên trang cá nhân của sinh viên đôi khi muộn hơn so với quy định.

Kế hoạch chất lượng

Tiếp tục duy trì thực hiện hoạt động đánh giá, nhận phản hồi, khiếu nại và công khai kết quả học tập của NH đảm bảo giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Tiếp tục cập nhật, đổi mới đề thi và chương trình đào tạo phù hợp với người học và thị trường lao động

Tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của SV đối với phương thức ĐGKQHT cũng như chất lượng đề thi. Công bố công khai quy trình đánh giá KQHT từ khâu ra đề đến chấm thi, quy trình khiếu nại trên website của Khoa ĐTQT, của nhà trường. Thay đổi hình thức thi các học phần kỹ năng để đánh giá được toàn diện kiến thức, kỹ năng và thái độ của người học, đôn đốc GV trong việc chấm và công bố điểm thi đúng theo quy định.

3.1.5 Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ giảng viên

Điểm mạnh

Đội ngũ GV của CTĐT có trình độ và chất lượng tốt, hàng năm đều có đánh giá và xếp loại GV. Tỷ lệ GV/ SV và khối lượng giảng dạy hàng năm của GV đáp ứng theo yêu cầu. Tiêu chí và quy trình tuyển dụng GV mới rõ ràng, đánh giá được chất lượng người tuyển dụng. Nhiều giảng viên có kinh nghiệm thực tế và năng lực ngoại ngữ tốt để tham gia giảng dạy các học phần bằng tiếng Anh.

Điểm cần cải thiện

Tỷ lệ khối lượng giảng dạy còn lớn hơn so với khối lượng NCKH.

Kế hoạch cải thiện

Có chính sách để nâng cao chất lượng và khối lượng NCKH.

3.1.6 Tiêu chuẩn 6. Các dịch vụ hỗ trợ người học

Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ phục vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động khác cho sinh viên đủ và đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho đào tạo và NCKH, hàng năm đều có đánh giá và xếp loại cán bộ phục vụ. Nhà trường xác định được nhu cầu và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ phục vụ về nghiệp vụ và công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu công việc.

Tổ chức hoạt động của CVHT hiệu quả, theo sát và hỗ trợ SV trong quá trình học tập. Nhà trường có bộ phận chuyên trách hỗ trợ SV

Điểm cần cải thiện

Công tác hỗ trợ và cung cấp dịch vụ cho người học chưa được bài bản, quy trình chưa được thông tin rộng rãi đến SV

Giao tiếp bằng ngoại ngữ của đội ngũ phục vụ còn hạn chế.

Kế hoạch cải thiện

Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực ngoại ngữ của cán bộ phục vụ

Nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình hỗ trợ SV tạo điều kiện thuận

lợi cho SV

3.1.7 Tiêu chuẩn 7. Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

Điểm mạnh

Cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ, hiện đại, thư viện có nhiều đầu sách, các phòng học lý thuyết được trang bị đồ dùng dạy học như máy chiếu, điều hòa. Phòng thực hành, mô hình được tổ chức, bố trí trang thiết bị phù hợp, đảm bảo an toàn cho SV. Nội quy và quy trình an toàn lao động rõ ràng. Ngoài trang thiết bị đầu tư của Nhà trường còn có các thiết bị tài trợ từ các doanh nghiệp, góp phần đa dạng hóa trang thiết bị phục vụ đào tạo và NCKH.

Cơ sở vật chất hạ tầng và thiết bị của Nhà trường đang có xu hướng được đầu tư tích hợp công nghệ thông tin để quản lý một cách có hệ thống các hoạt động của nhà trường. Ví dụ ứng dụng các phần mềm quản lý hành chính tích hợp Usmart.

Điểm cần cải thiện

Diện tích, máy học thiết bị và phần mềm, trang thiết bị dành cho đào tạo thực hành còn chưa hiện đại và thiếu so với quy mô SV.

Kế hoạch cải thiện

Có kế hoạch mở rộng diện tích cho đào tạo thực hành, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phòng thực hành

3.1.8. Tiêu chuẩn 8. Đầu ra và kết quả đạt được

Điểm mạnh.

Chương trình đào tạo có cấu trúc hợp lý và logic, đáp ứng được các chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo đảm bảo được sự hợp lý về khối lượng kiến thức giữa các khối môn đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Để thực hiện đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng CTĐT, việc đo lường các thành quả và đầu ra đạt được sau quá trình đào tạo là rất quan trọng. Hoạt động này bao gồm việc đánh giá kết quả đầu ra của SV, đánh giá hoạt động NCKH của GV và SV cũng như đánh giá khả năng đáp ứng yêu cầu của CTĐT với các bên liên quan. Để làm được việc này, Trường Đại học GTVT, Ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh đã xây dựng và thiết lập hệ thống thu thập và đo lường sự hài lòng của

các bên liên quan một cách khoa học và thường xuyên. Số liệu được thu thập hàng kỳ, hàng năm và được lưu trữ một cách khoa học. Các thông tin thu thập được phân tích trên nhiều phương diện, có sự theo dõi, đối chiếu giữa các thời điểm, từ đó đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và có phương hướng để cải thiện cho giai đoạn sau. Các biện pháp được đưa ra một cách đồng bộ, có tính kế thừa và phát triển, có tính ứng dụng cao đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao khả năng cạnh tranh của ngành Kế toán tổng hợp Việt-Anh từ đó xây dựng thương hiệu riêng cho Ngành. Đây là yếu tố tiên quyết trong việc thu hút người học đăng ký vào ngành Kế toán tổng hợp Việt- Anh trong tương lai.

Điểm cần cải thiện

Việc triển khai NCKH còn hạn chế. Các đề tài NCKH công bố mới chỉ dừng lại ở cấp cơ sở, chưa triển khai các đề tài cấp cao hơn. Chưa có bài báo công bố quốc tế trong giai đoạn 2017-2022.

Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan đặc biệt là nhà tuyển dụng và cựu sinh viên chưa sâu rộng và chưa thực hiện thường xuyên.

Kế hoạch cải tiến

Thực hiện khảo sát ý kiến từ cựu sinh viên và nhà tuyển dụng hàng năm. Mở rộng nhiều hình thức khảo sát như phỏng vấn trực tiếp, gửi email, gọi điện thoại, thực hiện phiếu khảo sát online và offline, lấy ý kiến nhà tuyển dụng qua các hội thảo khoa học, hội thảo hướng nghiệp. Tăng cường mối quan hệ với các nhà tuyển dụng để đảm bảo việc làm cho SV sau khi ra trường. Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, nói chuyện giữa DN- SV để giúp SV tiếp cận nhanh hơn với thực tiễn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan.

Tăng cường hoạt động NCKH, khuyến khích GV đăng ký và thực hiện các đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ. Song song với đó, các GV cũng cần nâng cao tinh thần tự học tập để tăng cường trình độ chuyên môn.

3.2. Tự đánh giá

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
1	Tiêu chuẩn 1: Kết quả học tập mong đợi							
1.1	Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo được				5			

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
	xây dựng theo thang đo tư duy được lựa chọn, tương thích với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD, được phổ biến đến các bên liên quan.							
1.2	Kết quả học tập mong đợi của tất cả các học phần được xây dựng phù hợp và tương thích với kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo					5		
1.3	Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo bao gồm các chuẩn tổng quát (liên quan đến kỹ năng giao tiếp trực tiếp hay qua văn bản, giải quyết vấn đề, sử dụng công nghệ thông tin, làm việc nhóm) và chuẩn chuyên ngành (liên quan đến chuẩn kiến thức của chuyên ngành đào tạo)					4		
1.4	Yêu cầu của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng bên ngoài được thu thập và chuyển tải vào kết quả học tập mong đợi.					5		
1.5	Chương trình đào tạo thể hiện người học đạt được kết quả học tập mong đợi tại thời điểm tốt nghiệp					5		
	Đánh giá chung					5		
2	Tiêu chuẩn 2: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	1	2	3	4	5	6	7
2.1	Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần đầy đủ thông tin, cập nhật được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp nhận					5		
2.2	Chương trình dạy học được thiết kế tương thích với kết quả học tập mong đợi					5		
2.3	Thông tin phản hồi của các bên liên quan đặc biệt là các đối tượng bên ngoài được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học					5		
2.4	Mức độ đóng góp của các học phần trong việc đạt được kết quả học tập mong muốn được xác định rõ ràng					5		
2.5	Chương trình dạy học có cấu trúc logic, trình tự hợp lý (các học phần được sắp xếp từ kiến thức cơ bản đến cơ sở và chuyên ngành) và có tính tích hợp					5		
2.6	Chương trình đào tạo cho phép người học lựa chọn chuyên ngành chính và/hoặc chuyên ngành phụ					4		
2.7	Chương trình dạy học được rà soát định kỳ theo quy trình để đảm bảo tính cập nhật và đáp ứng nhu cầu thị trường lao động					5		
	Đánh giá chung					5		
3	Tiêu chuẩn 3: Phương thức dạy và học					5		
3.1	Triết lý giáo dục được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến đến tất cả các bên liên quan và được chuyển tải vào các hoạt động dạy và học						6	
3.2	Các hoạt động dạy và học tạo điều kiện cho người học tham gia quá trình học một cách có trách nhiệm.					5		

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
3.3	Các hoạt động dạy và học được triển khai theo hướng tạo điều kiện cho người học học tập chủ động.				5			
3.4	Các hoạt động dạy và học khuyến khích người học học tập, học phương pháp học và thẩm nhuần yêu cầu học tập suốt đời (VD: tư duy phản biện, kỹ năng xử lý thông tin và sẵn lòng thử nghiệm các ý tưởng và cách làm mới).				5	5		
3.5	Các hoạt động dạy và học giúp người học thẩm nhuần tầm quan trọng của việc đưa ra các sáng kiến, tư duy sáng tạo, đổi mới và tinh thần khởi nghiệp.				4			
3.6	Quá trình dạy và học được cải tiến liên tục để đảm bảo đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.				5			
Đánh giá chung					5			
4	Tiêu chuẩn 4: Đánh giá kết quả học tập của người học				5			
4.1	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học được sử dụng đa dạng; được thiết kế phù hợp với kết quả học tập mong đợi và các mục tiêu đào tạo.						6	
4.2.	Các chính sách về đánh giá kết quả học tập, phúc khảo được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.						6	
	Các tiêu chuẩn và quy trình liên quan đến đánh giá kết quả học tập của người học trong suốt quá trình theo học và khi hoàn thành chương trình được phát biểu rõ ràng, phổ biến đến người học và được triển khai nhất quán.					5		
4.4.	Các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm bảng tiêu chí đánh giá, thang điểm, các mốc thời gian và các quy định được sử dụng để đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động kiểm tra đánh giá.					5		
4.5.	Các phương pháp đánh giá giúp đo lường mức độ đạt được kết quả học tập của CTĐT và mỗi học phần.					5		
4.6.	Thông tin phản hồi kết quả đánh giá kết quả học tập được gửi kịp thời.					5		
4.7.	Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học và các quy trình có liên quan được rà soát và cải tiến liên tục để đảm bảo sự phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và tương thích với kết quả học tập mong đợi.						6	
Đánh giá chung					5			
5	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ giảng viên							
5.1	Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên					5		
5.2	Tải trọng công việc của GV được đo lường và giám sát để cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa					5		

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
	học, phục vụ cộng đồng							
5.3	Năng lực của GV được xác định, được đánh giá và được phổ biến thông tin						6	
5.4	Giảng viên được phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và khả năng						6	
5.5	Có hệ thống đánh giá để khen thưởng GV, trong đó có xem xét hoạt động giảng dạy, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng					5		
5.6	Các quyền, đặc quyền, quyền lợi, vai trò, mối quan hệ và trách nhiệm giải trình của GV được xác định và hiểu rõ, trong đó có xem xét đến quyền tự do học thuật và đạo đức nghề nghiệp					5		
5.7	Có hệ thống xác định nhu cầu về đào tạo, phát triển chuyên môn của GV và các hoạt động đào tạo, tập huấn phù hợp được triển khai để đáp ứng những nhu cầu này					5		
5.8	Việc quản lý hiệu quả công việc của GV (bao gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học của GV						6	
	Đánh giá chung					5		
6	Tiêu chuẩn 6: Các dịch vụ hỗ trợ người học							
6.1	Chính sách tuyển sinh, tiêu chí tuyển chọn và quy trình tiếp nhận người học vào chương trình được xác định rõ ràng, được ban hành, phổ biến rộng rãi và cập nhật						6	
6.2	Công tác quy hoạch ngắn hạn và dài hạn đối với đội ngũ cán bộ hỗ trợ (học thuật, phi học thuật) được triển khai nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng cả về chất lượng và số lượng					5		
6.3	Có hệ thống phù hợp để giám sát tiến độ học tập, kết quả học và tải trọng học tập của người học. Tiến độ học tập, kết quả học tập và tải trọng học tập của người học được ghi nhận và giám sát một cách có hệ thống; có phản hồi tới người học và có các hoạt động khắc phục được triển khai khi cần						6	
6.4	Các hoạt động tư vấn học tập, các hoạt động ngoại khóa, thi đua và những dịch vụ hỗ trợ khác được triển khai nhằm giúp nâng cao chất lượng học tập và khả năng tìm được việc làm cho người học						6	
6.5	Năng lực của cán bộ hỗ trợ triển khai các dịch vụ dành cho người học được xác định rõ trong tiêu chí tuyển dụng và phân công nhiệm vụ. Các năng lực này được đánh giá để đảm bảo phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan. Vai trò và mối liên hệ được xác định rõ để đảm bảo các dịch					5		

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
	vụ được triển khai nhịp nhàng							
6.6	Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá, đối sánh và cải tiến chất lượng						5	
	Đánh giá chung						6	
7	Tiêu chuẩn 7: Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị							
7.1	Có đủ các nguồn lực cơ sở vật chất bao gồm các trang thiết bị, tài nguyên học tập và hệ thống công nghệ thông tin để vận hành chương trình					5		
7.2	Các phòng thực hành và trang thiết bị được cập nhật, sẵn có và được sử dụng hiệu quả.						6	
7.3	Có thư viện điện tử được cập nhật thường xuyên bắt kịp với những tiến bộ về công nghệ thông tin-truyền thông					5		
7.4	Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu của cán bộ GV và người học.					5		
7.5	Cán bộ, GV và người học dễ dàng tiếp cận với hệ thống mạng và máy tính trong khuôn viên của trường để có thể khai thác tối đa công nghệ thông tin phục vụ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, phục vụ cộng đồng và quản lý hành chính					5		
7.6	Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe và an toàn được xác định và thực hiện; có lưu ý đến các nhu cầu đặc thù của người khuyết tật						6	
7.7	Cơ sở giáo dục cung cấp môi trường tâm lý, xã hội, cảnh quan thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho người học					5		
7.8	Năng lực của cán bộ hỗ trợ tham gia các dịch vụ liên quan đến cơ sở vật chất và trang thiết bị được xác định rõ và đánh giá nhằm đảm bảo những kỹ năng đáp ứng nhu cầu các bên liên quan					5		
7.9	Chất lượng các cơ sở vật chất (như thư viện, phòng thực hành, thí nghiệm, CNTT và các dịch vụ dành cho người học) được đánh giá và cải tiến					5		
	Đánh giá chung					5		
8	Tiêu chuẩn 8							
8.1	Tỷ lệ đậu, tỷ lệ thôi học và thời gian tốt nghiệp trung bình được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng					5		
8.2	Tình hình việc làm cũng như số liệu về tự kinh doanh, khởi nghiệp và tiếp tục học cao hơn của người học được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.						6	
8.3	Dữ liệu về hoạt động nghiên cứu khoa học và các sản phẩm, hoạt động sáng chế do GV và người học thực hiện được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.				4			
8.4	Có dữ liệu về mức độ đạt được kết quả học tập mong đợi CTĐT của người học. Dữ liệu này được thiết lập và theo					5		

ST T	Tiêu chuẩn	1	2	3	4	5	6	7
	dối.							
8.5	Mức độ hài lòng của các bên liên quan cần được thiết lập, theo dõi, đối sánh để cải tiến chất lượng.					5		
	Đánh giá chung					5		

Xác nhận của Hội đồng TĐG CTĐT	<i>Hà nội, ngày tháng năm</i> 20... Ban thư ký TĐG
---	---

PHẦN 4: PHỤ LỤC

1. Danh mục từ viết tắt – Từ chuyên môn

STT	Chữ viết tắt – Từ chuyên môn	Viết đầy đủ – Giải thích
1	AUN-QA	ASEAN University Network – Quality Assurance: Đảm bảo chất lượng dành cho hệ thống các trường Đại học thuộc khối ASEAN
2	BM	Bộ môn
3	Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
4	CDR	Chuẩn đầu ra
5	CGCN	Chuyển giao công nghệ
6	CLC	Chất lượng cao
7	CQ	Chính quy
8	CSDL	Cơ sở dữ liệu
9	CSVC	Cơ sở vật chất
10	CTCT&SV	Công tác chính trị và sinh viên
11	CTDH	Chương trình dạy học
12	CTĐT	Chương trình đào tạo
13	CVHT	Cổ vấn học tập
14	ĐH GTVT	Đại học Giao thông Vận tải
15	DN	Doanh nghiệp
16	ĐTBCHK	Điểm trung bình trung học kỳ

STT	Chữ viết tắt – Từ chuyên môn	Viết đầy đủ – Giải thích
17	ĐTBCTL	Điểm trung bình trung tích lũy
18	ĐTDH	Đào tạo Đại học
19	ĐTN	Đoàn thanh niên
20	ĐTQT	Đào tạo quốc tế
21	GS	Giáo sư
22	GTVT	Giao thông Vận tải
23	GV	Giảng viên
24	HP	Học phần
25	HSV	Hội sinh viên
26	KHCN	Khoa học công nghệ
27	KT&ĐBCLĐ T	Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo
28	KTTH	Kế toán tổng hợp
29	KTX	Ký túc xá
30	NCKH	Nghiên cứu khoa học
31	NCS	Nghiên cứu sinh
32	PGS	Phó giáo sư
33	RLSV	Rèn luyện sinh viên
34	SV	Sinh viên
35	TC	Tín chỉ
36	ThS	Thạc sỹ
37	TS	Tiến sỹ
38	VA	Việt Anh
39	VTKT	Vận tải Kinh tế

2. Danh mục bảng

STT	Ký hiệu - Tên bảng	Ghi chú
1.	Bảng 1.1. Danh sách Ban thư ký Tự đánh giá CTĐT	
2.	Bảng 1.1.1. Nội dung điều chỉnh mục tiêu của CTĐT 2022 so với CTĐT 2021	
3.	Bảng 1.1.2. Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT	
4.	Bảng 1.1.3: Tính kết nối giữa Mục tiêu giáo dục quy định tại Luật giáo dục ĐH với mục tiêu giáo dục và Tầm nhìn – Sứ mạng tại ĐHGTVT	
5.	Bảng 1.1.4: Tính kết nối giữa Sứ mạng của ĐHGTVT, Sứ mạng của Khoa và MTĐT của chương trình	
6.	Bảng số 1.1.5. Bảng mô tả chi tiết chuẩn đầu ra của CTĐT	

STT	Ký hiệu - Tên bảng	Ghi chú
7.	Bảng 1.1.6: Bảng so sánh CDR của CTĐT năm 2022 với CTĐT 2018	
8.	Bảng số 1.1.7. Mức độ đạt được Kết quả học tập mong đợi	
9.	Bảng 2.2.1. Thay đổi CTĐT năm 2021, 2018	
10.	Bảng 2.2.2: Mối quan hệ giữa cấu trúc CTĐT và CDR	
11.	Bảng 2.2.3. Tỷ lệ các khối kiến thức trong CTĐT	
12.	Bảng 2.2.4. Thay đổi khối kiến thức của CTĐT qua các năm 2018, 2021	
13.	Bảng 2.2.5. Tổng hợp chi tiết sự thay đổi các HP qua các năm 2018, 2021	
14.	Bảng 2.2.6. Danh mục các môn học tự chọn	
15.	Bảng 2.3.2.1. Bảng phân bổ thời lượng Môn học	
16.	Bảng 2.3.3.1. Bảng tỷ lệ các học phần thực hành, thực tập và tự chọn trong CTĐT KTTH Việt-Anh	
17.	Bảng 2.3.4.1. Các khối kiến thức trong CTĐT KTTH Việt-Anh	
18.	Bảng 2.4.3. Cách tính điểm học phần	
19.	Bảng 2.8.1. Tỷ lệ đậu và thôi học của 5 khóa gần nhất	
20.	Bảng 2.8.2. Số lượng SV chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt Anh tốt nghiệp trong giai đoạn 2017- 2022	
21.	Bảng 2.8.3 Kết quả khảo sát tình hình việc làm của SV sau ra trường của Ngành Kế toán tổng hợp Việt Anh	
22.	Bảng 2.8.4 Thống kê số lượng đề tài và NCKH SV từ năm 2017 tới 2022.	
23.	Bảng 2.8.5 Loại hình và số lượng công bố khoa học của GV từ năm 2018 tới 2022	
24.	Bảng 5.1: Cơ cấu đội ngũ viên chức khoa VTKT xét theo giới tính và độ tuổi (tính ở thời điểm 30/10/2021)	
25.	Bảng 5.2: Đội ngũ nhân lực khoa VTKT tính đến 15/9/2022	
26.	Bảng 5.3: Số lượng cán bộ học thuật và FTE của họ trong 5 năm gần nhất	
27.	Bảng 5.4: Khối lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của Khoa Vận tải – Kinh tế và các bộ môn thực hiện trong năm học 2020-2021	
28.	Bảng 5.5: Thống kê các công trình khoa học năm học 2020-2021	

STT	Ký hiệu - Tên bảng	Ghi chú
29.	Bảng 5.6: Thống kê hoạt động KHCN của Khoa Vận tải – Kinh tế năm 2020 –	
30.	Bảng 6.1: Thống kê số liệu về tình hình nhập học của người học năm thứ nhất (Giai đoạn 2018 - 2022)	
31.	Bảng 6.2: Số lượng cán bộ phục vụ trong 5 năm gần nhất	
32.	Bảng 7.1. Thống kê số lượng phòng học và thực hành	
33.	Bảng 7.2. Thống kê số lượng máy tính phục vụ đào tạo và nghiên cứu	
34.	Bảng 7.3. Bảng thống kê tổng số máy tính của BM Kế toán kiểm toán, Khoa Vận tải Kinh tế và Khoa Đào tạo Quốc tế	

3. Danh mục hình

STT	Ký hiệu - Tên hình	Ghi chú
1.	Hình 1.1: Cơ cấu tổ chức của trường ĐH GTVT	
2.	Hình 2.2.1 Ma trận tích hợp CĐR (CTĐT năm 2021)	
3.	Hình 6.1: Giao diện Cổng thông tin tuyển sinh của Trường Đại học Giao thông vận tải	
4.	Hình 6.2: Tham gia tư vấn tuyển sinh tại các địa phương năm học 2021	
5.	Hình 6.3. Phần mềm quản lý đào tạo	
6.	Hình 6.4. Chức năng của phòng Công tác CT và SV (Nguồn: utc.edu.vn)	
7.	Hình 6.5. Các hoạt động sinh viên Chương trình KTTH Việt - Anh	
8.	Hình 6.6. Cung cấp thông tin hỗ trợ sinh viên định hướng nghề nghiệp và tham gia tuyển dụng	
9.	Hình 6.7. Cung cấp thông tin giới thiệu tuyển sinh	
10.	Hình 6.8: Hoạt động sinh viên của Chương trình Chất lượng cao KTTH Việt - Anh	
11.	Hình 7.1. Giảng đường A8 và phòng hội thảo 01, Nhà A1	
12.	Hình 7.2. Văn phòng Khoa ĐTQT và Phòng Hội thảo Tầng 4 Nhà A8 cho các Chương trình Chất lượng cao	
13.	Hình 7.3. Trang bị trong các phòng học trong giảng dạy và đào tạo chất lượng cao tại khu giảng đường Nhà A8	
14.	Hình 7.4. Thư viện trường	
15.	Hình 7.5. Wifi được đăng nhập bằng tài khoản SV, GV	
16.	Hình 7.6. Sân bóng đá phục vụ rèn luyện sức khỏe SV, người lao	

STT	Ký hiệu - Tên hình	Ghi chú
	động	
17.	Hình 7.7. Khuôn viên KTX của Trường ĐH GTVT tại Nguyễn Chí Thanh	
18.	Hình 7.8. Hoạt động của sinh viên Chương trình CLC kế toán tổng hợp Việt - Anh giao lưu với Bộ môn	
19.	Hình 7.9. Hoạt động chào mừng ngày truyền thống 20/11	
20.	Hình 7.10. Sinh viên Chương trình CLC KTTH Việt – Anh biểu diễn văn nghệ	

4. Danh mục sơ đồ

ST T	Ký hiệu - Tên bảng	Ghi chú
1	Sơ đồ 2.2.1. Quá trình khảo sát Nhà tuyển dụng và cựu sinh viên	
2	Sơ đồ 2.2.2. Quá trình khảo sát sinh viên	
3	Sơ đồ 2.4.1. Các nội dung đánh giá người học	
4	Sơ đồ 2.4.2. Quy trình đánh giá kết quả học tập	
5	Sơ đồ 2.4.3 Quy trình đánh giá đồ án tốt nghiệp	